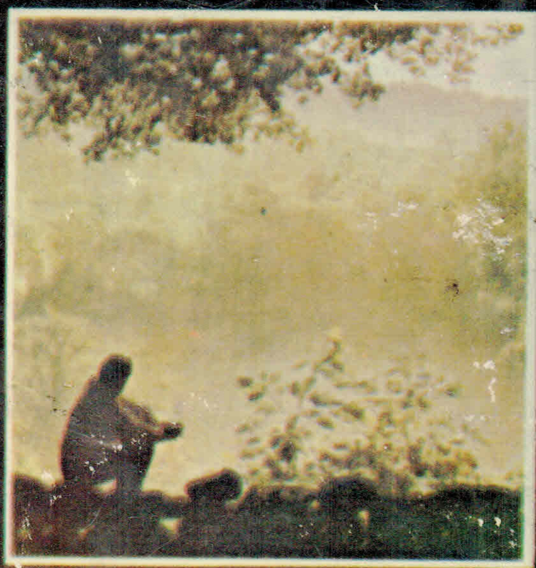
Sheilah Graham

HÌNH ẢNH MỘT NGƯỜI ĐI

bản dịch của

Vũ Hùng



KHAI HOA

HÌNH ẢNH MỘT NGƯỜI ĐI

Sheilah Graham và Gerold Frank

Bản dịch của VŨ HÙNG

HÌNH ẢNH MỘT NGƯỜI ĐI

Beloved Infidel

Khai Hóa

HÌNH ẢNH MỘT NGƯỜI ĐI

truyện dài của Sheilah Graham ● Vũ Hùng dịch

Khai Hóa ấn hành lần thứ nhất ● 1973

Em yêu, nếu một mai anh chết
Đừng hát lời buồn buổi tiễn đưa
Đừng trồng hoa thắm nơi an nghỉ
Đừng cắm hoa tang trước mộ bia
Hãy để cỏ non xanh biếc mọc
Để mặc sương đêm ướt lá mềm
Nghe lời anh, và em hãy nhớ
Nghe lời anh, và em hãy quên

Christina Georgina Rossetti

SHEILAH GRAHAM là một nữ văn sĩ lỗi lạc, nhưng phải nhờ tới sự khuyến khích của GEROLD FRANK bà mới đủ can đảm kể lại sự thật về mối tình đẹp tuyệt vời nhưng cũng đầy cay đắng của bà với nhà văn SCOTT FITZGERALD. Tự bà, bà không dám trải hết nỗi lòng khắc khoải của mình với những tình tiết bí ẩn về đoạn đời đầy sóng gió mà hai người đã sống bên nhau, sự hy sinh của bà thật đáng kể khi bà từ hôn với một nhà quý tộc Anh để theo đuổi một hình bóng vừa cao cả vừa mong manh như chỉ chờ dịp là tan biến...

Anh yêu dấu,

Đã nhiều lần anh bảo em hãy viết về cuộc đời của chúng mình, nhưng mãi bây giờ em mới có dịp để viết. Em vẫn thường tự hỏi có nên viết không ? Kể ra, chuyện chúng mình có nhiều điều đáng nói, nhưng không hiểu sao em vẫn sợ. Từ thuở thơ ấu, em đã gây ra nhiều việc trớ trêu, em đã sống những chuỗi ngày giả dối, làm sao em đủ can đảm để nói hết sự thật đời mình ? Nhưng cứ mỗi lần nhớ đến lời anh, em lại thấy phấn khởi hơn lên. Anh đã ân cần dặn dò em : « Em nhớ viết truyện này, nghe em ! » Và anh mang cho em một cuốn sổ tay, dạy em cách ghi chép tất cả những điều mà em nhớ, để xắp xếp lại thành một truyện có đầu có đuôi. Hồi đó, nếu anh không vĩnh viễn bỏ em để đi sang thế giới bên kia, chắc em đã bắt đầu viết dưới sự dìu dắt của anh. Anh ra đi,

lòng em tan nát, óc đâu em nghĩ đến chuyện cầm bút. Em bỏ đi Luân Đôn, lòng nức nở tự thương thân, rồi lại hy vọng cuộc chiến tại đây sẽ đưa em sang thế giới mông lung mà anh đang sống. Nhưng em không chết, anh ạ. Em tiếp tục sống để rồi lấy chồng có con và hưởng một cuộc đời mới, em đã cố gắng truyền lại cho hai đứa con của em những điều mà anh dạy em ngày trước.

Khi Wendy và Robbie còn nhỏ, thỉnh thoảng em nhớ tới việc viết sách, nhưng lúc đó em chưa sửa soạn xong — vả lại em sợ. Chúng sẽ nghĩ sao về em ? Về chúng mình ? Liệu chúng có thể hiểu tại sao hai người yêu nhau đằm thắm như chúng ta mà lại không thể lấy được nhau hay không ? Chúng sẽ nghĩ thế nào khi biết rằng mẹ chúng không thuộc dòng dõi cao sang quyền quý như chúng vẫn tưởng, những tấm ảnh lộng lẫy mà mẹ chúng chụp từ thời thơ ấu chỉ là giả tạo, và những bức hình ông chú bà bác treo trên tường kia chỉ là sản phẩm để che mắt người đời...

Nhưng phần chính và có ý nghĩa nhất trong truyện của em sẽ là chuyện về anh, và điều này giúp em đánh tan được sự phân vân bất định. Trong suốt những năm qua, em đã đọc về anh rất nhiều trong các sách báo và em thường tự nhủ : « Đây đâu phải là Scott của mình.» Những trang sách báo đó đã đưa ra một Scott Fitzgerald (1) hoàn toàn xa lạ đối với em. Họ đã nhìn anh qua những thư từ hay tác phẩm của anh, hoặc qua những lần tiếp xúc vội vã hời hợt trong những ngày trước khi anh vĩnh viễn ra đi. Khi viết cuốn sách này, em muốn nhắc nhở cho họ, cũng như cho tất cả các người khác, biết rằng tuy trong người Scott Fitzgerald có một con quỷ gớm ghê, nhưng anh đã chiến đấu và đánh ngã nó trước khi anh nằm xuống. Cho đến chết, anh không chịu là một người chiến bại.

Riêng những nỗi lo sợ của em, em cũng đã xua đuổi được chúng đi. Dần dần em tìm cách kể cho hai đứa con của em nghe tất cả sự thật về thân thế của em, nhờ đó chúng biết rất rõ về anh. Chúng hiểu rằng đối với em, anh là một cái gì quý giá vô ngần. Hôm nọ con bé Wendy đọc thấy tên anh, nó hỏi em : « Mẹ ơi, không biết ông ấy có thương con không hả mẹ ?» Em cố giải thích cho nó hiểu tại sao chúng ta yêu nhau mà lại không thể lấy nhau. Em bảo nó : « Mẹ không thể lấy ông được vì ông có một bà vợ quanh năm đau yếu phải nằm dưỡng bệnh và một đứa con gái nhỏ rất dễ thương, làm sao ông đành lòng bỏ họ » Em kể cho nó nghe về mối liên hệ giữa anh và Francis Scott Key (2). Có lần nó hát bản quốc ca «The Star Spangled Banner» và chợt quay ra hỏi em : « Mẹ ơi, kể ra con cũng có một chút liên quan với Ông Scott Fitzgerald, phải không ?» Cả thằng Robbie

(1) Scott Fitzgerald (1890-1940), văn sĩ Hoa Kỳ, tác giả của những tiểu thuyết lừng danh « Tender is The Night» và « This Side of Paradise ».

(2) Francis Scott Key, tác giả của bản quốc ca Hoa Kỳ « The Star Spangled Banner. »

cũng nói một cách hãnh diện : « Con cũng liên quan đến Ông nữa, há mẹ há ?» Em xoa đầu chúng, ôn tồn trả lời : « Phải rồi, cả hai con đều có liên hệ đến ông ta, không nhiều thì ít ». Và em bảo với chúng rằng nếu anh còn sống, chắc hẳn anh sẽ thương chúng nhiều. Rất nhiều.

Ngày nay chúng đã khôn lớn, em biết chúng có thể hiểu được em, em không sợ nữa và em sẽ kể hết sự thật về đời em...

SHEILAH

Nhờ Anh Em Được Nên Người

1.

TÔI SINH RA VỚI CÁI TÊN LILY SHEIL, một cái tên mà đã bao lâu nay làm tôi rùng mình ghê sợ. Trong suốt hai mươi năm liền tôi không hề nhắc tới cái tên đó, cho tới hôm nay tôi mới lại viết nó trên giấy để bắt đầu cho câu chuyện về thời thơ ấu của mình. Không kể những người khác, chính các đứa con của tôi cũng chưa từng biết tên thật của mẹ chúng hồi còn nhỏ. Kể cũng hơi lạ. Nhưng rồi chúng sẽ biết khi chúng đọc cuốn truyện này.

Quãng đời thơ ấu của tôi là một khoảng trống tối tăm, bí ẩn. Cái tên Lily Sheil là một điều bí mật mà đã bao năm qua tôi chôn chặt tận đáy lòng, cũng như lá bùa hộ mệnh của một tay phù thủy : một khi tên đó bị lộ, tất cả những công trình vun đắp bấy lâu sẽ lập tức sụp đổ, hiện tại sẽ tan biến và bóng tối mông lung của quá khứ lại có dịp quay

về phủ kín đời tôi. Sau bao nhiêu dằn do, tôi đã chiến thắng được nội tâm và đem hết những nỗi lòng mình trải lên những trang giấy trắng...

●

Khi tôi được sáu tuổi, dì Mary dẫn tôi đi học. Chúng tôi ngồi ở tầng trên một chiếc xe buýt không mui. Tôi chưa được đi xe buýt bao giờ nên tôi thích thú vô cùng. Dì Mary bảo tôi :

— Cháu được tới đó là may lắm. Họ đối xử với các bé gái như cháu rất tử tế...

Tôi lơ đãng gật đầu vì còn mải nhìn phố phường, kẻ qua người lại. Lúc đó trời đã nhập nhoạng tối, một buổi tối mùa đông Luân Đôn năm 1914. Thành phố đã bắt đầu lên đèn, những tấm biển sáng chói ánh đèn nê-ông đủ màu sắc lúc bật lúc tắt khiến những tòa nhà trước mặt có lúc bừng lên rực rỡ, lúc lại xóa nhòa trong cảnh tranh tối tranh sáng.

Tôi tự nhủ chắc nơi tôi sắp tới sẽ có một chiếc giường dành riêng cho tôi... Đang miên man với ý tưởng này và những giấc mơ nho nhỏ khác thì xe buýt ngừng lại. Một tay nắm chặt con búp bê bằng sáp còn một tay đưa ra để Dì Mary dắt, tôi theo dì bước xuống xe và đi về phía một tòa nhà màu xám. Tới cửa, dì Mary cúi xuống dặn tôi lần cuối :

— Cháu nhớ đừng có cho họ biết là cha cháu chết vì bệnh lao, nếu không họ sẽ đuổi cháu đi. Cháu phải ráng đừng có ho, nghe chưa !

Dì Mary dẫn tôi dọc một hành lang dài hun hút và đưa tôi tới trước mặt một bà cao lớn mặc đồ đen ngồi sau một chiếc bàn lớn. Dì Mary nói với bà :

— Đây là con nhỏ Lily Sheil.

Người đàn bà áo đen nhìn tôi chòng chọc khiến tôi bỗng cảm thấy lạnh toát cả người. Tôi thụt lui nhưng dì Mary nắm tay kéo lại, rồi người đàn bà áo đen ngoắc chúng tôi đi theo bà ta. Một phút sau tôi bỗng cảm thấy mình lạc vào một căn phòng rộng mênh mông lố nhố những bé gái khác trong khi dì Mary biến đâu mất.

Cũng như những đứa khác, tôi cử động như cái máy. Người ta bảo chúng tôi cởi quần áo và chất đống dưới sàn nhà, trong khi một chị lớn tuổi hơn chúng tôi dùng que gắp quần áo và bỏ vào một nồi nước sôi lớn. Tôi đứng nhìn chẳng hiểu gì và cũng không lấy làm xấu hổ. Tôi theo bọn trẻ qua một phòng khác rồi người ta đặt tôi lên ghế, quấn một miếng vải trắng quanh cổ và dùng tông đơ hớt tóc. Lưỡi tông đơ lạnh ngắt chạm vào da đầu, những sợi tóc vàng óng lã chã rơi xuống và chỉ một lát sau đầu tôi trọc lóc. Không hiểu tại sao lúc đó tôi không khóc, nhưng khoảng một tuần sau người ta lại đem tôi ra hớt tóc, lần này tôi đưa tay sờ đầu và khi thấy nhẵn thín như trái dưa tôi đã bật khóc nức nở.

Một chị lớn hơn tôi vài tuổi dẫn tôi lên lầu. Tôi trố mắt nhìn vào một căn phòng dài đầy những bồn rửa mặt bằng men trắng toát. Tôi chưa hề trông thấy những chiếc bồn sáng loáng như thế bao giờ,

thật là tuyệt diệu, tôi chạy tới mở hết cái này đến cái khác có vẻ thú vị lắm, nhưng một giọng nói vang lên :

— Tới đây, bé con !

Và tôi được đưa vào một căn phòng vĩ đại khác đầy những bồn tắm dụng cụ nước nóng tỏa ra mùi xà bông hắc cay xè. Tôi được tắm bằng nước nóng, xát xà bông, kỳ cọ từ đầu đến chân, rồi lau bằng bông đau muốn phát khóc.

Sau khi mặc quần bồng ngắn bằng len, đi vớ đen và khoác một chiếc áo nỉ tay dài, tôi đứng sắp hàng cùng với mấy đứa nữa cũng «ma mới» như tôi, đứa nào đứa nấy đầu trọc như bình vôi. Bọn tôi sắp hàng hai lần theo cầu thang để ra khu sân chơi tráng xi măng.

Không biết từ bao giờ, Dì Mary đứng bên cạnh tôi, lặng ngắm chiếc đầu láng bóng của tôi với vẻ ái ngại pha lẫn thương xót. Dì quỳ xuống hôn tôi :

— Dì về, cháu Lily nhé.

Mắt dì mở rộng và tôi thấy rõ những vành nước mắt chạy quanh mi rồi đọng lại thành giọt lăn dài trên má.

— Cháu được ở đây là may mắn lắm, họ sẽ đối xử với cháu tử tế. Cháu phải nhớ lời dì dặn nghe. Thôi cháu ở lại...

Dì Mary bỏ đi để tôi sống bơ vơ từ ngày ấy đến năm tôi mười bốn tuổi. Trong suốt tám năm dài đăng đẵng tôi đã được nếm đủ mùi vị của cuộc sống trong một viện mồ côi, vì nơi tôi được dì Mary

đưa tới chính là Viện Mồ Côi Đông Luân Đôn.

Quãng đời thơ ấu đi qua đời tôi như một giấc mơ. Tôi sinh ra tại Khu Đông Luân Đôn, một khu nghèo nàn bẩn thỉu. Mẹ tôi làm đầu bếp cho một cơ quan tại địa phương. Tôi chẳng biết cha tôi là ai. Người mất tại Bá Linh khi tôi mới mười một tháng, mất vì bệnh lao. Tôi cũng chẳng biết tại sao người đi Bá Linh, tại sao người không đem mẹ con tôi theo. Khi tôi còn nhỏ, mẹ tôi rất ít khi nhắc tới người. Đến khi tôi đủ trí khôn, tò mò muốn biết, thì hai mẹ con không còn thắm thiết như trước nữa. Chúng tôi thường đối xử với nhau như hai kẻ xa lạ, chẳng có dịp nào tâm sự chuyện trò. Đối với tôi, bà chỉ là một người đàn bà bé nhỏ lúc nào cũng đầu tắt mặt tối với công việc, và có tên là Mẹ. Tôi biết rằng đối với những người con gái khác, danh từ này nói lên một cái gì nhẹ nhàng, ấm áp và nhiệm mầu, nhưng với tôi sao nó xa lạ quá, đến độ bẽ bàng.

Trước khi vào viện mồ côi, tôi và mẹ tôi trọ tại một căn phòng ngầm dưới đất của một bà thợ giặt. Trong phòng có một chiếc giường và một chiếc trường kỷ. Chiếc giường là của bà chủ nhà, còn mẹ con tôi ngày ăn đêm ngủ trên chiếc trường kỷ tuy rộng nhưng phải nằm co ro mới đủ chỗ. Trong phòng lúc nào cũng ngập đầy quần áo dơ, mùi hôi hám pha lẫn mùi xà phòng, thỉnh thoảng lại phảng phất thêm mùi canh khoai tây, thứ canh duy nhất mà chúng tôi ăn cầm hơi quanh năm ngày tháng.

Tôi thường trèo lên một chiếc rương lớn nhòm vào nồi canh, chờ mẹ tôi húp xong mấy muỗng thế nào cũng cho tôi ăn ké. Những mẩu bánh mì chấm nước canh đã nuôi sống chúng tôi.

Khi mẹ tôi đi làm, tôi thơ thẩn trong phòng, chơi với những đống quần áo, lò cò trên những bực cửa, nhẩy dây, hoặc đánh chuyền.

Trong đám mây mờ của tuổi thơ bỗng hằn lên một tia chớp mà tôi còn nhớ mãi. Đó là ngày Dì Mary dẫn tôi tới viện mồ côi. Thực ra Dì chẳng phải là dì ruột tôi, mà chỉ là một người hàng xóm mẹ tôi bắt kêu bằng dì. Hôm đó mẹ tôi bận đi làm không thể đưa tôi đi được nên phải nhờ đến Dì Mary. Mẹ tôi hôn tôi và đưa cho tôi con búp bê bằng sáp mà tôi vẫn chơi hàng ngày, rồi Dì Mary nắm tay tôi và dẫn ra bến xe.

Đêm đầu tiên trong viện mồ côi, tôi như lạc lõng trong một căn phòng ngủ rộng thênh thang, ánh sáng lờ mờ, những hàng giường sắt chạy dài tăm tắp. Sau khi tôi thay quần áo và chui vào chăn, một bà cao lớn bước vào phòng và nói :

— Ta sắp tắt đèn đây. Các con phải giữ đúng kỷ luật, nghe chưa. Từ giờ phút này không được nói chuyện nữa. Tất cả đã biết nhà tiêu ở đâu rồi chứ ?

Chúng tôi đồng thanh trả lời :

— Thưa vâng.

Và đèn phụt tắt.

Nằm thao thức trong bóng tối, nhớ mẹ, và

những hạt nước mắt trào ra ướt gối, tôi cảm thấy bơ vơ, xa lạ. Căn phòng rộng lớn quá, lặng lẽ quá. Đang nằm trên giường mà tôi cứ tưởng mình đang chơi vơi trong khoảng không gian vô tận. Tôi chợt nhớ đến túi kẹo mà Dì Mary đã để lại... Miệng nhai kẹo, tôi thiếp đi lúc nào không biết.

Cũng như tại các viện mồ côi khác ở Anh Quốc, chúng tôi không bị bạc đãi nhưng phải sống trong bầu không khí trang nghiêm và máy móc. Chúng tôi ăn đúng giờ và thực đơn ngày nào cũng như ngày nào : bánh mì phết bơ và nước ca cao, một tuần hai lần chúng tôi được ăn món thịt hầm. Khẩu phần của chúng tôi được chia rất đồng đều và rất khiêm nhượng, ăn chỉ đủ lót dạ dày cho khỏi quỵ xuống, chẳng có lúc nào được no.

Chúng tôi sống bằng tiếng chuông. Tiếng thứ nhất đánh thức lúc sáu giờ rưỡi, tiếng thứ nhì gọi xuống ăn sáng đúng bảy giờ, tiếng thứ ba lúc tám giờ bắt đầu cuộc tạp dịch tập thể : lau sàn nhà, đánh bóng các đồ gỗ, rửa nồi niêu xoong chảo. Những tiếng chuông khác báo hiệu giờ học, giờ cơm trưa, giờ tạm nghỉ... cho đến tiếng chuông cuối cùng báo hiệu giờ tắt đèn mới hết một ngày.

Chúng tôi tự biết mình khác biệt với thiên hạ. Đầu chúng tôi bị cạo trọc một phần là để giữ vệ sinh nhưng mục đích chính vẫn là để ngăn ngừa chúng tôi bỏ trốn. Làm sao chúng tôi có thể đi xa với chiếc đầu không giống ai như vậy ? Chúng tôi là bọn mồ côi sống nhờ tiền bố thí của các nhà hảo tâm. Ngày

ngày chúng tôi phải học để biết yêu Chúa, yêu Vua, yêu Nước và biết ơn ban giám đốc cũng như các vị ân nhân đón chúng tôi về để huấn luyện thành đầy tớ, thư ký đánh máy hay đôi khi bí thư, nếu chúng tôi tỏ ra thông minh đặc biệt. Chúng tôi khác xa những đứa trẻ phía bên ngoài. Một đằng bị giam hãm trong bốn bức tường cao ngất và những cánh cổng nặng nề khóa kỹ, còn một đằng tự do chơi đùa hay đi tung tăng bên cạnh mẹ cha. Chúng tôi thường đứng sau khung cửa sổ có song sắt thẫn thờ nhìn ra ngoài, ước gì được như đám trẻ may mắn kia. Đầu chúng đâu có trọc.

Có một điều làm tôi thắc mắc mãi, *tôi có thuộc về một người nào không ?* Tôi có một người mẹ, vậy tại sao tôi lại ở đây ? Tôi đem chuyện này ra hỏi Jessie Duchard, một con bạn vào trước tôi một năm. Nó là một đứa mũi hỉnh, hai mắt cách xa nhau một cách khác thường và tính tình ẩu tả nhất bọn. Giống trường hợp của tôi, nó cũng không hoàn toàn mồ côi : nó có một người cha. Nó giải thích :

— Bố tao không thích tao vì tao làm vướng chân vướng cẳng ông ấy. Người ngoài cũng chẳng ai ưa tao nên họ bắt tao vào đây. Chắc mày cũng như vậy chứ gì, mẹ mày không ưa mày đâu.

Tôi tin lời Jessie. Đã có lần tôi nghe lóm được câu chuyện giữa mẹ tôi và dì Mary. Dì Mary nói : « Con nhỏ tẻ quá chị nhỉ ». Tôi nín thở để nghe mẹ tôi trả lời, nhưng người chỉ thở dài không nói.

Vậy thì đúng rồi : tôi *tẻ ngắt* và xấu xí, họ không

ưa tôi. Cứ mỗi lần tôi mạo hiểm nhìn vào gương là một lần ruột tôi như thắt lại. Mặt gì mà trắng ởn như người bệnh, người thì như cái que tăm, chẳng có chiều sâu chi hết. Bệnh cảm lạnh trong người tôi dường như không bao giờ buông tha tôi. Mắt tôi luôn luôn đỏ, mũi hắt xì loạn xạ, tai và cổ nổi mụn đỏ thấy gớm. Tôi tự biết mình chẳng có điểm nào lôi cuốn được người khác. Trong những lần ban giám đốc tới thăm, chẳng bao giờ các vị đó xoa đầu tôi như họ vẫn thường xoa đầu các đứa khác.

Ai ưa nổi một đứa con gái như *tôi ?*

Nếu Jessie là người đã giúp tôi khám phá ra rằng chẳng ai ưa tôi, thì cũng chính nó đã dạy tôi cách sống *tự lập*, nghĩa là tự đi tìm lấy những cái mà mình thích.

Vào những ngày thứ bảy mùa hè, các cô giáo thường dẫn chúng tôi ra một công viên nhỏ rồi bỏ mặc chúng tôi chơi đùa ở đó — Các cô còn bận lẻn đi lo những việc riêng tư gì đó. Một hôm, Jessie đợi các cô giáo lần lượt bỏ đi hết mới kéo tôi ra khỏi công viên. Tôi hoảng hồn vì làm như vậy là phạm kỷ luật, nhưng không hiểu sao tôi vẫn bước theo nó bén gót. Hai đứa đi hết một đường hẻm thì tới một rạp chớp bóng, trên biển có hàng chữ WILLIAM S. HART, TAY SÚNG CỪ KHÔI. Jessie nói thầm vào tai tôi :

— Mày hãy làm theo tao.

Chúng tôi đứng cạnh lối ra vào chỗ mua vé để mọi người đi qua đều trông thấy. Mỗi khi có người

bước vào, Jessie lại thở dài sườn sượt như đang có điều gì đau khổ lắm. Tôi bắt chước thở dài theo. Chắc vẻ mặt chúng tôi lúc đó quái dị lắm, quái dị không kém chiếc đầu trọc hoặc chiếc yếm bằng vải chúc bâu mà chúng tôi đang mang trước ngực. Mắt chúng tôi ngước lên nhìn mọi người như cầu khẩn. Hai ba người lướt qua mặt chúng tôi, rồi đến một cặp vợ chồng trung niên lững thững bước vào. Jessie nhìn người vợ rồi lại nhìn phòng vé một cách buồn rầu và buông một tiếng thở dài não ruột. Người vợ có vẻ động lòng trắc ẩn, hỏi :

— Các cháu muốn vào xem chớp bóng hả ?

Jessie nói qua hơi thở :

— Thưa bà vâng, chúng cháu thích William S. Hart lắm.

Tôi không nói nhưng mắt cũng dán vào khuôn mặt người đàn bà, hy vọng bà sẽ gật đầu và cho chúng tôi tiền mua vé. Trong đầu tôi quay cuồng một câu nói như van lơn, như giục giã : *trời ơi, bà cho chúng cháu tiền đi, bà cho chúng cháu tiền đi, bà làm ơn cho chúng cháu tiền đi !*

Người đàn bà mở ví, cúi xuống mỉm cười với chúng tôi :

— Đây, bác cho mỗi cháu một xu. Hãy mua vé vào xem cho vui vẻ nghe.

Chúng tôi mừng như điên, chạy ùa tới quầy vé. Quầy cao quá, phải kiễng chân mới với tới. Một phút sau chúng tôi đã chễm chệ ngồi trong rạp, say mê theo dõi William S. Hart phi ngựa

trên những vùng đất bao la theo nhịp dương cầm phụ họa của một nhạc sĩ ngồi dưới chân sân khấu. Sau đó là những phim vui, cảnh những công viên hoa cỏ tốt tươi, những con đường rợp bóng mát tại Los Angeles, trẻ con ăn mặc sang trọng đang chơi đùa trong những căn phòng cực kỳ lộng lẫy... Thật là chốn thiên đường, chẳng bị ràng buộc bởi những tiếng chuông, tha hồ nhõng nhẽo với bố mẹ. Thấy người nghĩ tủi đến thân.

Tan hát, chúng tôi ra về mà lòng còn tiếc rẻ. Suốt tuần lễ đó hai đứa dài cổ chờ đợi ngày thứ bảy tiếp theo. Rồi ngày thứ bảy lại tới và chúng tôi lại dùng phương pháp cũ kiếm vé vào coi hát. Trên đường từ rạp hát trở về công viên, hai đứa đi ngang qua tiệm bán khoai tây chiên cá, mùi thơm ngào ngạt sao hấp dẫn thế, mới hít một hơi đã muốn ngất người. Khách hàng tấp nập mua những gói nhỏ vừa đi vừa ăn một cách ngon lành. Tôi và Jessie nhìn nhau rồi hai đứa lẳng lặng đến dí mũi vào khung cửa kính hít lấy hít để, thỉnh thoảng đưa mắt nhìn những người qua lại. Màn kịch của chúng tôi không đến nỗi phí công. Một ông to béo đi ngang thấy điệu bộ chúng tôi thì bật cười và ném cho hai đứa một xu :

— Bé con, tiền đây.

Chúng tôi chạy biến vào trong. Trên quầy là những lọ muối và dấm. Một người đàn ông ngực quấn khăn luôn tay xúc khoai và cá cho khách hàng. Đến lượt chúng tôi, ông dùng nửa tờ báo

gấp thành một chiếc túi rồi đổ đầy những miếng khoai tây chiên thơm phức và trao cho chúng tôi. Bằng một dáng điệu rất lành nghề, Jessie rắc muối và thêm một chút dấm cho đậm đà hơn. Sau đó hai đứa rời tiệm, vừa đi vừa nhồm nhoàm thưởng thức mùi vị thần tiên của món ăn lạ miệng.

Nhờ Jessie, tôi không còn khù khờ như hồi mới bước chân vào viện mồ côi. Tôi tự lần mò đi kiếm chác thêm thức ăn vì cơn đói hầu như lúc nào cũng cấu xé dạ dày tôi. Một hôm, đang thơ thẩn dọc theo một hành lang trong viện, tôi tình cờ lạc vào một căn phòng tối om. Sau một hồi lần mò, tôi khám phá ra trong phòng có rất nhiều thùng lớn đựng đầy ca cao, đường và bột mì. Một ý tưởng chợt loé lên trong đầu tôi : đường và ca cao nhai lẫn với nhau sẽ ngon không kém những thỏi sô cô la mà tôi vẫn hằng ao ước. Tôi vội bốc đường và ca cao nhét đầy vào hai ống quần cụt — cũng may gấu quần có dây thun rất chắc bó chặt vào hai đùi nên đường và ca cao không rớt ra ngoài.

Sau giờ tắt đèn tối hôm đó, tôi và Jessie ngồi trong phòng ngủ thưởng thức món sô cô la đặc biệt, nhai nhai, nuốt nuốt, cho đến khi cổ hai đứa đều khô ran, hết nói nổi.

Trong lớp học, tôi là một học sinh xuất sắc. Có lần tôi được thưởng sáu xu vì thuộc lòng một bài thơ dài. Năm mười hai tuổi, tôi đứng đầu trong lớp. Bài luận văn *Tại Sao Người Anh Đánh Bại Bọn Đức* của tôi được đọc cho cả trường nghe.

Ngoài việc học, tôi rất hăng hái tham dự các cuộc đấu trí cũng như đấu sức. Mỗi lần thắng là một lần tràn trề vui sướng. Một hôm cô giáo Walton nói với tôi :

— Lily, đối với con thì hoặc chết hoặc thắng cho bằng được, có phải vậy không ?

Cô nói đúng. Mỗi khi thất bại tôi đều khóc sướt mướt. Tôi không chịu thua bất cứ ai : bị mắng tôi cự lại liền, bị đánh tôi đánh trả ngay, ai cũng thế mà thôi. Có lần tôi bị gọi lên văn phòng để trả lời về vụ dám đánh lại cô giáo. Tôi không biết giải thích ra sao, hành động đó hoàn toàn do phản xạ tự nhiên. Trong những năm kế tiếp, bất cứ đứa nào thách thức, tôi cũng đều nhận lời và chiến đấu rất hăng say như thể người ta chiến đấu để tranh dành sự sống.

Đời sống buồn tẻ trong viện lâu lâu lại xen kẽ những ngày đặc biệt. Mỗi năm cứ vào dịp Giáng Sinh là một lần được đi xem múa rối. Ba tháng một lần lại đến kỳ viện mở cửa mấy ngày cho người ngoài vào thăm. Thỉnh thoảng mẹ tôi đến thăm tôi. Tôi cảm thấy bà hoàn toàn xa lạ, tuy đôi tay bà ấm áp và bà hôn tôi một cách thiết tha. Bà thường đem cho tôi một túi bánh bích quy đã vỡ vụn, thứ bánh rẻ tiền thường bán cho con nít, và tôi vừa nuốt chửng vừa nghe bà hỏi han này nọ. Những lần gặp mặt là những lần bẽ bàng, chẳng có gì thú vị — trừ túi bánh tuy đã vỡ nhưng vẫn còn hấp dẫn lắm. Bà thường hỏi tôi :

— Sao, con khỏe chứ ? Có ho không ? Có gây rắc rối gì trong trường không ?

Câu trả lời chỉ là những cái lắc hoặc gật đầu vì miệng tôi còn bận nhồm nhoàn. Bà nhìn tôi chọng chọc khiến tôi phát ngượng. Có lúc tôi ước ao bà ở lại chơi với tôi thật lâu, có lúc tôi mong cho bà về sớm để tôi tiện ngốn nốt túi bánh bích quy.

Có lần Jessie chạy như bay đến tìm tôi. Bố nó tới thăm và nó muốn đưa tôi đi gặp ông ta. Tôi rất sợ vì hồi còn ở nhà tôi đã có dịp trông thấy những người say rượu dáng điệu hung hăng miệng nói lảm nhảm đi ngoài phố. Theo lời Jessie thì bố nó thuộc vào loại say rượu kinh niên, quanh năm chỉ uống và ngủ, chẳng bao giờ đủ tỉnh táo để vào viện thăm con. Thấy bộ điệu hớn hở của Jessie tôi không nỡ từ chối, và đến khi tôi gặp bố nó thì sự thực trái lại. Ông là một người bé nhỏ, nhã nhặn, với bộ ria cá chốt và giọng nói ôn tồn :

— Jessie, con thật may mắn mới được đưa vào một nơi bảnh như thế này !

Jessie tưởng chừng bay bổng lên không. Từ giờ trở đi, nó có thể hãnh diện với bạn bè trong viện *vì thực sự nó có một người cha.*

Nhưng giờ phút hồi hộp nhất là lúc chờ đợi cuộc viếng thăm thường xuyên của ban giám đốc. Từ nhiều ngày trước, chúng tôi rộn rịp trang hoàng phòng ốc, đánh bóng các đồ đồng, chà láng sàn nhà, lau sạch các kẽ tường v.v... Xong xuôi, chúng tôi lên tầng trên dí mũi vào những khung cửa kính

nhìn xuống đường chờ đợi. Rồi một chiếc xe hơi vĩ đại sơn đen bóng loáng tiến tới cửa viện. Bác tài xế trịnh trọng mở cửa để các vị trong ban giám đốc bước xuống.

Trừ trong ciné, tôi chưa thấy ai ăn mặc bảnh như họ. Tim tôi đập mạnh. Cũng như những năm trước tôi đang hồi hộp chờ đợi một người, hay nói đúng hơn một cô bé trạc tuổi tôi, con gái của ông giám đốc. Cô bé khoan thai bước xuống xe như một nàng tiên xuất hiện trong truyện cổ tích. Những lọn tóc vàng óng ả buông hờ trên vai, quần áo trắng toát, vành nón có thắt nơ, giầy trắng, găng tay trắng, đúng là một nàng tiên nhỏ. Bước chân cô như nước chảy, lướt nhẹ như trong một giấc mơ. Nhưng đáng kể nhất là nước da trắng hồng, và đôi tay mũm mĩm nhìn vào là thấy ngay sự chăm sóc kỹ lưỡng của cha mẹ.

Nhìn cô gái mà tôi lại tự thương mình. Tay nhám nhúa ửng đỏ và đầy vết nứt nẻ, đầu trọc lóc mũi đỏ sọng vì bịnh hắt hơi, đôi vớ đen bằng vải thô ngứa ngáy phủ kín đôi chân que củi; đôi giày đen to tướng nặng nề, chiếc quần ngắn cũn cỡn sặc mùi ca cao. Trời ơi, cô gái con ông giám đốc ! Thật là tuyệt diệu ! Không hiểu cô đã tu từ mấy kiếp trước để có ngày nay. Tôi không ghen với cô : làm sao có thể ghen với một người cách xa mình một trời một vực. Có người thường dân nào ghen với một công chúa bao giờ đâu. Cô là tượng trưng cho tất cả những gì cao đẹp nhất của đời sống bên

ngoài. Tôi buồn rầu với những ý tưởng mơ hồ, ao ước viển vông.

Đã có lúc tôi dám mơ rằng ngày sau tôi cũng sẽ được như cô gái ấy, dường như tôi tự hứa với mình như vậy. Trong một lúc tôi quên hẳn tình cảnh của mình, tự thâu ngắn khoảng cách giữa thế giới của tôi và thế giới bên ngoài, khoảng cách giữa một đứa bé trong viện mồ côi và con gái ông giám đốc.

2.

NĂM MƯƠI BỐN TUỔI, TÔI RỜI VIỆN MỒ côi. Thật bất ngờ. Mẹ tôi viết thư kêu tôi về vì tôi đã đủ mười bốn tuổi và bà có quyền lãnh ra. Khi báo cho tôi biết tin này, cô Mead lắc đầu bảo tôi :

— Ta thường hy vọng rằng con sẽ được học bổng để theo học khóa tốc ký, nhưng giờ đây con phải ra đi. Con rất thông minh, Lily ạ. Con xứng đáng được hưởng nhiều may mắn hơn. Hy vọng rằng sau này con sẽ có dịp học hỏi thêm để bù vào sự gián đoạn ngày hôm nay.

Khi rời văn phòng, tay chân tôi lạnh ngắt. Được học bổng theo học khóa tốc ký là một điều mà tất cả bọn tôi đều mơ ước, nhưng tôi không cần. Lòng tôi lâng lâng vì xúc động : thế là lại được trở về thế giới bên ngoài.

Suốt tuần lễ kế tiếp tôi lo sửa sang bộ quần áo

«cô dâu» — một bộ quần áo tươm tất mà viện tặng các trẻ em trước khi ra đi — rồi ngày mong đợi đã tới. Tôi chào tạm biệt Jessie, cô Walton, cô Mead, và bước ra khỏi chiếc cổng cao vời vợi. Thật là thần tiên được xúng xính trong bộ quần áo mới, tóc dài gần chấm vai vì hai năm sau cùng được phép để tóc, đầu đội mũ, chiếc mũ đầu tiên trong đời màu xanh nước biển có thắt nơ lòa xòa xuống lưng, tay xách một chiếc va li nhỏ đựng những thứ lặt vặt và vài bộ quần áo kể cả những chiếc quần cụt màu xám, vài đôi vớ đen và hai chiếc áo ngủ cổ cao bằng vải chúc bâu.

Tôi tìm đường tới địa chỉ mà mẹ tôi viết trong thư. Lần đầu tiên tôi đi xe buýt một mình, cũng ngồi ở tầng trên cùng như khi đi với Dì Mary, trong lòng rộn ràng hy vọng, vẫn với ý tưởng hoặc thành công hoặc chết. Gió thổi vù vù làm mặt tôi bớt nóng, chiếc nơ trên mũ bay phần phật, tôi phải đưa một tay lên giữ cho mũ khỏi bay xuống đường.

Căn gác mà mẹ tôi mướn thụt vào phía sau một dãy phòng màu xám khác cùng kiểu. Chật chội, tối tăm, với một phòng khách nhỏ bằng lỗ mũi vừa đủ chỗ để kê một trường kỷ và một ghế dựa, phòng ngủ và bếp còn nhỏ hơn nữa, nhưng không hiểu sao tôi vẫn thích hơn, căn phòng rộng mênh mông trong viện mồ côi. Không khí ở đây ấm cúng hơn, bốn bức tường như có sức che chở mãnh liệt hơn. Mẹ tôi đang trong thời kỳ dưỡng sức sau một cuộc giải phẫu. Trông bà xanh

hơn hồi trước nhiều, nhưng khi bà ôm tôi hơi ấm vẫn truyền sang dào dạt, và tôi nhớ mãi... Mấy tháng liền hai mẹ con cố tìm hiểu nhau hơn nhưng thật là khó. Những năm dài xa cách dường như kéo nhau về để kết lại thành một đám mây đen che khuất tình mẫu tử khiến mẹ con tôi tuy ở gần nhau mà chẳng một chút cảm thông. Tôi biết chắc mẹ tôi rất thương tôi nhưng sao tôi vẫn thấy bẽ bàng.

Niềm vui mới của tôi là được kết bạn với Mildred Bannock một chị thợ may sống ở gần đó. Chị có dáng người mập mạp, tóc nâu mầu đất và chân đi khập khiễng, nhưng lại rất mê khiêu vũ. Chị dạy tôi nhảy và tôi cũng đâm ra mê tít. Thật là hoạt động, thật là hứng khởi, khiêu vũ cũng cần như ăn! Hai đứa vừa quay tròn hoặc lắc lư vừa hát khe khẽ những bản nhạc phổ thông như *Head Over Heels, Little Nelly Kelly*. Ở nhà, tôi vừa làm công việc nhà vừa nhún nhẩy theo nhịp Fox. Tôi thường cúi đầu rất trịnh trọng trước cây chổi rồi vớ lấy nó chân bước theo nhịp tay quét lia lịa từ trên nhà xuống bếp. Nhờ khiêu vũ, nỗi cực nhọc cũng vơi đi quá nửa.

Một hôm tôi tới thăm Mildred tại tiệm may, bà chủ tiệm — chị ruột của Mildred — mời hai đứa ở lại dùng cơm trưa với bà. Hai đứa nhảy chân sáo theo bà tới tiệm ăn ở góc đường. Chúng tôi chọn một bàn nhỏ, vừa ngồi xuống thì một chị bồi bàn bước tới. Với vẻ thành thạo, Mildred nói :

— Cho tôi cóc-ở-trong-hang.

Tôi ngồi yên, đưa mắt nhìn quanh phòng, tự hỏi cóc ở trong hang là cái gì nhỉ ? Tôi chợt nhận ra sự yên lặng, chị bồi bàn cầm bút chì và giấy đứng nhìn tôi với vẻ sốt ruột, hai chị em Mildred cũng có vẻ chờ đợi. Chị bồi hơi khó chịu :

— Còn cô, dùng gì ?

Tôi ấp úng mãi không thốt nên lời. Từ trước đến giờ có ai hỏi tôi muốn ăn thứ gì bao giờ đâu. Vừa bối rối vừa tuyệt vọng, cuối cùng tôi bật ra được một câu :

— Giống như chị này.

Và tôi đưa tay chỉ Mildred, cố ý đánh rơi chiếc ví và cúi xuống nhặt để che dấu bộ mặt đỏ tía vì sượng sùng. Liệu họ có biết đây là lần đầu tiên tôi đi ăn tiệm hay không ? Nhưng rồi mọi chuyện đều qua, chị em Mildred nói nói, cười cười, chẳng để ý gì đến tôi. Khi thức ăn được đem ra, tôi mới biết cóc-ở-trong-hang là món xúc xích bao bột. Tất cả ngừng nói để thưởng thức đĩa đồ ăn còn nóng hổi.

Sau bữa ăn, mỗi người nhâm nhi một tách trà. Mildred kể cho tôi nghe về những cuộc khiêu vũ tối thứ bảy tại Quán Lều Tranh. Mildred quen tất cả đám con trai tại đó. Chị hứa sẽ dẫn tôi đi vào thứ bảy tới vì dạo này tôi nhảy đã khá lắm. Mỗi buổi chỉ tốn có sáu xu.

Tôi vừa đề cập đến cuộc khiêu vũ, mẹ tôi đã gạt ngang :

— Lily, mẹ không muốn con tới những chỗ đó, toàn bọn đàn ông đều cáng.

Tôi hiểu bà muốn nói gì. Mấy hôm trước chính tôi đã đưa bà xem một bài báo trong tờ *Tin Tức Thế Giới* kể lại một vụ bắt cóc, ba cô gái Anh bị một tổ chức buôn nô lệ da trắng tại Nam Mỹ đem đi mất. Chuyện này có thực hay không ?

Mẹ tôi quả quyết là có và dọa tôi thêm rằng dạo này tôi đã lớn, lại đẹp hẳn ra, chắc chắn bọn đàn ông sẽ không để tôi yên. Tôi giật mình. Đẹp ? Bà muốn nói gì ? Tôi không tin. Nhưng bà giải thích tiếp, bọn đàn ông có thể lợi dụng tôi đến mức tối đa nhưng không khi nào muốn lấy tôi. Họ có thể dùng một thứ thuốc làm tôi mê đi, không còn biết phân biệt phải trái, sẵn sàng làm nô lệ cho họ, theo họ đi bất cứ nơi nào. Lời bà nói làm tôi vừa ghê sợ vừa thích thú. Không hiểu làm nô lệ cho một người đàn ông sẽ như thế nào nhỉ ? Tôi hỏi lại Mildred và chị cũng đồng ý với mẹ tôi. Chị còn cho biết thêm rằng bất cứ người đàn ông nào cũng biết vợ mình đã qua tay người nào khác hay chưa. *Chắc chắn họ biết*. Cuối cùng, hai đứa tự nguyện với lòng rằng sẽ chống lại mọi cám dỗ để giữ tấm thân được trong trắng cho đến khi về nhà chồng.

Về đến nhà, tôi vẫn phản đối mẹ :

— Mẹ ơi, chị Mildred vẫn đi khiêu vũ hoài có sao đâu. Nếu toàn bọn đàn ông đều cáng sao chị ấy lại đi. Chị ấy là một người rất ngoan mà.

Sau một hồi đấu khẩu kịch liệt, mẹ tôi đồng ý

để tôi đi với điều kiện phải mời Mildred về nhà để bà phán xét hành vi của chị. Mildred tới, bà nhìn thoáng qua và đưa ngay sáu xu cho tôi đi khiêu vũ. Mildred chẳng có vẻ gì ăn chơi, có thể tin tưởng được.

Tối thứ bảy, hai đứa đi Quán Lều Tranh. Vừa đặt chân vào quán, tôi đứng khựng lại, ngỡ ngàng. Tiếng nhạc nhịp nhàng làm máu tôi chạy nhanh, chân tôi ngứa ngáy. Mildred đưa tay chào các bạn rồi kéo tôi vào hẳn phía trong. Ba mặt tường kê những hàng ghế dài dành riêng cho phái nữ. Bọn con trai đi lăng xăng trong phòng dường như để chọn bồ. Mildred chỉ một chiếc ghế và bảo tôi :

— Ngồi đây nghe.

Rồi chị đi khập khiễng sang hàng ghế đối diện. Tôi đưa mắt nhìn quanh một lượt, quay lại đã thấy Mildred đang khiêu vũ với vẻ mặt sáng rỡ.

Tôi ngồi nghiêm trang trên ghế, không dám ngước mắt nhìn lên sợ bắt gặp đôi mắt của một gã thanh niên nào đó. Mặt tôi bắt đầu nóng bừng. Tôi chưa hề quen người con trai nào, nếu họ đến hỏi chuyện, biết trả lời thế nào bây giờ. Trong viện mồ côi cũng có khu dành riêng cho con trai, nhưng ở một tòa nhà khác, hoàn toàn biệt lập với chúng tôi. Đã có một dạo tôi buông thả tâm hồn lãng mạn của mình theo một gã thiếu niên trong viện, nhưng chung quy chúng tôi vẫn chưa nói chuyện với nhau lần nào. Mỗi chủ nhật, tất cả trai gái tụ tập tại nhà nguyện để đọc kinh. Mỗi lần tôi đưa

mắt nhìn vào tấm gương trên đầu vị nhạc sĩ chơi đại phong cầm là một lần tôi bắt gặp đôi mắt gã chăm chú nhìn tôi. Những lần đó mặt tôi cũng nóng bừng và vội quay đi chỗ khác. Thỉnh thoảng trong giờ sắp hàng ra về, gã ném về phía tôi những cái nhìn táo bạo nhưng tôi không dám nhìn trả. Tôi dò biết tên gã là Albert. Ban đêm, tôi thường tưởng tượng khoảng trần nhà phía trên giường tôi là một tấm gương thần phản chiếu hình bóng tôi đến phòng Albert ở tận dãy nhà bên kia. Gã sẽ trông thấy tôi, không phải một con bé gầy gò với đôi chân ống sậy, mà là một thiếu nữ đẹp và hấp dẫn chết người. Gã sẽ há hốc miệng ngắm tôi, đâu ngờ rằng tôi đang cười thầm bộ mặt ngờ nghệch của gã. Tôi trở mình, uốn éo tấm thân mềm mại và nhẹ nhàng vung tay giống hệt cử chỉ của các nàng tiên dưới thủy cung mà tôi đã thấy trên màn ảnh. Miệng gã càng ngày càng há rộng thêm, không ngậm lại được nữa. Tôi mỉm cười, hứa hẹn với gã những tuyệt thú thần tiên, mặc dầu tôi chưa hiểu những *tuyệt thú* đó sẽ gồm những gì. Ở đời, khoái nhất là được người ta tôn thờ, người ta cầu cạnh...

Đang miên man với giấc mộng tuyệt vời thì một bóng người dừng lại trước mặt. Ngước mắt nhìn lên, một gã thanh niên khoảng mười bảy tuổi, dong dỏng cao, tóc đỏ chải bóng mượt, đang chăm chú nhìn tôi, mặt gã tựa như cười mà không phải cười. Gã hỏi cộc lốc :

— Nhảy ?

Tôi đứng bật dậy, vừa hồi hộp vừa thích thú ngất người. Rồi hai đứa nhảy, hết bản này sang bản khác. Chưa bao giờ tôi được hưởng cảm giác lâng lâng trong tay một người đàn ông. Gã ghì rất chặt, nhưng những bước đi lại nhẹ nhàng như ru tôi vào mộng. Tóc gã tỏa ra mùi thơm vừa ngọt ngào, vừa ấm áp lại vừa *quen thuộc*, tôi chợt nghĩ tới mùi dầu mà chúng tôi vẫn thường dùng để đánh bóng cửa sổ khi còn ở trong viện mồ côi. Gã lơ đãng hỏi tôi :

— Tên cô là gì ?

Tôi lí nhí trả lời, rồi hỏi lại :

— Còn anh ?

— Gọi tôi là Tóc Đỏ. Ở đây người ta quen gọi tôi như vậy.

Vẻ kẻ cả, tự tin của gã làm tôi cảm thấy mình yếu đuối. Đang nhảy, gã ngừng lại, nắm tay tôi và kéo ra phía ngoài :

— Chúng mình ra ngoài vườn.

Như vậy đâu phải là mời mà là ra lệnh. Gã dẫn tôi theo một lối đi sáng lờ mờ tới một vòm cây có kê hai chiếc ghế dài. Chỗ này hoàn toàn khuất xa ánh sáng. Tim tôi đập loạn. Gã dẫn tôi ra đây để hôn tôi chăng ? Vừa ngồi xuống, Tóc Đỏ đã đưa hai tay ôm hôn tôi ngay.

Tôi để mặc gã hôn tôi chùn chụt. Người tôi nhũn ra, hoàn toàn thụ động. Theo tôi, hôn hít là việc làm của con trai, vậy để mặc gã. Vài phút sau, gã buông tôi ra, thản nhiên :

— Chúng ta vào nhảy tiếp.

Và chúng tôi trở lại sàn nhảy.

Kể từ hôm đó, nhảy trở nên một nhu cầu cần thiết trong cuộc sống hàng ngày. Đối với người ta ăn để mà sống, nhưng đối với tôi sống để mà nhảy. Tóc Đỏ là ông vua trên sàn nhảy. Bọn con gái tại Quán Lều Tranh đều khoái được nhảy với gã. Gã đi tới đâu, bọn này cũng đổ xô theo, hy vọng được gã chọn. Bộ điệu khinh khỉnh của gã càng làm cho các nàng điên lên. Mỗi tối thứ bảy tôi đều đi Quán Lều Tranh và Tóc Đỏ luôn luôn cặp với tôi. Hai đứa rất ít chuyện trò. Lâu lâu gã lại ra lệnh *chúng mình ra ngoài vườn* và tôi ngoan ngoãn vâng lời. Dưới vòm cây tối tăm, gã hôn tôi với bộ điệu của một người đang ban ơn cho kẻ khác. Chính tôi, tôi cũng coi đó là một ân huệ. Tôi rất khiêm nhượng, đâu dám sánh với gã. Nhiều lần tôi tự hỏi không hiểu tại sao một người hào hoa như gã lại đi phí thì giờ với một đứa con gái vụng về, *tẻ ngắt* như tôi.

Mỗi lần Tóc Đỏ hôn tôi là một lần tôi chới với, tưởng chừng sắp bay bổng lên không. Trong vài giây đồng hồ ngắn ngủi đó, tôi bỗng quên hết những việc rửa chén quét nhà hàng ngày để buông lung trí tưởng tượng theo câu hỏi *chuyện gì sẽ xảy ra tiếp theo* và *sau này sẽ có người nào lấy tôi không ?...*

Mỗi lần đi nhảy về là một lần hai mẹ con cãi nhau. Hố sâu chia rẽ càng ngày càng khơi rộng thêm ra. Bà khăng khăng một mực nhảy nhót sẽ

làm hư người, còn tôi cả quyết khiêu vũ là một nghệ thuật cần thiết cho đời sống. Bà ghép tội Mildred rủ rê tôi vào vòng ăn chơi, còn tôi cam đoan chị là một người bạn tốt. Hai người đưa nhau vào ngõ cụt, không lối thoát.

Khi mẹ tôi bình phục hẳn và tiếp tục đi làm, tôi hết chịu nổi cảnh thui thủi ở nhà, một mình suốt ngày vùi đầu vào việc chợ búa, bếp núc, lau chùi, giặt giũ... ôi thôi, một trăm thứ việc. Tại sao bà lại bắt tôi từ bỏ một học bổng quý giá để về đây làm mấy công việc tầm thường này ? Đáng lẽ tôi có thể trở nên một thư ký đánh máy và biết đâu tôi có thể trở thành thư ký riêng của một nhân vật nào đó.

Sự hậm hực nung nấu lòng tôi cho đến một hôm mẹ tôi sai tôi lau chùi bếp. Tôi bật khóc :

— Con không lau. Chẳng bao giờ mẹ muốn để con hưởng một chút vui vẻ. Con biết mẹ mang con về đây là để làm việc. Thà con ở trong viện mồ côi còn sướng hơn !

Câu nói thật là tàn nhẫn. Tự ái bị chạm mạnh, mẹ tôi giơ tay sấn tới đánh tôi. Tôi gạt tay bà và đánh lại túi bụi, tương tự như lần tôi đánh lại cô giáo trong viện mồ côi. Bỗng tim tôi đau nhói khi cảm thấy mu bàn tay mình đập mạnh vào gò má bà. Tôi không ngờ khuôn mặt bà lại mềm mại như vậy.

Mẹ tôi thụt lui, ôm mặt khóc. Tôi bàng hoàng chạy lại ôm lấy bà, giọng tôi lạc hẳn đi :

— Mẹ, con lỡ tay, con xin lỗi mẹ...

Bà hất tay tôi ra và nói qua nước mắt :

— Bước đi. Để tao yên. Đi kiếm việc mà làm, tao không cần đến mày đâu !

Tôi trở lại viện mồ côi, kể cho cô Walton nghe về vụ gây gổ giữa hai mẹ con, và nhờ cô kiếm dùm một việc làm. Vừa may lúc đó có một chân sai vặt tại Brighton cách Luân Đôn năm mươi dặm, chủ nhà bao ăn ở, lương tháng ba mươi shilling, tương đương với bảy Mỹ kim.

Tuy không thích việc nội trợ, nhưng tôi nhận việc này vì muốn được tự do, sống bằng tiền do chính mình kiếm ra và không còn bị mẹ hay cô giáo sai phái nọ kia nữa. Tôi còn có thể chứng tỏ sự tự do của mình bằng cách gửi về cho mẹ mỗi tháng dăm shilling, cũng là một cách chuộc lại lỗi lầm cho lương tâm bớt cắn rứt.

Brighton là một vùng bờ biển nghỉ mát có tiếng. Tôi tìm đến địa chỉ nơi làm việc : đó là một tòa nhà đồ sộ năm tầng, cửa sắt có khoen đồng sáng chói. Bước chân lên bậc thềm, rụt rè đưa tay gõ cửa. Cánh cửa mở hé và một người đàn bà trung niên mập lù nhòm ra :

— Gì vậy ?

Tôi trả lời một cách lễ phép :

— Cháu đến giúp việc.

Người đàn bà mở cửa để tôi vào và nói :

— Đi lối này.

Bước nhẹ trên những tấm thảm êm ái, tôi theo bà băng qua một phòng khách rộng mênh mông, leo

những bậc thang nối tiếp nhau tưởng không bao giờ dứt, và lên tới một phòng nhỏ trên lầu tư. Lúc này, bà mới nhìn tôi từ đầu tới chân, dò xét :

— Bao nhiêu tuổi ?

— Thưa bà, gần mười sáu.

— Khỏe không ?

— Thưa bà, cháu rất khỏe.

— Quen việc nhà chứ ?

— Cháu đã làm nhiều ở nhà và ở viện mồ côi.

— Tốt lắm, tối nay chưa có việc gì, cháu có thể xuống bếp ăn cơm. Sáng mai bắt đầu làm việc ta sẽ cho cháu mấy bộ đồng phục và mũ lưỡi trai.

Trước đây tôi không hề nghĩ đến việc sẽ phải đội mũ như một chị bồi chuyên nghiệp mà tôi thường thấy trên màn ảnh. Chiếc mũ đó là biểu hiệu của giai cấp tôi tớ. Tôi không thích mình bị liệt vào giai cấp này :

— Thưa bà, cháu không muốn đội mũ.

Bà ta trợn tròn mắt nhìn tôi :

— Hả ? Con bé này, mày nói gì vậy ? Tại sao mày không muốn đội mũ ?

— Vì cháu không thích, có vậy thôi.

Tôi bằng lòng làm bất cứ công việc gì và sẽ làm rất chăm, nhưng đừng bắt tôi đội mũ, Tôi biết một khi đã đội chiếc mũ đó vào là suốt đời không bao giờ bỏ nó ra được nữa. Bà ta có vẻ khó chịu :

— Chưa thấy đứa nào gàn như mày. Nếu muốn ở lại đây thì phải đội mũ như các chị bồi khác, nghe chưa ?

Mắt nhìn sàn nhà, tôi nói một cách khổ sở :

— Thưa bà, cháu không thể...

Tôi bỏ lửng câu nói, tự nhủ thầm *nếu bà khăng khăng bắt tôi đội mũ, tôi sẽ không làm nữa. Tôi sẽ quay về nhà và làm lành với mẹ.*

— Con nhỏ này khó chịu quá. Chắc tao phải gửi mày trả lại viện mồ côi.

Tôi đứng yên. Sau một phút suy nghĩ, bà nói tiếp :

— Thôi được rồi, mày tạm ở lại đây, không cần đội mũ, nhưng phải mặc đồng phục xanh để lau nhà và áo đen có yếm trắng để dọn cơm.

Thấy tôi đứng yên, bà hỏi móc :

— Sao, đeo yếm được chứ ?

Tôi trả lời ngay :

— Thưa bà vâng.

— Tốt.

Và bà dẫn tôi xuống một căn phòng tối tăm ngầm dưới đất. Trong phòng có một chiếc bàn tròn, một chiếc ghế xích đu bằng mây và một chiếc đèn nhỏ.

— Mày sẽ ngủ trên lầu năm, còn đây là phòng trực ban ngày. Mỗi buổi sáng, sau khi đã xuống đây là không được quay lên lầu nữa. Tao không muốn thấy bọn đầy tớ chạy lên lầu xuống lầu suốt ngày.

Bà phác họa những công việc tôi phải làm. Mỗi sáng, trước giờ điểm tâm, tôi phải tưới cây,

lau sàn nhà tầng dưới cùng, lau bậc cửa và đánh bóng các đồ đồng. Ngoài ra, nhiệm vụ chính của tôi là dọn ăn sáng, trưa và tối, kiêm luôn việc rửa chén. Riêng tôi, tôi sẽ ăn dưới bếp không được tiếp bất cứ ai tới thăm, ra vào nhà bằng lối cửa hông, được nghỉ chiều thứ năm từ lúc rửa xong chén bữa trưa tới mười giờ tối.

Vừa nghe bà dặn, tôi vừa đưa mắt nhìn quanh khắp phòng. Sát trên trần có một khuôn cửa sổ hẹp để nhận ánh sáng vào phòng. Cửa sổ thấp hơn lề đường nên tôi thấy rõ các bàn chân của khách bộ hành đang vội vã ngược suôi. Vừa lúc đó một chú chó nhỏ ngừng lại dơ chân tưới lên song cửa một tia nước nóng. Nhìn theo ánh mắt tôi ra phía cửa sổ, bà chủ thản nhiên nói tiếp :

— Và mỗi ngày đều phải lau rửa chấn song sắt chiếc cửa sổ kia cẩn thận. Bây giờ mày có thể xuống bếp ăn cơm được rồi.

Trong những lúc rảnh rỗi, tôi thường ngồi trong phòng trực, nhìn lên khung cửa sổ theo dõi bước đi của những người qua lại : những đôi guốc cao gót, những đôi giày thấp gót, thỉnh thoảng một chiếc ba toong của người già. Họ đi đâu mà có vẻ nhộn nhịp thế. Hình như tất cả mọi người — trừ tôi — đều có một nơi để đi. Mỗi khi những chú chó lảng vảng gần cửa sổ, tôi phải la lớn đuổi chúng đi ngay để khỏi phải mất công rửa chấn song. Có lúc tôi đọc báo. Tôi tìm thấy một chồng báo cũ trong đó có đăng truyện về một ông

trại chủ giàu có và một người con trai đẹp như hoàng tử. Một anh cai thợ tìm cách mê hoặc cô đầy tớ xinh đẹp trong nhà, nhưng cuối cùng cô được con ông chủ cứu thoát và cưới làm vợ. Hoặc truyện về những nàng con gái sau khi tốt nghiệp các trường đào tạo nữ quý phái tại Pháp đều lấy được chồng giàu sang hoặc các quan to trong triều. Tôi rất thích loại truyện này.

Ba giờ trưa thứ năm. Ngày nghỉ đầu tiên của tôi. Tôi thả bộ ngoài phố với bộ cánh mồi : mũ đen, áo trắng, váy xanh và áo khoát xanh. Tóc thắt bím buông thỏng sau lưng. Tôi chọn một ghế dài quay ra đường và ngồi xuống, bắt đầu mơ mộng. Tôi phải làm gì để tận hưởng bảy tiếng đồng hồ quý báu này ? Trước hết, tìm một món gì hấp dẫn để trả thù cho dạ dày. Một miếng sườn nướng và một ly sữa nóng mất khoảng một shilling. Sau đó xem chớp bóng mất khoảng sáu xu... Tôi vừa lẩm bẩm vừa thò tay vào túi đếm lại tiền. May quá, đủ tiền. Đã đến lúc tôi phải sống cho tôi để bù lại những lúc đầu tắt mặt tối vật lộn với công việc. Giữa sa mạc nóng chảy, ít ra cũng phải có một ốc đảo xanh tươi.

Một gã đàn ông lững thững đi về phía tôi, đưa mắt nhìn tôi với nhiều ngụ ý. Tôi quay mặt sang hướng khác chờ cho gã đi qua, trong lòng vừa hồi hộp vừa sợ hãi. Giả thử gã hỏi chuyện tôi, rồi bắt cóc tôi ? Một buổi sáng, tôi thức dậy thấy mình ở Nam Mỹ, đã biến thành một con bé nô lệ — thứ nô

lệ *tình nguyện* — và sao nữa ? Tờ *Tin Tức Thế Giới* sẽ in hình tôi, mẹ tôi sẽ khóc ngất «Trời ơi, tôi đã bảo trước mà nó không nghe...»

Tiếng bịch-bịch-bịch của một chiếc xe gắn máy cắt đứt giòng tư tưởng của tôi. Một gã thanh niên tóc đen cưỡi chiếc xe cà rịch cà tàng chạy qua. Gã nhăn răng cười với tôi, nụ cười quyến rũ pha lẫn vẻ « tếu » khiến tôi cũng vui lây, mỉm cười đáp lại. Chính tôi cũng không ngờ mình dám cười với gã như vậy. « Păng » chiếc xe nổ chát chúa và quay ngoắt lại dừng trước mặt tôi.

— Làm một vòng nhỏ, nên chăng ?

Mặt gã tươi rói, khá đẹp trai, vẻ đẹp khỏe mạnh của thanh niên hai mươi. Trông gã chẳng có vẻ gì là một *tay buôn nô lệ da trắng*, tôi hơi yên tâm. Việc làm đơn giản nhất là gật đầu. Nếu lắc, chắc gã sẽ kèo nhèo bắt tôi giải thích, và biết giải thích thế nào bây giờ ? Tôi khẽ gật đầu, gã hân hoan :

— Hoan nghênh ! Vậy mời lên xe...

Gã chỉ vào yên đằng sau, dạy tôi cách ngồi buông hai chân sang một bên, hai tay ôm ngang eo ếch gã.

— Rồi, bây giờ bám cho chặt, coi chừng té gẫy cổ.

Tôi nhắm mắt ôm chặt lấy gã, Hơi ấm và sức sống của gã như truyền sang tôi khiến tôi ngây ngất. Tôi thích cứ ôm gã thế này mãi. Xe chạy vòng vòng hết đường nọ đến đường kia. Tôi cảm thấy hoàn toàn hạnh phúc và an tâm, chẳng sợ bị ngã, cũng

chẳng sợ người đàn ông xa lạ này. Một lát sau, chúng tôi tới vườn đồi Sussex Downs với những bãi cỏ xanh chạy dài chất ngất. Gã đề nghị :

— Chúng ta xuống đi bộ một lát nhé.

Hai đứa thả bộ một quãng, gã hỏi tôi ở gần đây không, tôi trả lời có, tôi sống với một bà cô rất giàu trong một tòa nhà lớn, và tôi cho gã biết địa chỉ tòa nhà đó. Ngẫm nghĩ một lát, tôi nói tiếp :

— Tôi thích đi dạo để thở hít khí trời. Tôi rất ưa vùng này vì gần biển, không khí rất tốt. Ở nhà mãi cũng chán, chẳng có việc gì làm, mọi việc đã có ba cô đầy tớ lo hết.

Gã mỉm cười, lắng nghe, rồi chợt hỏi :

— Cô bao nhiêu tuổi ?

— Mười tám.

Gã cười lớn, vòng tay qua người tôi và cúi xuống hôn tôi. Nụ hôn nhẹ như một làn gió thoảng qua mặt tôi rồi tan biến ngay. Hai đứa tìm hai mô đất và ngồi xuống. Chỗ này vắng vẻ quá, nhưng tôi không sợ. Gã có vẻ hiền lành và tử tế với tôi, tôi đâu được quyền nghi ngờ gã. Gã cho biết tên gã là Ralph, hiện làm thư ký nhà băng. Gã hy vọng trong tương lai sẽ trở thành giám đốc, hay tổng giám đốc không chừng. Tôi tán :

— Mai mốt, khi được hưởng gia tài, tôi sẽ đem tất cả gửi vào nhà băng của anh nhé ?

Gã cười và hôn tôi mấy cái liền, vẫn những nụ hôn phớt. Ngồi một lát, gã nhìn đồng hồ :

— Tôi có hẹn, đã đến giờ phải đi.

Hai đứa đứng dậy, lững thững trở về chỗ để xe, tôi đánh bạo hỏi gã :

— Chúng ta còn gặp lại nhau không ? Chiều thứ năm tới, tôi cũng rảnh.

Gã hẹn tôi chiều thứ năm tại địa điểm cũ — *chiếc ghế tao ngộ*.

— Để tôi đưa cô về nhà.

Chưa kịp nghĩ ra câu gì để nói, chiếc xe đã ngừng lại trước cửa tòa nhà năm từng của bà cô tưởng tượng. Tim tôi bỗng đau nhói, có lẽ gã sẽ đứng lại chờ đến khi tôi bước vào nhà và khép cửa lại, gã sẽ thấy tôi đi cửa hông dành cho bọn tôi tớ. Nhưng không, gã mỉm cười, vẫy tay và nhảy lên chiếc xe, mất hút. Thở phào nhẹ nhõm, tôi quay mình bước đi, tìm một rạp chớp bóng. Ngồi trong rạp mà hồn tôi để tận đâu đâu. Cuộc gặp gỡ vừa qua kể ra cũng nên thơ lắm. Một điểm son bí mật trong đời tôi : quen với một người đàn ông quyến rũ, chủ nhà băng tương lai, làm cho y phải mê mệt vì tôi, bắt y phải hôn tôi thật lâu cho đến khi người y cứng đờ, ngã xuống chết tốt...

Phải chăng dạo này tôi đẹp hẳn ra như mẹ tôi đã nói ? Tôi nhớ đến chiếc gương lớn trong phòng ngủ của bà chủ. Mỗi lần lau nhà, tôi đều đứng trước gương tự ngắm mình. Khuôn mặt tròn, trắng, đượm vẻ lo âu, mắt xanh, tóc vàng buông xõa tự nhiên, thân hình đã có da thịt hơn trước nhiều, đôi chân không còn que củi nữa. Tôi tự nhủ chân như thế này ai dám bảo là xấu. Mẹ tôi đã

nói đúng ?

Thời giờ trôi qua sao mà chậm thế, nhưng rồi cũng đến ngày thứ năm. Đúng ba giờ tôi đã có mặt trên *chiếc ghế tao ngộ*. Chờ đợi, rồi buồn rầu, rồi thất vọng. Bóng tối đã xâm chiếm phố phường. Thì ra tôi vẫn tẻ và xấu xí như xưa. Mẹ tôi nói sai, chiếc gương cũng lừa dối tôi. Tại sao gã lại đổi ý nhỉ ? Tôi ôn lại những cử chỉ mà hai đứa đã trao đổi trong ngày thứ năm trước. Gã nhìn tôi đắm đuối, cười vui như đứa trẻ, hôn tôi mơn trớn, cuối cùng còn nói với tôi :

— Hay lắm, thứ năm tới cô nhớ đợi tôi tại chiếc ghế tao ngộ đó nhé...

Như vậy là nghĩa gì ? Tôi khổ sở, buồn bực, tới tiệm kêu một phần săng uých và một ly sữa nhưng nuốt không trôi, vào ngồi trong ciné cho đỡ khổ vậy. Cuốn phim hôm đó có Gloria Swanson. Nữ tài tử này làm tôi quên dần nỗi buồn day dứt.

3.

KHÔNG HIỂU TÔI SỐNG Ở BRIGHTON đã bao lâu. Những ngày đi làm đầy tớ cho thiên hạ tôi cũng chẳng buồn đếm. Chỉ biết sau dăm bảy tháng gì đó, tôi được tin mẹ đau nặng, phải gấp rút trở về Luân Đôn.

Khi về đến căn lầu tối tăm, chật hẹp, tim tôi như se lại. Mẹ tôi già hẳn đi, nước da xám ngắt, đi đứng run rẩy, thường nằm liệt giường. Mãi về sau tôi mới biết bà bị ung thư.

Hai mẹ con gặp nhau, bao nhiêu xích mích cũ xí xóa hết. Tôi dành hết thì giờ để săn sóc bà : đi chợ, nấu ăn, dọn dẹp nhà cửa, tắm cho bà hàng ngày và nhờ y tá đến thăm bệnh mỗi tuần hai lần. Nhưng sự kiên nhẫn của tôi cũng có hạn. Chị Mildred thường xuyên qua chơi với tôi nhưng cũng không giúp tôi yêu đời thêm chút nào. Ngày này qua ngày khác, sự nhàm chán và bất mãn chồng

chất lên mãi làm tôi ngộp thở. Tôi muốn đi thật xa để tránh sự giam hãm của bốn bức tường, sự ràng buộc của bổn phận. Cố gắng lắm cũng vô ích. Vẻ lãnh đạm, bất cần thiên hạ của mẹ tôi càng làm tôi ngã lòng. Tôi thiết tưởng sự tận tụy của tôi bấy lâu nay cũng đã đủ để trả ơn bà. Mỗi buổi sáng thức dậy, tôi thở dài ngao ngán, ý tưởng thoát ly lởn vởn trong óc tôi, nhưng biết đi đâu bây giờ ?

Đợi mẹ tôi ngủ yên, tôi thoa vội chút môi son, đội mũ rồi rón rén ra khỏi phòng. Đôi giày cao gót làm bước chân ngượng nghịu, tôi đi ngược lên trạm xe buýt ở đầu phố. Chuyến xe số 25 sẽ chạy xuống đường Bond Street,ngang qua khu Tây sang trọng và xuyên qua trung tâm sầm uất của thành phố Luân Đôn. Chính tôi cũng không biết rõ mục đích của chuyến đi này. Dường như tôi chỉ thích tới những nơi hoa lệ để được thấy những cửa tiệm lớn, những nhà hàng đồ sộ, những cặp trai thanh gái lịch, những chiếc xe hơi bóng loáng. Khu Tây về đêm thật là một chốn phồn hoa đô hội, đầy rẫy những thú ăn chơi mê đắm lòng người.

Xe buýt chưa tới. Tôi đứng nhìn con đường dẫn về nhà mà ngán ngẩm. Chật hẹp, rác rưởi, mùi bã rượu khiến người ta phải lợm giọng, những gã đàn ông mặc áo thung mồ hôi nhễ nhại, những gã say lảo đảo trước cửa ngôi quán cóc nghèo nàn.

Xe buýt xịch tới, tôi leo lên tầng trên cùng. Xe chạy ngang những cơ xưởng lớn, những nhà

ngân hàng ngập ánh sáng, nhân viên đang tấp nập làm việc, các cô thư ký đang nói cười vui vẻ, các chàng trai đang lân la chuyện trò. Tôi cảm thấy ghen với họ. Ước gì tôi cũng là một cô thư ký như họ.

Tới đường Bond Street, tôi xuống xe, thả bộ trên hè phố, dán mắt vào những tủ kính sáng chói, la cà xuống tận phố Piccadily. Thực ra tôi không ngờ khu phố Piccadily này lại là nơi các tay ăn chơi hoặc những gã ngoại kiều thường vẫy gọi các nàng ăn sương vơ vẩn một mình trên hè phố.

Đi qua mấy tiệm bán sách quý, tới một cửa hàng với tấm biển lớn : CHÚNG TÔI NHẬN CHỤP LẠI HÌNH TỔ TIÊN QUÝ VỊ. Tôi ngắm nghía những bức ảnh chụp các cụ già lồng trong khung tuyệt đẹp. Họ là tổ tiên của thiên hạ. Còn tôi, tổ tiên của tôi là ai ? Hồi còn ở trong viện mồ côi, có lần tôi đã ganh tị với Jessie vì nó đeo một chiếc dây chuyền có gắn hình một người anh ruột chết từ khi nó chưa mở mắt chào đời. Ai cũng có họ hàng thân thích, còn tôi thì không : không chú, không anh em, không họ hàng, không tổ tiên. Người thân duy nhất của tôi chính là tôi.

Tôi đi ngược lại đường Bond Street, dừng bước trước tiệm hột xoàn Cartier. Những hạt kim cương sáng lấp lánh làm mắt tôi mờ đi, những giấc mộng lại kéo đến vây phủ quanh tôi. Không hiểu tôi sẽ nghĩ sao nếu bỗng dưng có một người đàn ông đưa cho tôi một chuỗi đeo cổ nạm đầy kim cương và hồng ngọc, « cô bé, cô có thích chuỗi

kim cương này không ? » Giả thử tôi có một sắc đẹp mê hồn, chắc chắn sẽ có một nhà quý phái chạy đến nghiêng mình trước mặt tôi : « Thưa cô, cô đẹp lắm, nhưng nếu cô cho phép tôi đeo chuỗi kim cương này lên cổ, chắc chắn cô còn đẹp hơn nữa ». Tôi phản đối ngay : « Thưa ông, tôi không phải là loại gái mà ông tưởng đâu. Tôi là con nhà lành, nhưng nếu ông muốn mua tặng tôi chuỗi kim cương đó thì... » — thì sao nhỉ ? À, phải rồi, thì tôi sẽ để ông đeo nó lên cổ tôi và cho phép ông hôn môi tôi.

Trời tối đã lâu. Tôi nảy ra ý định chơi một trò chơi mới. Bọn đàn ông tấp nập đi ngang. Khi họ nhìn tôi, tôi sẽ quay đi nhưng thỉnh thoảng cũng liếc mắt nhìn lại kèm theo một nụ cười thật nhẹ để xem phản ứng của họ ra sao. Bắt tay vào trò chơi, tôi khám phá ra cặp mắt họ nhìn tôi sỗ sàng quá, ánh mắt tham lam như muốn soi thấu người tôi. Trời ơi, lúc đó tôi đâu ngờ mình đang đi trên con đường mà bọn gái điếm thường đi để kiếm khách.

Một giọng đàn ông trong trẻo hướng về phía tôi :

— Chào cô.

Tuy không quay mặt về phía phát ra tiếng nói, tôi khẽ nhếch mép — nụ cười của tôi lúc đó chắc phải bí hiểm lắm — và tiếp tục bước. Một cảm giác rợn người thích thú chạy khắp thân thể tôi. Vài phút sau, có tiếng chân người bước theo. Tôi đi

thật nhanh, tiếng bước chân vẫn theo bén gót. Bản tính sinh ra sẵn gan lì, tôi nhìn về phía sau thật nhanh : một gã thanh niên mặt mũi khôi ngô, ăn mặc rất bảnh đang đeo theo sát nút. Gã tiến lên ngang tôi và hỏi :

— Cô đi đâu vậy.

Giọng gã êm ái, dễ nghe.

— Dạ, tôi đi dạo phố một chút.

Tôi cố giữ vẻ thản nhiên nhưng trống ngực đập hơn trống làng.

— Tôi đi dạo cùng cô được không ?

— Cái đó tùy ông.

Hai người sóng bước đi được một quãng thì gã chợt hỏi :

— Bây giờ cô định đi đâu.

Trước mặt là nhà ga Charing Cross, tôi đáp bừa :

— Ga Charing Cross. Để đón xe lửa.

Hai người dừng lại nói chuyện trước cửa nhà ga. Đầu óc tôi như trống rỗng, người tôi nao nao như lên cơn sốt. Thôi đúng rồi, trạng thái của người mong đợi điều gì lâu quá, đến khi đạt được bỗng trở nên bối rối, nghi ngờ. Tôi đi câu và cá đã cắn câu ! Tôi đã tìm được người trong mộng !

Gã hứa sẽ tới đón tôi tối hôm sau, cũng tại cột điện trước cửa nhà ga này, và sẽ đưa tôi đi ciné.

Tối hôm sau tôi tới ga Charing Cross đợi gã, nhưng đợi hết hơi cũng chẳng thấy gã đâu. Tôi uất nghẹn. Lại một vụ cho leo cây y như vụ ở Brighton.

Thiên hạ qua lại nhìn tôi như mai mỉa rồi tiếp tục bước. Họ có nhà, có bạn bè, có người yêu, có nơi để đến. Còn tôi, chả lẽ đứng đây mãi sao, nếu đi thì đi đâu. Như kẻ mất hồn, tôi leo lên xe buýt để về nhà. Đời là gì ? Phải chăng là một chuỗi ngày chờ đợi, mệt mỏi, rã rời. Chờ đợi mãi một cái gì tươi đẹp hơn để rồi cuộc sống cứ tàn lụi mãi đi...

Mẹ tôi ít ngủ về đêm nhưng thường ngủ rất say vào buổi chiều tối. Đó là những lúc thuận tiện nhất để tôi lén rời nhà đi thơ thẩn các đường phố. Một hôm, tôi đang đi thì nghe phía sau có tiếng chân bước rất gấp. Tôi cố ý đi chậm lại và người kia tiến lên bước song song với tôi. Tôi liếc nhìn thật nhanh và giật mình : một người đàn ông to lớn, da đen như màu cà phê. Nhưng ông ta mỉm cười và nói một cách ôn tồn như một người cha nói với con :

— Trông cô còn trẻ lắm. Cô mấy tuổi rồi ?

— Mười chín.

Ông ta nhìn tôi, có vẻ suy nghĩ lung lắm.

— Này cô bé, đáng lẽ cô nên ở nhà. Thực tình cô không nên lang thang chốn này.

— Nhưng tôi thích ở đây mà. Chỗ này có gì lạ đâu.

Ông ta lắc đầu :

— Tôi bảo thật cô nên về nhà đi.

Và ông đưa tay vẫy một chiếc taxi, nhét vào tay tôi mười shilling tiền giấy và bắt tôi lên xe. Đứng ngoài, ông ghé miệng vào cửa xe, hỏi :

— Cô muốn đi đâu để tôi bảo bác tài đưa đi ?

Đương lúc ngạc nhiên tôi buột miệng ?

— Ga Charing Cross. Tôi sẽ đón xe lửa tại đó.

Ngồi một mình ở băng sau, nhìn lại số tiền mười shilling, thật là lạ. Ông đó mắc chứng gì vậy nhỉ ? Nhưng không cần biết, tôi được đi taxi là đủ, lần đầu tiên trong đời. Suốt quãng đường tới ga, tôi lặp đi lặp lại câu *tôi được đi taxi, tôi được đi taxi.*

Một tối khác, khoảng hơn bẩy giờ một chút, tôi gặp một ông đứng tuổi, ăn mặc cực kỳ sang trọng, tay cầm can. Ông ngả mũ chào tôi rất trịnh trọng :

— Chào cô.

Tôi chào lại bằng một nụ cười e thẹn.

— Chắc cô người vùng này ?

— Thưa không, tôi chỉ đến Luân Đôn chơi ít lâu thôi.

— Đã đến giờ cơm tối. Nếu không có gì trở ngại, xin mời cô đi dùng cơm với tôi cho vui.

Tôi nghĩ tới những tiệm cơm có rèm cửa lộng lẫy, thực đơn bằng tiếng Pháp đặt ngay lối ra vào. Giả thử ông này dẫn mình tới đó thì hay biết mấy. Tôi gật đầu :

— Dạ, tôi rất sẵn sàng.

Ông dẫn tôi vào một nhà hàng lịch sự vào bậc nhất, những anh bồi mặc đồng phục sang trọng đang lăng xăng phục vụ đám khách hàng quý phái.

Tôi thầm nghĩ ở đây chắc không có món cóc-ở-trong-hang. Ông dìu tôi tới một cầu thang đồ sộ

và nói :

— Chúng ta lên lầu.

Một cảm giác rờn rợn chạy khắp người tôi. Có lần tôi đọc truyện thấy có đoạn viết về những phòng ăn biệt lập trên lầu cao. Vua Edward đệ VII thường đưa tình nhân tới những căn phòng như vậy. Chúng tôi được dẫn tới một phòng ăn rất ấm cúng, trên bàn là những muỗng nĩa bằng bạc sáng loáng, sát tường có một chiếc trường kỷ lớn. Một anh bồi bước vào phòng lễ phép trao cho chúng tôi một thực đơn bằng tiếng Pháp.

— Chúng ta bắt đầu bằng món súp nhé ?

Tôi rất cảm động. Chắc chắn chưa có nhà quý tộc nào nói với người yêu bằng một giọng vuốt ve trìu mến đến thế.

— Sau đó cô thích dùng gì ? Gà đút lò hoặc lườn cừu non được không ?

Tôi chọn món thịt cừu non vì chưa từng ăn món này bao giờ. Mỗi con cừu non chỉ có một chút xíu thịt lườn, tiền đâu mà mua.

Bữa ăn thật là tuyệt ! Tôi ăn nhanh và sạch trơn. Ông ta hỏi về thân thế tôi, tôi tự nhận mình là họ hàng của một bà cụ giàu sụ có nhà năm tầng tại Brighton. Ông ta vừa chăm chú nghe vừa nhả khói, thỉnh thoảng gõ nhẹ chiếc tẩu thuốc lá vào chiếc đựng tàn.

— Cô dùng cà phê nhé ?

Tôi gật đầu, ông nói tiếp :

— Chúng ta qua bên trường kỷ ngồi để họ

dọn bàn.

Khi người bồi đem cà phê vào, ông tự tay rót ra tách mời tôi. Tôi vừa uống vừa ngập ngừng hỏi :

— Ông hiện làm gì ?

— Tôi làm xuất nhập cảng.

Vừa nói ông vừa quàng một tay qua người tôi và ghé miệng hôn tôi. Tuy bất mãn, tôi không dám kháng cự sợ làm ông phật ý. Dù sao ông cũng đã tốn kém vì tôi quá nhiều.

— Em đẹp lắm.

Nói dứt, ông hôn tôi lần nữa, tay ông xiết mạnh hơn. Tôi quay mặt đi để tránh chiếc hôn thứ ba. Ông hỏi với giọng khó chịu :

— Sao vậy ?

Và ông đưa cả hai tay ghì tôi xuống một cách rất sỗ sàng. Hoảng quá, tôi hết sức vùng vẫy và cuối cùng thoát khỏi vòng tay ông, run rẩy :

— Tôi van ông, xin ông cho tôi ra khỏi nơi này.

Ông vẫn ngồi trên trường kỷ, nhìn tôi một cách nghi ngờ :

— Tại sao lúc nãy cô chịu đi với tôi ?

Giọng ông có vẻ tò mò hơn là tức giận. Tôi cảm thấy xấu hổ. Tôi định nói tôi không phải là loại gái đó và xin lỗi ông ta vì đã để ông ta hiểu lầm, nhưng câu trả lời lại khác hẳn :

— Vì tôi nghĩ rằng được ăn một bữa cơm ngon chắc là vui lắm.

Khuôn mặt ông trở nên lạnh lùng :

— Bây giờ cô ăn xong rồi chứ gì ? Cô có thể đi.

Tôi mở cửa và chạy xuống lầu như bị ma đuổi. Khi ra đến ngoài đường tôi mới cảm thấy yên tâm. Tôi nhất định sẽ không kể cho ai nghe về chuyện này. Nhất định không bao giờ.

Vừa rón rén bước vào phòng, tôi đã nghe tiếng mẹ tôi vọng ra từ phía bên trong :

— Lily, con đi đâu về đó ?

Giọng bà yếu ớt, xa vắng.

— Thưa mẹ, con đi ciné.

Cho đến nay đã nhiều lần tôi tự hỏi ai là người đã lo cho tôi ? Ai là người đã che chở tôi ? Tôi đã dỡn với lửa mà vẫn chẳng việc gì. Chắc hẳn phải có một bàn tay vô hình che chở tôi.

Thỉnh thoảng tôi rủ chị Mildred tới khu Tây dạo phố. Thấy đời sống xa hoa ở đây, chị cũng trầm trồ khen ngợi nhưng không có vẻ gì thèm muốn ước ao. Hình như đối với chị, những tối thứ bảy tại Quán Lều Tranh đã là quá đủ.

Một hôm, chị Miladred giới thiệu tôi với một thanh niên hai mươi tuổi, mắt nâu, tóc hung, nói năng chậm rãi và có vẻ thành thật, hiện làm việc trong một hãng sản xuất áo sơ mi. Tên gã là Leslie. Gã có vẻ ưa tôi, rất năng tới nhà tôi chơi. Những tối thứ bảy, gã đến rủ tôi đi ciné. Trong khi chờ đợi mẹ tôi ngủ yên, hai đứa thường ngồi trên chiếc trường kỷ bọc da cũ mềm trong phòng khách hôn hít nhau loạn xạ, lâu lâu lại làm bộ nói chuyện để bà cụ nằm phía bên trong khỏi nghi.

Tôi đón nhận những nụ hôn của Leslie như

đất khô nhận nước. Tôi cần tình yêu, tôi cần Leslie, hay bất cứ người nào khác. Ít ra trên đời này cũng phải có một người để mình thương, mình nhớ. Nhưng có lúc tôi lại sợ những hậu quả thảm khốc của tình yêu. Mẹ tôi đã hăm tôi, chị Mildred cũng dọa tôi về những trường hợp thai nghén, những người đàn bà rên xiết trên bàn đẻ hoặc tắt hơi vì đau đớn. Tôi tự nhủ có hôn Leslie thì hôn ít ít thôi và không nên đưa việc hôn hít đi quá xa.

Thực ra Leslie không có ý định đi quá xa để lợi dụng. Gã rất trọng tôi và muốn cưới tôi. Được người khác ngỏ ý xây dựng với mình là một điều hay, nhưng nếu người đó là Leslie thì không được.

Gã rất đàng hoàng, tử tế, biết thương tôi, nhưng gã không phải là người trong mộng, không phải là người của khu Tây xa hoa tráng lệ.

Tình trạng mẹ tôi mỗi ngày một bi đát hơn. Những cơn đau bắt đầu kéo dài đến hành hạ bà. Ban đêm bà thường lăn lộn trong giường nhưng không hề hé miệng rên xiết hay than thở với tôi. Chính tôi cũng không ngờ bệnh tình bà đã đến hồi nguy kịch. Bà không nói còn tôi cũng không buồn để ý. Sau tám năm xa cách, hai mẹ con coi nhau như khách, chẳng có chút tình quyến luyến nào. Tôi săn sóc bà chỉ vì bổn phận. Những lúc bà ngủ, tôi như người thoát nạn, nghĩ ngay đến việc đi dạo phố khu Tây hoặc cố gắng quên đi những giấc mộng lớn để hòa mình với Leslie trong vài niềm vui nho nhỏ.

Một đêm kia, khi tôi và Leslie đi ciné về, tôi thấy trên bàn có một mảnh giấy. Người ta đã chở mẹ tôi vào nhà thương. Tôi chạy vội đi tìm mẹ, lòng tràn đầy hối hận. Tới nhà thương, tôi rón rén bước vào phòng bà và thấy bà nằm thiêm thiếp, mặt trắng bệch như tờ giấy. Bà xin lỗi tôi vì đã làm tôi sợ — vẫn vẻ khách sáo thường lệ. Vài phút sau nhân viên trực đến mời tôi ra để bệnh nhân nghỉ ngơi. Thấy sự có mặt của mình tại nhà thương là thừa, tôi quay về nhà.

Mỗi sáng tôi vào thăm mẹ một lần. Không đầy một tuần, bà được đưa về nhà. Bà nằm trên một chiếc cáng do hai người khiêng. Khi đi qua phòng khách để vào nhà trong, mắt bà mở lớn nhìn quanh khắp phòng : chiếc trường kỷ, chiếc đồng hồ treo, chiếc ghế bành làm bằng mây... dường như bà biết mình sắp chết, muốn nhìn lại lần cuối tất cả những vật thân yêu để mang theo hình ảnh chúng sang tận thế giới bên kia.

Một tuần sau bà mất,

Tại sao tôi không thể đối xử với bà ân cần hơn trong những ngày bệnh tình nguy kịch ? Tại sao tôi lại ngu muội đến độ không biết rằng người ta mang bà về nhà là để bà chết ? Sao tôi lại có thể vô tình đến thế ? Những năm sau này tôi thường tự bào chữa rằng có lẽ đó là cách tôi trừng phạt bà vì bà đã nhẫn tâm bỏ tôi vào viện mồ côi. Nhưng nghĩ cho cùng, bà đâu thể làm khác. Hồi đó bà nghèo quá không nuôi nổi tôi. Bà là một người mẹ đau khổ,

suốt đời lận đận, lo buồn mà phải cắn răng chịu đựng, chẳng biết chia xẻ cùng ai...

Khi mẹ tôi trút hơi thở cuối cùng, chỉ có mình tôi ở bên cạnh bà. Tôi đang ngồi đọc tờ *Tin Tức Thế Giới* ngoài phòng khách thì bỗng nghe bà thở dài. Tôi uể oải đứng dậy bước vào nhà trong và thấy nửa người bà ở trên giường còn nửa người buông thõng dưới đất. Tôi chạy lại đỡ bà lên giường và đặt bà nằm ngay ngắn như cũ. Người bà run rẩy, hơi thở đứt quãng.

Trước đó một lát, bà hàng xóm Barton còn ngồi nói chuyện với mẹ tôi. Bà vừa chạy đi mua vài thứ lặt vặt thì mẹ tôi hấp hối, và bà về vừa lúc mẹ tôi nhắm mắt lìa đời.

Bà Barton kêu lên «trời ơi», và một phút sau trong phòng đã chật ních những người hàng xóm. Tôi không biết họ từ đâu tới và tại sao họ biết tin mau như vậy, nhưng tôi biết rõ cảm giác của tôi lúc đó, thứ cảm giác của một người bàng quan, không một chút xúc động, mắt ráo hoảnh...

Thế rồi bất ngờ tôi bật khóc nức nở, không phải vì cái chết của mẹ tôi, mà vì cái chết của *một bà mẹ bất hạnh*, can đảm nhận chịu số phận không chút oán than.

4.

ANH CHÀNG CÓ BỘ MẶT TIẾU NGẠO lên giọng kẻ cả :

— Các cô hãy coi đây...

Rồi hắn dơ lên một chiếc bàn chải đánh răng hình chữ U bề ngang khoảng năm phân có cán dài.

— Các cô sẽ thấy chiếc bàn chải này vừa khít với hàm răng của mọi người. Các cô hãy đặt nó vào trong miệng để biểu diễn cho khách hàng thấy công dụng của nó.

Vừa nói hắn vừa đặt cái bàn chải quái dị vào miệng và cạ lên cạ xuống rất mạnh. Hắn đang dạy chúng tôi cách biểu diễn một loại bàn chải mới có thể đánh được *mặt trong của hàm răng*, một loại bàn chải rất độc đáo chưa từng bán trên thị trường.

Tôi và hơn chục cô gái khác đứng chăm chú nghe anh chàng tiếu ngạo dặn dò. Chúng tôi đều tìm tới đây theo lời quảng cáo trong mục rao vặt

của tờ *Daily Tetegraph :*

Cần thiếu nữ có bộ răng đẹp
để trình diễn một loại bàn chải mới.
Không cần kinh nghiệm.

Leslie đã đưa tôi xem mục rao vặt này sau khi mẹ tôi chết được vài ngày. Đối với một đứa tứ cố vô thân như tôi, gã chính là mỏm đá giữa biển khơi để tôi bám víu.

Mẹ tôi chết để tôi bơ vơ, nhưng trong thâm tâm, tôi lại thích bơ vơ như vậy. *Tôi thích tự do !* Có lúc tôi tự lấy làm hổ thẹn vì ý tưởng bạc bẽo này. Giờ đây chẳng còn ai ràng buộc được tôi. Tôi tha hồ bay nhảy, đi đâu thì đi, làm gì thì làm. Leslie bảo tôi :

— Anh cần phải cưới em ngay để em có người trông nom săn sóc.

Nhưng lấy Leslie là bế mạc cuộc đời, hay nói đúng hơn là chấm dứt cuộc phiêu lưu. Con đường trước mặt, tôi chưa đi hết. Tôi chưa muốn dừng chân bên một ga nhỏ tối tăm trong khi tại cuối đường còn nhiều vùng đất chan hòa ánh sáng. Tôi biết Leslie sẽ chờ đợi tôi, việc gì phải vội.

Tôi cần phải kiếm việc làm. Mẹ tôi chết đi chẳng để lại một xu. Gia tài mà tôi thừa hưởng gồm vỏn vẹn một bức hình mà tôi tìm thấy trong ví mẹ tôi. Bức hình chụp lúc tôi còn nhỏ xíu, mới độ hai tuổi. Trong hình, tôi mặc yếm cổ cao, chân đi giày ống đen, được đặt ngồi trên bàn với vẻ mặt bí xị, tay phải đang nắm chặt một món đồ chơi :

một ống chỉ bằng gỗ. Tôi ngắm hình mình mà nước mắt tuôn rơi. Chắc mẹ tôi đi đâu cũng mang theo tấm hình của đứa con bạc phước.

Lần này tôi không xin đi làm đầy tớ cho thiên hạ nữa. Đầu óc tôi đâu đến nỗi nào, tại sao tôi không dùng nó ? Tôi sẽ kiếm một việc làm tử tế, và một khi đã kiếm được rồi tôi sẽ bỏ Leslie, giã từ khu Đông tăm tối sặc mùi bã rượu, và quên đi hình ảnh những gã say ngả ngớn trong các ngôi quán cóc tồi tàn. Tôi sẽ xa lánh hẳn tiếng chửi rủa, cãi vã, xô xát của bọn người vô học, tiếng những mụ đàn bà lăng loàn thét lên be be mỗi khi bị chồng cho ăn phật thủ, và tất cả những tiếng động khác phát sinh từ sự nghèo đói, vô liêm sỉ. Trời ơi, chốn địa ngục này còn gì đáng lưu luyến nữa đâu !

Tôi chọn đường Oxford Street, khu phố sầm uất nhất của Luân Đôn, để thử thời vận. Tôi thu hết can đảm đi hết tiệm này sang tiệm khác để xin việc, nhưng không ai thèm mướn vì tôi chẳng có chút kinh nghiệm nào về việc bán hàng. Sau hai ngày lê lết ngoài đường mà chẳng ăn thua gì, ngày thứ ba tôi ngồi nhà ôm mặt khóc ngất. Đúng lúc đó Leslie — anh chàng Leslie trung thành muôn thuở — tay cầm tờ *Daily Telegraph*, chân bước hăm hở vào phòng và la lớn :

— Lily, có việc cho em rồi. Em xem đây, việc này đúng là nghề của em. Em có bộ răng tuyệt hảo !

Leslie nói đúng. Răng tôi rất tốt so với các cô gái Anh khác. Tôi nên cám ơn viện mồ côi đã có

nhã ý săn sóc bộ răng tôi bằng cách cho ăn rất ít đồ ngọt và không bao giờ cho ăn kẹo.

Tôi hôn Leslie một cách cảm động rồi rửa lại mặt mũi để đi trình diện.

Sau khi trịnh trọng kiểm soát các hàm răng của chúng tôi, anh chàng tiếu ngạo lựa được sáu người trong đó có tôi. Hắn làm giấy mướn chúng tôi ngay tại chỗ rồi chỉ định chúng tôi tới sáu gian hàng khác nhau. Sáng hôm sau chúng tôi sẽ bắt tay vào việc. Theo lời hắn, chúng tôi sẽ phải đứng sau quầy hàng và biểu diễn cho khách hàng xem diệu dụng của loại bàn chải mới. Lương căn bản một Anh kim (năm Mỹ kim) một tuần, chưa kể tiền hoa hồng. Hắn trao cho mỗi người một bức hình lớn bằng bìa cứng vẽ một cô gái đẹp đang xử dụng loại bàn chải này để hôm sau dựng trước quầy hàng. Sau đó hắn bắt chúng tôi ôn lại bài học gồm những mánh khóe dẫn dụ khách hàng. Theo hắn, nếu chúng tôi thuộc được mấy câu « tủ » của hắn, chắc chắn bàn chải sẽ bán chạy vèo vèo.

Tôi đóng đô tại thương xá Gamage trong khu vực Holborn, cách khu Tây không xa là bao. Để tranh thủ thời gian, ngay buổi chiều hôm đó tôi tìm mướn một căn phòng trong một khu vực đã lỗi thời tại khu Tây. Căn phòng chật chội, hôi hám, trông ra một đường hẻm, tiền mướn kể luôn ăn sáng là mười shilling sáu xu một tuần, quá nửa số lương của tôi. Một căn phòng tương tự như vậy mà ở khu Đông, tiền mướn chỉ bằng một phần ba, nhưng tôi hài

lòng với nơi ở mới của mình. Tuy nó không nằm tại trung tâm Mayfair của khu Tây, nhưng ít ra nó cách xa khu Đông mà tôi đã chán ngấy.

Tôi lẳng lặng ra đi, Leslie không hay mà Mildred cũng chẳng biết. Tôi cắt đứt mọi liên lạc với khu Đông bằng một nhát dao vừa bén, vừa cương quyết đến độ tàn nhẫn.

Buổi sáng hôm sau, thương xá Gamage chưa mở cửa tôi đã có mặt tại gian hàng của mình. Tôi dựng bức hình quảng cáo tại một góc dễ trông thấy rồi nhẩm lại bài học bán hàng hôm trước : « Chào ông, hoặc chào bà — Mỉm cười — Ông hay bà đã dùng thử loại bàn chải đánh răng kiểu mới này bao giờ chưa ? Nó có thể giúp ông hay bà đánh bóng được *mặt trong* của hàm răng và chận đứng bệnh sâu răng — Cười thật tươi — Nếu ông hay bà xem kỹ, sẽ thấy bàn chải của chúng tôi khác hẳn các loại bàn chải thông thường vì các loại đó không thể *thò vào tận mặt trong của hàm răng được* — Cầm bàn chải đưa ra cho khách hàng xem, mỉm cười một lần nữa — Trong thời gian quảng cáo, chúng tôi bán với giá đặc biệt. »

Tôi quay lại, nụ cười chưa tắt thì đã thấy một bà sồn sồn đứng phía sau quầy từ lúc nào. Bà cười lớn :

— Muốn bán một chiếc bàn chải, cô bé phải ca hết một bài dài như vậy sao ?

Lời lẽ móc họng nhưng giọng bà thân mật khiến tôi muốn lù xù cũng không được. Bà đưa một tay

ra để bắt tay tôi và nói tiếp :

— Tôi là Ruth Houghton, bán mỹ phẩm ở gian bên cạnh. Vậy chúng ta là hàng xóm.

— Tôi là Lily Sheil.

Bà lập tức gọi tôi là *Sheilsy* và cho tôi mượn một chiếc phất trần để quét bụi.

Ông gác gian mở cửa thương xá và bà khách hàng đầu tiên lững thững bước vào, tay cầm một chiếc bị to tướng. Tuy không quên lời dặn của anh chàng tiếu ngạo — *đối với khách hàng, các cô đừng hung hãn* — tôi vẫn hăm hở bước ra cản đường bà ta bắt đầu ca :

— Chào bà, bà đã dùng thử loại bàn chải đánh răng kiểu mới...

Bà ta nhăn mặt, lách mình bước tới làm tôi chưng hửng. Lòng tin tưởng của tôi bỗng rung rinh. Có lẽ việc bán hàng khó hơn tôi tưởng.

Một người đàn ông trung niên rảo bước tiến vào. Chờ ông ta lại gần, tôi tiến lên hai bước, cười thật tươi và bắt đầu bài học thuộc lòng. Ông ta dừng lại nghe, nhưng cứ mỗi chữ tôi nói là trên mặt ông ta lại hiện thêm một nét nhăn nhó. Khi tôi đặt chiếc bàn chải vào tay ông ta, ông ta cầm lấy nó một cách đau khổ :

— Được rồi, cô bé, bao nhiêu tiền một cái ?

— Thưa ông, hai shilling sáu xu...

Để mặt ông ta khỏi dài ra thêm nữa, tôi tiếp luôn :

— Nhưng nó tốt hơn hẳn các loại bàn chải

khác, ông ạ. Ông sẽ khỏi mất tiền đi nhổ răng.

Theo tôi biết, loại bàn chải đắt nhất trên thị trường cũng chỉ bằng nửa giá đó.

— Thôi được rồi, tôi mua một cái.

Tôi trở về quầy, hí hửng với chiến thắng đầu tay. Bà Houghton nháy tôi, tôi nháy lại. *Tôi đã bán được hàng !*

Hai người đàn bà bước vào, miệng đấu hót tưng bừng. Họ có vẻ khó chịu khi bị tôi ngắt lời. Họ không mua bàn chải. Rồi một người đàn ông tiến vào. Ông này mua một chiếc. Rồi một người đàn ông khác cũng một chiếc. Tôi tìm ra chân lý rằng *đàn ông khoái thò vào tận mặt trong của hàm răng hơn đàn bà.* Buổi sáng hôm đó tôi bán được năm chiếc, buổi chiều bốn chiếc, tổng cộng cả ngày tôi bán được chín chiếc — người mua toàn đàn ông —. Tôi quyết định hôm sau sẽ tìm cách bán cả cho đàn bà.

Sau một ngày đứng bán hàng, tôi đã học được cách đưa đẩy hoặc bông đùa với khách hàng. Sau khi bị tôi đưa mắt khiêu khích, một ông ăn mặc rất bảnh đội mũ quả dưa xà vào tiệm mua một chiếc bàn chải và nói giọng úp mở :

— Này cô em, cô em đẹp thế mà đứng bán hàng thế này thì uổng quá. Thôi cô về làm việc với tôi quách.

Tôi cười thật duyên dáng nhưng trong bụng mắng thầm. Những trường hợp tương tự xảy ra đều đều. Bọn đàn ông thường ghé vào tiệm làm bộ mua hàng để có dịp nham nhở với tôi. Họ khen tôi

đẹp, có thể làm những việc khác ra tiền hơn, rồi họ hứa hẹn đủ điều. Trước khi đi, họ để lại danh thiếp để nếu cần tôi có thể đến tìm họ. Tôi nhìn bà Houghton, mỉm cười và ném những tấm danh thiếp vào chiếc hộp xì gà mà tôi dùng để đựng tiền lẻ.

Một buổi sáng trời mưa tầm tã, cửa thương xá bỗng bật mở và một người đàn ông vội vã chạy vào. Ông này dáng người dong dỏng, đầu đội mũ dạ mềm, mình khoác áo nỉ đi mưa. Ông là người khách đầu tiên trong suốt một giờ tiệm mở cửa. Khi ông đi vùn vụt qua gian hàng của tôi, tôi chạy đuổi theo, miệng gần như la lớn :

— Thưa ông, ông đã dùng thử loại bàn chải đánh răng kiểu mới này chưa ?

Ông ta quay lại, nhìn tôi chòng chọc. Ông trạc bốn mươi, đôi mắt xanh thẫm, nước da rám nắng và mái tóc dầy bồng bềnh trước trán. Khuôn mặt ông bỗng như dãn ra, miệng cười thật tươi :

— Chúa ơi, cô bé đẹp tàn nhẫn !

Tôi chợt cảm thấy xao xuyến vì giọng nói trầm ấm, quyến rũ, lại pha thêm chút hài hước của ông. Không đợi tôi nói gì thêm, ông đưa tay cầm lấy chiếc bàn chải rồi nhìn nhìn, ngắm ngắm, với vẻ tò mò :

— Chúa ơi, bàn chải gì mà quái dị thế này, vậy mà cô bán được thì chắc chẳng còn thứ gì cô không bán được.

Ông ngước nhìn tôi rồi nói bằng một giọng hăng hái như trẻ con :

— Này cô, nghề của tôi là sắt và thép, nhưng tôi cũng có một chi nhánh bán các đồ lặt vặt và hiện đang cần một người như cô. Cô đẹp lắm, chắc chắn cô bán gì thiên hạ cũng phải mua.

Luận điệu này tôi nghe đã nhiều lần nên không đến nỗi quá cảm động để quên mối lợi thiết thực của mình :

— Thưa ông, bàn chải này tốt lắm, nó có thể thò vào mặc trong của hàm răng, những chỗ hiểm hóc sâu hay ăn nhất.

Ông ta vỗ tay hoan nghênh :

— Thấy chưa, tôi đã bảo mà, cô có biệt tài bán hàng. Được rồi, tôi mua một chiếc, tiền đây...

Ông ta đưa cho tôi một Anh kim kèm thêm một tấm danh thiếp :

— Đây là danh thiếp của tôi. Cô nhớ điện thoại cho tôi nghe, nhớ nghe ?

Tôi làm bộ hớn hở :

— Thưa ông, cám ơn ông rất nhiều.

Tôi gói chiếc bàn chải và thối lại tiền. Ông bỏ vào túi rồi quày quả rời thương xá, hiển nhiên ông quên bẵng món đồ cần phải mua khi đặt chân vào đây giữa lúc trời mưa gió.

Tối hôm đó, tôi ngắm mình trong gương như thường lệ. Phải chăng tôi đẹp thực ? Có nên tin lời những người đàn ông kia không ? Khuôn mặt trong gương không còn tròn xoe như cái đĩa, mà đã ngả sang hình trái tim. Mái tóc vàng điểm màu tro dợn sóng một cách tự nhiên. Mũi dọc dừa, mắt

xanh nâu, môi cong đúng kiểu, và nước da trắng mịn phơn phớt hồng... Hình như *tôi đẹp thật* các «cụ» ạ !

Thế rồi từ đó tôi tự hào mình có vẻ quyến rũ ngầm — không cần biết nó là gì — khiến bọn đàn ông đều tối mắt. Mấy cô gái khác cùng trọ với tôi không có vẻ quyến rũ đó. Cô Weymouth rất đẹp nhưng chắc chắn thiếu nó. Những người tìm đến nói chuyện với cô chỉ gồm toàn đàn bà con gái. Cô Knight rất sexy và «đợt sóng mới», nhưng cũng không có nó. Không hiểu nó là gì, nhưng tôi có nó và tự hào về nó.

Ba tuần đã trôi qua và người ta không mướn tôi nữa. Một buổi sáng thứ hai, anh chàng tiếu ngạo mang bộ mặt đưa đám đến nói với tôi rằng hãng bàn chải ngưng hoạt động vì bị sập tiệm, tiền hoa hồng hàng tháng rất tiếc không thể thanh toán được mặc dầu tôi làm việc rất đắc lực. Riêng tiền lương ba tuần, hắn chỉ có thể trả tôi được một, vì chính hắn cũng đói dài. Hắn hết lời xin lỗi và mong tôi thông cảm.

Như bị một gáo nước lạnh dội vào đầu, tôi run lên khi kể vụ này cho bà Houghton nghe. Bà hỏi :

— Sheilsy, cô tính sao bây giờ ?

Còn tính sao nữa. Tiền đâu để ăn ? Tiền đâu để trả tiền phòng ? Trong tay tôi chỉ có vỏn vẹn một Anh kim, tiền lương một tuần, cộng thêm vài shilling trong ví. Tôi phải kiếm việc làm khác. Trái tim tôi như chìm hẳn xuống khi nghĩ đến phải lê

bước đi xin việc như đi ăn mày. Rồi hình ảnh hắc ám của khu Đông lại len lén tới vây phủ tôi... tôi sẽ phải chôn chặt đời mình để làm người vợ đầu tắt mặt tối cho chàng Leslie chăng ? Không, không thể được.

Tôi chợt nhớ tới người đàn ông mặc áo nỉ đi mưa với câu « Chúa ơi...» luôn luôn ở cửa miệng. Giọng ông ta dịu dàng quá, nụ cười như đứa trẻ, đáng yêu lạ. Ông ta có vẻ thành thật đấy chứ. Xem nào, danh thiếp của ông ta đâu rồi, tên ông ta là gì nhỉ ?

Bà Houghton giúp tôi soạn lại mớ danh thiếp. Tôi cầm từng tấm lên đọc và tự hỏi : phải chăng cái này ? Tôi chợt nhớ ra lời ông ta nói : *Nghề của tôi là sắt và thép, nhưng tôi cũng có một chi nhánh bán đồ lặm cặm*... và tôi tìm ra danh thiếp của ông ta không mấy khó khăn :

CÔNG TY JOHN GRAHAM
Kỹ Nghệ Sắt và Thép
Thiếu Tá John Graham Gillam, D.S.O.
Giám Đốc Sản Xuất

Mặt sau của danh thiếp có số điện thoại. Sau hai ngày đắn đo suy nghĩ, tôi mới quyết định điện thoại cho ông ta. Bà Houghton đã cho tôi biết D.S.O. là một trong những huy chương cao quý nhất trong quân đội Anh. Đích thân Vua George V đã gắn huy chương này cho Thiếu Tá Gillam tại Điện Buckingham ! Tôi không tin một người có huy chương D.S.O. lại phải cần đến thứ tôi về giúp đỡ

việc kinh doanh. Khi tôi gọi điện thoại, đầu dây bên kia có tiếng một cô gái trả lời. Cô ta nói với giọng mừng rỡ : « Cô Sheil đó hả ! Ông chủ tìm cô khắp nơi. Ông đã liên lạc cả với hãng bàn chải mà cũng chẳng dò ra tông tích cô. » Một phút sau, giọng nói ấm dịu quen thuộc của ông khách mặc áo nỉ vang lên trong điện thoại :

— A, cô bé ! Hôm qua tôi vừa tới thương xá Gamage tìm cô mà không gặp. Họ bảo cô đã thôi bán hàng và không để địa chỉ lại. Cô hứa sẽ gọi điện thoại mà sao không chịu gọi...

Tôi ngắt lời :

— Ông còn cần tôi không ?

Ông ta cười lớn :

— Từ đó đến đây cô đi mất bao lâu nhỉ ?

Một giờ đồng hồ sau, tôi đã ngồi đối diện với Thiếu Tá Gillam tại văn phòng của ông. Cố làm ra vẻ thành thạo, tôi hỏi ông :

— Tiền lương ra sao ?

— Đằng Gamage trả cô bao nhiêu ?

Tôi xạo :

— Một Anh kim rưỡi.

— Vậy tôi trả cô hai Anh kim cộng thêm hoa hồng.

— Cám ơn ông.

Tôi trả lời một cách thản nhiên nhưng trống ngực đập rộn rã. Hai Anh kim... và tiền hoa hồng ! Tiền hoa hồng chắc chắn sẽ được trả ! Ông ta nhìn tôi một lát rồi chợt đứng dậy :

— Để tôi đưa cô đi xem chỗ làm việc.

Công Ty John Graham chiếm hai gian phòng lớn và một kho chứa hàng. Trong kho, có vô số những đồ « lẩm cẩm » như khay gỗ đánh véc ni, thuốc đánh bóng, bột giặt, đồ trang sức cài áo, sắc tay, đồng hồ xe hơi, đèn ngủ, v.v...

— À, tôi muốn cho cô xem cái này.

Ông mở hộp và lấy ra một chiếc đèn ngủ.

— Đây là chiếc đèn tự động. Xem đây...

Vừa nói ông vừa nhấc chiếc đèn lên rồi lại để xuống mặt bàn, đèn tự nhiên bật sáng.

— Thấy chưa, một chiếc đèn thần ! Muốn tắt đi chỉ việc nhấc nó lên một lần nữa.

Thấy tôi gật gù tán thưởng, ông tiếp :

— Đây là một trong những món hàng mà tôi nhờ cô bán. Tôi sẽ đưa cô danh sách các tiệm buôn để cô đi chiêu hàng. Chi nhánh này tôi vừa lập thêm và sẽ giao cho cô điều khiển. Cô sẽ có một số nhân viên để tiện việc sai phái. Cô có toàn quyền.

Tôi cảm thấy chột dạ :

— Thưa Thiếu Tá, kinh nghiệm của tôi chẳng có là bao, tôi e rằng...

Ông đưa tay ngắt lời tôi, rồi chậm rãi :

— Trước đây tôi đã nói nếu cô có thể bán được thứ bàn chải quái dị đó thì chắc chắn cô bán được mọi thứ khác. Tôi hoàn toàn tin tưởng nơi cô.

Ông tiễn tôi ra cửa :

— Sao, cô hài lòng rồi chứ ? Chúa ơi, may mà cô gọi điện thoại cho tôi ! Sáng mai cô nhớ tới sớm nhé.

Tôi mỉm cười gật đầu chào ông rồi ra về.

Mải suy nghĩ, tôi về đến chỗ trọ lúc nào không hay. Tôi thầm nghĩ nếu tình trạng này kéo dài, chẳng mấy chốc tôi sẽ có đủ tiền dọn sang ở khu vực Mayfair. Với số lương gấp đôi trước, đời tôi chắc chắn sẽ lên hương. Tôi đưa mắt nhìn quanh phòng... phòng gì mà tối tăm thế này, chiếc ghế nệm rách cũng chẳng ai chịu thay, chiếc bồn rửa mặt bị nứt trông mà gớm. Tôi bước vội xuống nhà dưới, gõ cửa phòng bà chủ :

— Bà chủ ơi, tôi muốn một phòng ngoài mặt tiền.

Bà chủ lựa cho tôi một căn phòng chan hòa ánh sáng với giá mười hai shilling sáu xu, có cửa sổ trông ra đại lộ. Dọn đồ đạc tới gian phòng mới, tôi tự nhủ ngày xưa mẹ tôi làm việc suốt đời cực nhọc mà cũng chưa bao giờ được ở phòng mặt tiền với chút ánh nắng, ngày nay tôi thành công trong vòng ba tuần lễ.

Chiều hôm đó tôi ngồi thảnh thơi trong chiếc ghế bành, mắt lơ đãng nhìn xuống đường xe cộ chạy tấp nập, suy nghĩ vẩn vơ... Sao ông Thiếu Tá Gillam lại tử tế thế nhỉ. Tính tình vui vẻ, miệng lúc nào cũng tươi cười. Ông không phải là hạng người chụp giật, vội vã. Ông đối với mình hết sức nhã nhặn, một niềm trọng vọng. Ông là người

lớn từng trải, đâu có lớp chớp như bọn Tóc Đỏ, Leslie. Ông ăn mặc trang nhã biết bao. Khi ông tiễn mình ra cửa, vẻ trịnh trọng của ông làm mình cảm động. Ông là một người đẹp trai, bặt thiệp và cương nghị — người đàn ông quyến rũ nhất mà tôi từng gặp !

5.

SÁNG HÔM SAU KHI TÔI TỚI SỞ, THIẾU Tá Gillam đang ngồi tựa mình sau bàn giấy đọc tờ The Times. Thấy tôi bước vào ông nói lớn :

— Chào cô, chào cô.

Ông đặt tờ báo xuống bàn rồi mỉm cười ngắm tôi từ đầu tới chân trong khi tôi trút bỏ chiếc áo choàng bằng sa tanh đen và cẩn thận treo vào một ngăn tủ lẩn trong tường.

— Tôi muốn cô bắt tay ngay vào công tác để quen lần với công việc. Để xem nào...

Ông nhìn quanh. Trong phòng có mấy lố chuỗi đeo cổ bằng hạt trai nhân tạo, mỗi chuỗi đáng giá khoảng năm mươi xu. Ông trao cho tôi một mớ để làm mẫu hàng và danh sách các cửa tiệm mà tôi phải tới mời họ mua.

Tay xách chiếc va li nhỏ màu nâu đựng mẫu hàng, tôi hăng hái lên đường với tư cách đại diện

cho Công Ty John Graham. Kết quả là cả một thùng nước lạnh. Sau ba ngày đi gần gẫy chân, số hàng đem đi lại đem về nguyên vẹn. Đến đâu, người ta cũng trả lời : «Bây giờ đã ra giêng, đồ trang sức kiểu này chẳng có ma nào mua. Cô nên quay lại vào dịp Giáng Sinh».

Về đến sở tôi gần phát khóc, nhưng Thiếu Tá Gillam ôn tồn an ủi :

— Thôi, cô buồn làm gì. Có lẽ chúng ta tính toán thời gian không khéo. Để chờ dịp Phục Sinh mình thử lại vậy.

Rồi ông mỉm cười khích lệ :

— Bây giờ chúng ta dẹp ba cái chuỗi đeo cổ đó đi. Tôi có thứ này, chắc ăn hơn.

Ông đưa tôi xem một hộp thuốc đánh bóng xe hơi nhãn hiệu *Suji Muji* và giải thích :

— Thuốc đánh bóng này có một chất đặc biệt lấy từ Đông Phương rất công hiệu. Cô nên tới đường Great Portland thử bán xem sao. Đường đó có hàng tá phòng trưng bày xe hơi, chắc chắn cô sẽ bán được nhiều.

Khi tôi bước ra, ông còn dặn với theo :

— Nhớ cười nhé. Không ai có thể cưỡng lại được nụ cười của cô.

Tôi bước vào phòng trưng bày xe hơi đầu tiên một cách hiên ngang, miệng cười rất tươi :

— Làm ơn cho tôi gặp ông chủ.

Vài giây sau, một người đàn ông khá đẹp trai với bộ ria chải chuốt rất kỹ lưỡng bước ra. Tôi

mỉm cười chào ông ta rồi vào đề ngay :

— Chúng tôi có một loại thuốc đánh bóng xe hơi mới, hiệu Suji Muji, phẩm chất Đông Phương tuyệt hảo. Tôi muốn thử để ông thấy thứ thuốc này trội hơn hẳn các thứ khác mà quý tiệm đang dùng.

Lão chủ đưa tay vuốt ria mép, nhìn tôi một cách soi mói và nói với giọng ồm ờ :

— Suji gì hả cô ?

Tôi làm mặt nghiêm :

— Suji Muji. Ông muốn xem công dụng của nó không ?

Lúc này, khoảng ba hay bốn nhân viên bán hàng đã bu lại quanh tôi. Gã nào cũng mặc veste rất bảnh, mùi xoa trắng ló ra ngoài túi áo ngực. Cả bọn nghe tôi và lão chủ nói chuyện với vẻ thích thú.

Lão chủ cười hề hề :

— Hay lắm, ngoài kia có một chiếc xe, cô có thể ra đó để thử.

Tôi bước về phía chiếc xe, cả bọn theo sau. Lão chủ chỉ chiếc vè dưới và nói :

— Xin cô vui lòng đánh bóng thử chiếc vè này.

Lão giải thích rằng không nên bôi thuốc vào những chỗ dễ nhìn thấy, lỡ hư nước sơn thì nguy.

Buộc lòng tôi phải quỳ chân xuống đất và khom mình để đánh bóng chiếc vè xe. Sau một hồi hì hục, tôi nói lớn :

— Quý vị thấy chưa, chỉ một chút thuốc là nước sơn bóng loáng...

Tôi ngước mắt lên nhìn đám *khán giả* và nhận thấy mắt họ không nhìn chiếc vè xe mà đang hau háu nhìn những chỗ hở hênh trên người tôi. Thậm chí một vài gã đứng sau lưng tôi làm bộ cúi xuống nhìn... Tôi bỗng cảm thấy những lớp vải trên người tôi như trong suốt trước những cặp mắt cú vọ, nhưng vì bổn phận tôi vẫn phải tiếp tục đánh bóng chiếc vè xe cho đến khi hoàn tất.

— Đó, quý vị xem. So với trước, chiếc vè bây giờ ra sao ?

Tôi lồm cồm đứng dậy, ngắm chiếc vè sáng loáng như gương. Một gã đứng phía sau tôi hồi nãy gật đầu làm bộ khen :

— Láng quá, coi đã mắt ghê...

Và gã đưa mắt nháy các gã kia. Cả bọn tủm tỉm cười. Lão chủ lên tiếng :

— Mời cô vào đây, tôi sẽ mua một hộp.

Trong khi tôi thối lại tiền, lão hạ thấp giọng và hỏi một cách úp mở :

— Này cô, sau này cô tính làm gì ?

Không nén được tức giận, tôi trả lời với vẻ mặt lạnh như tiền :

— Rất tiếc tôi không có thì giờ để nói chuyện giông dài với ông. Tôi còn phải đi bán hàng ở nhiều nơi khác. Chào ông.

Ra ngoài đường, tôi vừa đi vừa suy nghĩ : *Tại sao hắn dám tỏ vẻ cợt nhả với một đại diện thương mại như tôi nhỉ ?*

Chỉ trong vòng vài ngày, tôi đã tìm ra chân

lý rằng chẳng ai cần tới thuốc đánh bóng Suji Muji. Khi tôi báo cáo kết quả thảm thương cho Thiếu Tá Gillam, ông vẫn thản nhiên tươi cười :

— Trong việc buôn bán, thời cơ là điều tối quan trọng. Thôi được, chúng ta sẽ đợi đến sau mùa mưa, xe cộ dơ dáy họ sẽ cần rửa và đánh bóng xe nhiều hơn.

Thấy tôi chưa hết buồn, ông an ủi :

— Này cô bé, cô đừng bận tâm về chuyện này làm chi cho mệt. Tôi đã nói với cô rằng tôi còn cả trăm thứ hàng khác cần nhờ đến cô, cô đừng lo.

Tôi thầm nghĩ *đây là người đàn ông dễ thương nhất trên đời !*

— À quên, có việc này tôi định nhờ cô từ lâu. Như cô biết, tôi luôn luôn bù đầu với công việc thư từ giao dịch. Mỗi tuần tôi phải trả lời không biết bao nhiêu bức thư. Nếu có thể, mỗi buổi chiều xin cô vui lòng ở lại sở muộn hơn một chút để giúp tôi một tay. Cô nghĩ sao ?

Sự tử tế của ông đối với tôi bấy lâu nay làm tôi xiết bao cảm động. Giả thử ông bảo tôi làm nô lệ cho ông chắc tôi cũng chịu, chứ đừng nói một việc cỏn con như vậy. Tôi đáp ngay :

— Thưa ông, tôi rất sung sướng được giúp đỡ ông.

Năm giờ rưỡi chiều, tôi ngồi đối diện với Thiếu Tá Gillam trong văn phòng của ông. Ông cắm cúi ký tên vào những bức thư mà các cô thư ký đã đánh máy từ trưa. Ký xong mỗi bức, ông

lại chuyển cho tôi để tôi bỏ vào phong bì và dán lại. Lâu lâu, ông ngẩng đầu nhìn tôi và hỏi :

— Mệt không cô bé ? Không hối hận chứ ?

Vừa đưa lưỡi liếm mép phong bì, tôi vừa mỉm cười lắc đầu :

— Thưa ông, tôi còn khoái nữa là khác.

Tới một bì thư đề địa chỉ ở Ba Lê cần phải dán nhiều tem, tôi kêu lên :

— Ủa, tôi biết tên này, hãng *Channel* đây mà !

Chanel là một hãng nước hoa nổi tiếng của Pháp.

Thiếu Tá Gillam mỉm cười và nói với giọng ôn tồn :

— Đó là một tên Pháp. Cô nên đọc là *shan-el*, chữ Ch đọc như Sh trong tiếng Anh.

Tôi ngượng chín cả người. Giá hồi nhỏ tôi sinh vào một gia đình khá giả, được đi học trường đào tạo nữ quý phái Pháp quốc, thì tôi đâu đến nỗi quê mùa như thế này.

Một lát sau, trong khi chờ đợi Thiếu Tá Gillam ký thêm một mớ thư từ nữa, tôi liếc mắt vào tờ *The Times* thấy đăng tin về mấy *tân công nương* trình diện hoàng gia, tôi nói với ông :

— Mấy bài báo đăng tin về các nàng *debuntees* được yết kiến hoàng gia đọc mà phát ham.

Thiếu Tá Gillam phá ra cười :

— Này Lily, cô tha lỗi cho tôi. Theo tôi cô nên gọi mấy nàng đó là *debutantes* thay vì *debuntees*.

Rồi ông lại cười và la lớn :

— Chúa ơi, vui quá, ha ha.

Tôi đỏ mặt, ngượng gần chết, nhưng cũng phì cười. Tôi không sao giận ông được. Ông là người vui vẻ, cởi mở, chẳng hề có ác ý với ai.

Một buổi tối, sau khi giải quyết xong chồng thư cao ngất, ông buông bút, ngả lưng trên ghế và thở phào :

— Chúa ơi, lại qua được một ngày dài.

Ngồi một lát, ông nhổm dậy sửa lại bộ điệu rồi nói với tôi bằng một giọng trịnh trọng đến độ tức cười :

— Thưa cô nương, đã gần bảy giờ rồi, xin cô nương cho tôi được hân hạnh mời cô nương đi dùng cơm tối.

Mặt nóng bừng, tôi nghiêm trang trả lời :

— Thưa ông, ông không nên nói thế, vả lại tôi không đi được.

Ông có vẻ ngạc nhiên :

— Tại sao không ?

Tôi giải thích cho ông hiểu rằng tôi là nhân viên của ông, nếu tôi đi với ông thiên hạ sẽ dị nghị. Tuy tôi không dám liệt ông vào đám người đã tán tỉnh tôi trên đường Piccadily dạo nào, nhưng tôi hiểu rằng những nữ nhân viên quá dễ dãi với chủ thường đi đến chỗ mất việc. Tôi rất mến ông, nhưng cũng mến hai Anh kim tiền lương hàng tuần.

Một tuần sau, Thiếu Tá Gillam lại mời tôi đi dùng cơm, và tôi nhận lời.Ông sắp đi ngoại quốc, tôi

có lý do đi ăn để tiễn ông. Theo chỗ tôi biết, ông có cơ sở thương mại hay địa điểm giao dịch gì đó tại Pháp và Bỉ. Lần này ông đi Bruxelles để giải quyết công việc làm ăn. Ông hỏi tôi có bằng lòng đi xe lửa ra tận mũi Dover để tiễn chân ông không ?

Tôi rất vui mừng. Đây chính là vai trò của một bí thư thân cận nhất. Tôi sẽ được phép tiễn chân ông vào lục địa, vào Âu Châu, miền đất xa vời, mờ ảo và đầy thú ăn chơi kia !

Dạo trước tôi đã được đi xe lửa một lần tới Brighton dĩ nhiên mua vé hạng bét. Lần này tôi đi hạng nhất, có phòng riêng. Thiếu tá Gillam dẫn tôi sang toa bán đồ ăn trang hoàng rất cầu kỳ ghế nệm rập rình như ngồi trên mây. Tôi nhấm nháp phó mai với bánh sữa khô, tự cảm thấy mình sang trọng không kém những người thượng lưu đang ngồi xung quanh.

Tới bến tàu, Thiếu Tá Gillam chào tạm biệt. Lúc đó không hiểu sao tôi chợt hôn má ông một cái thật nhanh.

Quay về ga xe lửa, người tôi như lơ lửng trên không. Tôi ghé vào một trạm điện tín và trong lúc hứng chí đánh một bức điện tín như sau :

MONG ÔNG ĐẾN NƠI BÌNH AN. YÊU NHIỀU. LILY.

Tôi cảm thấy mình hơi bạo phổi và có vẻ đòn phép. Dù sao, giữa chúng tôi dường như đã có một cái gì vừa êm ái vừa ngọt ngào.

Khi Thiếu Tá Gillam trở về, ông lại mời tôi đi ăn, và một lần nữa tôi nhận lời. Ông dẫn tôi tới quán Hỏa Tinh. Tuy quán này không đồ sộ, màn treo cửa đóng, như những nhà hàng lớn gần đường Bond Street, nhưng tôi thích bầu không khí ấm cúng ở đây. Viên quản lý cúi đầu chào và dẫn chúng tôi tới một chiếc bàn có đặt đèn hồng, ánh sáng tỏa ra mờ ảo. Các bàn bên cạnh chật ních những nam nữ nghệ sĩ sân khấu ăn mặc như đi dạ hội. Sự có mặt của họ làm tôi thích thú. Thiếu Tá Gillam gọi món cá lưỡi trâu, món đặc biệt tại quán này. Tôi ăn một cách say sưa đến độ quên cả nói chuyện, và khi ông quay mặt đi tôi nhét luôn cả chiếc xương mềm mục vào miệng.

Quán Hỏa Tinh trở thành địa điểm thăm viếng hàng tuần của chúng tôi. Những hôm đi ăn, tôi luôn luôn khoác chiếc *áo mỏi* bằng sa tanh đen, và trong khi ăn tôi cũng không cởi ra nên mỗi lần tôi cúi về phía trước là viền cổ áo lại quệt vào đĩa đồ ăn. Thiếu Tá Gillam nhắc tôi :

— Khéo không dơ áo... Đáng lẽ cô nên cởi bớt áo khoác trong khi ăn.

Rồi bằng một giọng vừa dịu dàng vừa thân mật, ông bắt đầu dạy tôi cách ăn uống theo phép lịch sự, cách dùng dao xẻ cá để lấy xương cá ra, cách chế thêm đồ gia vị — hồi còn ở viện mồ côi, chẳng bao giờ có muối hay hạt tiêu đặt trên bàn—. Ông dặn tôi đừng chống khuỷu tay lên bàn, đừng

múa dao và nĩa loạn lên trong khi ăn, ăn xong thì chập dao và nĩa lại đặt lên trên đĩa để bồi mang đi. Ông dạy tôi cách ngồi bình thản đợi món ăn đem lên, đừng ngó trước ngó sau tỏ vẻ sốt ruột. Khi đĩa đồ ăn đặt trước mặt rồi cũng phải đợi người ta xắp xếp xong các món phụ tùng đã rồi mới bắt đầu cầm nĩa — tôi nhớ lại hồi trước, đĩa thức ăn vừa đặt xuống là tôi tấn công liền như thể nếu không ăn nhanh người khác sẽ cướp mất —. Ông còn dạy tôi rất nhiều, từ cử chỉ dáng điệu cho đến lời ăn tiếng nói, không xót một thứ gì.

Khi đề cập tới quần áo, ông nói với vẻ thận trọng :

— Này Lily, điều mà tôi sắp nói có thể làm cô khó chịu, nhưng tôi phải nói. Cô nên thay đổi y phục, đừng mặc mãi bộ quần áo này. Tôi sẽ giúp cô giải quyết vụ này.

Trong một phút bàng hoàng, tôi khóc thầm : thì ra bộ quần áo này không đẹp như tôi tưởng !

Ông giải thích ngay :

— Như cô đã biết, cô chính là đại diện của hãng, cô cần phải ăn mặc cho tươm tất để thiên hạ nhìn vào và tin tưởng rằng hãng chúng ta đang hồi phát đạt. Chắc cô hiểu tôi muốn nói gì ?

Trong lúc bất ngờ, tôi chưa kịp hiểu hết ý nghĩa câu nói của ông, nhưng tôi cũng trả lời :

— Thưa ông, đương nhiên tôi hiểu.

— Tốt lắm. Vậy cô đừng nghĩ rằng tôi có ẩn ý gì. Tôi muốn đưa cô tới tiệm may để may một

chiếc áo mới...

Tôi giật mình nhìn lên, nhưng ông tiếp ngay :

— Cô đừng lo. Đây hoàn toàn là công chuyện làm ăn. Cô không nợ gì tôi hết.

Thực ra cũng không hẳn là tôi giật mình lo sợ. Nghi ngờ thiện ý của Thiếu tá Gillam là một điều thất kính. Tôi chỉ ngạc nhiên vì một người hào hoa, từng trải và quý phái như ông mà lại để ý săn sóc đến một con bé quê mùa và nghèo túng như tôi. Tôi tự hỏi phải chăng vì tôi đẹp ? Ông đã cho tôi một món quà quý giá nhất đời, cho tôi cảm tưởng rằng mình đẹp.

Thiếu Tá Gillam dẫn tôi tới tiệm may. Tôi chọn một chiếc áo màu huyết dụ với viền cổ bằng nhung đen. Ông gật gù tán thưởng :

— Đẹp tuyệt. Từ giờ trở đi khỏi sợ quét hết các đồ ăn.

Tôi bật cười khúc khích, ông tiếp :

— Rồi, bây giờ cần thêm một chiếc mũ, chiếc cô đang đội không hợp. Và còn phải mua thêm một đôi giày, một sắc tay và một đôi găng nữa cho đủ bộ. À, da tay cô hình như khô quá phải không ? Tôi biết mấy cô thiếu nữ thường thoa tay bằng glycerine và nước hoa hồng trước khi đi ngủ. Để tôi mua cho cô dùng thử nghe.

Rồi ông dạy tôi cách săn sóc móng tay và mua cho tôi một bộ đồ sửa móng tay gồm cái kềm bấm giũa đủ thứ.

— Sao cô không đi tiệm uốn lại tóc.

Tôi hơi tự ái :

— Ông không thích kiểu tóc của tôi hiện giờ sao ?

Ông cười giã lã :

— Không phải vậy. Tóc của cô hiện đã đẹp lắm rồi, nhưng tôi muốn nói thợ uốn tóc có thể sửa sang thêm đôi chút.

Tôi cứng họng, muốn cãi không được, muốn giận cũng không xong.

Dần dần, tôi tìm hiểu được thêm vài điều về con người của Thiếu Tá Gillam. Ông đã đoạt được huy chương D.S.O. (Distinguished Service Order) nhờ chiến công tại Gallipoli, nhưng không bao giờ ông khoe khoang về thành tích của mình. Ông còn độc thân, bốn mươi hai tuổi — lớn hơn tôi hai mươi lăm tuổi — sinh tại Birmingham. Trước chiến tranh, ông rất mê viết văn và sân khấu, từng là hội viên nồng cốt của Hội Kịch Nghệ Birmingham và thường diễn chung với Cedric Hardwicke, Melville Cooper và một số nghệ sĩ khác về sau đều nổi tiếng. Nhưng vì gia đình phản đối cái nghề *xướng ca vô loại* này, ông gia nhập hiệp hội kỹ nghệ sắt thép H.M. Tennant & Sons. Tuy xuất thân từ một gia đình trung lưu nền nếp, ông đã từng lăn lộn với đời và tiếp xúc với đủ mọi lớp người. Được một người lịch duyệt như ông chỉ dạy là điều may mắn nhất đời.

Ông thầy tận tâm bao nhiêu thì học trò chăm chỉ bấy nhiêu. Tôi ham học, muốn biết cách giao

tế, muốn sửa giọng nói phảng phất âm điệu Cockney của mình — cũng may tôi sống tám năm trong viện mồ côi nên không đến nỗi nói đặc giọng Cockney như những người khác tại khu Đông —. Càng ở gần Thiếu Tá Gillam, tôi càng chú ý đến việc sửa giọng. Tôi kể hết cho ông nghe về cuộc đời tôi, từ những ngày cực khổ khi còn bé cho đến lúc bơ vơ trong viện mồ côi. Tôi tin tưởng ở ông, coi ông như người đỡ đầu để giúp tôi trở thành một thiếu nữ lịch lãm, không làm mất mặt ông khi đi ăn tại quán Hỏa Tinh hoặc khi làm đại diện cho hãng.

Một buổi tối, sau khi hết việc, Thiếu Tá Gillam nói với tôi :

— Tôi phải về nhà thay quần áo để đi dự tiệc do Trung Đoàn khoản đãi. Cô muốn ghé thăm phòng tôi một chút không ?

Tôi theo ông tới một tòa building to lớn. Người giữ thang máy ngả đầu chào và mở cửa thang máy cho chúng tôi bước vào. Tôi thầm nghĩ : sống trong một tòa nhà có thang máy oai thật.

Thiếu Tá Gillam dùng chìa khóa mở cửa và dẫn tôi vào một phòng khách ấm cúng, phía trong là phòng ngủ và nhà tắm cực kỳ xinh xắn. Ông nói :

— Ở đây không có bếp. Thức ăn đã có bồi đem vào.

Tôi gieo mình trên một chiếc ghế nệm da. Ông hỏi tôi có uống gì không, tôi lắc đầu. Rượu đối với tôi vô vị, chỉ có thức ăn là hấp dẫn. Như đọc

được ý tưởng trong đầu tôi, ông nói :

— Để tôi gọi người đem thứ gì lên cho cô ăn nhé.

Ông bấm chuông và một anh bồi xuất hiện. Ông bảo anh ta đi lấy một ít bánh bích quy và một chai bia gừng.

Thiếu tá Gillam uống rượu, tôi ăn bánh và uống bia, hai người ngồi nói chuyện một cách thoải mái. Ông cho tôi biết thêm về ông. Thực ra hoài bảo của ông không đặt vào sắt thép hay các món đồ *lẩm cẩm*. Ông muốn viết văn. Ông dành một số giờ để đọc thêm sách tại Viện Bảo Tàng Anh, khảo cứu về lịch sử và các ngành nghệ thuật cổ xưa, viết bài và gửi cho các báo. Ông tự biết Công Ty John Graham không phát đạt như ông mong muốn, ít ra cũng phải có một nghề phụ để phòng khi bất trắc. Công việc kinh doanh hiện thời đều do một bà chị rất giàu tài trợ, ông không muốn làm chị ông thất vọng. Ông cho tôi xem một bức hình chụp chung với bà chị khi rời điện Buckingham với chiếc huy chương D.S.O. Bà ta có vẻ hãnh diện lắm. Ông nhắc tới bà chị với giọng trìu mến pha thêm chút kính trọng. Tuy hiện thời công việc làm ăn bê trễ, nhưng ông hy vọng sẽ vãn hồi được. Ông rất tin tưởng ở chi nhánh đồ *lẩm cẩm* do tôi đảm nhiệm. Tôi hứa sẽ cố gắng. Ông hôn tôi thật nhẹ nhưng tôi cũng cảm thấy vị ngọt ngào. Ông nhìn tôi một giây rồi lại hôn tôi, lần này nồng nhiệt hơn, và tôi *đáp lễ* cũng say

đắm không kém. Thực ra lúc đó tôi hoàn toàn ngây ngất, chẳng còn chút tự chủ nào. Tất cả mọi việc đều có thể xảy ra... nhưng chẳng có việc gì xảy ra. Ông chợt đứng dậy, nhìn đồng hồ :

— Tôi phải tắm và thay quần áo. Đến giờ rồi.

Và ông bỏ vào phòng trong.

Tôi không nghĩ rằng mình đã lầm lẫn khi tới phòng của Thiếu Tá Gillam hoặc khi để ông hôn. Tôi có lý do riêng mà chỉ mình tôi biết.

Khi ông từ phòng trong bước ra, tôi há hốc miệng. Với bộ quân phục chỉnh tề, thanh kiếm lủng lẳng bên hông và những mề đay sáng chói trước ngực, trông ông oai như một vị tướng, đẹp trai hết chỗ chê ! Ông nói :

— Bây giờ chúng ta đi.

Bỗng tôi cảm thấy chưa muốn rời căn phòng ấm cúng này, tôi ngần ngừ :

— Ông đi trước đi. Tôi muốn ở lại đây chơi thêm một lát, ông bằng lòng chứ ?

Ông trả lời với vẻ hơi ngạc nhiên :

— Dĩ nhiên... cô cứ tự nhiên như ở nhà. À, cô cần dùng gì thêm không.

Ông đưa mắt nhìn đĩa bánh và chai bia đã cạn. Tôi bẽn lẽn trả lời :

— Như vậy đủ rồi. Tôi chỉ muốn ngồi thêm một chút trong căn phòng ấm cúng này...

Tôi tiễn ông ra cửa. Ông nhìn thẳng vào mặt tôi một lát rồi chậm rãi mỉm cười :

— Cô quả là một cô bé ngây thơ.

Rồi ông hôn tôi và đi thẳng.

Miệng nhấm nháp chiếc bánh, tôi đi vơ vẩn trong phòng, sờ vật này, mó vật kia, ngắm những bức ảnh trên tường. Có một bức ảnh màu chụp một cậu bé mới khoảng hai ba tuổi, chắc là Gillam. Thật là một cậu bé khôi ngô ! Rời những bức hình, tôi lần mò vào phòng ngủ nghịch n a thứ vật dụng của đàn ông như dao cạo râu, nước hoa bôi mặt, phấn bột. Nghịch mãi cũng chán, tôi nhòm vào phòng tắm. Tuyệt. Tường và sàn lát gạch bông, bồn tắm to tướng men trắng sáng loáng, một bánh xà phòng mới nằm ngay ngắn trong hộp, và một chiếc bàn chải cán dài để kỳ lưng. Không cần nghĩ ngợi gì, tôi cởi quần áo và nhảy vào bồn. Sau gần một tiếng đồng hồ ngâm mình trong nước và thưởng thức mùi thơm dìu dịu của thứ xà phòng đắt tiền, tôi mới chịu bước ra, mặc quần áo, xắp gọn các đồ vật đâu đấy, rồi về nhà.

Tuần nào Thiếu Tá Gillam cũng dự tiệc đôi ba lần. Tôi thường theo ông tới căn phòng ấm cúng kia để thưởng thức bánh ngọt, bia gừng và chiếc bồn tắm rộng mênh mông.

Có lần đang ngồi ngâm mình trong bồn nước ấm, tay lơ đãng dùng bàn chải kỳ lưng, tôi chợt nảy ra một ý tưởng ngộ nghĩnh : Giả thử mình trở thành Bà John Graham Gillam thì sao nhỉ ? Nhưng tôi lập tức xua đuổi ý nghĩ này ngay. Ông ta lớn tuổi hơn tôi nhiều, và đời nào ông ta chịu

lấy *Lily Sheil*. Ở sở, thỉnh thoảng ông khen « *Cô nương đẹp lắm* » và nếu trong phòng không có ai ông hôn trộm tôi một cái thật nhanh. Có lần ông còn nói thêm nửa đùa nửa thật « *ước gì tôi lấy được cô, chỉ phải cái tội còn mắc nợ bà chị tôi nhiều quá*. Dĩ nhiên tôi không tin ông nói thật. Ông là người *độc thân muôn thuở*, không khi nào ông phá lệ cưới tôi. Có thể ông thấy tôi có vài điểm dễ thương thì cao hứng nói vậy, chứ muôn đời tôi vẫn chỉ là một người con đỡ đầu của ông, không hơn không kém.

6.

TÔI ĐANG ĐỨNG BÁN HÀNG TRONG một gian hàng nhỏ tại hội chợ triển lãm sản phẩm nội hóa do nhật báo *Daily Mail* tổ chức.

— Thưa bà, mời bà ghé vào xem chiếc đèn tự động của chúng tôi. Đây, mời bà xem. Nhấc lên, đèn sáng. Nhấc lên lần nữa, đèn tắt. Hoàn toàn tự động, có một không hai...

Từ nãy đến giờ, một gã thanh niên tóc hung khoảng hăm lăm tuổi không ngớt lảng vảng trước gian hàng và ngó tôi chầm chập. Trước đây hai mươi phút, gã ghé vào mua một chiếc đèn rồi bắt đầu trồng cây si. Chờ lúc gian hàng không có khách, gã thu hết can đảm tiến về phía tôi và nói một cách hấp tấp :

— Thưa cô, tôi biết cô sẽ từ chối nhưng tôi vẫn phải hỏi. Cô có vui lòng đi dùng cơm với tôi chiều thứ bảy này không ? Sau đó đi ciné nữa ?

Thế là từ đó tôi quen George Nelson, chủ tiệm bán thực phẩm. Một hôm, gã dẫn tôi về nhà và giới thiệu với bà cụ và cô em gái tên là Helen. George biết nhiều chỗ ăn chơi và nhảy rất cừ. Những chiều Thiếu Tá Gillam đi ăn với bà chị hoặc tới những nơi hội hè, tôi không còn bơ vơ nữa. Helen, em ruột gã, hơn tôi một tuổi. George khoe với tôi rằng Helen đang được một nhà triệu phú theo đuổi. Tôi giật mình hỏi lại :

— Triệu phú ? Nghĩa là ông ta có một triệu Anh kim ?

George gật đầu ra vẻ thành thạo :

— Phải nói gần hai triệu mới đúng. Tên là Monte Collins, tài sản rải rác khắp Luân Đôn, tiền ném qua cửa sổ không hết, mê Helen như điếu đổ.

Rồi George kể lại cuộc đời ngang dọc của nhà triệu phú Collins. Hồi còn trẻ kiếm tiền như nước, tiêu tiền như rác, ăn chơi nức tiếng hào hoa, đàn bà gạt ra không hết. Đến năm bốn mươi bảy tuổi, dường như ông đã chán cuộc sống tung tẩy, muốn dừng chân lại để hưởng không khí gia đình. Ông muốn cưới một cô gái nết na ngoan ngoãn, đủ sức đảm đang công việc nhà và nuôi dạy con cái để chúng xứng đáng mang họ ông.

Ít lâu sau, George báo cho tôi một tin giật gân : ông Collins sẽ đưa Helen đi xem hát tại rạp Duke of York sang trọng nhất Luân Đôn, mời luôn cả gã và tôi. Trên đường tới rạp hát, ông sẽ đón

Helen và George trước rồi ghé vào đón tôi sau. Gã còn khoe thêm rằng ông Collins đã gặp mặt mẹ gã và cuộc đi chơi này sẽ là nhịp cầu để ông ta bước vào gia đình gã.

Sau khi suôi ngược các tiệm, tôi mướn được một chiếc áo dài dạ hội màu xanh lá cây và một áo choàng đen ngắn tay. Vừa thử chiếc áo dài, tôi vừa nghĩ ngợi vẩn vơ. Giá thử ông Collins để ý đến mình thay vì Helen thì sao nhỉ ? Biết đâu ông ta chẳng mê mình tít thò lò, muốn cưới mình làm vợ, rồi để lại gia tài cho mình ? Chắc Thiếu Tá Gillam sẽ hài lòng khi thấy cô học trò vớ được một ông triệu phú chính hiệu. Dù sao, mình cũng chưa nên nói cho Thiếu Tá biết vụ này.

Trang điểm xong, tôi tới bên cửa sổ đứng chờ. Có tiếng kèn xe hơi, tôi nhòm xuống đường và thấy một chiếc xe vĩ đại sơn đen bóng loáng dừng lại trước cửa nhà trọ. Đúng là một chiếc Rolls Royce mà chỉ bọn người rất thừa tiền mới dám dùng. Anh tài xế mặc đồng phục mở cửa xe, George bước xuống và chạy vào bấm chuông nhà trọ.

Bằng một cử chỉ hết sức khoan thai, tôi bước ra và George đỡ tôi lên xe. Trên băng sau có Helen mặc đồ xanh và một người đàn ông to béo nặng nề và hơi lùn. Dưới ánh sáng lờ mờ của ngọn đèn nhỏ trên mui xe, tôi nhận ra da mặt ông hồng hào v.. chưa có vẻ già lắm, trừ mí mắt dưới đã chảy xuống như hai cái túi. Ông chào tôi

bằng một giọng nhẹ nhàng rồi nhích vào gần Helen hơn để nhường chỗ cho tôi.

George ngồi băng đằng trước, bên cạnh tài xế. Tôi và Helen ngồi hai bên ông Collins, mùi phấn bột và nước hoa đàn ông từ người ông tỏa ra xực nức.

Ngoài tiếng cười khúc khích và tiếng nói chuyện ồn ẻn của Helen, trên xe hoàn toàn yên lặng. Khi đến rạp, ông Collins dẫn cả bọn lên ngăn dành riêng trên bao lơn. Helen và tôi ngồi hai ghế phía trước, còn ông Collins và George ngồi sau lưng chúng tôi. Tôi không nhớ chút gì về vở tuồng tối hôm đó, nhưng biết chắc cặp mắt của ông Collins không lúc nào rời lưng tôi. Tôi không dám quay lại sợ chạm phải tia nhìn *nhọn hoắt* của ông, lúc nào cũng như muốn soi thủng lưng tôi.

Khi lên xe trở về, ông Collins đề nghị :

— Bây giờ, mời tất cả ghé nhà tôi để nhắp chút sâm banh.

Khi đến nơi, một anh bồi trịnh trọng mở cửa và chúng tôi bước vào một căn phòng rộng mông mênh, trải thảm dày cộm, trang hoàng toàn màu đen và vàng nói lên chiều sâu của sự giàu sang.

Anh bồi lúc nãy quay lại với một khay đầy săng uých cỡ nhỏ và một sô dựng nước đá ló lên một chai sâm banh. George luôn luôn quấn quít bên tôi nên ông Collins ít có dịp lại gần, nhưng cứ nhìn cặp mắt ông đủ biết rất muốn nói chuyện với tôi. Cuối cùng ông tìm ra cơ hội và không

rời tôi nữa. Mặt Helen mỗi lúc một xụ thêm. Tôi cảm thấy thương hại nàng nhưng không thể bỏ lỡ dịp may của tôi. Một nhà triệu phú !

Ông Collins rót thêm rượu sâm banh cho mọi người. Khi ông trao ly rượu cho tôi, tôi bỗng trở nên bạo dạn ghê gớm. Tôi nhìn thẳng vào mắt ông, nâng ly và nói một cách hết sức tự nhiên :

— Hãy uống mừng tình bạn của chúng ta !

Tôi chợt thấy trên môi George nở một nụ cười sượng ngắt và mặt Helen tái đi. Hai người đã bắt gặp ánh mắt chúng tôi quyện vào nhau đầy ngụ ý. Rồi tất cả cùng cụng ly và nói :

— Uống mừng tình bạn của chúng ta.

Tôi vừa uống vừa cảm thấy ruột mình nở lên bồng bồng, không phải vì men rượu, mà vì sung sướng. Thời cơ đã tới, ông Collins đã nói với tôi trăm lời hứa hẹn qua ánh mắt.

Trước khi ra xe, George cố tìm cách vớt vát lại những gì đã mất. Gã đề nghị với ông Collins.

— Lily ở gần đây hơn, chúng ta nên đưa nàng về trước,

Ông Collins nói với vẻ lạnh lùng :

— Không, tôi sẽ đưa anh và Helen về trước.

George đỏ mặt nhưng không nói gì.

Khi mọi người đứng dậy, tôi bỗng cảm thấy tức bụng ghê gớm. Từ xưa đến giờ tôi chưa từng uống rượu sâm banh, vừa rồi lại uống nhiều quá. Tôi cần phải viếng nhà sau ngay nhưng làm thế nào bây giờ. Chẳng lẽ lại đi hỏi một nhà triệu phú

như ông Collins «*Ông ơi, phòng vệ sinh ở chỗ nào hả ông?*» để ông cười vào mũi cho hay sao. Ngồi trên xe, bụng tôi càng óc ách. Trời ơi, phải kiếm chỗ giải quyết ngay, nếu không chắc tôi... vỡ bụng ra mà chết mất... Khi xe ngừng lại để thả Helen và George xuống, mấy lần tôi định liều mình đứng dậy xin lỗi mọi người để chạy, à không phải, để đi vào nhà Helen một lát — chạy chắc chết lẹ — nhưng lại không dám.

Tôi quyết định sẽ ráng nhịn bằng mọi giá để về đến nhà. Phải cố quên chiếc bụng tai hại của mình đi.

Nhưng làm sao quên nổi. Chiếc xe chạy chậm rì thế này biết đời nào mới tới. Ông Collins luôn miệng hỏi chuyện nhưng tôi chỉ ậm ừ trả lời vì còn bận nín thở, người nhấp nhổm hết bên này đến bên kia. Không hiểu ông có thấy vẻ mặt khác lạ của tôi lúc đó không? Cuối cùng thiên nhiên đã thắng ý chí con người. Tôi cố kháng cự một cách tuyệt vọng, đau đớn, xấu hổ. Bụng tôi nhẹ đi dần dần...

Tôi cố bám víu vào một tia hy vọng mong manh: Chiếc *nệm này màu xám, có khi không để lại dấu vết gì, cũng có thể ông ta không để ý. Trời ơi, tôi muốn chết.*

Chiếc xe dừng lại trước ngôi nhà trọ. Ông Collins bật chiếc đèn nhỏ trên mui xe rồi chui ra trước để đỡ tôi xuống. Tôi vừa khom mình bước ra vừa liếc mắt nhìn chỗ nệm xe vừa ngồi: một khoảng tròn xẫm to bằng cái đấu. Tôi suýt ngất

xỉu với ý tưởng sẽ bị người ta khinh bỉ. Trời ơi, lại còn bộ quần áo đi mượn nữa, tôi sẽ phải tính sao đây!

Đêm hôm đó, nằm trong giường mà tôi khóc ngất. Chắc tôi sẽ không bao giờ gặp lại ông ta nữa. Ông ta là một nhà triệu phú. Chính tôi đã làm lỡ dịp may nhất đời. Nếu không, biết đâu tôi chẳng trở thành bà triệu phú!

Ngày hôm sau tôi nhận được một cú điện thoại của ông Collins mời tôi dùng cơm trưa tại Skindles. Tôi thở phào, thì ra ông ta không để ý đến chiếc nệm xe.

Trong bữa ăn, ông Collins hỏi tôi rất nhiều chuyện. Tôi dè dặt trả lời, chỉ nói những điều đáng nói. Khi ra về, ông giúp tôi mặc áo choàng và khẽ hất đầu về phía cuối phòng:

— Nhà tắm ở cuối hành lang kia.

Trời ơi, vậy ra ông đã nhìn thấy chiếc nệm. Nhưng không sao, ông vẫn mời tôi đi ăn và chiều chuộng tôi hết mình. Giấc mộng của tôi vẫn còn hy vọng trở thành sự thật. Dường như trong cái rủi có cái may. Rất có thể *chiếc nệm xe* kia là một bằng chứng hùng hồn rằng tôi là một cô gái hoàn toàn ngây thơ nhút nhát, một cô gái nhà lành mà ông dụng tâm tìm kiếm bấy lâu. Lấy tôi tức là lấy được một người vợ đẹp, nết na, nghèo và biết ơn chồng.

Ông Collins ra mặt theo đuổi tôi và bỏ rơi Helen. Mỗi tuần nhà triệu phú gặp tôi hai lần vào

tối thứ tư và tối chủ nhật. Những tối khác tôi vẫn thuộc quyền của Thiếu Tá Gillam. Tôi vẫn thường xuyên theo ông về nhà để nhấm nháp bích quy với bia gừng và nhảy vào chiếc bồn tắm to lớn kia vẫy vùng cho thỏa thích. Thỉnh thoảng chúng tôi vặn nhạc và khiêu vũ tay đôi : ông vốn là một tay nhẩy trứ danh lại thêm nụ hôn ngọt lịm khiến tôi như tỉnh như say. Trong tay ông, tôi cảm thấy lòng mình ấm hẳn lại, tim tôi rung động bồi hồi...

Trái lại, khi ở gần ông Collins, tôi không tìm thấy ở ông ta một sức lôi cuốn nào. Những buổi gặp mặt thường lệ chỉ mang lại cho tôi cảm giác rằng mình là một món đồ chơi cho mướn. Mỗi chủ nhật, trời vừa xâm xẩm tối là anh tài xế đánh chiếc Rolls Royce tới nhà trọ đón tôi và những người hàng xóm lại có dịp xầm xì bàn tán. Tôi rất thích đi xe hơi nhưng ý tưởng sắp phải gặp ông Collins làm tôi cụt hứng.

Ông Collins thường mặc dạ phục bằng nhung đen đích thân ra mở cửa đón tôi cho có vẻ *trịnh trọng*. Sau đó ông *trịnh trọng* hôn má tôi, *trịnh trọng* giúp tôi cởi áo choàng và mũ, rồi *trịnh trọng* dẫn tôi tới chiếc trường kỷ vĩ đại — cái gì cũng *trịnh trọng* làm tôi phát ngấy. Trước mặt chúng tôi là một chiếc bàn thấp nạm vàng sáng lóng lánh, trên bàn có để sẵn một chai sâm banh ngâm nước đá và bánh săng uých.

Sau nhiều lần gặp gỡ, tôi để ý thấy rằng ông Collins không nặng nề chậm chạp như tôi tưởng.

Bàn chân ông rất nhỏ, mắt đen phảng phất vẻ buồn, tóc đen mượt trông như ướt mà không ướt. Ông nói năng chậm rãi và gẫy gọn, thỉnh thoảng đưa mắt nhìn tôi thật nhanh như thể muốn bắt chợt một cử chỉ vô ý của tôi.

Ngồi với ông Collins trong phòng, tôi cảm thấy mình bị giam hãm. Những bức màn bằng nỉ đen chỉ vàng dày cộm luôn luôn bít kín các khung cửa sổ cao vời vợi những tấm thảm đen thêu hoa vàng, những đồ trang trí đen và vàng... đâu đâu cũng chỉ toàn một màu đen và vàng làm tôi ngộp thở. Căn phòng của Thiếu Tá Gillam nhỏ hơn nhưng ấm cúng, mời mọc hơn. Không khí ở đây có vẻ kiểu cách giả tạo quá. Muốn là một người giàu phải sống như vậy sao ?

Tôi lắng nghe ông Collins nói chuyện, nói về đoạn đời đầy hoạt động hồi ông còn trẻ và công việc làm ăn hiện tại để tích lũy thêm cho cái gia tài kếch sù mà ông đang cai quản. Tôi cố nghĩ ra câu để đối đáp cho xuôi chuyện. Buồn tẻ, nhạt phèo.

Nhưng rồi buổi tối cũng qua đi và khi chia tay một lần nữa ông Collins trịnh trọng hôn má tôi rồi sai tài xế đưa tôi về nhà.

Những tối thứ tư, ông Collins đưa tôi đi ăn tại Café de Paris, một trong những nhà hàng khiêu vũ sang trọng nhất Luân Đôn. Chiếc Rolls Royce đậu trước cửa nhà trọ và ông Collins ngồi tại băng sau đợi tôi. Khi tôi bước ra, ông đỡ tôi lên xe, không

bao giờ quên hôn má tôi một cách trịnh trọng. Khi đã ngồi yên trên xe, ông trịnh trọng trao cho tôi một hộp sô cô la đắt tiền, và khi tôi bỏ từng miếng vào miệng nhai một cách ngon lành, ông mỉm cười nhắc :

— Đừng ăn nhiều quá. mất ngon, Lily ạ.

Tôi lắc đầu, hóm hỉnh trả lời :

— Ông đừng lo, từng này mà thấm vào đâu.

Tới nhà hàng, tôi gọi món cá nướng mà tôi thèm từ lâu. Trong khi tôi ăn, cặp mắt ông không lúc nào rời khỏi mặt tôi — tôi nhìn đĩa cá nướng như thế nào thì ông nhìn tôi y như vậy. — Tráng miệng xong, ông mời tôi hút thuốc. Tôi rút một điếu và trầm ngâm nhả khói, ra vẻ là một cô gái ăn chơi lịch lãm lắm. Sau đó, ông mời tôi nhảy và tôi luôn luôn chiều lòng ông. Bước chân ông nặng nề, đúng là một người đang đi bộ. Vừa *đi bộ* quanh phòng, ông vừa khe khẽ hát một bản nhạc phổ thông :

Người đó là em
Người đó là em
Sau khi đi trọn đường trần
Anh đã gặp được người trong mộng
Người mà anh đem chân tình gửi trọn
Người làm anh buồn khổ, sướng vui...
Dù trăm điều lầm lỗi, em ơi
Thì em vẫn là người anh yêu dấu.

Lâu lâu ông lại ngả người về phía sau để chiêm ngưỡng tôi, nhìn tôi bằng cặp mắt đen buồn vời vợi, như thầm nói lời hứa hẹn mai sau...

Nhưng tôi vẫn không thích ông, không thích nhảy với một người vừa bước vừa thở phì phò vừa dí miệng vào tai tôi hát ca lảm nhảm. Nhảy với ông mà mắt tôi nhìn những người đàn ông khác, mảnh khảnh hơn, bay bướm hơn. Trời ơi, giá có Gillam ở đây thì thú biết mấy ! Gã thanh niên tóc vàng dong dỏng kia cũng được đấy chứ...

— Lily. em tống tình gã đó đấy à ?

Giọng Collins có vẻ cay cú, bực dọc. Tôi giật mình, vội cải chính :

— Đâu có, em chỉ nhìn gã thôi mà...

Chúng tôi tiếp tục nhảy nhưng hồn tôi để tận đâu đâu, mắt tôi vẫn không rời những chàng trai phong lưu mã thượng, những hoàng tử giữa chốn ăn chơi. Được một lát, Collins lại càu nhàu :

— Lily, em vừa cười với gã phải không ?

— Em đâu có cười... Thật mà !

Chắc Collins tự cho mình cao giá, tự cho rằng ông lấy ai là ban ơn cho người đó. Tôi hiện là thí sinh, còn ông là giám khảo. Nếu tôi theo đúng ý ông, tôi sẽ được ông chọn, sẽ giàu sang phú quí. Tôi buồn rầu tự hỏi giàu sang đã chắc là *chân hạnh phúc* chưa ? Phải chăng những giấc mộng mà tôi hằng ấp ủ, cuộc phiêu lưu mà tôi từng dấn bước, sẽ chấm dứt nơi đây ?

Ông Collins chưa bao giờ hôn môi tôi, mơn trớn vuốt ve tôi, hoặc tỏ những cử chỉ dịu dàng tha thiết. Tôi cảm thấy ông không thực sự yêu tôi mà chỉ muốn mua tôi như món đồ trang sức.

Ông quan sát, ngắm nghía tôi một cách cẩn thận như khi người ta chọn một món hàng. Tôi vẫn ao ước lấy được chồng giàu, nhưng giá người đó đừng là ông Monte Collins.

Tôi không hề cho Thiếu Tá Gillam biết về sự theo đuổi của nhà triệu phú Collins. Có lẽ không nên cho ông biết thì hơn vì rất có thể ông sẽ tự ái, và vì một lý do nữa tuy mờ ảo nhưng lúc nào cũng bàng bạc trong tôi : Dường như tôi đã yêu ông. Tuy không biết chắc lòng mình, tôi mong đây là sự thật. Tôi biết càng ngày ông càng mắc nợ bà chị nhiều thêm và công ty John Graham đang trên đà xuống dốc, tương lai thật bi đát, nhưng không hiểu sao cứ mỗi lần nghĩ tới ông là lòng tôi lại dạt dào những nỗi bâng khuâng, vừa dịu ngọt vừa êm đềm như dòng suối nhỏ. Có lẽ tôi yêu ông vì ông dịu dàng quá, độ lượng quá, chẳng đòi hỏi gì nơi tôi, lúc nào cũng coi tôi như một nàng tiên bé bỏng có sắc đẹp làm say đắm lòng người. Tôi mến ông vì tính tình phóng khoáng tự nhiên, luôn luôn tươi cười, nhìn đời bằng cặp mắt lạc quan. Dường như đối với ông trên đời này không có việc gì là khó : đời là một cuộc phiêu lưu hứng thú, đầy dẫy những biến cố thăng trầm tại nơi mình đi qua cũng như nơi mình sắp tới.

7.

TRƯỚC NGÀY SINH NHẬT THỨ MƯỜI tám của tôi. Thiếu Tá Johnny Gillam bỗng đưa ra một đề nghị hấp dẫn. Tôi sẽ thay mặt ông đi Ba Lê để mua nước hoa về bán kiếm lời. Ông vừa mượn được thêm một số vốn của bà chị và hy vọng buôn nước hoa Pháp sẽ lời nhiều. Ông lấy cớ rằng vì quá bận không thể tự đi được, nhưng tôi biết đây là nhã ý của ông muốn tôi có dịp đi thăm Thủ Đô Ánh Sáng. Ông gián tiếp tặng tôi một món quà sinh nhật đắt giá.

Tôi như người trên trời rơi xuống, nỗi mừng biết lấy chi cân. Ba Lê, Thủ Đô Ánh Sáng ! Biết đâu tôi chẳng có dịp theo học một trường đào tạo nữ quý phái tại đây. Nhưng không hiểu có đủ thì giờ không nhỉ ? *Thưa ông tôi sẽ ở lại Ba Lê bao lâu* ? Johnny — gọi thế cho thân mật — mỉm cười như lây cái vui của tôi và trả lời *nửa tháng.*

Nửa tháng chưa đủ theo trọn khóa học, nhưng không sao, học được ngày nào hay ngày ấy.

Tôi vội vã đi tìm Monte Collins để báo tin. Ông có vẻ rất xúc động. Sau một hồi trầm ngâm, ông nói :

— Thực tình mà nói, tôi không muốn em đi, Lily ạ. Nhưng chuyến đi này cũng là một điều hay, tôi sẽ có thì giờ để suy nghĩ lại từ đầu... rất có thể khi em về, đời em sẽ có một biến chuyển lớn.

Tôi không để lộ vẻ gì ra mặt. Tôi cũng cần phải suy nghĩ rất nhiều, phải chọn một trong hai con đường. Tôi yêu Johnny điều đó gần như chắc chắn. Nhưng Johnny đâu hiểu lòng tôi, cũng chẳng hề hay biết rằng có một ông giàu sụ đang theo đuổi tôi ráo riết, và chưa chắc tôi đã đủ can đảm để từ chối.

Tới Ba Lê, tìm tới khách sạn mà Johnny đã dành chỗ trước, đặt va ly xuống là tôi đi ngay đến trường đào tạo nữ quý phái, nổi tiếng Cœur de Sévigné. Ông giám đốc có vẻ tức giận. Làm gì có chuyện ghi tên học nửa tháng ? Họa chăng chỉ có trường Berlitz, may ra người ta dễ dãi cho học ít bữa. Tôi thừa biết Berlitz không phải là một trường đào tạo nữ quý phái, nhưng dù sao cũng là một trường Pháp. Thôi thì học đỡ vậy.

Công việc giao dịch cho hãng John Graham thật là dễ dàng và mau lẹ. Ngoài giờ học, tôi có rất nhiều giờ rảnh để đi chơi phố, cưỡi xe buýt từ khu Montmartre tới khu Montparnasse để tắm

mình trong ánh sáng và, thở hít không khí vui tươi nhộn nhịp, hoặc ung dung ngồi trên xe điện ngầm lật cuốn tự điển Pháp — Anh học lại những chữ khó trong trường. Tôi rất chăm học. Chắc chắn không còn ai có thể nghe thấy tôi nói *nước hoa Channel* hoặc *các nàng debuntees* như trước nữa.

Nhớ tới Monte Collins ruột tôi lại rối như tơ vò. Lời ông nói tuy có vẻ thận trọng nhưng đã rõ ràng : ông đang sửa soạn hỏi cưới tôi. Liệu tôi có dám từ chối không ? Tôi là người thế nào mà dám từ chối giàu sang, từ chối một cuộc sống lên xe xuống ngựa, xa lánh hẳn khu Đông bùn lầy nước đọng ? Rồi tôi lại nghĩ tới Johnny, tới sợi dây tình cảm vô hình giữa ông và tôi. Bao nhiêu ý tưởng xung đột nhau dữ dội. Có lúc tôi tin rằng Monte Collins sẽ chết sớm, để lại gia tài hai triệu Anh kim cho tôi, tôi sẽ giúp Johnny trả nợ bà chị, rồi hai đứa làm đám cưới và sống bên nhau hạnh phúc mãi mãi. Nhưng nhỡ Johnny không chịu thì sao nhỉ ? Rất có thể ông chê tôi ham tiền của lão già nhà giàu rồi chẳng thèm ngó ngàng đến tôi. Lúc đó tôi sẽ ở góa — mới mười tám tuổi mà đã phải chịu cảnh góa bụa kể cũng hơi buồn — và sự hy sinh trở nên vô nghĩa. Thế rồi tôi chẳng đi đến quyết định nào dứt khoát.

Đã hết hai tuần mà tôi chưa muốn rời Ba Lê. Giá mà tôi được ở lại thêm nửa tháng nữa tại Berlitz, chắc chắn việc học hành sẽ còn nhiều tiến bộ. Vả

lại tôi sợ phải về Luân Đôn, sợ phải đối phó với những vấn đề phức tạp mà tôi chưa có chủ ý gì nhất định. Tôi viết thư về xin phép Johnny cho tôi ở lại thêm ít lâu. Trong thư tôi nhấn mạnh rằng tôi có thể tìm được vài mối hàng giá rất lời, tiền lời thừa sức chi phí cho khoảng thời gian tôi lưu lại Ba Lê.

Johnny trả lời tôi bằng điện tín, rất vắn tắt : *Không thể gửi thêm tiền cho cô nữa.*

Tôi gấp tờ điện tín và bỏ vào ví, nghẹn ngào. Thế là tôi phải trở về. *Phải trở về.*

Khi tôi quay về khách sạn để thu xếp đồ đạc, anh bồi trao cho tôi một bức thư, người gửi là Monte Collins. Xé vội phong bì, tấm ngân phiếu *một trăm Anh kim* ló ra, bức thư vỏn vẹn mấy dòng :

Em Lily yêu dấu,

Tôi gửi số tiền này cho em vì chợt nghĩ rằng có thể em sẽ cần mua thêm vài chiếc áo trong thời gian em sống tại Ba Lê. Em cứ việc mua sắm cho thỏa thích, đừng hà tiện, em nhé. Khi nào em về, tôi sẽ có một câu hỏi quan trọng để hỏi em.

Tôi như người sắp chết đuối vớ được phao. Một trăm Anh kim, tương đương với năm trăm Mỹ kim hồi đó và gần hai ngàn Mỹ kim bây giờ! Bỗng dưng tôi thay đổi quan niệm, nhìn Monte với cặp mắt đặc biệt hơn. Trong một giây ngắn ngủi, chiếc cửa đưa đến tương lai vụt hé mở để đón nhận một tia sáng tuy mong manh nhưng chói lòa, thúc dục. Tôi chẳng cần suy nghĩ gì thêm, bắt

đầu đi phố sắm sửa. Tôi nhờ một cô bạn học hướng dẫn tới các tiệm may sang trọng để cắt một lô áo màu nhạt. Từ trước tới giờ, hoàn cảnh chỉ cho phép tôi mặc mầu đậm, vì mầu đậm lâu cũ và thông dụng hơn.

Sau khi tủ áo đầy nhóc, tôi tìm đến mỹ viện Elziabeth Arden để họ săn sóc từ da mặt đến chân tay, làm hết các vết nhăn và mẩn đỏ. Tôi còn dám cắt tóc tém cho có vẻ tân thời. Ngồi trong tiệm Elizabeth Arden, tôi sung sướng nhìn mình trong gương, những mớ tóc vàng thi nhau rớt xuống. Tôi nhớ đến thuở nào trong viện mồ côi người ta bắt tôi phải hớt tóc, mỗi lọn tóc rơi xuống là một lần nước mắt tuôn trào. Thuở đó sao mà xa xôi thế.

Nghĩ đến ngày trở về Luân Đôn mà lòng tôi lại rộn rã. Quần áo mới, mặt mới, và một mối tự tin về căn bản tiếng Pháp của mình. Chắc Johnny sẽ ngạc nhiên lắm. Nhất Monte Collins chắc sẽ vô cùng sửng sốt khi thấy *Bà Monte Collins* trở về như một nàng tiên.

•

Gặp lại Johnny, tôi giải thích rằng tôi đã lưu lại Ba Lệ bằng tiền dành dụm được. Tôi phải ở lại vì cần phải học trọn tháng. Chiếc đầu tém của tôi làm ông vừa kinh ngạc vừa thích thú, quên hết những mối bất bình, lờ đi những lời khiển

trách cô phụ tá bất tuân thượng lệnh,

Ngày hôm sau, tôi lựa một chiếc áo thật đẹp khoác vào người rồi tới nhà Monte. Vừa thấy tôi, ông mừng rỡ kéo tôi vào và ngắm từ đầu đến chân rồi từ chân lên đầu khiến tôi đỏ mặt. Tôi bẽn lẽn trút bỏ áo khoác ngoài để lộ chiếc áo dài màu xanh hy vọng. Mặt ông tươi hẳn lên :

— Đẹp lắm, đẹp lắm. Tóc cắt thế này trông em lớn hẳn ra. Tuyệt.

Ruột tôi nở ra từng khúc, nhưng vẫn làm bộ nhõng nhẽo :

— Thế còn chiếc áo này, bộ không đẹp hả ?

— Đẹp lắm chứ. Đâu, em thử quay lưng lại xem.

Tôi quay người một vòng, ông tấm tắc :

— Chiếc áo vừa quá.

Rồi ông dắt tôi đến bên trường kỷ và bảo tôi ngồi xuống. Ông nhìn tôi thật lâu, có vẻ suy nghĩ lung lắm, rồi bất chợt nhếch mép cười và ngồi xuống bên tôi :

—Lily, tôi có món này tặng em.

Ông thong thả móc túi áo vest lấy ra một hộp nhỏ hình vuông, tay mở hộp mắt nhìn tôi chầm chập để theo dõi nét mặt tôi. Tim tôi đập thình thịch : một chiếc nhẫn đính hôn nạm hạt xoàn to tướng. Mắt vẫn không rời khuôn mặt tôi, ông từ từ đeo chiếc nhẫn vào ngón tay áp út của tôi và nói một cách chậm rãi :

— Em sẽ là vợ tôi, Lily ạ.

Ông không hỏi tôi có bằng lòng lấy ông không. Ông tự tin rằng không cần phải hỏi, vì câu trả lời ông đã biết trước. Ông đang ban ân cho người khác thì lo gì người khác từ chối. Thực ra tôi cũng cảm động ngất người. Tôi đưa tay ra ngắm bên này, ngó bên kia, ánh sáng lóng lánh của hạt kim cương làm căn phòng rực rỡ hẳn lên. Ít nhất nó cũng đáng giá mấy ngàn Anh kim. Tôi nói qua hơi thở :

— Đẹp quá ! Cám ơn anh.

Ông mỉm cười cúi xuống, khẽ hôn môi tôi — lần đầu tiên kể từ ngày quen biết—. Tôi nhích lại gần, tựa đầu vào vai ông, tiếp tục ngắm nghía hạt kim cương.

— Em có yêu anh không ?

— Sao anh lại hỏi vậy, em không yêu anh thì yêu ai ?

— Anh cũng yêu em, Lily ạ.

Giọng ông vẫn phảng phất vẻ thận trọng cố hữu, trong khi tôi miên man với chiến thắng. Tôi đã tóm được một ông chồng triệu phú, không còn nghi ngờ gì nữa.

Thấy tôi suýt soa khen chiếc nhẫn mãi, ông gật đầu hài lòng :

— Anh còn mua vật này tặng em...

Và ông lấy ra một chiếc hộp dài bọc nhung đen và trịnh trọng mở ra. Tim tôi muốn ngừng đập : một chiếc vòng đeo tay nạm hàng mấy chục hạt kim cương khiến người nhìn phải chói mắt. Ông từ từ đeo chiếc vòng vào cổ tay tôi, nhưng không hiểu

sao sự xúc động trong lòng tôi chợt lắng hẳn xuống. Lấy những vật này tức là *phải lấy ông ta*. Những lời cám ơn từ miệng tôi thốt ra bỗng trở nên xa vắng, chính tai tôi nghe cũng thấy gượng gạo, ngỡ ngàng.

Nhưng chưa hết, ông còn móc túi áo trong lấy thêm một chiếc hộp nhung khác và, với nụ cười của ông già Noël, gắn vào áo tôi một chiếc kim gài áo nhận hột xoàn.

— Em hãy đứng lên để anh ngắm coi.

Tôi đứng lên như cái máy, lặng người vì sự giàu sang đến với tôi dồn dập quá. *Không hiểu khi gặp Johnny sẽ ra sao nhỉ ? Tôi không hiểu lòng tôi lúc này có thực sự cảm thấy sung sướng hay không nữa. Dù sao những việc đang xảy ra cũng đột ngột quá, kỳ lạ quá. Kỳ lạ, kỳ lạ, kỳ lạ...!*

8.

MỖI CHIỀU CHỦ NHẬT, MONTE ĐƯA tôi đi hóng mát miền quê và thăm viếng các cơ sở của ông. Ông đã ấn định ngày làm lễ cưới : hai tuần sau lễ Phục Sinh. Tôi như người cung trăng rơi xuống. Đi cặp với ông vào những tòa nhà vĩ đại, nhân viên tấp nập rạp mình chào kính khiến tôi luống cuống. Tôi đã chấp nhận bản án chung thân phải làm Bà Monte Collins, một bản án tuy đáng sợ nhưng tôi vô phương chạy trốn. Mỗi lần từ một tòa nhà bước ra, Monte lại hỏi :

— Em có thích ngôi nhà đó không?

Có lúc ông nói thêm, nửa đùa nửa thật :

— Vô số phòng... hà hà... để cho bọn tí nhau của chúng mình ấy mà.

Rồi ông cười có vẻ thích thú với lời pha trò của mình lắm. Nhưng tôi cảm thấy lòng nguội lạnh, thứ cảm giác của người bị mắc hỡm.

Tôi tự hỏi sao ông không kéo tôi vào lòng, ghì thật chặt và hôn tôi một cách say đắm ? Có lẽ lúc đó tôi sẽ tìm thấy ở ông một người *đàn ông* không bị che khuất bởi tiền tài hoặc mùi phấn bột xực nức dầu thơm. Có lẽ lúc đó tôi sẽ mềm lòng, thực sự rung động và yêu ông cuồng nhiệt. Tại sao ông vẫn giữ vẻ khách sáo cố hữu ? Có lẽ ông muốn để dành tôi cho đến ngày cưới. Đã bao nhiêu đàn bà qua tay ông, ông đâu còn những phút bồng bột nhất thời.

Một hôm Monte hỏi tôi :

— Anh muốn đưa em đi nghỉ mát ở Brighton nhân dịp lễ Phục Sinh.

Tôi giật mình, tưởng ông đã nổi máu *chịu chơi* lên, nhưng rồi ông tiếp luôn làm tôi thất vọng :

— Em đừng lo... chúng ta sẽ ở phòng riêng thuộc hai tầng khác nhau.

Cuộc đời biến đổi như trong một giấc mơ : trước kia tôi cũng ở Brighton, nhưng là một con bé nghèo nàn phải đi làm tôi mọi cho người ta, giờ đây tôi có dịp trả thù những ngày tháng cũ. Trở lại Brighton lần này, tôi là một phu nhân tương lai, đầy mình kim cương sáng chói.

Tôi đã nói dối Johnny. Khi ông tuyên bố sẽ phải tháp tùng bà chị đi thăm họ hàng tại Wales và hỏi tôi sẽ làm gì trong dịp Phục Sinh, tôi đã nói xạo với ông là bà Houghton ở thương xá Gamage rủ tôi đi Brighton chơi ít bữa.

Tới Brighton, Monte mướn hai phòng tại đại

khách sạn Metropole. Phòng tôi ở lầu ba và phòng ông lầu bốn. Tối đầu tiên, Monte dẫn tôi xuống tầng dưới dùng cơm, tôi mặc một chiếc áo dài trắng viền kim tuyến, vai trái gắn chiếc kim cài áo nhận hột xoàn, tay đeo nhẫn đính hôn, cổ tay kim cương lấp lánh. Viên quản lý đưa chúng tôi tới một bàn đặc biệt ở sát bên sàn nhảy. Sau khi gọi món ăn, tôi đưa mắt nhìn các cặp đang dìu nhau lả lướt. Chẳng có mặt nào quen. Tôi bắt đầu cảm thấy buồn buồn như người lạc vào một xứ xa lạ.

Bỗng tim tôi đau nhói, một luồng máu nóng chạy rần rần khắp mặt : người ngồi một mình ở bàn sát tường kia chẳng là Johnny thì ai vào đấy. Johnny đang chằm chặp nhìn chúng tôi với vẻ mặt cực kỳ cổ quái. Ông đang nghĩ gì ? Tôi ngồi chết trân.

Johnny chợt đứng phắt dậy, xăm xăm bước về phía chúng tôi. Ông không nhìn tôi mà nhìn thẳng vào mặt Monte, giọng nói trầm trầm nhưng cử chỉ vẫn lịch sự như thường lệ :

— Tôi biết bà này. Tôi có thể nhảy với bà một bản được không ?

Monte giật mình, liếc tôi thật nhanh rồi quay sang nhìn Johnny một cách soi mói. Nét mặt trầm hẳn xuống, đầy vẻ nghi ngờ, ông trả lời một cách miễn cưỡng.

— Được, ông cứ tự nhiên.

Johnny đưa tay mời tôi. Tôi quay lại nhìn Monte rồi vụt tháo chiếc nhẫn ấn vào tay ông và

nói thật nhanh :

— Giữ dùm em một lát.

Johnny dìu tôi ra một góc xa chỗ Monte và hỏi :

— Ai cho cô những kim cương này vậy ?

Biết không thể dấu được nữa, tôi đáp :

— Ông đó. Chúng tôi đã đính hôn. Ông ta muốn lấy tôi.

Góc phòng mà chúng tôi đang nhảy tuy xa nhưng vẫn chưa thoát khỏi tầm mắt của Monte. Ông ta nhìn chúng tôi lom lom như mèo rình chuột, để ý từng cử chỉ, môi tôi, mắt tôi, cách Johnny ôm tôi và cách chúng tôi khiêu vũ. Đột nhiên tôi cảm thấy không thể lấy Monte được, chẳng triệu phú thì đừng. Tôi nép sát vào người Johnny và thầm thì vào tai ông :

— Anh có muốn lấy em không ?

Ngừng lại một giây vì xúc cảm, Johnny bỗng ghì tôi thật chặt làm tôi cơ hồ nghẹt thở :

— Anh muốn chúng mình làm đám cưới, Lily ơi !

— Nhưng bao giờ ?

— Ngay bây giờ, em ạ.

Tôi gật đầu sung sướng :

— Phải rồi, chúng mình làm đám cưới ngay, anh nhé.

Chúng tôi ngừng nhảy, Johnny dìu tôi về bàn cúi đầu chào Monte rồi bước ra ngoài. Theo lời hẹn, tôi sẽ gọi điện thoại cho Johnny vào sáng hôm sau.

Tôi ngồi xuống, người run lên. Monte hỏi với giọng bất mãn thấy rõ :

— Người đó là gì của em ?

— Đó là Thiếu Tá Gillam, ông chủ của em.

Monte cười khẩy, giọng mỉa mai :

— Ông chủ của em hả ? Chắc ông ta yêu em lắm nhỉ ? Nhìn vào là biết ngay.

Ông chợt nắm lấy tay tôi, bóp mạnh và hỏi gằn :

— Em hẫy nói cho tôi biết việc gì đã xảy ra sau lưng tôi ?

Monte đã đi quá trớn. Sự chịu đựng của tôi chỉ có hạn :

— Nếu ông nghĩ rằng giữa tôi và ông chủ có gian ý gì thì đây... tôi xin trả lại ông tất cả những vật này.

Tôi tháo vội những món trang sức đắt tiền và ném trả lại ông, rồi ôm mặt khóc thút thít.

— Ông hãy để tôi yên. Tôi không muốn gặp lại ông nữa !

Vùng đứng dậy, tôi chạy như người điên ra khỏi phòng. Ruột nóng như lửa đốt, không đủ kiên nhẫn đứng đợi thang máy, tôi chạy lối cầu thang bộ, tuốt về phòng, khóa chặt cửa rồi gieo mình trên giường khóc ngất. Đầu óc tôi quay cuồng bao nhiêu điều phức tạp, tự trách mình nhẹ dạ tối mắt trước tiền tài, rồi lại trách Johnny hờ hững bấy lâu. Ôn lại màn kịch trong phòng ăn vừa rồi, tôi tự hào đã làm được một việc phi thường, vứt bỏ

một nhà triệu phú để chạy theo một người sắp phá sản. Nghĩ đến mình sắp được lấy Johnny, lòng tôi lại rộn rã. Tôi yêu Johnny. Trên đời này tưởng không có gì sung sướng bằng lấy được người mình yêu.

Suốt đêm đó tôi để nguyên quần áo, ngồi trên giường chờ sáng. Khi ánh nắng yếu ớt của buổi ban mai lọt qua khe cửa sổ, tôi chạy đi gọi điện thoại cho Johnny. Một lát sau, Johnny tới và cùng tôi ăn điểm tâm. Để tiện nói với nhau thật nhiều mà không sợ ai đến quấy rầy, chúng tôi rủ nhau đi một cuốc xe buýt thật dài. Ngồi trên xe Johnny say sưa nghe tôi kể lể, trách móc... Cuối cùng ông nói :

— Trước đây anh chẳng có chủ ý gì... nhưng sao em không tin tưởng ở anh ? Em mà đi lấy đống thịt phì nộn đó thì... ha ha... chắc anh sẽ cười đến trẹo quai hàm mất.

Nhưng đến khi tôi nhắc nhở về vụ làm đám cưới, Johnny tỏ vẻ băn khoăn :

— Thực tình anh phải cho chị anh hay trước đã, em ạ.

Tôi biết, bà chị của Johnny mà hay vụ này chắc chắn bà sẽ tức giận, hoặc thẳng tay ngăn cản đám cưới không chừng. Tôi can Johnny :

— Đừng anh ạ, Em sợ...

Johnny gật đầu, hiểu ý. Chúng tôi thỏa thuận trở về Luân Đôn, làm phép cưới ngay, rồi quay lại

Brighton hưởng tuần trăng mật.

Có một điều làm tôi thắc mắc mãi là tại sao Johnny không đi Wales mà ở lại Brighton ?

Thực ra Johnny đã sửa soạn theo chị đi Wales, nhưng đến phút cuối cùng ông đổi ý, muốn gặp tôi. Ông đi Brighton, để hành lý tại khách sạn Metropole, rồi lùng khắp các khách sạn nhỏ và nhà trọ để tìm bà Houghton và tôi. Sau một ngày ngược suôi mệt mỏi chẳng được ích gì, ông trở về khách sạn Metropole dùng cơm tối và thấy tôi đi với Monte. Ông kể :

— Khi thấy em đi với lão đó anh tức gần chết. Anh nghi ngay em đã hư hỏng, sa ngã, chẳng còn dịp nào quay lại với anh...

Khi trở về khách sạn, tôi thấy một mảnh giấy dưới khe cửa, nét chữ của Monte :

Em Lily yêu dấu,

Không cần nói chắc em cũng thừa biết anh rất buồn và thất vọng. Nếu em có điều gì muốn giải thích, anh sẵn sàng nghe.

Nếu muốn, đây chính là cơ hội để tôi cứu vãn tình thế, làm lành với Monte. Nhưng tôi để mặc cơ hội đi qua.

Mười phút sau Johnny và tôi lấy taxi ra ga để đáp xe hỏa về Luân Đôn.

Mười một giờ sáng hôm đó, chúng tôi đứng trước mặt vị [illegible] sư tại Phòng Hộ Tịch ở đường Henrieta gần Covent Garden, đem theo hai chị bồi để làm chứng. Mười một giờ ba phút tôi chính thức

trở thành *Bà John Graham Gillam*.

Khi giọng nói đều đều của vị mục sư vang lên, người tôi run bắn, sự hồi hộp và sung sướng làm tôi nghẹt thở.

Từ nay con bé Lily Sheil không còn cô độc nữa, cuộc đời không còn bấp bênh nữa. Không gian như ngưng đọng lại vây phủ lấy hai người: Johnny và tôi.

9.

TÁM GIỜ SÁNG. ÁNH NẮNG CHÓI LÒA đã hắt vào cửa sổ từ lúc nào. Tôi nhỏm dậy, vươn vai, nhìn quanh căn phòng ấm cúng mà chúng tôi đã mướn tại đường Oxford. Johnny hãy còn ngủ say. Tôi rón rén bước xuống đất, mặc quần áo, nhón lấy hai đồng shilling mà chàng vứt trên mặt tủ từ tối hôm trước, rồi lặng lẽ rời phòng. Tôi đã là một *phu nhân* hoàn toàn rảnh rỗi, chẳng có việc gì làm ngoài việc thơ thẩn dạo chơi ngoài phố và thụ hưởng những thứ mà hoàn cảnh cho phép. Sau ngày cưới, Johnny đã xác định rõ *vợ của ông chủ* không được quyền tới hãng làm việc như trước nữa.

Vừa thả bộ trên hè phố, tôi vừa lẩm nhẩm *Bà John Graham Gillam*. Lấy nhau đã hơn một tháng mà tôi vẫn chưa quen với cái tên mới. *Vợ của Thiếu Tá John Gillam, D.S.O.* Một người đàn bà có địa

vị trong xã hội. Tôi bước vào một tiệm bán bánh kẹo, mua bốn xu kẹo bơ, rồi vừa nhai vừa tiếp tục dạo phố.

Từ ngày cưới, tôi luôn luôn chơi vơi trong hạnh phúc. Lấy được người như Johnny, tôi chẳng ao ước gì thêm. Chỉ có mỗi một vụ làm hai đứa lên ruột đó là việc báo tin đám cưới cho bà chị của Johnny hay. Vẻ lưỡng lự, rụt rè của Johnny chứng tỏ chàng rất sợ bà, sợ hơn tôi tưởng. Nhưng thà đến nói cho bà hay còn hơn để tự bà dò biết được. Sau tuần trăng mật, Johnny khuyên tôi nên đến thăm bà, chàng tin rằng tôi sẽ thuyết phục được người chị khó tính.

Tuy sợ hãi nhưng bản tính hiếu thắng không cho phép tôi lùi bước. Tôi sửa soạn thật kỹ càng để đi gặp bà chị dễ sợ kia. Mặc quần áo mầu nhã, thoa thêm chút phấn, chải đầu thật gọn, tay mang găng, xách một chiếc ví thật lịch sự, tôi tìm tới địa chỉ của Bà William Gillam Ashton. Trước khi tôi đi, Johnny còn ân cần dặn dò và nói một cách buồn buồn :

— Đáng lẽ anh không nên để em đi, em còn trẻ quá, nhưng anh tin rằng khi chị ấy thấy em chắc chị ấy có cảm tình liền, cũng như anh hồi trước...

Trống ngực đập thình thịch, tôi đưa tay bấm chuông ngôi nhà sang trọng của bà Ashton tại khu vực Knightsbridge. Một cô tớ gái dẫn tôi vào trong rồi bảo tôi ngồi đợi ở phòng khách. Tôi ngồi

xuống mép ghế, cố dằn sự hồi hộp để ôn lại những câu đối đáp. Cửa nhà trong xịch mở và một người đàn bà bước ra. Đúng là người mà tôi đã thấy trong bức hình chụp tại điện Buckingham sau khi Johnny nhận lãnh huy chương D.S.O. Tôi vội đứng dậy chào :

— Thưa bà, tôi là Lily Sheil làm việc tại hãng...

Bà gật đầu, ngắt lời tôi :

— À, vậy hả. Em tôi thỉnh thoảng có nhắc đến cô.

Bà bảo tôi ngồi, rồi tự bà ngồi xuống một chiếc ghế bành, nhìn tôi chờ đợi.

Bao nhiêu câu nói mà tôi đã ôn đi ôn lại hàng trăm lần bỗng dưng bay đâu mất hết. Lúng túng mãi không biết bắt đầu ra sao, cuối cùng tôi ấp úng :

— Thưa bà, mong rằng bà sẽ không ngạc nhiên lắm...

Thế rồi tai tôi như ù hẳn đi khi nghe thấy lời mình nói ra toàn là thứ ngôn ngữ quê mùa, cộc lốc của đám dân lao động khu Đông. Mặt bà Ashton mỗi lúc một cau lại, tay bà nắm chặt thành ghế, và đến khi tôi nói *John và tôi làm đám cưới tuần trước* thì bà la lên. *Thôi, đủ rồi !* và bà vụt khóc rống lên. Tôi cuống quít, không biết phải làm gì, chạy bừa tới vỗ về bà như vỗ về một đứa trẻ :

— Xin bà đừng khóc, đừng khóc... Việc đó đâu có gì ghê gớm lắm đâu !

Lúc đó tôi cũng chẳng biết mình đang làm gì và nói gì.

— Xin bà nín đi, tôi sẽ là một người vợ ngoan của John mà... Đừng khóc nữa nghe.

Nước mắt đầm đìa, bà ngước nhìn tôi và nói qua tiếng nấc, giọng quả quyết :

— Tôi sẽ không bao giờ gặp lại nó nữa. Cô về bảo với nó như vậy.

Bà lau nước mắt, hỉ mũi, có vẻ đã lấy lại được bình tĩnh :

— Tôi không trách gì cô. Tôi chỉ trách nó. Chắc cô cũng biết nó sắp vỡ nợ ? Nó đừng hòng lấy của tôi thêm một xu nhỏ.

Tôi nói đỡ cho Johnny :

— Thực tình anh ấy rất khổ tâm, chẳng bao giờ muốn làm bà buồn. Anh ấy rất quý mến bà...

Bà đứng dậy, mếu máo :

— Cô về nói với nó là tôi không muốn nhìn thấy mặt nó nữa. Tôi với nó đến đây là hết. Nó có thiếu tiền cũng mặc xác nó. Nó đã tự đào hố thì cứ việc nhảy xuống, tôi không cần.

Rồi bà quay mình bỏ vào trong. Tôi không biết làm gì hơn là quay về tìm Johnny kể lể.

Nghe tôi nói xong, Johnny ngồi trầm ngâm thật lâu. Tôi biết chàng buồn lắm, đây là một biến cố lớn trong đời chàng. Tôi an ủi :

— Thôi đừng buồn anh ạ. Không có chị ấy rồi mình cũng sẽ xoay sở được.

Johnny bỗng thở một hơi dài, mỉm cười nhìn tôi với vẻ hóm hỉnh thường lệ, bao nhiêu lo âu đã tiêu tan đâu mất hết.

— Không lo, chẳng sớm thì muộn chị ấy cũng phải lành với anh. Dù sao chúng ta cũng sẽ ráng tìm cách tự giải quyết công việc làm ăn. Sắp đến mùa xuân, chắc chắn hàng sẽ bán được...

Đứng bật dậy, vẻ tự tin đã trở lại, Johnny nói tiếp một cách hăng hái :

— Chúa ơi, để rồi em xem !

Tôi nhảy lên bá cổ chàng và hôn chàng chùn chụt Johnny của tôi !

Đang miên man ôn lại chuyện cũ, tôi chợt nhận ra đã đến tiệm bán trái cây. Những chùm nho đen bóng loáng mọng nước làm tôi cảm thấy khát. Mua hai lạng, vừa đi vừa nhấm nháp, chất nước thơm ngọt chạy xuống cổ mát rượi. Kể đời cũng tươi đẹp đấy chứ. Hồi còn ở viện mồ côi, trái cây tươi là một thứ xa xỉ phẩm thượng hảo hạng làm tôi thèm đến tận ngày nay, và chắc sẽ còn thèm mãi mãi.

Tôi dừng lại trước cửa tiệm chụp hình quen thuộc với tấm biển : CHÚNG TÔI NHẬN CHỤP LẠI HÌNH TỔ TIÊN QUÍ VỊ. Johnny có rất nhiều hình chụp gia đình để trưng ngoài phòng khách, còn tôi thì không. Tôi buồn buồn nhớ tới bức hình chụp lúc tôi còn nhỏ tìm thấy trong ví mẹ tôi, bức hình đã nhạt nhòa theo năm tháng. Johnny cũng có một bức hình lúc còn nhỏ, hình màu thật đẹp, đóng khung cẩn thận treo trên tường. Tôi bỗng nảy ra một ý kiến : tại sao lại không thuê chụp lại bức hình, đổi thành hình màu

và sửa chữa đôi chút ?

Chiều hôm đó tôi quay trở lại tiệm ảnh với hai bức hình, một của Johnny và một của tôi. Tôi hỏi ông chủ tiệm có thể chụp lại hình đứa bé gái không ? Và sửa sang lại cho xứng với hình đứa bé trai ? Có thể thay chiếc yếm rãi nghèo nàn bằng quần áo đẹp được không ? Rồi biến hình đen trắng ra hình màu nữa ?

Ông chủ tiệm gật đầu :

— Chúng tôi chỉ giữ lại cái đầu cô bé, ghép mớ tóc khác, mặc quần áo mới, đặt ngồi trên ghế thay vì trên bàn... Bà cứ yên trí để lại đây, chúng tôi sẽ làm vừa lòng bà.

— Còn cuốn chỉ trong tay nữa. Một đứa bé nhà giàu có lẽ không nên cầm một món đồ chơi rẻ tiền như vậy.

— Thay vào đó bằng một bông hoa vậy nhé ?

Một tuần lễ sau tôi hớn hở rời tiệm ảnh với hai bức hình màu lồng khung y hệt nhau. Johnny trông như một tiểu hoàng tử tóc vàng ; còn tôi là một nàng công chúa tí hon ngồi trên một chiếc ghế trạm trổ tinh vi, mặc áo tay bồng tuyệt đẹp, những lọn tóc quăn dài, và trong tay là một đóa thủy tiên màu vàng tươi. Vẻ mặt bí xị trong bức hình cũ bỗng dưng biến thành vẻ mặt cao ngạo môi trề của những cô bé quý phái.

— Ý kiến hay tuyệt !

Được Johnny khen, tôi sướng tỉnh cả người. Treo hai bức hình cạnh nhau, thật là một đôi tiên

đồng ngọc nữ. Tuy tôi không có hình bà con nào khác, nhưng không sao. Nhìn vào cô bé trong hình là đủ thấy sự sang giàu của tất cả gia đình.

Johnny khen tôi có ý kiến hay và tán thêm rằng tôi có thể làm được bất cứ việc gì nếu tôi chịu chuyên tâm vào việc đó. Lời chàng làm tôi suy nghĩ nhiều.

Thế rồi ngày tháng dần trôi, cuộc sống bình thản quá, sự nhàn rỗi làm tôi chán nản. Đi dạo phố mãi cũng nhàm, ăn kẹo bơ hay trái cây mãi cũng ngán. Trừ những ngày cuối tuần Johnny đưa tôi đi Brighton và dạy tôi cưỡi ngựa, những ngày khác sao mà dài thế !

Tôi cố dấu nỗi buồn của mình, nhưng một hôm Johnny về nhà bất ngờ và bắt gặp tôi đang ngồi khóc.

— Em cô độc quá anh ạ. Anh đi làm suốt ngày để em thui thủi một mình...

Johnny thở phào :

— Chúa ơi, vậy mà tưởng việc gì...

Rồi chàng hỏi tôi có muốn học kịch nghệ không? Chàng quen với Kenneth Barnes, giám đốc Trường Kịch Nghệ Hoàng Gia, từ hồi hai người còn hoạt động chung trong hội kịch nghệ Birmingham. Theo chàng, việc trau dồi nghệ thuật sân khấu sẽ giúp tôi giết thì giờ. Chàng bảo nghiệp sân khấu của chàng ngày xưa chẳng đi đến thế giới nào nhưng biết đâu tôi lại chẳng thành công rực rỡ.

— Em đã có tài lại đẹp thế kia, lo gì chẳng

trở thành diễn viên ưu tú.

Lời chàng tán, sao mà bùi tai thế. Tôi không dám tin hẳn, nhưng vẻ cả quyết của chàng làm tôi cũng hơi hy vọng. Có thể chàng nói đúng. Có thể tôi sẽ đi diễn kịch kiếm thêm chút tiền phụ giúp chàng. Tuy chàng chưa đến nỗi vỡ nợ như bà chị tiên đoán, nhưng tiền nong hiện kẹt lung tung. Chàng không nói nhưng tôi biết chàng đang lo lắm. Tháng trước ông chủ nhà gửi *tối hậu thư* đòi tiền mướn, chàng toát mồ hôi, chạy tiền méo mặt mà không ra. Cuối cùng chàng cầu cứu tôi :

— Em có tài miệng lưỡi hơn anh nhiều. Thôi em chịu khó đến khất lão chủ nhà dùm anh, anh cưng nghe.

Nghe chàng nói mà lòng tôi chua xót, nước mắt chỉ muốn trào ra. Vâng lời chàng, tôi đi tìm lão chủ nhà, và sau một hồi thuyết phục, lão bằng lòng cho gia hạn.

Hôm tôi đi ghi tên ở Trường Kịch Nghệ, có một anh chàng mập lù khoảng gần ba mươi tuổi cũng tới xin học. Nhìn điệu bộ vụng về xớ rớ của gã, tôi thầm nghĩ anh chàng cà chớn này mà kịch với kọt gì. Trong khi ngồi đợi để được gọi vào khảo sát khả năng, gã lơ đãng ngồi lên chiếc mũ của mình. Đến lúc ra về, gã bỗng đập tay lên đầu, kêu lớn : *Ủa, chiếc mũ của tôi đâu rồi ?* Rồi gã bắt đầu nhìn ngó loạn xạ. Cuối cùng thấy chiếc mũ dẹp lép nằm trên ghế, gã đỏ mặt cầm lên nắn nắn bóp bóp một hồi rồi bẽn lẽn rời phòng, bỏ

lại đằng sau những tiếng cười khúc khích. Nhưng trong buổi học đầu tiên, khi gã lên diễn thử, không một học viên nào dám cười gã nữa. Gã chính là tài tử trứ danh Charles Laughton sau này.

Cho đến ngày nay, tôi vẫn chưa hiểu tại sao tôi được nhận vào Trường Kịch Nghệ. Chẳng một chút kiến thức sân khấu, mở miệng ra là hết hồn hết vía, đứng trước đám đông người là tay chân thừa thãi. Chắc hẳn ông Barnes đã nể lời Johnny.

Đến giờ học của bà Nancy Price là tôi khiếp nhất. Mỗi học viên phải học một đoạn trong vở *Romeo and Juliet*. Đến lượt tôi, tôi đứng bật dậy, lưỡi tôi líu lại :

Thôi đừng thề thốt dưới « tờ-răng », « tờ-răng » già nông nổi.

Mỗi tháng một lần thay đổi...

Giọng bà Price the thé cắt ngang :

— Bà Gillam, đừng đọc là *tờ-răng*. Phải đọc là *trăng* !

Tôi lặp lại :

—Tờ-răng.

Càng cố ý đọc, cách phát âm của tôi càng tệ hại. Bà Price lắc đầu lia lịa :

— Bây giờ bà thử nói *buổi trưa* xem.

Tôi nói ngay :

— Buổi tờ-rưa

Bà Price cau mặt khó chịu, mặc dù bà thừa biết lỗi phát âm là một lỗi rất khó sửa. Bà bắt tôi đứng trước mặt khoảng ba chục nam nữ học viên —

phần lớn đã tốt nghiệp đại học — và nhắc đi nhắc lại mãi chữ *trăng*. Miệng tôi lải nhải mà nước mắt chạy quanh.

Về đến nhà, tôi xà vào lòng Johnny vừa khóc vừa kể, nhất định không đi học nữa. Johnny vỗ về an ủi :

— Thôi đừng buồn em ạ. Để anh tập cho em vậy nhé.

Rồi chàng bắt tôi ra đứng trước gương và kiên nhẫn sửa cho, tôi từng lỗi phát âm. Chàng bảo :

— Em đừng mở miệng lớn quá. Em có để ý mấy người quý phái nói chuyện không? Họ chỉ hé môi một chút thôi.

Nhờ Johnny tôi đã tiến bộ nhiều, nhưng trong lớp tôi vẫn không theo kịp mấy người khác. Một nữ học viên khuyên tôi nên chuyển sang ngành kịch vui hay nhạc kịch chắc khá hơn loại tuồng cổ điển. Sau ba tháng học tập, tôi nhận được phiếu phê bình của ông Barnes với câu kết luận thật tàn nhẫn : « Phải cố gắng hơn ».

Tôi than với Johnny :

— Em không đi học nữa đâu. Thà mình bỏ ngang còn hơn để người ta tống cổ mình ra.

Có lẽ nữ học viên kia nói đúng, ca nhạc kịch hợp với tôi hơn. Tôi thích ca hát và nhảy múa, vả lại ai cũng nói tôi đẹp. Johnny cũng đồng ý như vậy. Tôi nhìn chàng thật lâu. Chồng tôi là một người dịu dàng, độ lượng, đáng yêu và hết lòng thương vợ, nhưng công việc làm ăn của chàng hồi

này sa sút quá, tương lai mịt mù. Tốt hơn hết tôi phải tìm lấy một nghề để giúp chàng, để giúp hai đứa.

Johnny hăng hái đi mượn thêm tiền tại nhà băng để tôi theo học lớp ca vũ nhạc. Tôi học một cách say mê. Ngoài giờ học, tôi vừa làm công việc nhà vừa ca hát nhảy múa khắp phòng. Chỉ một tháng sau, tôi hãnh diện khoe với Johnny :

— Em ngon lành lắm rồi, có thể đi làm được.

Và tôi sửa soạn đi xin việc. Johnny dặn :

— Em đừng đi với tư cách Bà Gillam. Họ mà biết em là *bà* thì họ mời em ra gấp. Phải là *cô* mới ăn tiền.

— Nhưng em không thích làm Lily Sheil. Em ghét cái tên đó, chỉ muốn quên nó đi thôi...

Chính Johnny cũng không thể biết trong thâm tâm tôi, tôi thù cái tên Lily Sheil như thế nào. Nhắc đến nó là bóng tối như chụp xuống đầu tôi, cả một thế giới nghèo nàn khốn khổ của tuổi thơ trần đến kêu réo tôi. Johnny tư lự một lát rồi nói :

— Hay là để anh chọn cho em một tên khác nghe.

Từ cái tên Sheilsy mà bà Houshton dùng để gọi tôi, chàng nghĩ ra chữ *Sheila* và cộng thêm tên đệm của chàng Graham. Tôi thử lẩm nhẩm đọc tên này, thấy hay hay, tôi chịu. Chàng dùng bút chì viết lên một tập giấy hai chữ *Sheila Graham*, rồi hai đứa cùng ngắm nghía có vẻ hài lòng lắm. Không hiểu sao tôi rút cây bút chì trên tay chàng

và viết thêm một chữ *h* vào chữ *Sheila*, cái tên biến thành *Sheilah*. Chàng hỏi :

— Tại sao ?

— Em cũng không biết nữa, nhưng trông ngồ ngộ và có vẻ sang hơn.

Kiếm được việc làm, dù chỉ là một nữ vũ công tầm thường, cũng không dễ như tôi tưởng. Sau một tuần đi không lại về không, tôi tới rạp Strand Theatre đúng lúc đoàn hát của Archie de Bear khuyết mất một chân vũ công. Ông ta nhìn tôi từ đầu đến chân :

— Cô biết đá chân không ?

— Dạ, biết.

— Cao lắm không ?

— Để tôi đá thử ông coi.

Và tôi hết sức bình sinh đá ngược chân lên trời.

— Được, cô có thể quay lại thứ hai này. Lương ba Anh kim một tuần.

Giọng ông có vẻ không hài lòng lắm.

Hôm nay mới thứ sáu, tôi còn mấy ngày cuối tuần tha hồ tập dượt, chắc sẽ khá hơn. Tôi vội vã về nhà khoe với Johnny. Chàng cổ võ :

— Có thế chứ ! Đây mới sơ sơ bước đầu. Thế nào rồi cũng có ngày em nổi tiếng như sóng cồn, cả Luân Đôn sẽ lác mắt.

Tôi nguýt chàng :

— Anh là chúa hay cho em đi tầu bay giấy chỉ được cái nịnh đầm là không ai bằng.

Tôi bắt Johnny phải dượt với tôi. Trong màn

ca vũ thứ hai sắp tới, sẽ có đoạn tôi phải vũ với một nam vũ công khác. Y sẽ quỳ xuống, chập hai tay lại trước bụng ; tôi từ xa chạy tới, bước lên tay y để y tung bổng người tôi lên không, và khi nơi xuống tôi sẽ đứng trên vai y. Tôi bắt Johnny phải thủ vai anh chàng vũ công này rồi hai đứa hì hục tập dượt trong phòng ngủ. Nhiều lúc cả hai đứa đều té bỏ càng dưới đất, vừa suýt soa vừa nhìn nhau, cười đau cả bụng. Nhưng cuối cùng tôi thành công.

Đến ngày trình diễn, Johnny dẫn tôi tới hông sân khấu, dặn dò thêm :

— Nhớ nhé, phải luôn luôn mỉm cười. Không ai chống nồi nụ cười của em.

Bước ra sân khấu, người tôi run bắn, tay chân lạnh ngắt. Nhưng đến khi tôi liếc mắt vào trong, thấy Johnny đứng đó với nụ cười khuyến khích, ánh mắt trìu mến, tự nhiên tôi cảm thấy can đảm hẳn lên. Tôi nhìn chân những người bên cạnh để nhảy cho đều, chú ý từng cử động... Tôi chợt nhận ra mình phạm một lỗi lớn : đầu cúi, mày nhăn. Giật mình ngước đầu lên, cố mỉm cười, thế là từ đó chân bước loạn xạ chẳng theo nhịp điệu nào hết. Hạ màn, bà ca đoàn trưởng mắng tôi thậm tệ. Tôi khóc ngất trong tay Johnny :

— Trời ơi, em thất bại rồi.

Johnny vuốt tóc tôi :

— Đừng nói bậy. Em không thấy là lúc em cười, bao nhiêu khán giả đều ngây người ra ngắm

đó sao ?

Tôi rất cảm động, biết chàng vì thương tôi mà an ủi, chứ lúc tôi cười chính là lúc tôi bước sai chân, và sở dĩ khán giả nhìn tôi vì thấy tôi chẳng giống ai.

Nhưng rồi vài tuần sau, thánh nhân đãi kẻ khù khờ, tôi chiếm cúp bạc trong cuộc tuyển chọn hoa hậu vũ công sân khấu Luân Đôn do một hãng xe hơi tổ chức. Chiếc cúp có khắc tên tôi và một dòng chữ : *Hãy trung tín, hãy can đảm, và sẽ thành công !* Trên đường về nhà, chân tôi như bước trên mây.

Johnny rất vui mừng và tôi cũng thêm tin tưởng ở mình. Có lẽ chàng nói đúng, tôi có thể làm được bất cứ việc gì nếu tôi quyết tâm, tôi còn có thể tiến xa hơn nữa. Chàng nhớ tới một người bạn thân cũ tên là John Drinkwater hiện là một nhà soạn kịch. Ông này quen với C.B Cochran một ông bầu chuyên về ca vũ nhạc kịch khét tiếng tại Luân Đôn, không kém Ziegfeld lại Hoa Kỳ. Johnny viết một bức thư cho Drinkwater, nhấn mạnh về sắc đẹp và tài năng của tôi, rồi nhờ ông giới thiệu lại với Cochran.

Kết quả, tôi được mời tới diễn thử cho Cochran xem tại hí viện London Pavilion.

Khi tôi tới hí viện, ông Cochran và ba người phụ tá đã ngồi sẵn trong bóng tối lờ mờ dưới chân sân khấu để chờ xem các vũ công diễn thử. Đến lượt tôi, tôi ca bản Rose Marie. Vừa ca được vài

câu, ông Cochran ngắt lời :

— Như vậy đủ rồi. Bây giờ cô thử vũ xem.

Tôi bắt đầu vũ, hăng say đến độ suýt lọt xuống dưới sân khấu. Giọng ông Cochran lại vang lên :

— Hãy ghi tên cô bé cuối cùng đó.

Tôi mừng rú, la lớn :

— Tôi là Sheilah Graham, chắc ông có nhận được giấy giới thiệu của ông Drinkwater ?

Sau vài giây yên lặng, ông Cochran gọi :

— Hay lắm, mời cô xuống dưới này.

Tôi bước xuống, ông bảo tôi ngồi bên cạnh rồi ngắm nghía tôi từ đầu đến chân, gật gù có vẻ hài lòng.

— Thưa ông, tôi không muốn làm một vũ công tầm thường mãi. Tôi muốn tiến xa hơn nữa.

Ông nhìn tôi với vẻ thích thú, nét cười hiện lên đuôi mắt. Biết mình quá đường đột, vội vã, nhưng tôi muốn ông hiểu rằng tuy tôi là hoa hậu trong đám vũ công, tôi không hẳn thuộc vào đám người đó.

Ông Cochran nói một cách chậm rãi :

— Cô đừng lo. Trong vở kịch mà cô sắp trình diễn sẽ có rất ít vũ công, mỗi người đều có dịp trổ hết tài nghệ riêng.

Và ông mỉm cười nhìn tôi một lần nữa. Tôi chợt nhận ra cái nhìn của ông giống hệt cái nhìn của những gã khách hàng hồi tôi còn bán bàn chải tại thương xá Gamage.

Ông Cochran mướn tôi bốn Anh kim một tuần

để phụ diễn trong vở *Hết Kẹt Nọ Đến Kẹt Kia* do nữ minh tinh Mimi Grawford thủ vai chính.

10.

TRONG PHÒNG HÓA TRANG HÍ VIỆN London Pavilion, tôi ngồi dưới chân nữ minh tinh Mimi Crawford ngắm nàng trang điểm.

— Chị Mimi ơi, làm thế nào để trở thành một minh tinh, hả chị ?

Với vẻ đẹp thướt tha, cặp mắt xanh thật to, tóc vàng óng, khuôn mặt hình trái soan thật dễ thương, Mimi luôn luôn tỏ ra tự tin :

— Lúc đứng trên sân khấu thì đừng nghĩ ngợi vẩn vơ về bất cứ điều gì, phải tuyệt đối chú tâm vào vai trò của mình. Làm được như vậy, thì sẽ thành công.

Tôi tâm tâm niệm niệm ghi nhớ lời khuyên của Mimi. Trong đám vũ công, tôi là người thứ ba kể từ bên phải. Lúc nhảy múa, công việc của tôi chỉ là giữ đều bước, mỉm cười, và thỉnh thoảng quay tròn trên đầu ngón chân. Những lúc chưa đến

lượt xuất hiện, tôi luôn luôn đứng ngắm Mimi trình diễn, để ý từng nét mặt, từng cử chỉ, từ cái nhón chân đến cái quay mình khiêu ngợi. Tôi tự nhủ nên học lóm hết nghề của nàng. Ý tưởng muốn trở thành minh tinh đã nhen nhúm trong lòng tôi. Phải chăng đây là một tham vọng, nhưng thà có một cái gì bám víu còn hơn suốt đời an phận thấp hèn. Tôi càng cố gắng học tập hơn nữa, vũ quên ăn, ca quên ngủ.

Sự chú tâm quá lố của tôi khiến Mimi Crawford khó chịu. Nàng nói với William Ring, người điều khiển sân khấu :

— Nếu ông không bảo cô gái đứng bên hông sân khấu kia đi chỗ khác, tôi sẽ không ra trình diễn tiếp đâu.

William Ring bằng lòng để tôi tiếp tục ngắm Mimi, nhưng phải đứng ở một chỗ khác, kín đáo hơn để nàng khỏi trông thấy. Tôi học thuộc lòng vai trò của Mimi kể cả những bài ca trong đó có một bài tôi rất thích, và tôi thường ca cho Johnny nghe :

Nàng Tiên Mơ Ngủ
Mơ mộng suốt ngày
Nàng Tiên Mơ Ngủ
Hết khóc lại cười
Chẳng ai phiền trách
Chỉ gọi tên hoài
Nàng Tiên Mơ Ngủ

Johnny luôn luôn đề cao tôi. Tôi cao vọng ở

mình một, thì chàng cao vọng ở tôi mười. Mỗi buổi trình diễn, chàng đều đứng phía dưới reo hò cổ võ. Khi tan hát, chàng đứng đón tôi ở cửa hậu sân khấu. Liên hệ vợ chồng giữa chàng và tôi vẫn được giữ kín. Các vũ công bạn có hỏi thì tôi bảo chàng là ông chú đi theo bảo vệ tôi.

Dần dần, sự dấu diếm này đưa đến một vài vấn đề nan giải. Với bề ngoài độc thân, tôi chính là bông hoa tươi để các chàng trai ong bướm lượn lờ. Bọn vũ công chúng tôi thường được các tay phong lưu công tử mời đi dùng cơm tối. Mấy nàng kia luôn luôn vui vẻ nhận lời vì đây là dịp may để họ có thể trở thành bà nọ bà kia — trước đây đã có nhiều nàng trong đám vũ công của ông Cochran lấy được chồng giàu sang quý phái —. Nhưng riêng tôi, tôi từ chối tất cả. Có lần Elsa, một chị bạn thân, rủ tôi theo vì chị có một cái hẹn với hai nhân vật đặc biệt, nhưng câu trả lời của tôi vẫn là không.

Một hôm Elsa với nụ cười đắc chí trao cho tôi một danh thiếp đề tên *Sir John Carewe — Pole Nam Tước.* Mặt sau là nét chữ rất bay bướm :

Nghe đồn rằng cô từ chối mọi lời mời và không có trường hợp ngoại lệ. Tôi đã đánh cá với đơn vị tôi lời đồn đó là sai ! Vậy nếu không có gì trở ngại xin cô vui lòng cho tôi được vinh hạnh dùng cơm với cô vào tối thứ bảy tới.

J.C.P

Elsa theo dõi nét mặt tôi trong khi tôi đọc tấm

danh thiếp. Thấy tôi lắc đầu, chị kêu lên :

— Sheilah, em đừng dại dột như vậy hắn là tay đẹp trai nhất trong đám Cận Vệ. Em tính sống suốt đời với ông chú hay sao ?

Về bàn lại với Johnny, chàng cho rằng nếu tôi khăng khăng từ chối mãi, không sớm thì muộn họ sẽ biết tôi là gái có chồng. Chàng nói :

— Theo anh, em nên nhận lời Carewe — Pole.

Giọng chàng không có vẻ gì là chồng nói với vợ, mà là cha đỡ đầu nói với con.

— Có lẽ đây là một cơ hội tốt để em nới rộng sự giao thiệp. Chắc chắn ông ta sẽ đưa em đi nhà hàng Ciro và em sẽ tha hồ vui chơi, khiêu vũ, cho bõ những lúc phải làm việc ở nhà. Anh chắc ông ta là một người đàng hoàng, chẳng có gì đáng ngại. Em còn trẻ, đương nhiên em có quyền hưởng thụ.

Tối thứ bảy, một người đàn ông cao lớn, tóc đen, với bộ ria rất gọn, đứng chờ tôi ở cửa ra vào sân khấu. Thắt nơ trắng, mặc lễ phục có đuôi, trông ông đẹp trai hơn tôi tưởng tượng. Ông cúi đầu thật thấp và nói một cách trịnh trọng :

— Cô Graham, tôi là John Carewe — Pole. Rất hân hạnh được cô nhận lời.

Ông mời tôi ra taxi và đỡ tôi lên xe.

Dọc đường chẳng ai nói với ai lời nào. Tôi cảm thấy bồn chồn, lo lắng. Tôi chưa từng đi với một nhà quý phái với danh vị «Sir» bao giờ. Không biết tôi phải mở lời trước hay đợi ông ta hỏi nhỉ ?

Bỗng ông ta quay sang tôi, mỉm cười :

— Lúc nãy, cô diễn hay quá.

Tôi muốn nói vài lời thật văn vẻ, nhưng không hiểu sao miệng tôi chỉ trả lời :

— Cám ơn ông.

Ông ta tiếp tục khen :

— Cô nhảy trội hơn hẳn mấy cô kia, cô Graham ạ, trội hơn hẳn.

— Ông quá khen.

Câu này tôi bắt chước của Johnny.

— Cô rất đẹp, chắc nhiều người đã nói với cô điều đó ?

Tôi gật đầu, không biết trả lời sao cho phải.

— Cô bước chân vào sân khấu được bao lâu rồi ?

Tôi lí nhí trả lời :

— Dạ, khoảng ba tháng.

Tôi bắt đầu cảm thấy khó chịu, hỏi gì mà hỏi lắm thế, làm như lấy khẩu cung không bằng. Bản tính tôi xưa nay không thích bị chất vấn.

— Ba tháng thôi à ? Hay quá nhỉ. Cuộc đời trên sân khấu chắc hấp dẫn lắm phải không cô ?

Tôi trả lời thật thận trọng, ráng tránh những tiếng mà tôi không chắc phát âm đúng :

— Dạ, kể thì cũng vui, nhưng không dễ dàng như nhiều người tưởng. Bọn tôi ngày nào cũng phải học ôn, tập nhảy, tập ca...

— À, thì ra thế. Trước đây tôi chẳng để ý đến chuyện đó.

Ngừng một lát để vuốt ria mép, ông quay sang tôi và hỏi một cách đột ngột :

— Trước kia cô làm gì ?

Tôi choáng váng cả người. Hỏi câu gì không hỏi, lại nhè ngay câu mà tôi kỵ nhất. Tôi chỉ ầm ừ cho qua chuyện.

Khi tới nhà hàng Ciro — đúng như Johnny đã tiên đoán — tôi gọi nước thanh trà, cá lưỡi trâu và sau đó cà phê và kem sô cô la. Ông gọi thêm sâm banh cho bữa ăn có vẻ sang trọng hơn. Tôi ăn một cách thận trọng, không tỏ cử chỉ gì thất thố, sợ ông cười. Ăn xong, chúng tôi khiêu vũ, rất ít chuyện trò với nhau, không khí hơi khó thở. Nhảy được một lát chúng tôi ra về.

Sau lần đó, tôi chẳng bao giờ gặp lại Sir John Carewe-Pole. Tôi được ăn tại một nhà hàng lớn, còn ông thắng cuộc đánh cá tại đơn vị, thế là chúng tôi chẳng nợ gì nhau.

Trưa hôm đó, đang ngồi nhà thì nhận được tin Mimi Crawford đau và tôi phải đến hí viện gấp để sửa soạn thay thế.

Tim đập loạn, tôi lẩm bẩm tự nhủ đừng sợ, đừng sợ, nếu không sẽ chẳng làm ăn gì được. Cơ hội mà tôi chờ đợi từ lâu đã đến, cần phải can đảm lên.

Tôi tất tưởi đến hí viện giữa lúc ông Ring, người điều khiển sân khấu, đang lo sốt vó. Thấy tôi, ông reo lên như bắt được vàng :

— Cám ơn Trời Phật, vậy mà tôi tưởng cô

lặn luôn.

Rồi ông vội vã dẫn tôi vào phòng hóa trang của Mimi. Mấy bà chuyên viên hóa trang miệng ngậm đầy kim xúm vào vần tôi như vần củ khoai. Cố gắng lắm tôi mới dằn được xúc động và quên đi những khó khăn đang chờ đợi tôi ngoài sân khấu. Chúa ơi, tôi phải đứng một mình trên sân khấu rộng mênh mông, ca múa, diễn xuất dưới ánh đèn sáng chói trước hàng ngàn cặp mắt. Tôi không dám nghĩ xa hơn nữa : tim chỉ đập nhanh một chút, cổ sẽ nghẹn, ca sẽ chẳng nên lời. Nhớ đến Johnny tôi lại thấy an ủi rất nhiều. Chắc chàng mừng lắm. Ý kiến bước vào nghiệp sân khấu do chàng đưa ra. Tôi thành công tức là chàng thành công.

Từ hông sân khấu, tôi nghe tiếng máy phóng thanh giới thiệu : *Trong buổi trình diễn tối nay, vai trò của cô Mimi Crawford sẽ do cô Sheilah Graham đảm nhận.*

Khán giả thở dài thất vọng.

Ông Ring gọi tôi, giọng khẩn trương :

— Sheilah, sẵn sàng nghe. Hai phút... một phút... ba mươi giây... ra sân khấu !

Tiếng nhạc trỗi lên từ bốn phía báo hiệu giờ khai diễn. Tôi vội vã bước ra đứng sau bức màn. Tôi sẽ phải vén màn lướt ra ngoài thật yểu điệu, hai tay dang ra, đầu ngẩng cao, rồi bắt đầu cất giọng. Tôi đứng yên chờ đợi. Trời ơi, nhỡ chút nữa tay tôi cứng đơ không dang ra được thì sao ? Không,

không thể thế được. Phải thành công hoặc chết. Bản nhạc sắp đến chỗ chuyển điệu... Tôi thu hết can đảm vén màn và tha thướt lướt ra rất đúng cách, rồi giọng tôi ngân lên cao vút :

Tiếng gọi của sa mạc vang lên từ muôn hướng
Thúc dục tôi chẳng dứt...

Hết màn đầu, tiếng vỗ tay rào rào không ngớt, tôi cúi đầu chào và lui vội vào trong để thay đổi y phục. Ông Ring lăng xăng chạy ra đón tôi, khen :

— Tuyệt cú mèo ! Ráng tiếp tục như vậy nghe.

Đêm hôm đó, mọi việc tiến triển tốt đẹp. Tôi không nhớ rõ mình làm những gì, chỉ mường tượng rằng mọi dáng điệu, mọi cử chỉ đều rập theo Mimi Crawford. Khán giả càng ngày càng vỗ tay như sấm. Thật là cảm động, thật là bất ngờ.

Nhưng bất ngờ hơn nữa, nhật báo ngày hôm sau in hình tôi và đăng một bài với hàng tít lớn : NỮ VŨ CÔNG NỔI TIẾNG BẤT NGỜ. Trong bài báo có câu : *Với vẻ đẹp thiết tha và giọng ca thánh thót, nàng đã làm hài lòng khán giả đông đảo tại hí viện Pavilion đêm vừa rồi...*

Suốt bảy ngày Mimi Crawford vắng mặt, tôi thủ vai của nàng một cách hoàn hảo. Trong khoảng thời gian này, Johnny đã cầm về nhà một tờ *Daily Express* đề ngày 28-8-1927 và hớn hở khoe với tôi. Hình tôi lại được đăng một lần nữa cùng với bài báo :

MỘT DIỄN VIÊN THIÊN PHÚ

Cô Sheilah Graham hiện thành công rực rỡ trong vai trò của cô Mimi Crawford trong vở Hết Kẹt Nọ Đến Kẹt Kia. Căn bản không phải là một diễn viên dự khuyết, nhưng khi cần tới, cô đã thay thế Mimi Crawford không cần tập dượt, dù chỉ một giờ. Nhờ thành công rực rỡ, cô có nhiều triển vọng sẽ được giao phó những vai trò quan trọng hơn trong tương lai, mặc dù cô chỉ mới tập tễnh vào nghề... Ông Cochran rất hài lòng về khả năng thiên phú của cô và đã tuyên bố rằng cô là một trong những nữ diễn viên nhiều hứa hẹn nhất trên sân khấu Luân Đôn hiện nay.

Johnny và tôi say mê đọc đi đọc lại bài báo. Chàng vui vẻ một cách khác thường :

— Thấy chưa, anh đã bảo mà. Từ nay thì em không còn sợ gì nữa nhé, cứ thong dong mà bước lên đài danh vọng.

Ông Cochran cũng gửi đến tôi lời chúc mừng kèm theo mười Anh kim tiền thưởng, và hẹn tôi tới gặp ông tại văn phòng trên lầu hí viện.

Thấy tôi tới, ông Cochran niềm nở ra đón :

— Xin có lời thành thật khen ngợi cô em.

Giọng ông có pha chút hài hước. Tôi biết mấy diễn viên dự khuyết ăn khách thường được các ông bầu mời đi thủ vai chính trong các cuộc lưu diễn. Tôi mạo hiểm đánh một đòn tâm lý :

— Thưa ông Cochran, có người đã mời tôi đi lưu diễn các nơi, nhưng nếu bắt tôi bỏ hẳn vũ đoàn ở đây thì có lẽ tôi muốn ở lại với ông hơn.

Ông Cochran rời bàn, tiến lại đưa tay nâng

cầm tôi và nói một cách mơn trớn:

— Cô em ngoan, dĩ nhiên cô em sẽ ở lại với tôi. Tôi sẽ biến em thành một nữ minh tinh.

Tôi rùng mình. *Liệu tôi có thể chấp nhận được sự nâng đỡ của ông không* ? Đã có nhiều mầm non được ông « lăng xê », nhưng trước khi nổi tiếng đều phải trải qua một thời kỳ lem nhem với ông. Ông là một người tử tế nhưng lại có máu « hảo ngọt » kinh niên. Muốn trở thành nữ minh tinh tôi phải trả cho ông những gì ? Trên đường về, lòng tôi buồn bực, bước chân nặng nề như có khối đá đeo theo.

Một tuần sau, ông Cochran mời tôi đi dự tiệc với mấy nhân vật tiếng tăm trong đó có Frederick Lonsdate, nhà soạn kịch trứ danh, và Phu nhân Diana Cooper. Johnny cho phép tôi đi.

Theo đúng chỉ thị của Johnny, *Quan sát và lắng nghe*, tôi rất ít mở miệng trong bữa ăn — không kể lúc mở miệng để bỏ thức ăn vào —. Nhưng những nhân vật tiếng tăm kia đã làm tôi thất vọng. Tôi ngồi yên lặng, mỉm cười lễ độ, lắng nghe họ nói chuyện, và tự hỏi chuyện của những đại nhân vật chỉ có thế thôi sao ? Vậy mà tôi cứ tưởng họ sẽ dùng những lời lẽ văn hoa bay bướm để nói về những vấn đề thật cao siêu, thật trí thức. Hóa ra chỉ toàn những chuyện tầm phào về y phục, về món ăn, hoặc những câu pha trò lãng nhách và những nụ cười giả tạo. Phu nhân Diana và mấy bà bạn tranh nhau kể về những vụ tái giá hoặc ly

dị oanh liệt nhất của họ trong khoảng thời gian gần đây. Rồi họ quay ra than phiền về những việc đau đầu, nhức lưng, hoặc dạo này phát phì quá phải ăn kiêng cực khổ.

Tôi tự nhủ, nói chuyện ba láp kiểu này thì mình có thừa tài. Tôi khám phá ra rằng muốn đưa đẩy câu chuyện với những nhân vật tiếng tăm, chỉ việc lôi người này người kia ra mạt sát thậm tệ, hoặc tìm những câu rỗng tuếch vô thưởng vô phạt ra mà nói là xong. Kể ra muốn bước vào giới thượng lưu trí thức cũng chẳng có gì khó.

Tôi càng cảm thấy điều này chắc chắn hơn khi ông Cochran mời tôi ký một hợp đồng trình diễn ba vở nhạc kịch liên tiếp, mở đầu là vở *Năm Nay Đại Hạnh* của Noel Coward. Tôi sẽ xuất hiện cùng với Jessie Mathews, Tilly Losch và một số minh tinh khác. Theo hợp đồng, tiền lương hàng tuần mười Anh kim sẽ tăng lên hai mươi Anh kim ở vở thứ ba.

Với số lượng hậu hĩnh, tôi thực sự giúp đỡ Johnny rất nhiều để tránh cho chàng những món nợ mỗi ngày một lút đầu lút cổ. Tôi không ngờ mình thành công mau lẹ như vậy. Mới mười chín tuổi, tôi kiếm tiền nhiều hơn cả những lúc tôi mơ.

Johnny rất hãnh diện, khuyến khích thêm :

— Anh đã bảo mà. Thiên hạ bắt đầu say mê em rồi đó. Họ sẽ tìm thấy em ở những tài năng mà anh nhận ra từ lâu. Không gì có thể cản bước tiến của em !

11.

ÔNG NOEL COWARD DẬP TẮT ĐIẾU thuốc và kêu lên, giọng bực bội :

— Không phải vậy, không phải vậy ! Để tôi chỉ cho cô.

Và ông bước vội lên sân khấu.

Tôi không bao giờ ngờ rằng lại gặp ông Coward. Đang tập với mấy vai chính khác trong vở *Năm Nay Đại Hạnh* thì ông Cochran tới, dẫn theo một người mảnh khảnh, cau có, luôn miệng phì phà khói thuốc. Tôi nhận ra ông ta ngay nhờ đã có lần được xem ảnh của ông. Tôi bắt đầu run. Một *tay tổ* cỡ ông chắc chắn sẽ nhận ra căn bản diễn xuất nghèo nàn của tôi và biết ngay tôi chỉ mới vỗ vẽ dăm ba tháng múa ca trên sân khấu. Nhưng không lẽ thấy ông vào tôi lại ngưng tập. Lúc ông la lên chính là lúc tôi đang cố gắng hoàn tất một pha gay cấn với một nam diễn viên khác.

Ông Coward tiến tới đưa tay vòng qua người tôi và nói :

— Rồi bây giờ cô thử nhìn tôi như thể cô đang miệt thị người trước mặt xem nào...

Tôi không hiểu rõ chữ *miệt thị* cho lắm, nhưng cũng nhìn ông mỉm cười thật tươi.

— Trời đất ! Cô diễn xuất kiểu gì vậy !

Ông Coward đưa hai tay lên trời nhìn ông Cochran và lắc đầu. Nước mắt chạy quanh, tôi chỉ muốn tìm đường chui xuống đất cho rồi. Ông ta đã biết tôi là một tay mơ.

Ông Cochran lên tiếng khuyến khích :

— Sheilah, cô có thể làm hơn như vậy.

Ông Coward và tôi tiếp tục. Lần này thay vì phải liếc mắt nhìn ông với vẻ bối rối, tôi lại chăm chú nhìn ông một cách trìu mến. Ông Coward dậm chân kêu lên :

— Bà nội ơi...

Và ông bỏ cuộc.

Trong màn kế tiếp, có một bài hát :

Tôi là một tiên nữ
Cho đến tám mươi hai
Nếu có ai chọc ghẹo
Tôi nhăn mặt cho coi
Đừng thấy tôi lẵng mạn
Mà hòng đụng đến tôi
Tôi chỉ thích các hoàng tử thôi !

Đáng lẽ tôi phải lấy điệu bộ thật *ngây thơ cụ*, mắt mở to chớp chớp, nhái giọng của mấy nàng

ỏn ẻn để biến bài hát thành trò cười cho khán giả, nhưng tôi lại ca rất tự nhiên như bao nhiêu bài khác. Ca dứt, tôi khẽ liếc mắt xuống dưới : ông Cochran và *thằng cha khó chịu* đã biến mất từ đời nào. Mãi về sau, khi gặp lại ông Noel Coward tại Hollywood, tôi ca lại cho ông nghe bài hát này và ông suýt xoa tiếc rẻ.

— Trời ơi, phải chi ngày xưa cô ca được như vậy thì hay biết mấy.

Hôm khai diễn tại Manchester, tôi lo gần chết. Trong vở kịch, có một đoạn tôi phải nhón gót và quay tít trên đầu ngón chân, nhưng cổ chân tôi yếu quá không thể quay một cách gọn gàng như các diễn viên khác được. Họ tập múa từ hồi còn bé, công phu đâu phải ít.

Ngay đêm đầu tiên, tôi đã gặp phải cơn ác mộng mà các tay mơ thường phải trải qua. Theo kịch bản, tôi sẽ phải lướt ra sân khấu, chân búng thật cao. Khi tiếng nhạc chuyển điệu dập dồn. Tôi tung mình lướt ra. Tiếng vỗ tay như sấm làm tôi hăng lên, búng chân hết sức bình sinh, nhảy thật cao, và *ngồi* xuống sân khấu một cái rầm.

Tiếng vỗ tay biến thành tiếng cười rộ. Mặt nóng bừng, tôi gượng đứng dậy và chân bước sai nhịp lung tung. Tiếng cười biến thành tiếng la ó. Tôi loạng choạng trên sân khấu, nụ cười sượng ngắt trên môi, sự hổ thẹn làm tôi cơ hồ ngất xỉu. Tôi lầm bầm tự nhủ : *đừng khóc, đừng khóc, còn phải diễn một màn nữa, đừng khóc.*

Tôi chạy vào hậu trường như người điên. Bỗng mắt tôi nổ đom đóm : tôi đã đâm đầu vào một tấm phông bằng giấy bồi dựng ở sau hậu trường. Tiếng gãy đổ rầm rầm cả rạp nghe thấy. Tôi nằm lăn dưới đất khóc vùi. Kể cả ông Cochran cũng không thuyết phục được tôi trở lại sân khấu trong suốt khoảng thời gian trình diễn tại Manchester. Mãi tới hôm bế mạc, tôi mới miễn cưỡng xuất hiện một lần nữa.

Nhưng khi đoàn chúng tôi khai diễn tại Luân Đôn, nghĩa là ba tuần sau đó, sự may mắn lại trở về với tôi. Vở *Năm Nay Đại Hạnh* thành công rực rỡ phần lớn nhờ vai trò của tôi. Các báo đua nhau đăng hình tôi với các hàng chữ : « *Sheilah Graham đang cười*», «*Sheilah Graham đang trên đường thành công*», «*Cô bé Sheilah Graham, một vũ công bước lên đài danh vọng một cách ly kỳ*», «*Sheilah Graham, một trong những diễn viên duyên dáng nhất của ông Cochran, đã thành công lớn với vở Năm Nay Đại Hạnh*».

Sự may mắn trong lãnh vực nghề nghiệp lôi kéo theo sự xáo trộn trong cuộc sống hàng ngày. Muốn che dấu mình là gái có chồng, tôi buộc lòng phải nhận lời mời mọc đón đưa của bọn người ham bóng sắc. Sau Sir John Carewe - Pole tới ông Cochran. Ông dẫn tôi đi đây đi đó, giới thiệu với nhiều người tôi là ngôi sao mới ra lò của ông. Bạn bè ông đua nhau đòi gặp tôi, thiếp mời bay đến tới tấp. Muốn trở thành minh tinh tại Pavilion,

không có cách gì khác hơn là chường mặt ra cho thiên hạ ve vãn. Hàng đêm, các lô riêng trên bao lơn trong hí viện luôn luôn đầy nhóc các tay vương tôn công tử ăn mặc thật diêm dúa. Vì các bao lơn này nhô ra sát sân khấu, bọn họ dễ dàng buông lời ong bướm với bọn nữ diễn viên chúng tôi. Sự chọc ghẹo có khi ý nhị, có lúc sỗ sàng nhưng chúng tôi luôn luôn phải mỉm cười đáp lại.

Cuộc sống đầy cám dỗ hiện tại bắt đầu óc tôi lúc nào cũng phải nghĩ cách đối phó. Nếu không có một biến cố đặc biệt nào, chắc không bao giờ tôi có dịp ngồi ôn lại dĩ vãng, cái dĩ vãng u tối xa xăm như giấc mơ của người lên cơn sốt.

Một hôm, đang cùng Elsa đứng ở lề đường đợi xe buýt, tôi bỗng nghe vỉa hè bên kia có tiếng người gọi giật giọng :

— Lily ! Lily Sheil !

Như một nhát búa bổ mạnh vào đầu, tôi choáng váng, ngất ngây. Mắt tôi hoa lên nhưng vẫn nhận ra một người đàn ông đứng bên kia đường vẫy tay rối rít : y chính là Leslie, *người tình cũ* của tôi từ hồi còn sống trong căn gác chật hẹp tại khu Đông. Trông y đã già dặn hơn trước nhưng khuôn mặt y vẫn chẳng thay đổi chút nào.

Sau một phút chân tay tê cóng, tôi nắm tay Elsa và bỏ chạy :

— Mau lên, xe buýt tới rồi kìa.

Không cần ngoảnh lại, tôi cũng biết Leslie đang đuổi theo, bóng ma quá khứ đang kêu gào

phía sau lưng chỉ chờ dịp là chụp xuống đầu tôi. Càng chạy nhanh chân tôi càng ríu lại, nhưng rồi cuối cùng tội và Elsa cũng kịp nhảy lên chiếc xe buýt đeo tòn ten nửa trong nửa ngoài. Thoát nợ.

Về đến nhà tôi chẳng hề hé răng kể lại chuyện này cho Johnny nghe. Hồi này chàng đang cố quên đi những nỗi buồn phiền do sự túng quẫn gây ra bằng cách viết một loạt bài nói về vài thứ quà tặng và mỹ thuật phẩm trưng bày trong nhà nhân dịp lễ Phục Sinh. Chàng hy vọng các báo sẽ đăng những bài này và trả cho chàng chút ít tiền nhuận bút, nhưng thực tế thật phũ phàng, các bài chàng gửi đi đều lần lượt trở về.

Thấy chàng hí hoáy viết, lại sẵn đang bực mình về vụ gặp lại gã cô hồn Leslie, tôi càu nhàu :

— Anh Johnny, anh viết mãi về mấy cái đồ ba láp đó mà làm gì, chỉ phí thì giờ.

Johnny có vẻ hơi bực, ném bút chì xuống bàn :

— Vậy chứ em bảo phải viết về cái gì bây giờ ?

— Thiếu gì chuyện để viết. Ví dụ như chuyện em đi hát, những nỗi vui buồn của nghiệp sân khấu, những lúc anh đưa đón em...

— Hay, ý kiến hay, nhưng chàng đưa tay gãi mũi và ngập ngừng —. Nhưng chuyện này để em viết hay hơn.

Tôi nhăn mặt tưởng chàng ghẹo tôi, nhưng chàng không có vẻ gì là đùa cả. Nhớ lại hồi còn ở trong viện mồ côi, các bài luận văn của tôi thường được các cô giáo khen ngợi, đôi khi còn được

đọc cho cả trường nghe, vậy thì tôi cũng có khiếu viết văn lắm đấy chứ. Tôi ngồi vào bàn, cầm bút chì và bắt đầu viết.

Sau khi Johnny sửa xong những lỗi chính tả và văn phạm sơ đẳng nhất, hai đứa tôi hăm hở gửi bài « *Chàng Johnny Nơi Hậu Trường Sân Khấu, dưới ngòi bút của một nữ vũ công* » cho tờ *Daily Express*, một trong những tờ báo bán chạy nhất Luân Đôn thời bấy giờ.

Mỗi buổi sáng tôi hồi hộp ngồi chờ người phát thư, nhưng khi thấy y tôi lại mong y đi qua luôn, nếu y ghé lại tức là bài báo của tôi không được đăng. Sau nhiều ngày chơi trò nhức tim đó, tôi quyết định hỏi thẳng ông chủ bút, đăng hay không làm ơn cho tôi biết ngay. Trong giờ tạm nghỉ tối hôm đó, tôi vào hậu trường quay điện thoại đến tòa soạn xin gặp ông Reginald Pound. Thật bất ngờ, đích thân ông trả lời ở đầu dây bên kia. Tôi vào đề ngay :

— Thưa ông chủ bút, cách đây bốn tuần lễ tôi có gửi cho ông một bài nhờ đăng, không hiểu sao bài của tôi không thấy trả lại mà cũng không thấy đăng. Xin ông vui lòng cho biết tình trạng bài đó hiện thời ra sao.

Ông hỏi tên bài báo, tôi trả lời xong ông kêu lên :

— Ủa, bài đó hả, chúng tôi đang cho lên khuôn, ngày mai là có trên mặt báo rồi, cô yên tâm đi.

— Thế thì tuyệt quá nhỉ. Nhưng... nhưng ông tính trả bao nhiêu tiền nhuận bút đây ?

Đầu dây bên kia có tiếng cười lớn :

— Hai guineas được không?

Tôi sướng tỉnh người, hai *guineas* giá trị hơn hai Anh kim.

— Ông ơi, tôi tới tòa soạn xem họ in được không?

— Được lắm chứ.

Sau buổi trình diễn, Johnny và tôi tới thẳng tòa soạn. Ông Pound đã đi khỏi nhưng dặn một người khác đưa chúng tôi vào viếng phòng in. Người này dẫn hai đứa vào một căn phòng toàn mùi mực in, máy in chạy rầm rập. Bài báo của tôi đã được sắp chữ xong suôi.

Đêm hôm đó nằm trên giường mà mắt tôi cứ mở thao láo. Thật là kỳ diệu! Tôi cũng có một *ý tưởng* như ai. Ý tưởng đó được đăng trên báo và đem lại cho tôi hai guineas.

Ngày hôm sau, mọi người tại hí viện Pavilion đều chúc mừng tôi. Ông Cochran nửa đùa nửa thật:

— Không dè phía sau bộ mặt đẹp như tiên của cô em lại còn có một bộ óc đáng ngại như vậy.

Sẵn cơn hứng chí, tôi về nhà viết luôn một loạt bốn bài, chẳng bài nào được đăng. Viết thêm bài thứ năm, cũng bị trả lại. Bỏ cuộc. Có lẽ bài đầu tiên chỉ là *chó ngáp phải ruồi*. Nghề viết văn coi bộ cũng khó «nhá» lắm.

Năm Nay Đại Hạnh là vở đầu tiên — và cũng là cuối cùng — trong hợp đồng trình diễn ba vở liên tiếp của tôi. Kiểm điểm lại, tôi nhận thấy mình

đã vô tình rơi vào sự ràng buộc của những người xung quanh, không có cách gì thoát khỏi ngoài cách thôi việc.

Ông Cochran theo đuổi tôi sát sạt. Với những điệu bộ kẻ cả làm như cha người ta, lại thêm lối cợt nhả nửa đùa nửa thật, càng ngày ông càng suồng sã với tôi hơn. Một hôm ông đưa tôi đi ăn cơm trưa, ngồi trên taxi, ông ôm hôn tôi tỉnh bơ. Khi ông buông tôi ra, ruột tôi như mớ bòng bong. Hiển nhiên đây mới chỉ là cử chỉ khai mào, ông sẽ còn tiến xa hơn nữa. Tôi tự hỏi liệu có thể thoát khỏi bàn tay của ông không? Thêm vào mối lo này, tôi bắt đầu cảm thấy vài trở ngại nghề nghiệp. Vai trò của tôi có vẻ đang lụt dần do sự thiếu kinh nghiệm gây ra. Tôi đã cố gắng như người điên để theo kịp những bạn đồng nghiệp từng tập ca vũ từ hồi còn nhỏ.

Ở nhà, sự lo lắng cũng làm tôi mệt trí. Công việc làm ăn của Johnny càng ngày càng xuống dốc. Chàng cố dấu tôi nhưng chẳng ích gì. Hai đứa đều hiểu ngầm rằng tiền lương của tôi hiện là chỗ trông cậy chính trong gia đình, và tuy tôi kiếm được khá, song so với sự chi tiêu vẫn chẳng ăn thua gì. Đầu óc tôi lúc nào cũng căng thẳng. Tôi cảm thấy mình đang chơi trò cưỡi ngựa gỗ của trẻ con, ngựa chạy vòng tròn mãi làm tôi chóng mặt. Ngày nào cũng ồn, cũng dượt, cũng ca múa, cũng rượu sâm banh và rất ít ngủ. Mầm mống của sự kiệt lực đã chực chờ trong tôi.

Thật là khó mà thủ ba vai trò cùng một lúc : vai trò trên sân khấu, vai trò một cô gái hơ hớ để kẻ đón người đưa nhất là ông Cochran, và vai trò của một người vợ mỗi lần đi mua sắm tại đường Wigmore là một lần sùi bọt mép thuyết phục mấy người chủ tiệm cho chịu đến kỳ lương. Tôi bắt đầu mắc chứng nhức đầu và ăn khó tiêu. Trên sân khấu tôi thường quên lời ca hay điệu vũ, mỗi lần quên một lần khóc mệt.

Trong vở kịch có một bài hát sao mà giống trường hợp của tôi thế :

Nhảy, nhảy, nhảy, nhảy đi cô gái nhỏ
Tuổi trẻ qua vèo theo nhịp gõ trái tim
Sợ thua người nên chẳng dám đi tìm
Giây phút nghỉ cho tâm hồn lắng dịu...

Tôi tự nhủ, phải rồi hãy nhảy đi, quay cuồng đi, để rồi ngã xuống.

Sau một hồi bị tôi thuyết phục, Johnny bằng lòng đưa tôi đi nghỉ mát tại bờ biển Torquay để hai đứa hưởng trọn một tuần thoải mái. Tôi chạy đi báo tin cho ông Cochran. Ông đưa tay nâng cằm tôi và nói :

— Em cưng, nhớ đánh điện cho tôi biết địa chỉ nhé. Tôi sẽ ra đó tìm gặp em ngay.

Ra đến Torquay mà tôi vẫn còn thẫn thờ với câu hỏi : Làm thế nào để ông Cochran bỏ ý định đi tìm tôi mà ông không giận. Cuối cùng tôi tự hào nghĩ ra một bức điện tín tuyệt luân : *Rất mong gặp ông vào giờ làm việc từ chín đến sáu.*

Khi trở về Luân Đôn, tôi tìm ông Cochran ngay và hỏi vuốt :

— Sao ông không đến tìm tôi như đã hứa. Ông làm tôi chờ dài cả cổ.

Biết bị mắc hỡm, ông Cochran lạnh lùng :

— Tôi không thích giờ làm việc của cô.

Từ đó ông không vồn vã với tôi như trước nữa.

Tránh được vỏ dưa lại gặp vỏ dừa. Hồi này có một nhà quý tộc, Sir Richard, theo đuổi tôi ráo riết. Ông tuyên bố rất thích có một người con gái như tôi. Ông thường dẫn tôi về nhà dùng cơm trưa. Đó là một ngôi nhà xinh xắn, trang nhã, trong nhà toàn những đồ đạc bằng gỗ quý hoặc bằng bạc, trên tường treo đầy những bức họa đắt tiền và các bức hình săn bắn. Sau khi uống cà phê tráng miệng, ông thường ngồi bệt xuống tấm thảm dưới chân tôi, mơn trớn và hôn tay tôi, rồi nói :

— Này cô bé, tôi chưa gặp ai có thể làm cho tôi tha thiết muốn trông nom săn sóc bằng cô.

Sir Richard chưa từng lập gia đình mặc dù ông đã ngoài năm mươi. Trước khi hồi hưu, ông phục vụ tại Ấn Độ. Ông thường viện cớ không bị ràng buộc bởi gia đình để tung tiền ra bao các gái tơ. Ông gửi cho tôi vô số quà tặng, kể cả những thức ăn quý giá mua từ ngoại quốc.

Một hôm, ông hướng dẫn tôi đi xem những bức hình mà ông sưu tập được treo đầy trên tường. Đến trước một bức chụp cảnh rừng núi cây

cỏ um tùm, ông ngừng lại và nói :

— Đây là một bức hình rất hiếm của Pháp. Cô thấy nó có gì đặc biệt không ?

Tôi làm bộ ngắm nghía, ra vẻ thành thạo :

— Bức hình chụp khéo ghê.

— Cô thử nhìn thật gần xem có gì đặc biệt không ?

Tôi lắc đầu, ông đưa tay chỉ tận nơi :

— Đây này, thử nhìn xem...

Tôi giật mình. Lấp ló sau cành lá xum xuê là những cặp trai gái lõa thể đang làm tình đủ kiểu. Tôi sợ hãi nhìn trộm ông một cái thật nhanh, nhưng ông vẫn mỉm cười bình thản, không có vẻ gì là sắp *nổi điên* lên cả. Dường như đối với ông, cách tỏ tình trong hình hoàn toàn đẹp đẽ đáng để mọi người thưởng thức bằng mắt. Ông than rằng đời ông thật là cô độc nhưng vẫn không tỏ vẻ gì khác lạ đối với tôi. Có lần ông mỉm cười nói với tôi một cách trìu mến :

— Sao tôi muốn nhận cô làm con nuôi quá.

Tôi chỉ cười đáp lại. Nhưng đến buổi trưa hôm đó ông nhắc lại vụ này một cách hoàn toàn nghiêm chỉnh :

— Thực sự mà nói, tôi rất muốn nhận cô làm con nuôi, theo đúng pháp lý hẳn hòi. Sheilah, cô làm con nuôi tôi nhé.

Tôi tìm cách từ chối khéo, nhưng ông cứ nằng nặc một mực khiến tôi buột miệng :

— Không được đâu, ông Richard. Tôi là gái

có chồng, chắc chắn anh ấy không chịu đâu.

Thế là bao nhiêu công trình dấu diếm bưng bít bấy lâu trong một giây trở thành mây khói. Mặt ông chợt tái đi rồi lại đỏ bừng, giọng ông có vẻ xúc động rõ rệt :

— Cái đó không sao. Cô về xin ly dị là xong.

— Không, không thể được, tôi không thể bỏ anh ấy được.

Ông tiếp tục thuyết phục tôi, hăng hái hơn trước bội phần, làm như không nghe thấy lời tôi nói.

— Điều đó dễ lắm, tôi sẽ tiếp tay với cô...

Tôi bật khóc. Ông như người tỉnh cơn mê, vội xin lỗi :

— Chết chửa, xin lỗi cô. Nếu cô không muốn thì thôi chứ sao lại khóc. Cô thử nghĩ lại xem tôi nói có phải không nào.

Thấy mặt ông buồn so, tôi chợt xúc động nghẹn ngào, đem hết tâm sự chất chứa bấy lâu ra kể cho ông nghe. Nào là nỗi khổ tâm phải dấu diếm mình là gái có chồng, nào là sự vất vả phải cố gắng để theo kịp các bạn đồng nghiệp, nào là chứng nhức đầu, ăn khó tiêu, kiệt lực...

Nghe tôi nói, ông có vẻ cảm động :

— Để tôi gọi bác sĩ thăm bệnh cho cô nhé.

Viên y sĩ tiếng tăm mà ông mời tới, tuyên bố tôi bị kiệt lực vì làm việc quá độ và tình trạng tinh thần có thể đưa đến bệnh thần kinh trầm trọng. Chứng ăn khó tiêu của tôi là do sự làm độc ở cuống ruột dư, cần phải giải phẫu ngay. Tôi phải lập

tức ngưng đi hát và vào nằm nghỉ ngơi tại bệnh viện. Sir Richard hứa sẽ đài thọ mọi khoản chi phí.

Tôi không ngờ đời mình lại gặp một khúc quanh bất ngờ như vậy. Dầu sao tôi cũng cần được chữa trị. Tôi được đưa tới một bệnh viện tư ở đường Harvey để đích thân Sir Henry Simpson, y sĩ riêng của Hoàng Hậu, giải phẫu. Sau cuộc giải phẫu, Sir Richard đến thăm tôi và đề nghị :

— Cô cần phải dưỡng sức ở một nơi khí hậu ấm áp hơn. Tôi sẽ gửi cô đi miền Nam nước Pháp.

Tôi phản đối sự giúp đỡ quá đáng của ông nhưng ông chỉ gạt ngang, lý luận rằng được giúp đỡ tôi là một điều làm ông vui sướng. Ông thỏa thuận để tôi đem Johnny theo và ở lại Pháp cho đến khi tôi hoàn toàn bình phục.

Lễ sinh nhật thứ hai mươi mốt của tôi được tổ chức tại Hotel Eden, bờ biển Cap d'Ail miền Nam nước Pháp. Johnny có vẻ buồn bực và hổ thẹn vì chàng không thể chu toàn cho vợ để đến nỗi phải nhờ vả đến người ngoài. Chàng nói với tôi mà như để an ủi chính chàng :

— Công việc làm ăn dạo này có vẻ sáng sủa hơn trước, anh cam đoan với em như vậy.

Rồi chàng nhẩm tính tiền bác sĩ, tiền giải phẫu, tiền nằm bệnh viện, tiền phòng khách sạn v.v... và ghi vào một cuốn sổ tay. Đoạn chàng nói :

— Anh sẽ trả lại tiền này cho ông ta một ngày rất gần đây.

Người vợ nào có thể ly dị một người chồng như Johnny ? Nhưng ông Richard đã có lý. Tình trạng vợ chồng giữa Johnny và tôi chỉ còn trên danh nghĩa. Chính nó đã làm tôi bệnh hoạn thêm. Trước kia chàng đóng vai chú tôi, nhưng hiện nay chàng đã thực sự trở thành một ông chú, một người cha đỡ đầu, thay vì một người chồng. Tôi không có lý do gì để trách chàng nhưng tận đáy lòng tôi, tôi bắt đầu ước mơ một người chồng trạc tuổi tôi, biết đòi hỏi quyền làm chồng, biết ghen tuông với bất cứ người đàn ông nào khác — *một người yêu chứ không phải một người cha đỡ đầu.*

Cuộc sống phóng túng, vội vã, trên sân khấu cũng gây cho tôi một ấn tượng về sự thiếu xót trong tình nghĩa vợ chồng giữa Johnny và tôi. Tình yêu luôn luôn là một cái gì hấp dẫn, kích thích, cần có chỗ để phát tiết. Mọi người đều đua nhau đi tìm nó, không cần che dấu, tính toán thiệt hơn. Xung quanh sân khấu, họ tới tấp hẹn hò nhau, tỏ tình với nhau bằng hành động hẫn hoi. Mỗi lần chạy dọc hành lang từ hậu trường tới phòng thay quần áo, tôi đều gặp một vài cặp đang ghì chặt lấy nhau, hôn hít mơn trớn mê ly, bất cần thiên hạ.

Trước kia tôi thường quan niệm muốn hôn nhau, phải chọn một nơi thật kín đáo như một lùm cây trong vườn, một chiếc xe hơi đóng kín cửa, hay một căn phòng riêng biệt. Nhưng tại rạp hát, tình yêu được buông thả đến mức tối đa. Phải

chăng đó là truyền thống lãng mạn của giới nghệ sĩ ? Người ta dám làm tất cả, dám cho tất cả, bất chấp hậu quả. Những cảnh ân ái công khai hấp dẫn quá, thúc dục quá, chỉ có những trái tim bằng sắt mới không cảm thấy rung động, nôn nao. Có lẽ đây là khoái cảm đặc biệt mà chỉ có bọn trẻ mới dám đem vung vãi, buông lơi. Thật là chua chát cho một người đàn bà trẻ phải nhìn cảnh này rồi nén lòng trở về với ông chồng bận bịu công việc làm ăn, tuy dịu dàng, biết thương vợ, luôn luôn nghĩ cách để vợ tiện thân, nhưng vô tình quên đi bổn phận chính yếu của một người chồng.

12.

ĐÔI LÚC CÓ THÌ GIỜ SUY NGẪM VỀ thuyết nhân quả, tôi giật mình nhận thấy cuộc đời người ta hoàn toàn tùy thuộc vào những biến cố. Cơn bệnh của tôi lôi Johnny theo tới tận miền Nam nước Pháp và khi chúng tôi trở về Luân Đôn mùa xuân năm 1929, công ty John Graham hoàn toàn phá sản vì không người điều khiển. Buộc lòng Johnny phải tính kế khác, và chàng nhận làm đại diện thương mãi cho một công ty gạch và xi măng lớn. Chàng đã gặp đất dụng võ, công việc đại diện không cần phải lanh lợi nhưng rất cần vẻ quyến rũ, hoạt bát mà Johnny có thừa. Lần đầu tiên kể từ ngày cưới, hai đứa có đồng ra đồng vào, cực kỳ ung dung.

Một điều may mắn khác là tâm trí tôi đã hết căng thẳng. Chuyện tôi có chồng đã lộ ra ngoài chẳng cần phải dấu diếm nữa. Đời tôi như bước

qua một giai đoạn mới. Hồi còn ở miền Nam nước Pháp, Johnny và tôi đã đi đến một quyết định : hai đứa phải tránh không để bị Sir Richard ràng buộc thêm. Đã nhiều lần tôi suy nghĩ về người đàn ông này. Tuy Sir Richard chưa hề đi quá trớn với tôi, nhưng những bức hình kỳ quặc treo trên tường, cách ông ngồi dưới chân tôi và nhìn tôi say đắm, sự hăng say muốn nhận tôi làm con nuôi một cách khác thường, tất cả đã làm tôi thắc mắc. Tôi không muốn gặp lại ông, rất sợ phải nói chuyện với ông. Tôi viết một bức thư ngỏ ý cảm ơn sự giúp đỡ của ông và hứa sẽ hoàn lại những tổn phí mà ông đã bỏ ra khi hoàn cảnh cho phép, và tôi nhấn mạnh rằng hai vợ chồng tôi không muốn mắc nợ ông thêm nữa. Sir Richard không trả lời, hiển nhiên lòng tự ái của ông bị tôi làm tổn thương.

Về Luân Đôn được mấy ngày tôi bị ông Cochran gọi tới để cự nự về vụ dám xưng là gái chưa chồng để qua mặt ông. Nhưng rồi ông hỏi tôi có muốn tiếp tục nghề ca vũ nữa không, ông sẵn sàng dành cho tôi một vai trong vở kịch mà ông sắp đem ra trình diễn. Tôi rất cám ơn nhã ý của ông nhưng không dám nhận. Dường như tôi linh cảm thấy nghiệp sân khấu của tôi đến đây là dứt. Khoảng thời gian sống trên sân khấu trôi qua như một giấc mộng, một cuộc thử thách gớm ghê.

Mấy tháng kế tiếp tôi nghỉ ngơi, đọc sách, ngồi tắm nắng tại công viên Hyde Park và nhân

thể đem số vốn Pháp văn của tôi ra thực tập với mấy chị vú người Pháp thơ thẩn trong công viên để trông bọn trẻ chơi đùa. Nhờ đã sống ở Pháp ít lâu cộng thêm những buổi học tại trường Berlitz, tiếng Pháp của tôi cũng không đến nỗi tệ cho lắm.

Thời gian cứ thế lặng lẽ trôi cho đến khi tôi quen với Judith Hurt...

Trong lúc hai vợ chồng tôi vắng nhà, Judith Hurt và bà mẹ dọn tới căn lầu ngay phía trên chúng tôi. Hàng ngày lên xuống cầu thang tôi thường gặp cô hàng xóm mới có cái tên Judith này. Cô có dáng người xinh xắn dễ thương, khuôn mặt thông minh láu lỉnh, mái tóc vàng mướt, nước da hồng hào và đôi mắt xanh đến mức độ hiếm thấy. Cô trạc tuổi tôi nhưng cuộc sống có vẻ tươi trẻ, hoạt động hơn nhiều. Từ khi cô dọn đến đây, các chàng trai trí thức ở đại học Oxford và Cambridge tấp nập lên xuống cầu thang. Tôi quen với cô từ ngày cô hỏi tôi xin để nhờ vài bó hoa trong chiếc tủ lạnh mà vợ chồng tôi kê ở chân cầu thang.

Chiều hôm đó, vừa bước chân ra khỏi phòng để đi dạo công viên Hyde Park tôi gặp Judith ở đầu cầu thang. Cô đi với một anh chàng cao lớn mang kính cận dầy cộm, trên lưng hai người đầy nhóc những dụng cụ trượt băng. Thấy tôi, Judith toét miệng cười :

— Chào bà Gillam.

Rồi cô giới thiệu anh bạn bốn mắt : Jock West. Sau cặp kính dầy cộm đó, gã nheo mắt nhìn tôi

làm như gã đứng xa tôi cả mấy trăm thước, nhưng nụ cười của gã lại hân hoan vô cùng khi tôi đưa tay để gã bắt. Judith khoe :

— Bọn tôi đi Grosvenos House để trượt băng. Bà tới đó với chúng tôi cho vui nhé ?

Tôi hơi ngượng, từ chối :

— Tiếc quá, tôi không biết trượt.

Jock West xen vào :

— Tôi sẽ chỉ cho bà. Mời bà đến thẳng đằng đó, khỏi cần mang dụng cụ, chúng tôi có thể mượn cho bà.

Tôi theo hai người tới một sân trượt băng hợp thời trang nhất Luân Đôn. Jock dạy tôi cách giữ thăng bằng rồi dìu tôi lướt trên mặt băng.

Tôi học rất mau, trò chơi mới làm tôi hăm hở khác thường. Tôi mua một áo thun cao cổ màu đỏ và một chiếc váy xòe màu đen để tiện biểu diễn cặp giò trắng muốt. Những lúc rảnh rỗi, tôi không lang thang tại công viên Hyde Park nữa, mà đi trượt băng hoặc chơi quần vợt dưới sự hướng dẫn của Jock. Thỉnh thoảng Johnny trở về sau những chuyến giao dịch thương mãi ở khắp nơi trong nước, chàng rất hài lòng thấy tôi vui vẻ và tiến bộ nhiều trong những trò tiêu khiển mới.

Hình như tại sân trượt băng Grosvenos House, mọi người đều biết nhau. Dưới mắt họ, tôi là bà Gillam xinh đẹp, có một ông chồng ẩn hiện như bóng ma, và hơi gan lì vì có thời dám lăn lộn trên sân khấu,

Xế trưa hôm đó, tôi đang tập trượt theo hình số ba thì một người đàn ông cao lớn bộ điệu nhà binh lướt tới bên tôi và tự giới thiệu là Jack Mitford. Ông thường thấy tôi trên sân với Jock West. Ông mời tôi khiêu vũ trên mặt băng với ông.

Chúng tôi cùng nhau lướt trên mặt băng theo điệu valse. Là một trong những tay trượt băng cừ khôi nhất, ông dạy tôi cách nhún người nhẹ nhàng và vút đi theo hình các con số thật đẹp. Sau đó, ông mời tôi tới quầy giải khát. Đang ngồi uống nước thì một gã mặt đỏ bước tới vỗ vai ông một cách thân mật. Theo lời giới thiệu của ông, đó là Đại Úy Gill — thường gọi là Gillo — bạn thể thao của ông. Hai người gặp nhau chuyện trò có vẻ tương đắc lắm. Họ bàn về một hội thể thao có tên là Hội Các Thể Tháo Gia Quốc Tế mà họ sắp thành lập, mà Đại Úy Gill làm bí thư. Ban giám đốc sẽ gồm những nhân vật tai mắt như Giáo Trưởng Aga Khan, Thiếu Tướng Vanderbilt, Quận Công hạt Westminster, Tử Tước hạt Lonsdale, một số Hoàng Thân Pháp và Nam Tước Ý. Tôi vừa nghe họ nói chuyện vừa tự nhủ hội này hấp dẫn thật, chắc khó gia nhập lắm.

Khi kể lại cho Johnny nghe chuyện này, chàng có vẻ rất chú ý. Theo chàng dự đoán, Jach Mitford chính là dòng dõi quý tộc, em của Lord Redesdale. Dòng họ Mitjord là một trong những dòng họ quý phái lâu đời nhất tại Anh. Quen với họ tức là đã bước vào xã hội của những nhà quý

phái chân chính, tuy không giàu có như bọn quý phái Luân Đôn, nhưng thực sự là những người tế nhị, học thức. Johnny khuyên tôi nên gia nhập hội thể thao của họ, nhưng tôi ngắt lời chàng :

— Thôi, anh đừng nói chuyện viển vông nữa. Đời nào họ nhận em, vả lại em đâu có người giới thiệu.

— Tại sao không ? Jack Mitjord để làm gì ? Lại còn Gill nữa, y làm bí thư đương nhiên phải có tiếng nói trong hội chứ.

Kết quả thật dễ dàng đến mức không ngờ. Jack Mitford nhờ Gillo giới thiệu tôi vào hội. Gillo đưa tên tôi ra trước một phiên họp — Bà John Gillam, phu nhân của Thiếu Tá John Gillam, D.S.O. — và các hội viên bỏ phiếu thuận.

Lily Sheil trở thành hội viên của Hội Các Thể Tháo Gia Quốc Tế.

Một hôm, vào khoảng tháng giêng Jack Mitjord mời vợ chồng tôi tới dự một bữa cơm thân mật. Câu chuyện trong bữa ăn phần lớn xoay quanh vấn đề nghỉ mát ở Thụy Sĩ. Gia đình Mitford dự tính sẽ đi St. Moritz ít ngày. Jack ngỏ lời mời tôi cùng đi cho vui, vì hai mẹ con Judith và một số bạn bè khác cũng sẽ có mặt tại đây.

Về nhà, Johnny bảo tôi :

— Dĩ nhiên em nên đi. Thử nghĩ xem... em sẽ có nửa tháng vui chơi thỏa thích ở Thụy Sĩ với gia đình Mitford.

Thế là mùa đông năm đó (1930), tôi trang bị

đầy đủ dụng cụ trượt tuyết, quần áo lạnh, và theo gia đình Mitford đi St. Moritz. Tại đây tôi có dịp được gặp những người thượng lưu trí thức nhất. Đối với bất cứ ai họ cũng tỏ ra tế nhị khác thường. Một vài người nhận biết căn bản học thức nông cạn của tôi nhưng họ không hề nói cho người khác biết hoặc tỏ vẻ gì khiến tôi phải bẽ bàng.

Để không đến nỗi thua kém họ quá, tôi tự nhận mình là con gái của John Lawrence và Veronica Rostyn Graham — hai cái tên nghe rất kêu — gốc ở Chelsea, một khu vực trưởng giả nhưng hơi pha trộn nếp sống của dân lưu đãng Bohémien tại Luân Đôn (sở dĩ tôi chọn khu vực này để có lý do bào chữa cho những cử chỉ hay lời nói thất thố của tôi trong những ngày sống chung với họ). Cha tôi mất trong một chuyến công du tại Đức khi tôi còn nhỏ. Mẹ tôi phải mướn thầy riêng về nhà dạy tôi học mấy năm rồi sau đó tôi theo học trường đào tạo nữ quý phái tại Pháp. Mẹ tôi mất năm tôi mười bảy và ít lâu sau tôi lập gia đình với Thiếu Tá Gillam, D.S.O.

Câu chuyện mà tôi phịa ra nghe rất có lý, chẳng ai nghi ngờ gì. Chỉ có một điều thiếu sót là tôi chưa được yết kiến Vua và Hoàng Hậu tại điện Buckingham.

Tất cả các thiếu nữ trong đám người thượng lưu mà tôi đang chung sống đều đã làm lễ ra mắt Hoàng Gia từ hồi mười tám tuổi.

Khi gặp lại Johnny, tôi nói với chàng :

— Anh ơi, giá ngày trước em được vào triều kiến thì hay biết mấy.

Thoáng một giây suy nghĩ, chàng đáp :

— Bây giờ cũng chưa phải muộn. Tuy em đã lập gia đình, nhưng anh có cách.

Qua ánh mắt của Johnny, tôi nhận thấy nơi chàng một bộ óc tháo vát phi thường. Theo chàng giải thích, các thiếu nữ quý phái khi đi lấy chồng thường vào triều kiến lần thứ hai. Giờ đây, vấn đề quan trọng là làm sao tìm được một người đã từng vào triều kiến để tiến dẫn tôi là xong.

Johnny nhớ tới một người đàn bà rất đẹp, vợ của Đại Tá Arthur Saxe, quen biết với chàng từ hồi chàng còn phục vụ tại Gallipoli. Hiện thời bà này sống một cuộc đời đạm bạc tại ngoại thành Luân Đôn. Chắc hẳn bà sẽ hài lòng nếu có dịp vào triều kiến một lần nữa.

Johnny viết thư nhờ vả bà Saxe. Bà nhận lời với điều kiện phải may cho bà một bộ triều phục tại nhà may của Norman Hartnell (chuyên may y phục cho Hoàng Hậu). Sau khi Johnny thoả mãn điều kiện này, tên của tôi được gửi tới quan Thị Vệ Đại Thần để xin vào ra mắt Hoàng Gia. Ít lâu sau, chúng tôi nhận được một tấm thiếp, lời lẽ thật trịnh trọng :

Theo lệnh Hoàng Thượng và Hoàng Hậu, Quan Thị Vệ Đại Thần trân trọng mời Thiếu Tá John Gillam và phu nhân tới triều kiến tại Điện Buckingham vào ngày thứ ba mồng chín tháng

sáu năm 1931 lúc 9 giờ 30 tối.

Quý bà : Triều phục vạt dài gắn lông chim.

Quý ông : Đại lễ phục.

Hôm vào triều kiến, chúng tôi mướn một chiếc Doimler có tài xế và bồi theo hầu. Tôi ngồi chính giữa, mặc một chiếc áo màu trắng ngà có đuôi thật dài, trên tóc có gài ba chiếc lông chim điểu. Một bên là bà Saxe đội vương miện gắn lông chim, còn một bên là Johnny trong bộ triều phục bằng nhung đen, đeo gươm rất oai vệ, trên mũ có một chiếc lông trĩ thật dài.

Qua khỏi cổng điện, chiếc xe hơi chạy thêm một khoảng sân nữa và ngừng lại trước các bậc thềm. Lính hầu mặc đồng phục chạy ra mở cửa xe. Chúng tôi bước lên một chiếc cầu thang tròn vĩ đại dẫn đến chánh điện. Trong khi chờ đợi, chúng tôi xắp hàng hai cùng những nhóm người khác cũng sắp vào ra mắt Vua và Hoàng Hậu.

Nhờ chút ít kinh nghiệm sân khấu, tôi bước vào chánh điện thật ung dung, đầu ngẩng cao, nét mặt tươi tắn. Nhưng đến khi thấy mặt Vua George Đệ Ngũ và Hoàng Hậu Mary, sự hồi hộp làm tôi cơ hồ nghẹt thở. Phía sau hai người là đám người trong Hoàng Gia gồm ông Hoàng đất Wales, Quận Công đất Gloucester, Hoàng Tử George, Công Chúa Mary, Công Chúa Alice, Hầu Tước Phu Nhân đất Milford Haven, và lố nhố nhiều người nữa mà tôi không biết tên. Sau lưng đám người này còn có các nhà quý tộc mặc phẩm phục mầu

sắc khác nhau đứng thành hàng riêng biệt. Trong một phút ngắn ngủi, bao nhiêu ý tưởng lo âu vụt qua óc tôi. Coi chừng dẫm lên vạt áo, coi chừng mấy chiếc lông điểu gài trên đầu rớt xuống. Trời ơi, sao người tôi như muốn bịnh thế này? Giọng quan thị vệ đại thần bỗng vang lên:

— Bà Arthur Saxe trình kiến. Bà John Gillam trước Hoàng Gia.

Bà Saxe từ từ bước ra và nghiêng mình chào. Một người nào đó đẩy tay tôi và tôi vội bước theo bà như cái máy. Rồi tôi nhận ra mình đứng ngay trước mặt Vua và Hoàng Hậu, vội nghiêng mình làm lễ và đánh bạo ngước mắt nhìn thẳng vào mặt hai người. Hoàng Hậu Mary tỏ vẻ khó chịu — nếu tôi không lầm — khi bắt gặp ánh mắt nhìn trả lại như xoáy vào người tôi. Tôi đứng thẳng người dậy, vén tà áo dài quét đất sang một bên và lui về phía sau lẫn vào đám đông tại tiền sảnh. Khi Vua và Hoàng Hậu tiến ra, tất cả đứng giạt sang hai bên để nhường lối, đàn ông cúi đầu thật thấp, còn đàn bà nghiêng mình làm lễ chờ đám Hoàng Gia lần lượt bước qua. Trước hết là quan thị vệ đại thần và các cận vệ đi giật lùi, rồi tới Vua và Hoàng Hậu mặc áo đuôi dài lê thê phải có hai chú bé đi theo nâng lên cho khỏi quét đất, và sau cùng là các thân vương, hoàng tử, công chúa...

Xuống tầng dưới, chúng tôi được thưởng thức bánh ngọt và săng-uých đựng trong đĩa

vàng, rượu sâm banh hảo hạng đựng trong những ly bằng pha lê quý giá vô ngần. Trên đường về, Johnny cho xe ghé lại Quaglino's, nhà hàng sang trọng nhất Luân Đôn. Chưa bao giờ tôi khiêu vũ với một tâm trạng sung sướng như vậy. Tôi đã trở thành một công nương như bao nhiêu đàn bà quý phái khác! Sau này nếu tôi đi đôi với Judith Hurt, không hiểu thiên hạ có nhìn ra sự khác biệt giữa hai đứa không nhỉ? Sự khác biệt tuy nhỏ nhưng chắc chắn phải có, đó là niềm kiêu hãnh của tôi.

13.

TÔI CÒN NHỚ JOCK WEST VÀ TOM Mitford — cháu ruột Jack Mitford, con của Lord Redesdale — thường đề cập đến người con trai thông minh nhưng phách lối của Winston Churchill. Một hôm, cũng tại nhà hàng sang trọng Quaglino's mà trước đây mấy tháng Johnny đã dẫn tôi tới nhân dịp vào triều kiến, Tom Mitford giới thiệu tôi với một thanh niên tóc nâu nhạt rất đẹp trai :

— Sheilah, đây là người anh em họ của tôi. Randolph Churchill.

Thì ra đây là anh chàng hách xi xằng mà bọn sinh viên tại Eton và Oxford ghét cay ghét đắng. Nhưng lúc này trông gã không có vẻ gì là hợm mình, còn nhã nhặn, quyến rũ nữa là khác. Gã mới khoảng ngoài hai mươi một chút, dong dỏng cao, nước da hồng tươi, dáng điệu cực kỳ chững

chạc quý phái. Gã và Tom có vẻ thích đem tôi ra làm đầu đề tán láo. Tom ỡm ờ bảo tôi :

— Này Sheilah, có nhiều lúc tôi thắc mắc về cái ông Gillam nào đó. Sao ông ta có vẻ bí mật thế. Tôi không tin trên đời này lại có ông Gillam bằng xương bằng thịt. Nói vậy có đúng không, Sheilah ?

Tôi chỉ mỉm cười không đáp.

Randolph và Tom thường dùng cơm trưa với nhau tại nhà hàng Quaglino's. Chiếc bàn mà họ hay ngồi là nơi hò hẹn của các nhà chính trị trẻ tuổi. Họ bàn luận sôi nổi về Winston Churchill, về tình trạng nước Anh nếu một mai ông trở lại nắm quyền. Theo Randolph, nước Anh rất cần đến ông. Có người đề cập tới Stanley Baldwin, cựu Thủ Tướng Anh, Randolph chỉ khịt mũi, dè bỉu :

— Lão già ngớ ngẩn đó mà nói làm gì.

Gã còn đem cả Thủ Tướng Ramsay MacDonald ra nhạo báng. Nghe lời gã nói, tôi có cảm tưởng như trên đời này dù người ta tài giỏi đến đâu, mà không thuộc dòng dõi quyền quí như gã thì cũng chỉ là đồ bỏ. Đã trót sinh ra giữa đám dân giã thì dù có làm Thủ Tướng nước Anh hay gì gì đi nữa cũng vẫn có một vết nhơ suốt đời không gột rửa được.

Một buổi tối kia, Randolph mời tôi dùng cơm tại Quaglino's. Trong bữa ăn có mặt cả Charlie Chaplin (tức vua hề Charlot). Tôi giật mình, không ngờ được gặp một nghệ sĩ lừng danh cỡ đó. Nhưng chỉ một lát sau, ông ta làm tôi thất vọng với vẻ khúm núm trước mặt Randolph. Ông tâng

bốc gã một cách lố bịch :

— Dĩ nhiên cậu sinh ra là đã có sẵn tất cả. Còn tôi, tôi chỉ có hai bàn tay không. Tôi đã phải vật lộn với đời, đổ bao nhiêu mồ hôi nước mắt mới có ngày nay. Cậu thật là người may mắn nhất đời, được sinh vào dòng họ Churchill để hưởng giàu sang, quyền thế...

Rồi ông kể lể thuở thiếu thời lam lũ của ông, những ngày phải làm hề dạo tại các phòng hòa nhạc để kiếm tiền mua cơm ăn. Tâm sự của ông chính là tâm sự của tôi, nhưng những lời ông nói làm tôi khó chịu. Việc gì ông phải hạ mình trước một gã kiêu căng như Randolph. Những lời than phiền hay quy lụy là để dành cho những người tầm thường như tôi. Còn ông là một bậc thiên tài, tại sao ông dám tự coi thường mình như vậy ?

Câu chuyện xoay qua vấn đề chánh đáng của Ramsay MacDonald. Khi Chaplin vừa bắt đầu lên tiếng phân tích về các khó khăn mà ông MacDonald phải đối phó, Randolph ngắt lời :

— Trời ơi, Charlie ! Dẹp ba cái vụ lẩm nhẩm đó đi ! Ông không biết gì về chính trị đâu.

Rồi không một lời xin lỗi, gã chồm người ngang qua mặt Chaplin để gạt tàn thuốc. Cử chỉ hỗn xược này làm tôi giận run.

— Charlie, hãy kể về Hollywood cho mọi người nghe đi.

Chaplin vẫn không tỏ vẻ gì khó chịu. Ông bắt

đầu thao thao bất tuyệt về phim ảnh Hoa Kỳ. Nghe ông nói mà tôi cảm thấy hảo hức. Sống ở Mỹ thích thật. Người ta chỉ chú trọng đến con người hiện tại của chúng ta, không cần biết dòng dõi hay cuộc sống lúc thiếu thời. Thực ra, chúng ta càng có tài trèo cao, họ càng phục sát đất.

Rời phòng ăn, chúng tôi ra đứng ở phòng khách để đợi xe hơi của Randolph tới đón. Một đám đông xúm lại chiêm ngưỡng Chaplin. Để đáp lại sự hâm mộ của họ, ông sửa lại điệu bộ rồi đi khật khưỡng y như trên màn bạc. Cả bọn cười ồ, phục lăn.

Về nhà kể lại cho Johnny nghe, chàng tròn mắt :

— Em gặp Charlie Chaplin ? Tuyệt quá nhỉ ! Lại ngồi ăn chung bàn với ông ta nữa !

Tôi thầm nhủ, hay hơn hết chúng ta không bao giờ nên tới gần một thần tượng quá, e vỡ mộng. Đó là bài học mà tôi sẽ gặp lại sau này tại Hollywood.

Sau khi đi Munich (Đức) ít lâu, Tom Mitford trở về, gặp ai hắn ta cũng đem chuyện Hitler ra nói.

— Tôi vừa gặp người có sức lôi cuốn những kẻ xung quanh nhất trong đời tôi ! Thật là kỳ lạ, ông mà cất giọng lên thì ai nghe cũng phải mê. Chưa thấy ai có tài hùng biện như ông.

Randolph gạt ngang, giọng khinh bỉ :

— Lại thằng cha nhỏ thó có bộ ria lún phún Adolf Hitler chứ gì. Thôi đừng ba xạo nữa.

Nhưng Tom vẫn hăng hái kể tiếp, cả quyết

rằng sẽ chẳng bao lâu nữa tất cả nước Đức sẽ theo ông ta. Rồi Tom đưa ra vài ý kiến độc đáo của Hitler và bắt đầu cùng Randolph tranh luận rất hăng về dân chủ và phát xít.

Chẳng hiểu hai người nói gì mặc dù đã đọc qua về Hitler, tôi chỉ mỉm cười, làm bộ lắng nghe, rồi lại mỉm cười. Cũng may, chẳng ai thèm hỏi đến ý kiến của tôi. Tôi có mặt chỉ để làm cảnh cho bữa ăn. Nụ cười của tôi là một chiếc mặt nạ để che dấu sự ngu dốt, và hình như họ cũng chẳng đòi hỏi gì ở tôi ngoài những nụ cười tán thưởng đó.

Dù sao, sự ngu dốt cũng làm tôi bực tức, và sau bữa ăn tôi vội vã tới sân quần vợt của Hội Các Thể Thao Gia Quốc Tế để trút hết nỗi bực tức đó vào chiếc vợt và trái banh. Tôi chơi hùng hục như người điên khiến Jack West và Judith phải lên tiếng can :

— Sheilah, chị làm gì mà hăng quá vậy ? Chơi giải trí chứ đâu phải là đánh vật.

Họ đâu hiểu được rằng những khoảng thời gian ngắn ngủi trên sân chính là những lúc tôi sống thực sự với chính mình, trút bỏ hẳn bộ áo giả dối, kiểu cách.

Ngày này qua ngày khác, trong khi tôi cặm cụi đánh banh bên sân nữ giới thì bên sân nam giới cũng có một người khác chơi rất hăng. Chính sự hăng say của ông ta làm tôi chú ý và nổi tính tò mò, dò biết ông là Hầu Tước đất Donegall mà mọi người thường gọi là Lord Donegall. Ông thuộc một

trong những gia đình quý phái cổ xưa nhất tại Anh. Hiện thời ông đang tập sự viết báo, bài của ông xuất hiện hàng tuần trên tờ *Sunday Dispatch*, tôi đọc rất mê say để xem ông viết lách ra sao.

Tôi chiêm ngưỡng phong tư quý phái của ông từ đằng xa. Ông sống trong một thế giới hoan lạc, đầy mình chức vị, tiền tài, quanh năm du lịch hết Pháp tới Ý rồi lại tới Tây Ban Nha với hết Công tước nọ đến Bá tước kia. Thỉnh thoảng tôi thấy ông tới nhà hàng Quaglino's đem theo một đám bạn bè đông đảo, bọn bồi bàn rạp đầu cung kính mỗi khi ông đi qua. Nguyên tước vị của ông kể ra đã phát mỏi miệng : Hầu Tước kiêm Bá Tước đất Donegall, Bá Tước đất Belfast, Tử Tước Chichester tại Ái Nhĩ Lan, Nam Tước Fisherwick đất Fisherwick, Quyền Thừa Kế Tư Lệnh Hải Quân tại Lough Neagh, và nửa tá các tước vị khác mà tôi không nhớ hết.

Một hôm, không hẹn mà nên, chúng tôi cùng ngưng dượt và bước ra đụng đầu nhau.

— Chào cô, tôi thường để ý thấy cô chơi bên sân nữ. Cô chơi khá lắm.

Rồi ông mời tôi đi kiếm cái gì giải khát và kết luận một câu có vẻ tiếc rẻ :

— Không hiểu sao tôi lại không quen với cô sớm hơn nhỉ ?

Tôi đáp một cách mập mờ :

— À tôi cũng hay đi du lịch khắp nơi ít khi có mặt ở đây.

Donegall có lý do để hỏi như vậy vì hầu hết các tay chơi ở đây đều quen biết ông, không ít thì nhiều. Ông khoảng hăm bảy, dáng mảnh khảnh, có nhiều nét quyến rũ của đàn ông, ăn mặc trang nhã, tóc nâu láng muốt, đôi mắt to nâu chứa chan tình cảm, và hai bàn tay thon nhỏ dịu dàng như đôi tay mỹ nữ. Ẩn hiện sau cử chỉ chững chạc quý phái là vài nét vui nhộn của trẻ con, miệng lúc nào cũng như sắp cười.

Kể từ hồi còn sống dưới ánh đèn sân khấu, nhiều người từng theo đuổi cầu cạnh tôi, nhưng lần này tình thế đã thay đổi. Tôi nảy ra ý tưởng muốn chạy theo con người quyến rũ Donegall. Sau trận đấu quần vợt giao hữu tuần lễ tiếp theo, một buổi tiệc trà được tổ chức để họp mặt cả phe nam lẫn phe nữ. Tôi chọn một chiếc váy ngắn thật đẹp và chiếc áo thun đỏ bó sát người. Khi Lord Donegall bước vào, ông dáo dác nhìn quanh và dừng lại khi bắt gặp ánh mắt tôi. Tôi khẽ mỉm cười và ông vội vã tiến lại ngồi ghé trên thành ghế của tôi. Ông hỏi về cuộc đấu vừa qua :

— Cô thắng chứ ?

— Dạ, tôi thắng.

— Tuyệt, tôi cũng may mắn như cô.

Tôi khơi chuyện :

— Hình như ông quen với một người bạn của tôi tên là Tom Mitford ?

Chúng tôi quay sang nói chuyện về Tom. Cuối cùng tôi hỏi :

— Tuần tới, ông có đi dự cốc - tay ở nhà Dennis không ?

Ông mỉm cười hỏi ngược lại tôi :

— Cô có đi không ?

— Có.

— Nếu vậy tôi cũng đi !

Hôm tôi đi dự cốc-tay ở nhà Dennis, đi một mình về hai mình, Lord Donegall đưa tôi về tận cửa. Johnny không cùng đi với tôi mà đi dự tiệc ở một nơi khác với mấy người bạn đứng tuổi. Johnny than với tôi :

— Anh không muốn đi với em vì đứng giữa đám bạn bè trẻ trung của em, anh cảm thấy mình già nua quá.

Theo lời hẹn, ngày hôm sau tôi và Lord Donegall cùng dùng cơm trưa tại một nhà hàng ấm cúng. Vì biết tôi đã có chồng, nên thay vì hỏi han về thân thế, về việc học hành của tôi v.v... ông chỉ đem chuyện các bạn bè ra nói, hoặc bàn về thú săn bắn tại Northumberland và trượt tuyết tại Thụy Sĩ. Khi biết tôi từng tung hoành trên sân khấu và có lần viết bài đăng báo, ông có vẻ thán phục lắm.

Trong mấy tháng tiếp theo, ông đưa tôi đi rất nhiều nơi. Thăm viếng trang trại tại Ascot, bơi trên dòng Thames, lái xe dạo mát miền quê... Một hôm, ông chợt nói với tôi :

— Sheilah, tôi yêu em. Tôi muốn cưới em.

— Trời ơi anh dỗn hoài.

Tuy cho rằng ông nói đùa — vả lại tôi cũng chưa yêu ông — tôi vẫn cảm thấy bồi hồi với những ý tưởng lung linh diễm tuyệt : Lily Sheil, Lệnh Phu Nhân, Bà Hầu Tước Donegall ! Con trai của tôi sẽ là Bá Tước đất Belfast, con gái của tôi sẽ là Nữ Quý phái Wendy Chichester ! Không, đời tôi chẳng bao giờ có được ngày đó. Tôi nói thật nhanh như để xua đuổi những giấc mộng hão huyền :

— Tôi có chồng rồi, anh thừa biết điều đó.

— Nhưng chắc em đã nghe nói về ly dị...

— Thôi, anh đừng nhân lúc bốc đồng nói ngược nói xuôi nữa. Vả lại, mẹ anh đời nào chịu nhận tôi làm dâu.

Tôi nói với nụ cười buồn. Mọi người còn lạ gì bà cụ thân sinh ra Donegall, kén dâu còn hơn kén chồng.

Donegall thoáng vẻ áy náy :

— Có lẽ em nói đúng...

Nhưng rồi ông lại mỉm cười :

— Nhưng đừng quên rằng chính anh đã hỏi em.

●

Dường như mặc cảm ngu dốt khi nghe bọn Randolph Churchill bàn luận đã thúc đẩy tôi cầm bút lại. Tôi muốn chứng tỏ cho họ thấy tôi không phải chỉ là một bông hoa biết cười để làm cảnh

mà còn là một người có đầy đủ trí óc như họ. Cũng có thể lời đề nghị xa vời của Donegall đã gieo vào đầu tôi một ý tưởng ngờ vực về đám cưới giữa tôi và Johnny. Chiều hôm đó tôi ngồi vào bàn và phóng bút ghi lại những ý tưởng đang ào ào kéo tới. Một bài báo được hoàn tất với nhan đề : *Khi Lấy Một Người Chồng Lớn Hơn Mình Hăm Lăm Tuổi — cảm nghĩ của một người vợ trẻ.* Tôi gửi cho tờ *Sunday Pictorial* và vài ngày sau tôi nhận được chi phiếu tám guineas. Thật bất ngờ, *tám guineas !*

Tự nhiên tôi cảm thấy mình có tài viết báo. Đúng rồi, đây mới là nghề của mình. Nữ phóng viên vừa có thể làm giàu lại vừa nổi tiếng. Tôi viết một bức thư cho tờ *The Saturday Evening Post* bên Hoa Kỳ vì nghe nói đây là tuần báo phổ thông nhất nước Mỹ, trong thư tôi hỏi họ có nhận bài từ Anh gửi qua không ? Tôi cắt những bài báo đã được đăng và gửi kèm theo thư.

Sau một thời gian chờ đợi, tôi nhận được thư trả lời. Họ muốn thử tài tôi bằng cách cử tôi đi phỏng vấn Lord Beaverbrook, một chủ báo tiếng tăm nhất nước Anh thời bấy giờ, để hỏi ông về trường hợp của văn sĩ Anh J. B. Priestley. Priestley đã làm một cuộc du thuyết bên Hoa Kỳ với mục đích trục lợi. Khi trở về Anh ông viết báo chửi bới người Hoa Kỳ là bọn cù lần ngu dốt khiến dân chúng Hoa Kỳ vô cùng phẫn nộ. Ông Beaverbrook nghĩ sao về Priestley, một kẻ vô ơn đã đáp

lại sự đón tiếp nồng hậu của dân tộc Mỹ — và tiền của họ — bằng thái độ *ăn cháo đá bát* đó ?

Sau năm lần bảy lượt tìm đến nhà ông Beaverbrook và bị gia nhân cự tuyệt một cách tàn nhẫn, tôi vẫn không nản chí. Cuối cùng ông ta đành chịu thua và nhận lời tiếp tôi trong giây lát. Khi biết mục đích cuộc phỏng vấn của tôi, ông thẳng thắn từ chối, viện cớ rằng Priestley là một cây bút gạo cội của ông, ông không muốn làm phật lòng một cộng sự viên đắc lực cỡ đó. Để an ủi tôi. Ông hứa sẽ viết dùm một bài — ký tên tôi — đả kích Hội Quốc Liên, đòi giải tán Quốc Hội này ngay. Theo ông, tôi có thể bán bài này cho một tờ báo của Hearst (Anh) với giá ít nhất hai mươi Anh kim.

Tôi rất mừng rỡ, không ngờ bước đầu của tôi lại có người nâng đỡ cách đó. Tuy cuộc phỏng vấn chẳng đi đến đâu nhưng tương lai nghề nghiệp của tôi không vì thế mà đi vào chỗ bế tắc, còn sáng sủa hơn là khác.

Khi nhận được bài báo do ông Beaverbrook viết dùm, tôi ngã ngửa. Hơn ba trang giấy đầy nghẹt những chuyện trên trời dưới bể, tả tình tả cảnh tùm lum rồi cuối cùng kết luận một câu lãng nhách chẳng ăn nhậu vào đâu : *Hội Quốc Liên cần phải được giải tán !*

Nếu tôi không lầm, khẩu hiệu, này đã được đăng ở một tờ báo của ông Beaverbrook từ mấy tuần trước.

Bài báo nằm trong tay tôi như một mớ giẻ rách. Dĩ nhiên chỉ có một người điên mới bỏ tiền ra mua một bài đầu Ngô mình Sở như vậy. Khi tôi báo tin cho ông Beaverbrook biết nhóm biên tập Hearst không chịu mua, ông gửi cho tôi một chi phiếu hai mươi Anh kim để đền tiền nhuận bút.

Vài ngày sau tôi nhận được một cú điện thoại bất ngờ. Người ở đầu giây bên kia tự giới thiệu là Lord Castlerosse, một trong những biên tập viên kỳ cựu của Beaverbrook.

— Nghe nói hôm nọ cô đến phỏng vấn Beaverbrook và bị lão già đầu to miệng rộng đó từ chối phải không ? Cô đừng lo, tôi sẽ có cách giúp cô.

Và ông ta mời tôi dùng cơm trưa để nói chuyện nhiều.

Trong bữa ăn trưa hôm đó, Lord Castlerosse bảo tôi :

— Tôi biết rất rõ về Quốc Hội Liên, nhưng đừng thèm viết về Hội đó làm gì. Tôi có thể cho cô một ý kiến hay hơn nhiều.

Rồi ông đề nghị tôi viết một phóng sự về bốn *lão tướng chủ báo trong hàng quý tộc* ở Anh : Lord Beaverdrook, Lord Rothermere chủ tờ *Daily Mail*, Lord Riddell chủ tờ *Tin Tức Thế Giới*, và Lord Camrose chủ tờ *Daily Telegraph*.

— Cô có thể bán bài phóng sự đó cho bất cứ tuần báo nào ở Mỹ và chắc chắn sẽ nổi tiếng. Tôi

sẽ giúp cô.

Ông còn hứa viết dùm tôi đoạn nói về Beaverbrook và chỉ cho tôi cách góp nhặt tài liệu về ba người kia.

Một bài báo như lời ông nói quả có giá trị vượt xa những bài mà tôi đã viết trước đây. Thực là cơ hội ngàn năm một thuở để tôi tiến thân.

Lord Castlerosse giữ lời hứa. Đoạn văn mà ông viết dùm tôi về Beaverbrook có tính cách châm biếm cao độ, trong đó có một câu mà tôi còn nhớ mãi.

Thuở bé tôi có một con búp bê bằng cao su mặt bự, miệng loe. Khi tôi bóp vào bụng nó thì lưỡi nó thè ra. Con búp bê đó giống như Lord Beaverbrook. Vì cao su co dãn, chúng ta không thể biết được ông ta sẽ dở những trò gì.

Những đoạn còn lại do tôi viết lấy, tuy vất vả nhưng rồi bài báo cũng hoàn tất và tuần báo *Nash's* chịu mua với giá hai mươi lăm guineas. Khi bài báo xuất hiện, dư luận xôn xao không ít. Bỗng dưng nhiều người biết đến tôi.

Dường như để đòi nợ, Lord Castlerosse nhờ tôi giúp ông một chuyện. Bà vợ yêu của ông bỏ đi theo một vua kim cương Nam Phi làm ông điên đầu. Ông nhờ tôi tới gặp bà, làm bộ phỏng vấn về cuộc tình vụng trộm của bà để đăng lên báo, dĩ nhiên bà sẽ sợ mà trở về với ông.

Biết làm áp lực kiểu đó hơi có vẻ hạ lưu, nhưng tôi buộc lòng phải nhận lời. Sau khi tìm

tới nhà bà và cho gia nhân vào thông báo mục đích cuộc viếng thăm, tôi đứng đợi ở phòng khách, trong lòng thầm hy vọng bà sẽ từ chối không tiếp. Nhưng sự thực trái ngược, bà từ trên lầu bước xuống vội vã đến độ tôi có thể nghe thấy tiếng vạt áo lê dưới đất. Vừa thấy tôi, bà la lên :

— Trời ơi, cô đừng có viết chuyện đó.

Tôi ngượng chín cả người, không biết nói năng ra sao. Cùng là đàn bà với nhau, đáng lẽ tôi phải biết liêm sỉ, nhưng vì món nợ tinh thần với ông Castlerosse, tôi phải nén lòng đưa bà vào bẫy. Kết quả là sự thành công trong cay đắng. Bà trở về với ông. Tôi vừa học được thêm một bài học hay : ở đời « làm ơn là để mong người trả ơn ».

•

Ngày xưa Johnny miệt mài trong thư viện bao nhiêu thì ngày nay tôi miệt mài bấy nhiêu để tìm tài liệu viết báo. Khi nghiên cứu về báo chí Mỹ, tôi rất ngạc nhiên thấy mỗi bài có thể cùng một lúc xuất hiện trên hàng chục tờ báo khác nhau. Tôi hỏi Lord Castlerosse về vấn đề này, ông giải thích ở Hoa Kỳ có nhiều nghiệp đoàn báo chí với hàng trăm tờ báo, mỗi tờ lưu hành tại một địa phương. Chúng ta có thể bán tác quyền cho một nghiệp đoàn để đăng trên nhiều tờ cùng một lúc, tiền nhuận bút tăng theo tỉ lệ số báo đăng.

Câu trả lời của Lord Castlerosse không những

giải đáp thắc mắc cho tôi mà còn là chiếc chìa khóa đưa tôi vào một thế giới mới. Tôi thầm nhủ, *mình phải đi Hoa Kỳ*. Tới đó, tôi không còn sợ bóng tối quá khứ ám ảnh tôi nữa. Tôi sẽ tự lực cánh sinh, tự tìm cho mình một khoảnh đất để đứng. Dù sao tôi cũng phải mạo hiểm một chuyến xem sau.

Càng nghĩ đến việc đi Hoa Kỳ tôi càng háo hức. Tôi sẽ ra đi với tư cách một nữ văn sĩ Anh, từ bỏ cuộc vật lộn với xã hội thượng lưu để chạy theo tiếng gọi của nghề cầm bút. Tôi tự tin ngòi bút của mình sẽ đáp ứng được thị hiếu của các nữ độc giả. Tôi biết khá nhiều về bọn đàn ông, hình như bao năm suy ngẫm về họ là để dùng cho lúc này. Đã lăn lộn nhiều với đời, tôi phải hiểu thấu lòng người, biết rõ thế nào là Cuộc Đời.

Khi tôi ngỏ ý muốn đi Hoa Kỳ, Johnny nhảy nhổm. Nhưng rồi chàng gật gù :

— Thôi được rồi, em đi trước đi, anh sẽ theo em sau.

Chàng còn bận nhiều công việc chưa giải quyết xong, vả lại chàng biết rằng đi theo tôi chẳng ích gì, chỉ tổ kỳ đà cản mũi. Tôi còn trẻ, còn đẹp, thiếu gì kẻ đâm đầu vào giúp đỡ. Họ mà thấy ông chồng đứng tuổi của tôi, lù lù bên cạnh, chắc chắn họ sẽ lảng xa ngay.

Johnny và tôi vui vẻ thỏa thuận với nhau, nhưng tôi vẫn linh cảm thấy lần ra đi này sẽ là lần chia ly, tình vợ chồng bao năm vun đắp sẽ

đoạn tuyệt ở đây. Có lẽ Johnny cũng biết như vậy nhưng chàng chỉ buồn buồn không nói. Tận đáy lòng tôi, tôi biết chẳng bao giờ tôi *bỏ hẳn* Johnny được. Làm gì có chuyện con cái bỏ cha mẹ, nhưng Bà John Gillam phải bỏ Ông John Gillam để tìm lại tình yêu ở một phương trời khác.

14.

VỚI MỚ HÀNH TRANG GỒM MỘT TRĂM Mỹ kim, một vé khứ hồi dùng đến khi cần, và một lố thư giới thiệu, tôi đặt chân lên đất Mỹ tháng sáu năm 1933 và tìm ngay đến Hiệp Hội Báo Chí Bắc Mỹ do ông John Wheeler chủ xướng tại Nữu Ước. Khi bước vào văn phòng của ông, tôi cũng không ngờ người mà tôi sắp gặp sẽ là ông chủ của tôi trong những năm đất khách quê người. Ông có khuôn mặt hồng hào nhưng điệu bộ hắc búa, ngồi quay tròn trên chiếc ghế xoay, mắt lầm lừ nhìn tôi bước vào, chẳng buồn đáp lại nụ cười cầu tài của người đến xin việc. Với điếu xì gà gộc còn cháy dở gắn trên môi, giọng ông lúng búng như người đang cằn nhằn. Văn phòng ông bày biện sơ sài, trên tường lác đác vài bức hình chụp cảnh Đệ Nhất Thế Chiến, trong hình tôi nhận ra ông hồi còn trẻ, nét mặt còn hắc ám hơn bây giờ một bậc. Miệng

ngậm xì gà, giọng nói lè nhè, lại thêm chiếc kính đỡ chói gắn ngang trên trán, đúng là hình ảnh một tay tổ báo chí Nữu-Ước mà tôi đã tưởng tượng ra nhờ những cuốn phim Mỹ.

Vừa lúng búng đưa điếu xì gà qua lại trên môi, vừa đọc bức thư giới thiệu, ông Wheeler chợt ngẩng đầu lên, hất hàm bảo tôi :

— Cho tôi xem cô đã viết được những gì.

Tôi mở một chiếc phong bì lớn và đưa ông xem bài báo về Johnny nơi hậu trường sân khấu. Ông liếc mắt thật nhanh rồi lắc đầu :

— Thứ này không xài.

Tôi đưa ông bài thứ nhì, ông lại lắc. Trong cơn bấn loạn, tôi trao cho ông cả phong bì. Sau một hồi xem xét, ông gật gù ở đoạn nói về các cô vợ trẻ lấy phải chồng già :

— Được lắm.

Tôi thở phào và vẫn với sự nôn nóng thường lệ tôi đánh bạo hỏi ông :

— Ông bằng lòng ký hợp đồng với tôi chứ ?

Ông đưa mắt nhòm vào mặt tôi, giọng dễ gai :

— Cô nói cái gì vậy ? Bây giờ cô để phong bì này ở lại đây, mấy bữa nữa quay lại gặp tôi.

Tôi hơi bực :

— Tôi hy vọng ông sẽ ký hợp đồng ngay. Chắc ông thừa biết tôi còn phải liên lạc với các hiệp hội khác.

Lần đầu tiên ông mỉm cười, nhắc lại :

— Mấy bữa nữa cô quay lại gặp tôi.

Ông đứng dậy và đưa tay tiễn tôi ra cửa.

Ông Wheeler hài lòng về những bài báo của tôi nhưng chưa dám để tôi viết bài cho Hiệp-Hội vì căn bản nghề nghiệp của tôi còn non quá. Ông cử tôi viết riêng cho tờ *Neu York Mirror* của Albert J. Kobler với số lương bốn mươi Mỹ kim một tuần. Ông còn khuyên tôi viết bài về Hiệp Hội của ông để bán cho những báo khác kiếm thêm chút tiền. Thế là những lúc rảnh rỗi tôi tha hồ đi gõ cửa các báo.

Một hôm, tôi đến viếng tờ *Evening Journal* và gặp bà chủ bút Mary Dougherty. Bà không chịu mua bài nhưng giúp tôi một ý kiến :

— Cô từ Anh tới đây, sao cô không viết về cảm nghĩ của cô đối với Nữu Ước ? Chúng tôi sẽ rất hoan nghênh.

Bà ta nói đúng. Cảm nghĩ về Nữu Ước tiềm tàng trong tôi từ lâu. Tôi quyết định viết một bài thật giật gân để làm bà lác mắt. Với đề mục *Ai Là Kẻ Lừa Dối Nhất Trong Hôn Nhân*, tôi đưa ra những nhận xét về người Pháp, người Anh, người Đức và người Mỹ, và kết luận rằng người Anh đáng tội nhất. Tại Anh *trò ái tình tay ba* rất phổ thông : chồng, vợ và người yêu sống chung dưới một mái nhà, người yêu chi phí cho gia đình trong khi ông chồng cố ý ngoảnh mặt làm ngơ. Tại Pháp, *người chồng sẽ ra sao* nếu buổi trưa hì hụi với nhân tình, còn buổi tối hú hí với vợ ? Ở Đức, vợ không cũng đủ *tắc thở*, còn đâu đèo bòng nọ kia. Còn ở Nữu

Ước, tôi có hai nhận xét cùng một lúc : *có chồng mà không có vợ* vì các bà đã kéo nhau về miền quê nghỉ mát để tránh sự oi bức của thành phố, và *có phòng mà không có thảm* vì những tấm thảm cũng giống như các bà vợ đã được gửi tới các nơi nghỉ mát để thay chiếu. Hai hiện tượng này luôn luôn dính liền với nhau vì những ông chồng không vợ sẽ bắt gái tơ về « chịp» trong những căn phòng không thảm. Giả sử tôi không biết rằng đàn bà Mỹ coi việc lấy chồng như một nghề để kiếm tiền cấp dưỡng, chắc hẳn tôi đã ghép tội đàn ông Mỹ nặng nhất.

Viết xong bài báo, tôi gửi cho tờ *Evening Journal* của bà Dougherty rồi vội vã tới tòa soạn của tờ *Mirror* để làm phóng sự về những vụ tầm phào.

Sáng hôm sau, chuyện bất ngờ xảy tới. Tờ *Evening Journal* mời tôi tới gấp : bài báo của tôi thật là kinh khủng ! Chờ đến giờ nghỉ trưa, tôi rời tòa soạn báo *Mirror* để đi gặp bà Dougherty. Vừa thấy tôi, bà lập tức cho gọi một ông phó nhòm tới và bắt tôi đóng kịch để chụp sáu kiểu hình liên tiếp—tôi phải làm bộ đang gọi điện thoại, đang đánh máy chữ, và cười thật tươi với độc giả. Tờ *Evening Journal* sẽ lăng xê tôi là *khám phá mới trong năm* của họ : Sheilah Graham, cây bút táo bạo, nữ phóng viên *hỗn* nhất vừa từ Anh tới. Họ hỏi tôi có muốn làm việc với họ không ? Tôi gật đầu trả lời :

— Một trăm đô la một tuần.

Bản tính tôi xưa nay vẫn thích những con số tròn, gọn và lớn.

Nhưng dù có hỗn hay táo bạo cách mấy, cũng không có giá một trăm Mỹ kim một tuần vào năm 1933. Bà Dougherty phản đối :

— Chúng tôi chỉ có thể trả cô bảy mươi lăm Mỹ kim.

Bảy mươi lăm đằng này cộng với bốn mươi đằng *Mirror* vị chi là một trăm mười lăm Mỹ kim một tuần ! Tôi gật đầu, ra vẻ miễn cưỡng.

— Thôi được, thế cũng được.

— Vậy thì hay lắm.

Và bà làm giấy mướn tôi.

Ngày hôm sau, bài báo của tôi xuất hiện trên tờ *Journal* và lập tức tờ *Mirror* phản đối dữ dội. Họ gọi tôi vào để xài xể. Tại sao tôi dám làm việc cho tờ *Journal* khi còn lãnh lương của tờ *Mirror* ? Bà Dougherty cũng gọi tôi tới trách móc về vụ này. Tôi phải tốn bao nhiêu nước miếng mới giải thích cho bà biết rằng tôi mới tới, chưa hiểu rõ luật báo chí tại đây, tưởng rằng làm việc cho hai tờ báo cùng một lúc trong thành phố cũng không hại gì. Cuối cùng bà kết luận tôi phải bỏ tờ *Mirror*.

Tuy tiền lương rút đi, nhưng tôi vẫn hài lòng vì chỉ qua một đêm, tôi chợt thấy mình nổi tiếng. Tôi trở thành cây bút thường xuyên, mỗi tuần xuất hiện ba lần trên tờ *Journal* với hàng tít lớn : SHEILAH GRAHAM NÓI.

Trong hai năm ở Nữu Ước, tôi đã tự biến mình thành một nữ ký giả nhà nghề. Cũng như hồi còn lăn lộn trên sân khấu, tôi phải cố gắng lắm mới

theo kịp các tay chuyên nghiệp. Tôi đã phải trải qua những hành động liều lĩnh, mặt dầy mày dạn và những cơn tuyệt vọng. Tôi đúng là mẫu phỏng viên dám leo qua cửa sổ phòng ngủ của thiên hạ để chụp lén một bức hình. Tôi rất sợ loại máy bay nhỏ dễ rớt, vậy mà tôi vẫn phải liều mình bước lên một chiếc phi cơ tí hon hai chỗ ngồi không mui để làm phóng sự về cuộc viếng thăm của phi công kỷ lục thế giới Lindbergh. Tôi rất ngán những chuyện chết chóc, vậy mà tôi vẫn phải tham dự phiên tòa xử văn hào Đức Hauptmann về tội sát nhân ; hoặc phỏng vấn các bà vợ có chồng vừa bị bọn quá khích thanh toán ; hoặc liều hơn nữa lẻn vào nhà riêng của bọn trùm ăn cướp Al Capone tại Florida để mô tả cách bài trí cực kỳ hoa lệ phía bên trong hầu cống hiến độc giả của tờ *Evening Journal*.

Tôi không dừng bước trước bất cứ việc gì vì nhận thấy biết thêm một điều là có ích cho nghề nghiệp thêm một chút. Khi được cử đi phỏng vấn nữ ký giả nổi tiếng Dorothy Parker của tuần báo *The New Yorker*, tôi hỏi có phải cô mới xâm mình không, và xâm *ở chỗ nào* ? Cô cười lớn, hóm hỉnh trả lời :

— Đúng, tôi mới xâm mình, nhưng chỉ xâm trên cánh tay thôi, đừng ham !

Rồi tôi lại được cử đi phỏng vấn nhà phê bình kịch nghệ George Jean Nathan vì hồi này người ta thấy ông luôn luôn cặp kè với Lillian Gish.

— Xin ông vui lòng cho biết khi nào sẽ làm đám cưới với cô Gish ?

Gặp một câu hỏi sống sượng như vậy mà ông vẫn tỉnh bơ trả lời :

— Tôi không thể cho cô biết khi nào tôi sẽ cưới Gish, nhưng có thể cho cô biết tại sao tôi sẽ *không* lấy nàng.

Và cuộc phỏng vấn của tôi thu được kết quả bất ngờ.

Trong lúc tôi hành nghề, ông John Wheeler luôn luôn là một người bạn tốt, một cố vấn đắc lực. Mỗi khi ý tưởng cùn, chẳng biết viết gì, tôi lại đến tìm ông để vấn kế. Có lần ông đề nghị :

— Hãy viết một bài nói về chó, hô hào dân chúng hãy vứt bỏ hẳn giống chó ra khỏi thành phố Nữu Ước. Thật là khôi hài khi nuôi chó ở trong phòng. Chủ lẫn lộn với chó, thật khó phân biệt.

Nghe lời ông, tôi viết bài này đăng lên báo và lập tức cả tòa soạn được một mẻ khoái chí vì vô số thư từ tới tấp gửi đến chửi bới tưng bừng, đòi *phải tống cổ ngay mụ Sheilah Graham hỗn xược kia về nước.*

Ông Wheeler còn giới thiệu tôi với vô số các chủ báo và chủ hãng quảng cáo tại Nữu Ước. Chẳng bao lâu tôi cảm thấy mình cũng biến thành một người giả dối không kém gì họ.

Qua nhiều ngày tháng chung đụng với người Mỹ tôi nhận thấy họ khác người Anh ở một điểm : họ không mắc cỡ khi tỏ ra mình hiểu biết. Trong

đám người lịch sự trí thức Anh, người ta luôn luôn tỏ ra khiêm nhượng, không dám khoe khoang kiến thức sâu rộng của mình. Trái lại, tại Hoa-Kỳ, người ta sẵn lòng đem hết những điều mà họ biết ra để nói cho thiên hạ cùng biết. Ở đây, tôi gặp một lớp người trí thức mới : nữ trí thức, rất cởi mở, dễ chịu. Tại Anh cũng có những nữ trí thức nhưng mặt họ lúc nào cũng khó đăm đăm hoặc nhăn nhó như thể bị đầy bụng đã bẩy ngày không ra. Ngồi trong bàn ăn chẳng bao giờ họ tỏ ra đang thưởng thức món ăn. Trí thức kiểu đó thì tôi xin vái dài. Cũng may, ngày xưa tôi học ít, nếu không những món ăn cực kỳ hấp dẫn trên đời này biết để dành cho ai.

Một hôm tôi đi dự tiệc và gặp Clare Boothe, nữ soạn kịch gia, về sau được cử làm đại sứ tại Ý. Thật là một người có vẻ đẹp kín đáo, miệng lưỡi khôn ngoan, hoạt bát. Số khách đến dự gồm khoảng hai mươi người, gồm toàn những văn nghệ sĩ tiếng tăm tại Nữu-Ước. Trong bữa ăn, họ đua nhau kể những chuyện châm biếm hoặc bàn luận những vấn đề cao siêu. Có người đưa ra những câu hỏi để làm đầu đề bàn cãi : *giả thử Tổng Thống Roosevelt, Giáo Hoàng Pius và văn hào George Bernard Shaw lăn cổ ra chết, cái chết của người nào sẽ làm thế giới thiệt hại nhiều nhất ?* Mọi người đều nhao nhao đưa ý kiến, trừ tôi. *Giả thử đại văn hào Anh Shakespeare và đại triết gia Hy Lạp Platon sống lại và gặp nhau, cuộc đối đáp giữa hai người sẽ ra sao ?*

Một lần nữa tôi là người duy nhất yên lặng. Tôi bỗng cảm thấy xấu hổ, lạc lõng. Thái độ đứng bên lề không thể chấp nhận được trong một đám đông, nhưng biết nói gì bây giờ. Vừa lúc đó, Clare Boothe ngừng nói và mở một chiếc hộp nạm hồng ngọc lấy phấn ra sửa lại mũi. Tôi chộp ngay lấy cơ hội để nói một câu cho đỡ ngượng :

— Chà, chị có chiếc hộp đựng phấn đẹp quá nhỉ.

Mọi người đưa mắt nhìn tôi, Clare Boothe cũng ngưng đánh phấn, đưa mắt liếc xéo tôi và đóng ập chiếc hộp lại. Thì ra tôi đã nói một câu rất vô duyên. Từ lúc đó trở đi tôi chẳng hé răng thêm lần nào, chỉ mong cho chóng mãn tiệc để về nhà úp mặt xuống gối khóc ngất.

Giữa lúc tôi bắt đầu cảm thấy cuộc sống buồn tẻ quá thì nhận được một bức thư của Lord Donegall từ bên Anh gửi qua. Trong thư, ông kể lể luôn luôn nhớ tới tôi, rất tiếc không được gặp mặt trước khi tôi ra đi. Ông báo tin sẽ gửi cho tôi một đĩa hát nhớ đón nghe.

Khi nhận được chiếc đĩa hát gửi bằng đường bưu điện, tôi vội vã đặt lên máy rồi thu mình trong chiếc ghế bành, nhấm nháp ly sữa và lắng nghe :

Em Sheilah yêu dấu. Anh đã nghĩ đến nhiều cách để nói với em vài lời, và anh đã chọn cách ghi lên đĩa nhựa, vừa đơn giản vừa gần gũi với em hơn. Em yêu, anh muốn cưới em khi em hoàn toàn tự do. Anh hy vọng sẽ kéo được má về phe

chúng ta. Em hãy suy nghĩ kỹ và đừng nói lời gì khiến anh phải buồn.

Tôi nghe đi nghe lại mấy lần rồi lấy giấy viết thư trả lời, đại ý nói đề nghị của ông hấp dẫn lắm tôi sẽ suy nghĩ lại. Thực ra, tôi không có ý định lấy Donegall để trở về sống đời gò bó bên Anh, nhưng tôi chỉ trả lời lấp lửng, không muốn cắt đứt hẳn một trong những con đường đưa tới tương lai. Giờ đây tôi có thể yên trí rằng Hầu Tước Donegall thực sự muốn lấy mình, tha hồ mà tưởng tượng ra nếp sống của một Bà Hầu Tước.

Lại thêm một chuyện nữa làm tôi yêu đời thêm : ông Wheeler hẹn tôi tới khách sạn Marguery để gặp Lee Orwell — chủ nhân ông của tờ *Evening Journal* — và một số bạn bè khác. Tôi và ông Wheeler đang ngồi đối ẩm thì ông Orwell bước vào, theo sau là một người đàn bà đẹp khoảng bốn mươi tuổi được giới thiệu là cô Margaret Brainard. Mấy năm sau tôi gặp lại Margaret và được cô cho biết cảm tưởng lúc mới bước chân vào, cô nghĩ ngay tôi là một con sâu rượu thứ dữ vì trước mặt tôi có đặt sáu ly rượu ướp trái cây.

— Cô em tính uống hết chừng này hả ?

Moargaret hỏi với vẻ tò mò. Tôi lắc đầu :

— Đâu có, tôi thích ăn trái anh đào nên...

Ông Orwell phá ra cười, còn ông Wheeler nhăn mặt :

— Này Sheilah, lần sau cô có muốn ăn anh đào thì cứ nói để tôi đi mua ở ngoài chợ, chứ

đừng chơi kiểu này hao tiền lắm.

Margaret có vẻ thú vị với câu chuyện và từ đó đâm ra thích tôi, hai đứa chơi với nhau rất thân. Tôi thường tâm sự với Margaret về nỗi ước mong sẽ trở thành một cây viết của nghiệp đoàn, về nỗi buồn vì chưa quen hẳn với tập tục nơi đất lạ, và về chuyện vị Hầu Tước đang mỏi mắt chờ tôi. Nói tất cả trừ thuở thơ ấu và những ngày trong viện mồ côi.

Chẳng có chuyện gì phải lo nghĩ, tôi dành hết thì giờ vào việc viết lách. Có tuần tôi kiếm được không dưới bốn trăm Mỹ kim, kể cả những cuộc phỏng vấn trên radio hoặc những công tác đặt biệt. Năm 1934, tôi được cử đi Luân Đôn, quê hương cũ của tôi, để làm phóng sự về hôn lễ giữa Quận Công đất Kent và Công Chúa Hy Lạp Marina. Tàu chưa cặp bến tôi đã thấy Johnny — vẫn là Johnny thuở nào — đứng trên bờ, tay cầm một tờ *Daily Express* có đăng bài của tôi vẫy lia lịa, miệng la lớn :

— Sheilah, em thành công ! Em nổi tiếng rồi !

Trong thời gian tôi lưu lại Luân Đôn, Johnny đồng ý với tôi là hai đứa phải ly dị. Chàng có vẻ miễn cưỡng, nhưng phải nhận lời vì biết rằng trò khôi hài vợ vợ chồng chồng giữa hai đứa không thể kéo dài mãi. Giọng nói vui tươi cố hữu của chàng biến đâu mất :

— Thôi được rồi, anh bằng lòng, nhưng bây giờ chưa nên, Sheilah ạ. Anh muốn em trở lại Hoa Kỳ và suy nghĩ lại. Nếu một năm sau em vẫn

không thay đổi ý kiến, anh sẽ chẳng còn điều gì phải ân hận.

Trong lúc nói chuyện với Johnny, tôi không có ý niệm gì rõ rệt về Hầu Tước Donegall, cũng chẳng biết có phải vì muốn lấy ông mà đòi ly dị với Johnny hay không nữa. Khi gặp ông, tôi chỉ nói vắn tắt là tôi đang suy nghĩ về lời đề nghị của ông, khuyên ông nên kiên nhẫn chờ đợi. Hồi này ông cũng đang bận nhiều công việc nên chưa có vẻ gì là nôn lấy vợ cho lắm.

Về tới Hoa Kỳ, tôi nhận được một tin sốt dẻo : nữ sĩ Elsie Robinson phụ trách mục *«gỡ rối tơ lòng»* trên hơn một trăm tờ báo vừa nghỉ việc. Tôi lập tức đầu đơn xin thế, tưởng là chắc ăn, ai dè mừng hụt. Mãi về sau tôi mới hiểu lý do. Khi đơn của tôi lên tới Joseph P. Connolly, lão lắc đầu :

— Tưởng ai, chứ cô ả này thì không xài được, chúa hay giả dối.

Và lão chọn người khác.

Lỗi của tôi là đóng trò khéo quá. Đã mấy lần Connolly đi dự tiệc, bắt gặp tôi phá ra cười sau khi nghe xong những câu chuyện thâm trầm khó hiểu. Thực ra tôi chẳng hiểu gì ráo, nhưng không dám để lộ cái dốt của mình. Bộ điệu của tôi không qua mắt được con cáo già Connolly.

Cú thất bại này làm tôi trầm ngâm cả tháng. Nhưng rồi trời không nỡ phụ tôi. Cô Molly Merrick, phóng viên tại Hollywood của Hiệp Hội Báo Chí Bắc Mỹ, sắp mãn giao kèo và đang đòi

tăng lương mà ông Wheeler không chịu, hai bên đang găng. Tôi vội vã tìm ông Wheeler và tán :

— Sao ông không để việc đó cho tôi ? Tôi làm được mà.

Đối với tôi, Hollywood là một cái gì lấp lánh đầy giả dối — *lấp lánh và giả dối* là những thứ mà tôi biết rất rõ.

Ông Wheeler suy nghĩ và cuối cùng chấp thuận. Lương hàng tuần của cô Merrick là hai trăm Mỹ kim, nhưng ông chỉ trả tôi một trăm hai mươi lăm Mỹ kim, như thế đã là tử tế rồi. Ông muốn cho tôi có một dịp để trổ tài vì biết rằng một cô gái gọi rượu anh đào ra chỉ để ăn anh đào thì cũng chưa đến nỗi *hết xài* như ông Connolly nói.

Buổi tối trước hôm Giáng Sinh năm 1935, tôi lên máy bay để đi Hollywood. Khi máy bay cất cánh, lòng tôi bỗng nao nao, sự tiếc nuối gợn lên trong trí. Phải chăng đây là một điều lầm lẫn ? Tại sao mình không ở lại Nữu Ước để kiếm nhiều tiền hơn gấp ba lần ? Đúng rồi, tiền đâu phải là mục đích khi mình lìa bỏ quê hương—phải hay không phải tôi cũng không dám chắc—. Nếu không phải thì mục đích chính của mình là gì ?

Bao nhiêu câu hỏi lộn xộn ào ào kéo tới át cả tiếng ầm ì của động cơ. Mình đang đi tìm gì ? Lẽ sống của đời mình là gì ? Tình yêu, tiền bạc, một mái nhà, một gia đình ? Trời ơi, tôi muốn có một đứa con, muốn quá đi thôi. Hồi nhỏ ở trong viện mồ côi, cô Walton đã gọi từng đứa ra hỏi : *Sau này*

khi lớn lên con muốn làm gì ? Tất cả đều trả lời *làm y tá, đầu bếp, cô giáo, tu sĩ, thư ký, nghệ sĩ, hoặc vũ nữ*, chỉ có mình tôi đáp *làm mẹ*. Phải rồi, tôi tha thiết muốn làm mẹ. Tự thuở nào tôi là một đứa vô gia đình, tôi muốn tự tạo cho mình một *gia đình* với đúng nghĩa của nó. Thực là mầu nhiệm, thực là thiết tha, gia đình đó sẽ là một phần của chính tôi, thật sự của tôi. Ít ra trên đời này cũng phải có một người liên hệ mật thiết với tôi. Có lẽ cũng vì vậy mà tôi thường tìm tới chỗ đông người để trốn tránh sự yên tĩnh cô đơn. Tôi thích giao thiệp với bọn đàn ông vì họ có vẻ ấm áp, che chở, và vì họ cho tôi cảm giác rằng mình đẹp, được thiên hạ chú ý, không đến nỗi lạc lõng như mình tưởng.

Nhưng tôi vẫn chưa biết chắc mình muốn gì, tìm gì. Tôi chỉ mường tượng thấy cái mà mình đi tìm không có trên sân khấu, không có trong xã hội thượng lưu ; ở Luân Đôn đã không tìm thấy mà ở Nữu Ước cũng chỉ hoài công. Thực ra tôi chỉ mới tập tễnh bước vào vòng luân lưu của xã hội Hoa Kỳ, tuy có hơi thành công—ăn ngon, mặc đẹp, bạn bè nườm nượp—nhưng chỉ là thứ thành công phù du giữa khoảng không gian rỗng tuếch. Tôi vẫn còn ngơ ngác đi tìm, tìm gì nhỉ ? Một người đàn ông? Một người biết lo cho tôi, yêu tôi cả thể xác lẫn tinh thần, và sẽ cùng tôi dắt dìu nhau đi trọn quãng đường trước mặt ? Tình yêu của người đó sẽ đủ sức cứu vớt tôi ra khỏi dòng đời thị phi lừa dối ? Hay tôi còn muốn tìm gì khác ? Tiền tài, danh vọng

mà tôi đã mất công vun đắp bấy lâu vẫn chưa toại ý ? À, hay là tôi muốn làm Bà Hầu Tước ? Quãng đường đưa tới địa vị này ngày xưa diệu vợi là thế mà sao nay bỗng gần kề, chỉ bước một bước là tới. Hình ảnh một Bà Hầu Tước tươi đẹp quá, kiêu xa quá, nhưng sao nó có vẻ trống rỗng thế nhỉ...

Đang miên man suy nghĩ thì một cô chiêu đãi bước tới cắt đứt dòng tư tưởng của tôi :

— Thưa bà, mời bà thưởng thức chút mùi vị của Giáng Sinh.

Cô trao cho tôi một chiếc mũ giấy hồng và một ly giấy đựng đầy sâm banh. Đội hờ chiếc mũ lên đầu, miệng nhấm nháp sâm banh, tôi lơ đãng nhòm ra cửa sổ. Bầu trời tối đen mông lung vô tận...

Sa-Đéc, Jan 8, 2015

15.

***TRƯỞNG PHÒNG QUẢNG CÁO TẠI CÁC** phim trường nên tìm biện pháp cấm cửa ngay một ả phóng viên của một nghiệp đoàn báo chí lớn. Ít lâu nay, ả đã đâm sau lưng nền điện ảnh Hollywood... Gây gỗ nhiều lần với các phim trường... Người ta đang bàn tán sẽ nhờ nhà kiểm soát phim ảnh Hays gọi mấy tay ba đá tới để trị ả mới xong.*

Đó là những dòng chữ mà tôi đọc được trên tờ *Daily Variety* đề ngày 6-8-1936 phát hành tại Hollywood. Nhìn lại những tháng đầu làm ký giả cho nghiệp đoàn, tôi có cảm tưởng như mình đã bước vào trung tâm điện ảnh Hollywood *bằng hai chân trái*. Kỹ thuật *giựt gân* mà tôi đã áp dụng một cách táo bạo và thành công rực rỡ tại Nữu Ước coi bộ không được hoan nghênh tại Hollywood, thế giới khép kín của những kẻ sống bằng kiêu hãnh. Nhưng tôi không cần, tôi không sống với họ mà

sống với độc giả.

Ngay từ phút đầu tôi đã linh cảm thấy rằng muốn đứng vững phải dùng ngòi bút sắc bén của mình để chọc thủng mặt nạ của đám người Hollywood, nói huỵch toẹt tất cả những điều mà người ngoài thường hay lầm lẫn. Chỉ bằng cách đó mới hy vọng cạnh tranh được với Louella Parsons, cây bút điện ảnh được độc giả biết tới nhiều nhất nước Mỹ. Tôi chủ trương thấy gì viết nấy, không thiên vị ai cũng chẳng sợ hãi người nào. Cũng như hồi còn ở Nữu Ước, tôi đã khởi nghiệp bằng cách nói trắng ra những điều ai cũng biết mà không dám nói.

Kết quả thật là bi hài. Tôi áp dụng *luật rừng*, chẳng tha một ai, và để đáp lại cũng chẳng ai chơi với tôi. Những ngày chân ướt chân ráo tới Hollywood, tôi thường xuyên *tự mình mời mình đi ăn*. Thỉnh thoảng tôi cũng la cà tới những đám hội hè, nhưng đi tới đâu họ cũng lảng tránh để mặc tôi đứng xớ rớ một mình. Ý tưởng bị miệt thị một lần nữa trỗi dậy trong lòng tôi. Đó là điều mà tôi tối kỵ, một hành động khiêu khích, một sự tấn công trắng trợn. Bản tính tôi xưa nay không bao giờ chịu thua ai. Kẻ nào tấn công tôi, tôi sẽ nhảy lên cào rách mặt kẻ đó ngay. Có lẽ vì vậy mà hai thần tượng màn bạc thời bấy giờ là Clark Gable và Joan Crawford cũng không thoát khỏi ngòi bút của tôi. *Chàng Clark Gable ngả chiếc đầu đẹp về phía sau, đưa ra chiếc cằm nung núc thịt mỡ... Nếu họ không giới thiệu nàng là Joan Crawford thì tôi đã tưởng lầm là một mụ cà chớn nào đó với vẻ phờ phạc và bộ mặt vàng khè kinh tởm.* Sau khi xem chiếu thử cuốn phim Suzie của hãng Metro Goldwyn Mayer (MGM) do Jean Harlow thủ vai chính, tôi viết trên báo : *Tôi không thể hiểu tại sao một hãng phim với các nhà sản xuất trứ danh nhất, các nhà soạn phim tài ba nhất, các tài tử lỗi lạc nhất và các chuyên viên thu hình kinh nghiệm nhất, lại để ra một cuốn phim lãng nhách như phim Suzie với diễn xuất dở nhất, hình ảnh tồi nhất, đạo diễn bết nhất...*

Bài báo xuất hiện như một gáo nước lạnh dội vào đầu các nhà sản xuất giữa lúc họ đang rầm rộ quảng cáo cho cuốn phim sắp đem ra trình làng. Phản ứng của họ là muốn nhờ ông vua điện ảnh Will Hays áp dụng biện pháp thích nghi đối với tôi.

Ông John Wheeler gửi cho tôi một điện tín có ý trách tôi lạm dụng nghề nghiệp quá đáng. Tại sao tôi lại quá hằn học với họ như vậy, tôi không thể giải thích nổi, nhưng trong người tôi hình như lúc nào cũng tiềm ẩn một tia cảm ứng bén nhạy : thấy gì, nghe gì là phải có thái độ ngay, đúng hay sai không cần biết. Có lẽ đời tôi sống giả dối quá nhiều rồi, đã đến lúc tôi phải tập nói thật.

Ngoài ngòi bút quá khích, sự kém hiểu biết của tôi cũng là một lý do khiến tôi nhiều thù hơn bạn. Một hôm nữ minh tinh Marion Davies mời tôi tới thăm căn nhà lộng lẫy của nàng tại bãi biển. Khi kể lại cuộc viếng thăm trên báo, tôi khen ngôi nhà tuyệt

đẹp, phòng khách đầy những bức họa vô giá, và kết luận một câu như sau : *Nhưng tôi không hiểu tại sao cạnh những bức họa quý giá đó, cô Davies lại treo những hình vẽ người chẳng ra người, ngợm chẳng ra ngợm*... Tôi không thể ngờ rằng « người với ngợm » đó lại chính là chân dung cô Davies dưới ngòi bút của một nhà mạn họa.

Có lần tôi được mời đi ăn tại nhà hàng Trocadero sang trọng bậc nhất Hollywood. Về nhà, tôi viết : *Được ngồi vừa ăn vừa đấu cùi trỏ với Louis B. Mayer cũng có thể coi là sướng đấy, nhưng không đủ để bù lại những món ăn dở khẹc tính giá cứa cổ đau gần chết*. Tôi đâu có dè ông chủ nhà hàng lại là Billy Wickerson, xếp xòng của tờ báo thương mại *The Hollywood Reporter* lớn nhất nước Mỹ. Chỉ một câu nói mà tôi đã kết thêm hai kẻ thù đáng sợ.

Nhưng dù sao tôi cũng có thể tự an ủi rằng độc giả rất chịu đọc các bài báo của tôi.

Qua lời giới thiệu của ông Wheeler, tôi được quen biết với Robert Benchley, cây viết dí dỏm lừng danh của tờ *The New Yorker*. Mặt ông tròn như mặt trăng, ánh lên những nét hoạt kê với bộ ria nhỏ xíu, cặp mắt xanh biếc và nụ cười tiếu ngạo không lúc nào rời khỏi môi, Thỉnh thoảng ông lại ngoác miệng ra cười khiến tôi có cảm tưởng là tôi dí dỏm cũng không kém gì ông. Ông thường than phiền không hiểu tại sao một người gốc gác ngon lành như tôi—thầy riêng về nhà dạy, tốt nghiệp trường nữ qui phái của Pháp, được vào triều kiến hoàng gia—

lại đâm đầu tới Hollywood làm cái nghề bạc bẽo, thiên hạ chửi rủa này. Ông thường gọi tôi là *Sheilah, cô bé thích giết người khổng lồ* để chế riễu ngòi bút quá khích của tôi, và lấy làm tiếc rằng sao tôi không ở bên Anh vui chơi thỏa thích để khỏi phải chạy long tóc gáy từ phim trường nọ đến phim trường kia để săn mấy cái tin bá láp.

Sau lần gặp gỡ đầu tiên, chúng tôi khám phá ra mình là hàng xóm với nhau. Tôi mướn một căn lầu nhỏ tại Đại Lộ Hoàng Hôn, còn ông Benchley ở ngay bên kia đường trong một khách sạn có cái tên thật thơ mộng « Khu Vườn Của Thượng Đế », nơi qui tụ rất nhiều cây bút viết truyện phim trứ danh. Khách sạn này gồm nhiều ngôi nhà hai tầng biệt lập xinh xắn, xây theo kiểu Tây Ban Nha, bao quanh một hồ bơi và khoảng sân rộng đầy nhóc những mầm non điện ảnh trong những bộ áo tắm cũn cỡn, hở hênh chết người.

Một hôm ông Benchley đưa tôi đi ăn. Sau khi tôi nốc cạn một ly rượu mạnh Tây Ban Nha, ông nói :

— Để tôi gọi thêm cho cô một ly gì khác nhé.

Tôi chưa kịp cản thì bồi đã mang ra một ly *gin* và đặt trước mặt tôi. Tôi nhìn ly rượu một cách nghi ngờ :

— Này ông Benchley, hai thứ này uống chung có sao không ? Tôi nghe nói người ta có thể bị vật thẳng cẳng nếu...

Benchley nhăn răng cười, ngắt lời :

— Ối, cô đừng lo. Hai thứ đó hợp nhau nhất,

không say chút nào.

Tin lời ông, tôi uống hết ly rượu, và chỉ mấy phút sau trên đường về nhà, con bé không ngớt kêu trời và chửi thầm lão mắc dịch Benchley.

Ngày hôm sau, Benchley gọi điện thoại cho tôi, giọng lão ở đầu dây bên kia nghe có vẻ quan thiết lắm :

— Cô bé ơi, ngày hôm qua cô có sao không ?

Tức điên người vì lối pha trò móc họng của lão, tôi bảo lão đem ba cái trò vô duyên đó mà chơi lên đầu lên cổ đám độc giả của tờ *The New Yorker*, chứ từ rày thì kiềng cái mặt tôi ra !

Với giọng buồn buồn có vẻ ăn năn, lão nói :

— Thật tôi bậy quá. Ngay khi cô ra về, tôi bắt đầu ngờ rằng tôi đã khuyên cô tầm bậy.

Rồi lão cười giả lã, xin đền tôi bằng một bữa ăn thật ngon. Tuy còn hơi bực, tôi cũng nhận lời vì thấy lão tỏ ra rất điệu.

Từ hôm đó, Benchley dẫn tôi đi chơi lu bù, giới thiệu tôi với những tay cừ khôi trong *Khu Vườn Của Thượng Đế* như John O'Hara vừa hoàn tất cuốn *Butterfield 8*, Mare Connolly tác giả cuốn *Đồng Cỏ Xanh*. Edwin Justus Mayer cha đẻ của *Những Đứa Trẻ Trong Đêm Tối*. Tôi không còn cô đơn nữa, không bị Hollywood lảng tránh nữa.

Sau hơn một năm làm quen với Kinh Đô Điện Ảnh, tôi nhắc lại vụ ly dị và Johnny bằng lòng. Thủ tục tiến hành từ đầu năm và sẽ hoàn tất vào tháng sáu năm 1937. Nghĩ đến lúc được sống hoàn toàn

tự do, tôi cảm thấy nôn nao lạ. Đời tôi sắp nở hoa, công việc liên miên nhưng nỗi vui mừng được sống tự lập chẳng bị người đàn ông nào ràng buộc làm tôi náo nức. Những bức thư của Hầu Tước Donegall thường xuyên gửi đến nhắc nhở tôi làm tôi phân vân, nhưng không sao, quyền quyết định vẫn là ở tôi.

Tháng sáu, tôi vù về Luân Đôn để ra tòa ly dị. Gặp lại Johnny, hai đứa nhìn nhau bùi ngùi nhưng không biết làm sao hơn. Lúc chia tay, hai đứa vẫn coi nhau như bạn. Trước khi rời Luân Đôn, tôi dùng cơm trưa với Hầu Tước Donegall.

Tôi còn nhớ sau khi ngốn xong đĩa chả gan bao bột, tôi ngước lên và bắt gặp một người đứng tuổi ở bàn đối diện dơ tay vẫy vẫy. Donegall tò mò :

— Ai vậy ?

Tôi đưa khăn lau mép :

— Luật sư của em đó. Ông Brooks, một người khả kính.

Ngừng một chút, tôi tiếp :

— Anh Don, chắc anh chưa biết em vừa ly dị sáng nay ?

Don suýt đánh rớt dao và nĩa đang cầm trên tay :

— Cái gì ? Thật chưa thấy ai lì lợm như em ! Ngồi suốt cả buổi bây giờ mới báo tin mừng cho anh.

Chàng mừng như đứa trẻ vớ được cục kẹo, há hốc miệng nhìn tôi một hồi.

— Này em cưng, bây giờ thì hết chối quanh nữa nhé.

Chàng nắm tay tôi bóp thật mạnh, cặp mắt to nâu nhìn tôi chứa chan tình cảm. Lòng tôi bỗng rung động, thầm nghĩ người đàn ông trước mặt kể cũng đáng mến, tình yêu chỉ là chuyện thời gian. Trong thời gian lo giấy tờ ly dị, tôi không báo tin cho chàng vì sợ chàng theo dõi hồ sơ và biết được cái tên cúng cơm của con bé mồ côi thuở trước.

— Phen này anh sẽ đi Hollywood tìm em. Em mà còn dùng kế hoãn binh nữa thì biết tay anh. Anh sẽ quyết định dùm em, không lôi thôi gì hết. Anh sẽ qua đó với em hai tuần.

Vài tuần sau, Don lò dò tới Hollywood thật. Chàng dẫn tôi tới một tiệm kim hoàn lớn và mua một chiếc nhẫn đính hôn. Chàng vừa trịnh trọng đeo nhẫn vào tay tôi vừa nói :

— Tạm thời em đeo chiếc này. Khi nào về Luân Đôn anh sẽ đặt một chiếc khác đẹp hơn cho em.

Gặp Bob Benchley, chàng thích vẻ hoạt kê của ông ta ngay. Chàng nói với tôi :

— Bob sẽ là thượng khách của chúng mình.

Ngày cưới được ấn định vào ngày cuối năm để năm mới bắt đầu hưởng tuần trăng mật — theo luật Anh, muốn tái giá phải chờ sáu tháng sau ngày ly dị. Tôi và chàng sẽ du dương trên một chiếc tàu vòng quanh thế giới. Chàng sẽ phải trở về Luân Đôn trước để thu xếp mọi việc và nhất là để thuyết

phục mẹ. Chàng tin tưởng bà sẽ bằng lòng. Trong trường hợp bà không chịu, đám cưới vẫn cử hành như thường. Chàng hôn tôi thật lâu, say đắm. Tôi tự hỏi lòng mình đã quyết định chưa ?

Cho tới bây giờ tôi mới dám chắc giấc mộng làm Bà Hầu Tước của tôi là sự thật, không còn chút nghi ngờ gì nữa. Tôi nhắm mắt và tưởng tượng ra hàng chữ. *Nữ Diễn Viên Của Ông Cochram Lấy Một Hầu Tước*. Thiên hạ sẽ lác mắt. Có lẽ đây là biến cố phi thường nhất trong cuộc phiêu lưu kỳ lạ mà tôi đang theo đuổi. Tôi mường tượng thấy mình trong Điện Buckingham, ngồi ghế Hầu Tước Phu Nhân, trên tất cả các nhà quý tộc, chỉ thua các vị quận công và hoàng thân thuộc dòng máu Hoàng Gia. Tôi thấy tên tôi và tên con tôi trong các tờ *Burke's Peerage* và *Debrett*. Tôi không được may mắn sinh ra trong một gia đình quý phái, nhưng các con tôi chắc chắn sẽ có tước vị hẳn hoi...

Có lúc tôi như bay bổng lên không, có lúc tôi lại rùng mình ghê sợ. Nếu sau này Don biết hết gốc gác của mình thì sao nhỉ ? Mình có nên thú thật với chàng ngay bây giờ không ? Điều đó có lẽ không nên.

Tôi nhận lời Don, nhận lời làm vợ của Hầu Tước kiêm Bá Tước Donegall, Tử Tước tất Chichester, Bá Tước đất Belfast, Nam Tước Fisherwick đất Fisherwick, Quyền Thừa Kế Tư Lệnh Hải Quân tại Lough Neagh...

Benchley là một trong những người đầu tiên

đến chúc mừng hai đứa. Ông rất vui mừng nhận lời làm *thượng khách* của chúng tôi hôm đám cưới. Ông hỏi Don bao giờ về Luân Đôn, chàng trả lời ngày mai, ông gật đầu :

— Hay lắm, vậy thì tối nay chúng ta ăn mừng.

Ông lúc nào cũng giữ được vẻ vui tươi, mau mắn. Lầm bầm một lát, ông reo lên :

— A ha, hôm nay là mười bốn tháng bảy, đúng là ngày kỷ niệm đại phá ngục La Bastille ở Pháp. Chúng ta ăn mừng luôn thể.

Thế là một buổi tiệc trà thân mật được tổ chức để mừng ngày đính hôn giữa Don và tôi. Cũng trong buổi tiệc trà này tôi đã gặp Scott Fitzgerald.

16.

CHƯA BAO GIỜ NGÔI NHÀ XINH XẮN trên đời mà tôi mướn cách đây mấy tuần lại ngập đầy tiếng cười chan hòa ánh sáng như vậy. Don và tôi ngất ngây với những ly sâm banh và những ly sâm banh và những lời cợt đùa, chúc tụng. Tôi tung tăng giữa đám bạn bè gồm toàn những văn nghị sĩ, vợ chồng con cái đầy đủ. Từ trên sân thượng trông xuống, những ánh đèn thành phố xa tắp dưới chân đồi lấp lánh như những vì sao ngút ngàn, vô tận. Đêm mơ mộng, đêm không cùng...

Tôi bám chặt lấy cánh tay chàng. Còn giấc mộng nào huyền ảo hơn nữa ? Bỗng giọng Benchley oang oang cất lên :

— Bây giờ tất cả về đằng tôi ! Còn phải mừng ngục La Bastille nữa chứ !

Cả bọn ùa nhau ra vườn, chồng chất lên sáu chiếc xe hơi đậu ở phía ngoài rồi băng băng

xuống đồi để tới *Khu Vườn Của Thượng Đế* đại náo một phen nữa. Ào vào phòng khách của Benchley, tiếng sâm banh lại có dịp nổ lốp bốp, thêm một mớ khách, không khí tưng bừng hẳn lên. Trong vòng tay của Don, tôi sung sướng nhìn quanh, những khuôn mặt quen thuộc, cười cười nói nói... Bỗng mắt tôi chạm phải một làn khói thuốc xanh mờ tỏa ra dưới vùng ánh sáng của ngọn đèn trong góc phòng. Một người đàn ông hình như tôi chưa gặp bao giờ ngồi bất động trên chiếc ghế nệm, điếu thuốc trong tay im lìm tỏa khói. Tôi chăm chú nhìn hắn, cố moi óc tìm ra những nét quen thuộc nhưng vô ích. Hắn ngồi đó mà như thực như hư, đăm chiêu quá, xa xôi quá. Thật là lạ, trong một căn phòng nhộn nhịp như thế này lại có kẻ chẳng nói chẳng rằng, chỉ lặng lẽ đưa mắt quan sát khắp phòng, trên khuôn mặt xanh xao chẳng biểu lộ chút cảm nghĩ gì. Tóc xanh, mắt xanh, quần áo xanh, tất cả lờ mờ sau màn khói thuốc như chỉ chờ dịp là tan biến. Vài người bạn gọi tôi, Benchley hỏi tôi vài câu, khi quay lại chiếc ghế trống trơn, hắn đã thực sự biến mất để lại đám khói xanh dần dần tan loãng. Tôi ngơ ngác, mắt tôi không nhìn lầm đấy chứ ?

Tôi quay sang hỏi Benchley :

— Anh chàng vừa ngồi ở dưới chiếc đèn kia là ai vậy ? Hắn làm gì mà có vẻ trầm ngâm thế ?

Nhìn chiếc ghế trống không Benchley trả lời :

— Văn sĩ Scott Fitzgerald đấy. Tôi bảo hắn ghé vào chơi, hắn ghé vào một tí, chắc là đi rồi. Hắn ghét đám đông lắm.

— Ngộ quá nhỉ. Tôi mà biết hắn là Scott thì đã ra nói chuyện với hắn rồi. Nghe đồn hắn *ông cụ* lắm phải không ?

Tôi thường nghĩ *hắn* là văn sĩ của mười mấy năm về trước, thời kỳ buông thả của đám choai choai ưa làm hỗn, trai đầu bóng mượt, gái váy tênh hênh, đua nhau trác táng một cách ngu dại, nốc rượu ừng ực, nhả khói phì phà — thời đại cực thịnh của nhạc jazz vào những năm sau 1970—. Trước đây, khi có dịp tôi còn lợi dụng cả cái tên Scott Fitzgrerald của hắn để làm biểu tượng cho sự thác loạn đã lỗi thời : trong mục SHEILAH GRAHAM NÓI, mỗi khi muốn chỉ trích sự nhẹ dạ ngu xuẩn của bọn đàn bà con gái, tôi thường gọi họ là *xưa rồi*, là cổ lỗ sĩ kiểu F.Scott Fitzgerald, mặc dầu tôi chưa đọc tác phẩm nào của Scott và cũng chẳng hiểu hắn «cổ lỗ sĩ» ra sao.

Nhưng chỉ một lát sau, đám đông lôi cuốn tôi trở về thực tế, và đến khi Benchley đứng lên kể một chuyện tiếu lâm — tuy tôi không hiểu rõ lắm nhưng hình như rất tục — thì tôi quên hẳn người đàn ông chợt đến chợt đi kia.

Sáng hôm sau tôi lái xe đưa Don ra phi trường để đi Nữu Ước, về Luân Đôn, và về với bà mẹ của chàng. Don tự tin :

— Mẹ sẽ siêu lòng, anh bảo đảm với em

như vậy.

Rồi chàng bịn rịn nắm tay tôi :

— Sẽ gặp lại, thưa phu nhân.

Chàng hôn tôi và bước lên máy bay.

Trên đường về lòng tôi lâng lâng với giấc mộng êm đềm : *THƯA PHU NHÂN* !

Vài ngày sau, Marc Connolly mời tôi tới dự một bữa tiệc khiêu vũ Do Hội Văn Bút tổ chức tại Quán Cây Dừa ở Los Angeles. Có một lúc không hiểu sao tôi lại không nhảy. Ngồi một mình ở bàn, tôi vơ vẩn nhìn quanh. Mắt tôi sáng lên khi thấy ở bàn đối diện có một người cũng ngồi lạc lõng như tôi : không phải Scott Fitzgerald thì còn ai vào đấy. Scott đang tư lự nhìn tôi như thể muốn hỏi :

— Tôi đã gặp cô ở đâu rồi nhỉ ?

Bất chợt chàng mỉm cười, tôi tủm tỉm đáp lại. Mặt chàng thoáng vẻ mệt mỏi, nước da xanh lướt không khác gì hình ảnh lờ mờ mà tôi đã thấy qua làn khói thuốc hôm nào, nhưng không hiểu sao người chàng toát ra một sức quyến rũ phi thường. Tóc vàng nhạt, trán rộng thông minh, cặp mắt xanh to sâu vời vợi, chiếc mũi thẳng rất nét, môi lúc nào cũng hơi trề như đang nhếch mép đầy ngụ ý, tất cả hợp lại thành một khuôn mặt phảng phất ưu tư. Trông chàng có vẻ đã ngoài bốn mươi, nhưng khó mà đoán được tuổi thật của chàng. Có thể nói chàng nửa trẻ nửa già. Một ý nghĩ vụt qua đầu tôi : chàng không nên ở trong tối nhiều quá, cần phải ra

ngoài hưởng chút ánh nắng ấm áp và thở hít khí trời cho tươi tắn hơn...

Scott ngả người về phía trước và nói vừa đủ tôi nghe :

— Tôi thích cô.

Bất giác tôi mỉm cười và trả lời thật nhanh :

— Tôi cũng thích anh.

Một phút yên lặng. Đây là buổi đi chơi đầu tiên kể từ ngày tôi đính hôn. Trong bộ dạ phục lộng lẫy và chiếc khăn choàng cổ màu huyết dụ thật nổi, tôi cảm thấy mình đẹp trội hẳn lên, đúng là một bà hầu tước tương lai. Bao nhiêu công trưng diện để đến đây ngồi lạc lõng thế này, dù chỉ một phút, là chuyện phi lý. Tôi buột miệng :

— Sao chúng ta không nhảy ?

Chàng lại mỉm cười, nhưng lần này khuôn mặt rạng rỡ hẳn lên, bao nhiêu vẻ trầm mặc già nua biến đâu mất hết :

— Bản sắp tới tôi hứa nhảy với Dorothy rồi, để bản sau nữa tôi xin hân hạnh...

Tiếng nhạc dứt, mọi người ồn ào kéo nhau về bàn. Thế rồi chuyện trò tíu tít, đến giờ về cả bọn ùa ra xe, trong đám đông lộn xộn tôi để ý tìm nhưng chẳng thấy tăm hơi Scott đâu. Được Marc Connolly đích thân đưa về tận nhà mà trong bụng tôi vẫn ấm ức với hình ảnh của anh chàng lừng khừng nhưng hấp dẫn chết người kia. Tôi tự mắng thầm, mặc xác hắn ta, việc gì phải bận tâm cho mệt, nhưng không hiểu sao càng cố quên đi, khuôn

mặt *hắn* càng lù lù hiện ra quay cuồng trước mắt tôi.

Trời già thật khéo ỡm ờ thì thôi, đúng lúc tôi sắp sửa quên hẳn Scott thì lại có người bắt tôi phải nhớ. Sáng thứ bảy, anh bạn thân Eddie điện thoại cho tôi :

— Sheilah, tối nay tính làm gì ?

Tôi cho y biết tôi có hẹn buổi tối đi nghe nhạc với Jonah Ruddy, một phóng viên quốc tế của nhiều tờ báo Anh đã giúp đỡ tôi khá nhiều. Eddie suýt soa :

— Uổng quá, Scott hiện có ở đây. Tính mời cô đi ăn với bọn tôi cho vui...

Tôi tiếc rẻ :

— Vậy hả, gì chứ ăn là tôi chịu lắm, nhưng kẹt quá, sắp đến giờ hẹn với Jonah rồi, từ chối không kịp.

— Tại sao không rủ tay đó đi luôn ?

Nghe lời đề nghị của Eddie, tối hôm đó tôi dẫn Jonah tới *Khu Vườn Của Thượng Đế* để gặp y và Scott rồi cả bọn kéo nhau đi hội quán Clover Club, một sòng bạc có chỗ ăn và nhót ở trên lầu. Dọc đường Scott rất ít mở miệng. Vẻ kín đáo của chàng làm tôi có cảm tưởng chàng thuộc về thế hệ thâm trầm của lớp người trước. Cách phục sức của chàng cũng cổ lỗ sĩ : bộ vét màu muối tiêu, nơ có đuôi lòng thòng, trời tháng bảy mà khụ nụ chiếc áo mưa đen dày cộm, cổ quấn phu la, đầu sùm sụp chiếc mũ phớt. Thật khó mà tưởng tượng đây

là một thần tượng của đám trẻ thác loạn thời đại jazz. Tại hội quán, chúng tôi gặp vợ chồng Humphrey Bogart. Bogart hỏi Scott :

— Uống với bọn tôi một ly nhé.

Scott vui vẻ lắc đầu nhưng cũng kéo bọn tôi ngồi vào cùng bàn với cặp vợ chồng tài tử lừng danh. Sau đó chàng kể cho cả bọn nghe vài chuyện hài hước rất ý nhị về chuyện phim mà chàng đang viết cho hãng M G M. Vợ chồng Bogart không ngớt mỉm cười và trên mặt họ tôi thoáng thấy vẻ khâm phục lẫn kính trọng đối với anh chàng văn sĩ lừng khừng *trời nực mặc áo bông* này. Jonah là kẻ từng trải nhiều, từng quen biết không thiếu gì những tay tài hoa, mà cũng không dấu được vẻ ngưỡng mộ đặc biệt.

Thế rồi tôi nhảy với Scott. Bước đi dìu dặt trong vòng tay chàng, tôi cảm thấy mọi vật như trầm lắng, nhạt nhòa. Không hiểu chàng có ma lực gì làm say đắm lòng người đến thế. Chàng gây nơi tôi cảm giác mình là một nàng tiên nhỏ, được nhảy với tôi là một vinh hạnh nhất đời. Chàng nói ít nhưng lời nào cũng vừa đủ tôi nghe, hướng vào một mình tôi, dịu ngọt. Thỉnh thoảng chàng lại hơi nghiêng đầu về phía sau, cặp mắt mơn trớn tóc tôi, khuôn mặt tôi, với những tia vui mừng như vừa khám phá ra một kho tàng vô giá. Ruột tôi nở ra từng khúc, chân bước lâng lâng, chưa bao giờ cảm giác sung sướng lại trọn vẹn như vậy. Nhìn dáng điệu chàng, ánh mắt chàng, tôi có cảm tưởng như

hàng trăm người đàn ông đang chực chờ để cướp mất tôi trong vòng tay chàng, và chàng sẽ chẳng bao giờ buông tôi ra dù có phải chiến đấu với hết thảy bọn họ. Chàng còn giữ vẻ say sưa chăm chú nghe tôi nói như thể mỗi lời tôi nói ra là một câu đầy ý nghĩa, mỗi ý tưởng đều đáng khắc ghi. Có lần chàng còn kêu lên : «Ý tưởng hay quá, chút nữa về bàn tôi phải ghi lại để nhớ mãi mới được». Lòng kiêu hãnh được vuốt ve đúng chỗ, tôi thầm nhủ : *Người này ngưỡng mộ cả tâm hồn lẫn vẻ đẹp của mình.*

Chúng tôi nhảy hết bản này tới bản khác, căn phòng như chạy vòng tròn quanh hai đứa. Ngoài vẻ lịch duyệt, ga lăng của một người từng trải, Scott còn có vẻ bay bướm của một tay chơi trong giới sinh viên Hoa Kỳ. Chàng chỉ cao hơn tôi mấy phân nhưng cánh tay rắn chắc vững vàng, bước chân linh hoạt vui tươi, thỉnh thoảng hai đứa còn vai tựa má kề mùi như điên. Bây giờ tôi mới hiểu tại sao bọn sinh viên khoái nhót theo kiểu này. Scott thì thầm :

— Tôi thích khiêu vũ.

— Tôi cũng vậy. Hồi còn ở Anh tôi chủ trương sống để mà nhảy. Khiêu vũ làm người ta có cảm giác được tự do, phiêu diêu tự tại.

Scott gật đầu đồng ý. Chàng là một người dễ nói chuyện, dễ thông cảm. Ngày còn ở Luân Đôn, tôi đã có dịp tiếp xúc với Evelyn Waugh, một cây viết về lớp tuổi hai mươi như Scott, nhưng ông ta

tỏ ra *bất cận nhân tình*, đâu có điệu nghệ như chàng. Chàng hỏi tôi hết câu này đến câu khác, không lúc nào để tôi phải ngỡ ngàng vì không biết nói gì.

— Cô bao nhiêu tuổi ?

— Hăm bảy.

Tôi cố ý rút bớt một tuổi và hỏi lại :

— Còn anh ?

— Bốn chục.

Câu trả lời kèm theo vài nét nhăn tiếc nuối.

— Tại sao một người đẹp như cô lại đi làm nghề viết báo ?

Tôi làm bộ mỉm cười bí mật rồi mới đem chuyện cũ ra kể cho chàng nghe, chuyện về đoạn đời trên sân khấu, tập ca múa ra sao, kẻ đón người đưa thế nào, và cuối cùng cuộc sống đã đưa đẩy tôi vào nghề cầm bút. Khi nói về những ngày đầu bỡ ngỡ trong trường kịch nghệ Hoàng Gia, tới đoạn ông Giám Đốc Kenneth Barnes phê vào hồ sơ của tôi *Phải cố gắng nhiều*, chàng ngả đầu về phía sau và cười hắc hắc, có vẻ thú vị lắm.

Đến một bản tango, hai đứa dìu nhau ra một góc phòng, chiếm cứ một khoảng riêng biệt, tha hồ thử những bước mới lạ rất hợp « dzơ » nhau. Thỉnh thoảng hai đứa cười hích hích, nhìn quanh thấy mình không giống ai lại càng nôn ruột. Tôi tự nhủ *đây không phải là một người đàn ông bốn mươi tuổi, mà là một thanh niên, một chàng sinh viên hào hoa vui nhộn.*

Khi trở về bàn, chúng tôi bắt gặp hai bộ mặt dài ngoẳng của Eddie và Jonah, nhưng hai đứa vẫn thản nhiên ngồi xuống và Scott ung dung móc ra một cuốn sổ tay ghi lại lời tôi nói. Ghi xong chàng nhấp chút cô ca rồi kéo tôi ra nhảy tiếp, để mặc Eddie và Jonah nhìn nhau cười gằn. Chàng mời tôi dùng cơm, tôi gật đầu hẹn thứ ba tuần tới, chàng đồng ý.

Tối hôm đó về nhà tôi nghĩ ngợi miên man. Scott đã gieo vào lòng tôi những cảm giác êm đềm. Chàng rất ít nói về chàng, làm như chỉ có chuyện về tôi mới đáng để nhắc tới. Chàng đã hỏi tôi :

— Nghe Eddie nói cô đính hôn với Hầu Tước Donegall phải không ?

Tôi gật đầu, chàng tiếp :

— Và hai người sẽ làm đám cưới tháng mười hai này ?

Tôi lại gật đầu, nhưng miệng mỉm cười thật tươi như thể chuyện đó không quan trọng mà chỉ có hiện tại mới làm tôi sung sướng. Không biết cười như vậy có phải là *tống tình* chàng hay không, nhưng tôi cứ cười. Vả lại tôi rất thích chàng, thích người đàn ông làm tôi hãnh diện, thích vẻ ngưỡng mộ của chàng — được một người lừng khừng như chàng ngưỡng mộ đâu phải chuyện dễ !

— Theo lời Eddie kể lại, Scott vừa tới Hollywood được vài ngày thì tôi đính hôn với Donegall. Chàng mướn căn phòng ngay phía trên phòng Eddie

trong *Khu Vườn Của Thượng Đế*. Chàng sẽ ở đây sáu tháng để viết cốt truyện cho cuốn phim *Chàng Mèo Tại Oxford*. Kể đến đây Eddie mỉm cười tiếc rẻ, tài của Scott mà dùng để viết truyện phim thì quả là phí phạm.

Những ngày kế tiếp tôi tìm hiểu thêm về chàng được ít điều. Chàng có một người vợ tên là Zelda. Nàng rất đẹp, được chàng thương yêu trọn vẹn, nhưng thể chất yếu đuối và đang bị bệnh thần kinh. Có lẽ vì vậy mà lúc nào Scott cũng có vẻ trầm ngâm tư lự, cả nụ cười của chàng cũng buồn vời vợi hằn lên dấu vết âu lo. Góp nhặt những mẩu đối thoại giữa Eddie và Benchley, tôi được biết rằng chàng và Zelda đã sống một cuộc đời phóng túng, bất chấp dư luận, nếm đủ mùi vị chua chát ngọt bùi và những lúc cười ra nước mắt. Chàng và nàng từng để nguyên quần áo nhảy ùm xuống hồ nước trước cửa khách sạn Plaza tại Nữu Ước, từng mướn taxi rồi rủ nhau leo lên ngồi trên mui chạy nhông nhông khắp phố. Thật là một cặp vợ chồng quái dị nhưng đã mấy ai được như họ. Có điều đáng tiếc là ngoài đám bạn bè biết chân tài của chàng, độc giả thời bấy giờ chẳng ai chú ý tới chàng. Họ còn mải đọc những tác giả khác như Ernest Hemingway, Thomas Wolfe, hoặc John Steinbeck.

Trưa ngày thứ ba, tôi nhận được một bức điện tín của Scott báo tin chàng không thể đúng hẹn vì con gái chàng vừa đi du lịch về tới và hai cha con

sẽ dẫn nhau đi ăn. Tôi nhớ có lần chàng nhắc đến đứa con gái mười lăm tuổi tên Scottie của chàng. Scottie trọ học tại Connecticut và thỉnh thoảng đi California chơi với cô Hayes, bạn của vợ chồng Scott. Đọc bức điện tín, mắt tôi như mờ đi. Nỗi thất vọng làm tôi nghèn nghẹn ở cổ. Chợt sửng sốt, tại sao mình lại quá bận tâm đến cái hẹn như thế ? Mình sắp lấy Donegall, sao còn tơ tưởng đến một người đàn ông khác, nhất là người đó đã có vợ và mới quen mình có mấy ngày ? Biết mình vô lý nhưng lòng tôi sôi sục. Trời ơi, tôi phải gặp lại chàng rồi ra sao thì ra. Tôi nhấc điện thoại :

— Anh Scott, con gái anh có mặt ở đây cũng không có gì thay đổi. Tôi muốn gặp nó. Chúng ta dẫn nó đi ăn có sao đâu ?

Yên lặng một chút, rồi giọng Scott ngần ngừ :

— Thôi được rồi, tôi sẽ đón cô lúc bảy giờ.

Scottie là một con bé xinh xắn, láu lỉnh, có chiếc trán và đôi mắt thông minh của cha khiến tôi mến nó ngay. Trước khi hai cha con rời nhà, hai cậu bạn của Scottie ghé vào chơi và được Scott mời đi luôn, thế là bữa cơm gồm tất cả năm người, một đứng tuổi, một làng nhàng và ba kẻ choai choai mới lớn. Trong bữa ăn, Scott hoàn toàn biến thành một người khác. Anh chàng hiệp sĩ hào hoa hôm trước biến đâu mất để nhường chỗ cho một người cha lầm lì với lũ trẻ, bắt khoan bắt nhặt đủ điều. Scott luôn luôn sửa lưng con gái :

— Scottie, nuốt xong miếng thịt rồi hẵy nói.

— Scottie, đừng đưa tay vuốt tóc nữa.

— Scottie, ngồi ngay ngắn lên...

Scottie nghe lời cha một cách kiên nhẫn, nhưng thỉnh thoảng cũng quay sang hờn mát Scott :

— Trời ơi, ba...

Bữa ăn kéo dài trong bầu không khí gượng ép, nặng nề. Scott mỗi lúc một nhăn nhó, tay gõ nhịp trên bàn, đốt thuốc hết điếu này đến điếu khác, nhắp cô ca luôn miệng. Ai cũng hiểu rằng Scott rất thương con nhưng chàng đã *săn sóc sức khoẻ* con một cách quá lố. Chính tôi cũng cảm thấy khó chịu và đồng tình với những tiếng thở dài của Scottie ngầm ngụ ý trách Scott : *Sao ba lèm bèm thế* ? Có lúc Scottlie quên sự có mặt của cha, quay sang ba hoa với hai cậu bạn rồi cùng nhau cười khúc khích, Scott bèn ngắt ngang rồi đem một chuyện khôi hài của người lớn ra kể. Nghe xong, cả ba đứa đều ngơ ngác, hiển nhiên chúng chẳng hiểu câu chuyện lý thú ở chỗ nào. Scott và tôi có nhảy vài bản nhưng vẻ bứt rứt của chàng làm tôi mất hứng. Chàng đã làm mọi người mất vui. Tôi tự hỏi lòng phải chăng đây là người đàn ông từng làm tôi xao xuyến ? Một người cha nóng nảy, khiêm khắc ? Bầu không khí ngột ngạt như vợi hẳn đi khi Scott hỏi con gái :

— Scottie, con có nghĩ rằng giờ này là giờ con nên đi ngủ không ? Để ba đưa con về nhé.

Chúng tôi chở hai cậu bé về nhà, thả Scottie

xuống trước cửa khách của cô Hayes, rồi Scott đưa tôi về tận ngôi nhà trên đồi.

Chàng đứng trước bậc cửa, lòng tôi trống trải lạ lùng, cô đơn muốn phát khóc. Nhìn chàng mà tôi cảm thấy như mất mát một cái gì quý giá, hay nói đúng hơn Scott đã đánh mất sức lôi cuốn ấm áp nhiệm mầu bữa hôm trước, chỉ còn giữ lại hình ảnh lờ mờ nhỏ xíu của một người cha khó tính. Chàng khẽ chào tạm biệt, tôi run lên muốn giữ chàng ở lại. Giữa khung cửa bên tối bên sáng, khuôn mặt chàng bỗng ánh lên thật đẹp, vẻ mệt mỏi cằn cỗi trong một giây bỗng biến đâu mất để nhường chỗ cho ánh mắt long lanh và những nét tuyệt vời của một người đàn ông. Tôi chợt nghe lòng mình thổn thức : *Anh đừng đi, vào đây với em.* Và hình như lúc đó tôi đưa tay níu chàng, chàng bước vào hôn tôi say đắm, người tôi mềm nhũn, thời gian như ngừng trôi. Đầu óc tôi chỉ còn lởn vởn câu *hữu duyên thiên lý năng tương ngộ*, đã gặp nhau rồi phải cho hoa lá biết tay, ở đời có mấy đêm nay...

17.

CUỐI THÁNG TÁM MỘT BỨC ĐIỆN TỪ Luân Đôn gửi tới :

EM YÊU CÓ TIN MỪNG NHẤT THẾ GIỚI. MẸ CHỊU RỒI. MỌI VIỆC SẼ DỄ DÀNG. NHỚ ĐÁNH ĐIỆN CHO ANH EM YÊU EM QUÍ EM CƯNG.

DON

Tôi ngồi ở bàn viết trước cửa sổ, mắt lơ đãng nhìn ra sườn núi xa xa. Bao nhiêu tin tức sốt dẻo mà viết chẳng được chữ gì, hồn tôi như gửi tận đâu đâu. Buồn quá, muốn gặp Scott, muốn nhìn lại nét cười vụt hiện vụt tắt nhưng dư âm còn mãi, phảng phất trong ánh mắt xa xăm ; muốn nhìn lại chiếc miệng mím buồn và nhất là cách chàng nhìn tôi như ngụ ý : Em là một kho tàng vô giá mà anh đã tu từ mấy kiếp trước mới gặp được ! Tôi muốn ở bên chàng, nũng nịu với chàng và nghe chàng nói.

Chàng là lẽ sống của đời tôi, cả thế giới như thu lại còn một mình chàng, dồn dập quá, không biết bắt đầu từ bao giờ và lúc nào mới chấm dứt. Thực tại ùa đến vây phủ tôi khiến tôi cũng chẳng có thì giờ để suy nghĩ xa xôi...

Gần như hờ hững, tôi đọc lại bức điện của Don. Tội nghiệp! Thuyết phục được bà cụ chắc chàng mừng lắm, nhưng tôi chẳng cần. Có một phút những dòng chữ vang lên trong đầu tôi như một chuyện khôi hài. *Mẹ chịu rồi.* Chịu rồi thì sao? Thay vì trả lời bằng điện tín, tôi viết cho chàng một bức thư vắn tắt rằng tôi rất vui vì được bà cụ chấp nhận làm dâu tương lai, hiện tôi rất bận, sẽ viết nhiều hơn ở thư sau. Dửng dưng với chức vị Hầu Tước Phu Nhân, tôi thầm nghĩ Donegall chỉ chiếm một chỗ đứng rất nhỏ trong đời mình — ít ra trong hiện tại.

Kể từ sau buổi tối Scott ở lại với tôi, hai đứa thường xuyên gặp nhau, chuyện trò liên tu bất tận. Hầu như chiều nào hai đứa cũng tìm đến nhau.

Những lúc chàng cặm cụi ngồi viết tại phim trường, tôi cũng chạy lăng xăng lượm tin để dành trọn buổi tối rảnh rỗi cho chàng. Chàng đã mua lại một chiếc xe Ford cũ và cứ khoảng sáu giờ chiều tôi lại nghe tiếng máy xe cà ạch cà đụi chạy lên đồi rồi tiếng kèn tút tút khi chàng quẹo ở đầu dốc để tiến vào cổng. Với chiếc mũ phớt và chiếc áo mưa kiểu sinh viên đại học, với chiếc áo len kiểu chui cổ và chiếc nơ có đuôi bay phất phới, trông

chàng càng ngày càng giống các sinh viên Hoa Kỳ của mười mấy năm trước. Trên đường đến tiệm ăn, hai đứa thường ghé vào *Khu Vườn Của Thượng Đế* để làm một ly với bọn Eddie, John O'Hara, hoặc Albert và Frances Hackett, hai chàng văn sĩ lập dị hơn người.

Scott và tôi thường hỏi nhau không hiểu trời xui đất khiến như thế nào mà một đứa từ tuốt bên Luân Đôn, một đứa từ miệt St. Paul, Minnesota, lại lò dò bò đến đây để đụng đầu nhau rồi dính chặt không rời ra nữa. Chàng kể, sau khi thấy tôi lần đầu trong buổi tiệc trà tại nhà Benchley, chàng thích tôi liền và muốn gặp lại. Đêm hôm đó, Benchley gọi điện thoại trách chàng bỏ về quá sớm và mời chàng tới làm một bữa tàu vét nửa khuya. Chàng hỏi ngay: *Có những ai ở lại?* Biết chàng không thích đám đông ồn ào hoặc những kẻ lạ mặt, Benchley trả lời: *Chỉ có vợ chồng Morgan và một nữ diễn viên Âu Châu Tala Birrell, mấy người kia về hết rồi.*

Tưởng lầm nữ diễn viên kia là tôi, Scott vội vàng mặc quần áo trở lại nhà Benchley để rồi chưng hửng. Trong bữa tiệc khiêu vũ của Hội Văn Bút, chàng là một người khách miễn cưỡng — Dorothy Parker nằn nèo mãi chàng mới chịu đi — nhưng để bù lại chàng được gặp tôi và nói với tôi vài câu. Đến giờ về, chàng tìm tôi nhưng tôi biến mất tự bao giờ (thật tức cười, hôm đó tôi cũng để ý tìm chàng mà không thấy đâu). Và khi chàng than

phiền với Eddie rằng tôi có vẻ huyền ảo quá, muốn bắt được tôi thật là khó hơn lên trời, anh chàng Eddie mỉm cười hóm hỉnh nhấc chiếc điện thoại lên miệng — làm như Aladdin và cây đèn thần — và hô phong hoán vũ một hồi, thế là vị *nữ thần* lò mò hiện ra...

Nghe Scott nói mà tôi cười ngặt nghẽo, tự hỏi không biết sau này chàng có viết chuyện này vào các tác phẩm của chàng không nhỉ ?

Scott muốn biết tất cả về tôi. Chàng dọ dẫm tôi, vặn vẹo tôi, như mấy ông phóng viên đang săn một tin giật gân. Trực giác bảo cho tôi biết rằng chàng rất khinh khi sự giả trá, nhưng tôi thà tự thẹn còn hơn nói thật để chàng phải thất vọng. Chàng đã chọn tôi thì tôi phải làm chàng hãnh diện về sự chọn lựa đó. Nhất định không thể để chàng biết người chàng thương yêu chỉ là một con bé lạc loài đầy những mánh khóe nhập nhằng đánh lận con đen. Chàng phải gặp được người lý tưởng, vì chàng rất xứng đáng... Thế rồi tôi đem hết câu chuyện tưởng tượng về thân thế mình ra đọc thuộc lòng cho chàng nghe. Mẹ tôi chết lúc tôi mười bảy tuổi ; bà dì giàu có đưa tôi vào triều kiến Hoàng Gia ; cảm thấy cuộc sống nhàm chán, tôi bước chân vào nghề sân khấu, rồi tình cờ viết báo thành công bèn quay sang nghề cầm bút và lưu lạc tới đây.

Tôi nín thở khi Scott nheo mắt ngắm những bức hình chụp *Gia đình tôi :* đây là anh David qua đời từ khi tôi chưa lọt lòng mẹ, đây là em Alicia,

còn đây là Ông Nội (thực ra đó là hình một nhà quý tộc nào đó ăn mặc rất sang trọng đang ngồi chễm chệ trên lưng một con ngựa tuyệt đẹp). Nói dối chàng là một điều cắn rứt hơn tôi tưởng. Trời ơi, tôi đã nói dối cả người mà tôi tin tưởng nhất, người mà tôi hằng ao ước được gặp để giải bày hết bao nỗi niềm bấy lâu chôn dấu tận đáy lòng. Có một lúc chàng hỏi những câu quá đột ngột khiến tôi hết hồn. Sợ lộ tẩy, tôi tìm cách lái câu chuyện sang hướng khác...

Sau những ngày tháng bên nhau, tôi khám phá ra ở Scott chút tính trẻ con, nhưng cũng chính là điểm đáng trọng nơi chàng. Nó là giới hạn để những người tiếp xúc với chàng không thể đi quá trớn. Một hôm hai đứa được mời đi dự tiệc trà tại nhà một người bạn của tôi. Trong khi tôi tíu tít chuyện trò với bạn bè thì Scott đứng xớ sớ hoặc đi vơ vẩn trong phòng vì chàng chẳng quen ai. Thấy chàng có vẻ lạc lõng tôi đưa tay ngoắc chàng và vỗ vỗ vào chỗ ngồi còn trống bên cạnh tôi !

— Ccott, lại đây ngồi cạnh em nè.

Chàng xụ mặt, vụt quay mình bỏ đi.

Mấy hôm sau, khi nhắc lại chuyện này, chàng cự:

— Lần sau em không được như vậy nữa nghe.

Tôi hơi bực, cãi :

— Thì tại anh đứng xớ rớ một mình nên em mới kêu anh lại ngồi cạnh chớ bộ.

— Anh già đầu thế này chẳng lẽ không biết lo thân hay sao mà phải đợi em lo.

Đó là những lời gay gắt nhất mà chàng nói với tôi kể từ ngày quen biết cho tới bây giờ. Tôi tự nhủ không thể suồng sã quá với người đàn ông này. Chàng không phải là người để xỏ mũi, để thương hại.

Một lần khác hai đứa đi xem chiếu thử một phim mới ra lò, Ssott nói :

— Sheilo, đừng vào phía cửa chính nghe.

Sheilo là tên chàng đặt cho tôi.

Tuy cần gặp các tài tử để phỏng vấn tôi cũng phải nghe lời chàng đi lối cửa hông và tìm hai chỗ ngồi rất khuất ở hàng ghế cuối. Trước khi đèn tắt, chàng cúi gằm xuống tờ chương trình như sợ có ai nhìn thấy. Tại sao vậy ? Chẳng lẽ chàng sợ người ta nhận ra chàng, để rồi thương hại chàng là văn sĩ ít người hâm mộ.

Để khuyến khích Scott, một buổi chiều kia tôi nói với chàng :

— Anh Scott, em buồn ghê vậy đó. Anh là văn sĩ nổi tiếng mà chẳng bao giờ em được đọc tác phẩm của anh. Anh viết được những cuốn gì anh phải đưa hết đây cho em coi.

Mặt chàng tươi rói :

— Em muốn đọc thật hả ?

Khi bàn về những tác phẩm, Scott nói với tôi giọng điệu trang trọng khác thường, dường như chàng sợ tự mình làm giảm giá trị của những đứa con tinh thần.

— Sheilo, anh sẽ tìm cho em mấy cuốn. Tối

nay mình cùng đi nhé,

Cơm tối xong, hai đứa lần tới tiệm sách lớn nhất Hollywood.

— Ở đây có bán truyện của F. Scott Fitzgerald không ?

Viên thư ký trẻ tuổi lắc đầu :

— Thưa ông, không.

Soott chưa chịu thôi :

— Tiệm không buôn loại sách đó sao ?

— Thưa ông có, nhưng thỉnh thoảng thôi. Ít lâu nay chúng tôi không buôn nữa.

Khi rời tiệm, tôi không nhìn Scott mà chỉ nói thật nhanh :

— Mình đi tiệm khác.

Thế rồi chúng tôi đi hỏi tiệm thứ hai, nhưng họ cũng trả lời là tương tự như trên. Cuối cùng hai đứa đến một tiệm sách nhỏ. Ông chủ tóc đã hoa râm đang đứng trên thang xếp sách vào kệ. Nghe Scott hỏi, ông lắc đầu rồi ngần ngừ :

— Tuy hiện giờ không có, nhưng tôi có thể tìm cho ông vài cuốn, Ông thích những cuốn nào ?

Scott nói tên ba cuốn : *This side of Paradise* (*Bên này Thượng Giới*), *The Great Gatsby* (*Người Hùng Gatsby*) và *Tender Is the Night* (*Đêm Lắng Dịu*).

Ông già chủ tiệm sốt sắng :

— Tôi sẽ hết sức cố gắng tìm cho ông.

Scott gật đầu cảm ơn, do dự :

— Thưa cụ, tôi chính là Fitzgerald đây.

Ông già tròn mắt nhìn chàng, bắt tay lia lịa và reo lên :

— Ủa, ông Fitzgeradd, thực là hân hạnh quá. Tôi đã đọc các tác phẩm của ông, hay tuyệt, tôi mê lắm.

Với vẻ mừng rỡ đặc biệt, ông ghi địa chỉ của chàng và hứa :

— Bằng giá nào tôi cũng kiếm cho ra những cuốn đó. Nếu quanh đây không có, tôi sẽ hỏi thẳng nhà xuất bản.

Scott cám ơn ông chủ rồi cùng tôi rời tiệm. Không hiểu cảm tưởng của chàng ra sao : một thời lừng danh để rồi bị quên lãng, lầm lũi như chiếc bóng mờ bên cạnh Sheilah Graham trong những lần đi ăn hoặc đi xem chiếu thử phim mới, luôn luôn âm thầm đi lối cửa hông và mỗi lần được giới thiệu với ai, họ cũng đều nhìn trừng trừng sửng sốt làm như thể F. Soctt Fitzerald của thời xa xưa vừa đội mồ sống dậy.

Sống gần chàng đã lâu mà vẫn có nhiều điều tôi không hiểu hết. Hãng phim trả chàng một ngàn Mỹ kim một tuần trong suốt thời gian giao kèo sáu tháng. So với số lương một trăm sáu chục Mỹ kim mà Ông Wheeler trả tôi hiện giờ, đây là một số tiền vĩ đại. Vậy mà Scott chỉ dám mua một chiếc xe cà tàng, ăn mặc cũng chẳng được bảnh bao cho lắm, là nghĩa làm sao ? Chàng thích lập dị hay còn phải dùng tiền vào việc khác ? Mãi sau này, tôi mới biết chàng mắc nợ khoảng bốn mươi ngàn Mỹ kim,

tiền chạy chữa Zelda và tiền trọ học cho Scottie là cả một gánh nặng lệch người. Trước đó hơn một năm chàng đã trải qua một cơn khủng hoảng tưởng chừng phải bỏ hẳn nghề cầm bút, con quỷ lưu linh đã làm chàng khốn khổ, say sưa, tuyệt vọng. Đặt chân tới Hollywood, chàng đã phải dùng hết ý chí chống lại ma men để lập lại cuộc đời, hy vọng sẽ kiếm đủ tiền để trang trải nợ nần và có dịp tiếp tục nghiệp văn.

Những chuyện bi đát này chẳng bao giờ chàng đả động tới. Tôi chỉ biết chàng qua hình ảnh một người hoạt bát, quyến rũ, kỹ thuật *nịnh đầm* rất cao siêu, tặng hoa cho tôi đều đều, luôn luôn kèm theo vài hàng chữ dí dỏm, chàng rất giàu tưởng tượng, đưa tôi từ ngạc nhiên này đến ngạc nhiên khác. Đối với chàng, mọi sự việc đều có khía cạnh đẹp đẽ, thần tiên. Sau bữa cơm đầu tiên hai đứa đi ăn với nhau, tôi nhận được một bó hoa thật xinh và một tấm thiếp có in hình con cò mang một đứa bé con và hàng chữ : *Mừng Người Mới Tới.* Scott đã dùng bút sửa hình đứa bé thành hình chàng, đầu đội mũ phớt đàng hoàng ; cạnh đó, chàng vẽ một chiếc va ly mang tên chàng. Có lần, phía dưới tấm thiếp chàng ký tên *F. Scott Fitzdillinger* vì tối hôm trước hai đứa nói chuyện về tên cướp khét tiếng John Dillinger. Một lần khác, chàng đề *Dmitri gửi tặng Gruschenko* vì chàng biết tôi vừa bắt đầu đọc cuốn *Anh Em Karamazov.* Chàng thích làm trò riễu, khoái đánh ping pong với tôi, khi đến lượt chàng

giao banh, chàng thường làm bộ nheo mắt ngó vào góc bên này rồi thình lình đưa banh vào góc bên kia. Hàng ngày chàng ăn trưa tại câu lạc bộ của hãng phim. Để chọc ghẹo anh bồi bàn, chàng bịa ra rằng chàng còn một người anh em sinh đôi nữa tên là Irish Fitzgerald cũng hay ăn ở đây. Thế rồi từ đó, hôm thì chàng nhận mình là Scott, hôm thì chàng nhận mình là Irish, khiến anh bồi điên đầu không biết ai vào ai, trong khi chàng liếc mắt nhìn bộ mặt ngơ ngáo của anh, cười thầm.

Tôi chỉ biết chàng là một người có tài ru tôi vào những giấc mộng êm đềm bất tuyệt, cả những lúc chàng nổi tính trẻ thơ lẫn những khi tâm tư trĩu nặng với những nỗi buồn riêng mà mãi về sau tôi mới biết và cùng chàng chia xẻ. Dường như chàng biết qua giác quan thứ sáu rằng phía sau bề ngoài ba chớp ba sáng của tôi có ẩn dấu một cuộc xung đột nội tâm gớm ghê mà chính tôi cũng không hiểu rõ. Tuy biết vậy, chàng không bao giờ phán đoán hay chỉ trích, mà chỉ tìm hiểu rồi nghĩ cách che chở khuyến khích.

Riêng tôi, tôi chẳng có cách nào dò biết về đoạn đời quá khứ của Scott, về mối tình thắm đậm mà chàng đã dành cho người đàn bà đến trước tôi. Dưới mắt tôi, hình ảnh chàng chỉ gói ghém trong quãng thời gian hiện tại. Chàng đến với tôi như một người không quá khứ, những việc đã xảy ra trong đời chàng chỉ là một giấc mộng hờ đã tan loãng theo thời gian.

Trong khi đó Scott vẫn tiếp tục biết thêm về tôi. Chàng hỏi về những người đàn ông đã đi qua đời tôi, tình yêu đã đến với tôi bao giờ chưa và mấy lần ? Tôi gật đầu, đem chuyện về người chồng trước ra kể cho chàng nghe. Chàng có vẻ khoái nhân vật *Thiếu Tá John Gillam, D.S.O.*, một người luôn luôn yêu đời dù số phận long đong, nợ nần lút cổ. Phải công nhận rằng đã có một thời tôi yêu Johnny say đắm, đó là chưa kể tình thương mến mà tôi dành cho chàng mãi đến ngày nay.

— Còn ai nữa không ?

Vẻ hóm hỉnh của Scott làm tôi nảy ra ý tưởng muốn chọc chàng chơi :

— Hết sao được, còn biết bao nhiêu cuộc tình thơ mộng khác. Chắc anh đã biết bọn đàn bà Anh chúng em, đã yêu ai là yêu xả láng.

Với vẻ châm chọc, chàng hỏi khẩy :

— Ghê quá nhỉ ? Ai chả biết mấy cô gái thượng lưu Anh, nhất là các nàng tiên hơ hớ của ông Cochran, đều ái tình hạng nặng, thơ mộng lăn lông lốc. Riêng em, đã mấy lần em *thơ mộng* rồi ?

Lúc này hai đứa đang trên đường tới một quán ăn tại bãi biển Malibu cách Hollywood khoảng hai mươi dặm. Bận làm tài xế, tôi không thể quay sang nhìn xem bộ mặt của Scott lúc đó thế nào, nhưng cứ nghe giọng nói cũng biết anh chàng cay cú lắm. Tôi làm bộ lẩm bẩm :

— Để xem nào... nếu em không lầm thì tám lần tất cả. Phải rồi, nhà quý tộc này, ông chủ nhà máy

này... này... này...

Tôi kể ra một lô các nhân vật tưởng tượng trong khi Scott ngồi nghe câm như hến. Liếc trộm về phía chàng, tôi bắt gặp một nụ cười méo xệch. Biết đã đi quá xa, tôi giả lã :

— Anh Scott ơi, em nói như vậy làm anh buồn phải không, anh giận hả ?

— Đâu có, đâu có, đâu có...

Chàng tuôn ra một tràng đâu có làm tôi tức cười. Rồi giọng chàng mất hẳn vẻ tự nhiên :

— Bây giờ em thử kể tên mấy người đó ra xem.

Tôi tìm cách xí xóa :

— Thôi kể chuyện đó làm gì, xưa như trái đất rồi. Chắc anh cũng biết thừa là em phóng đại ra cho vui vậy thôi, với lại họ cũng chẳng ăn nhậu gì tới anh kia mà,

Scott bỗng quay sang nhìn tôi nghiêm nghị :

— Đối với đàn ông, mỗi lần yêu là một lần bước vào cuộc tình mới, còn đối với đàn bà, mỗi lần yêu là một lần có chuyện để thêm thắt vào các cuộc tình cũ.

Tôi chỉ hiểu lời chàng một cách lờ mờ. Phải chăng chàng muốn nói chàng không thể so sánh tôi với Zelda được, trong khi tôi đem chàng ra so sánh với bao kẻ khác ?

Thấy Scott ngồi im lìm không nói, tôi vừa lái xe vừa tìm cách cứu vãn tình thế. Tôi nói như xin lỗi, kể lể rằng tôi chỉ muốn thử lòng chàng, tôi quả là ngu muội đã làm chàng phật ý...

Dần dần, Scott trở lại bình thường và hai đứa quay ra bàn về chuyện đài phát thanh Chicago mời tôi phụ trách năm phút tin tức điện ảnh trong chương trình văn học nghệ thuật của đài với số lương một trăm Mỹ kim một tuần. Đây là một dịp may hiếm có. Scott khuyên tôi nên đòi hai trăm vì một trăm ít quá.

Trên đường về, Scott hỏi tôi một cách đột ngột:

— Sheilo, em hãy cho anh biết trước khi bước chân vào sân khấu em đã làm gì ? Hồi nhỏ, em sinh sống ra sao ?

Tôi kêu lên :

— Những chuyện đó em đã nói với anh rồi mà..

Tôi chợt cảm thấy không thể lẩn tránh chàng. Mỗi khi muốn dò hỏi sự thật, chàng trở nên tàn nhẫn. Những điều tôi bịa đặt về những người đàn ông khác làm chàng nổi tính tò mò, muốn phăng ra tận gốc. Chàng hỏi tôi dồn dập, chưa trả lời xong câu nọ đã bồi thêm câu kia. Cha mẹ tôi gốc ở đâu ? Graham có phải là một cái tên Tô Cách Lan không ? Hay là tên Đức ? Trước kia cha làm gì ? Tên thật của ông là gì ?

— John Lawrence Graham.

Tôi trả lời ngượng nghịu.

— Còn mẹ em ?

— Veronica Roslyn Graham.

Giọng tôi gần như lạc đi. Scott tiếp tục tấn công. Mẹ tôi xuất thân làm gì ? Cô em gái Alicia hiện giờ ở đâu ? Hồi còn ở Luân Đôn, tôi sống ở

khu nào ? Hồi nhỏ tôi ra sao ? Học trường nào,..

Tôi cố đáp cho trôi chảy nhưng có một lúc tôi cảm thấy ngộp thở, hết chịu đựng nổi, bật khóc nức nở. Tôi phải ngừng xe lại bên lề đường để khóc vùi cho vơi bớt những nỗi niềm chất chứa từ lâu.

Scott có vẻ cuống quít, kéo tôi vào lòng nói như van lơn :

— Anh xin lỗi em, anh không dè... chắc có điều gì em không muốn nói mà anh cứ hỏi dồn khiến em tủi thân phải không ? Thôi, anh xin lỗi, em không muốn nói thì thôi, việc gì phải khóc...

Sự xúc động làm tôi mất tự chủ, nói qua làn nước mắt :

— Anh biết không, em chưa hề đi học trường nào bao giờ. Em lớn lên trong viện mồ côi. Rời viện vào năm mười bốn tuổi, em về sống trong một khu tồi tàn nhất Luân Đôn. Cha mẹ em toàn là những người nghèo hèn đói rách... Em đã lừa dối anh. Cả tên em bây giờ cũng là tên giả, những bức hình mà anh xem cũng giả, giả tuốt. Trời ơi, anh sẽ ghét em, em chẳng phải như anh tưởng đâu...

Lệ tôi tràn ra như suối, tim tôi như thắt lại, đầu óc quay cuồng với những ý tưởng đen tối : *Chàng sẽ chẳng bao giờ muốn gặp lại mình nữa. Mình là một đứa đáng khinh, bao nhiêu mộng đẹp không ngờ lại chấm dứt nơi đây, mình đã hiện nguyên hình trước mắt chàng, còn gì nữa mà mong.* Nhưng chàng không tỏ vẻ gì xua đuổi tôi, trái lại chàng còn bồng tôi vào lòng, nhẹ ru như đang dỗ

dành một đứa trẻ :

— Thôi, nín ngay, cho anh xin. Cũng tại anh tò mò mới xảy ra cớ sự.

Chàng lấy khăn tay lau nước mắt cho tôi rồi bắt tôi hỉ mũi.

— Chuyện đó đâu có gì xấu mà em phải dấu, anh nói thật mà...

Giọng chàng ôn tồn quá khiến tôi vừa cảm động vừa sung sướng.

Xe vẫn đậu bên lề đường, hai đứa ngồi tựa vào nhau thật lâu, tôi thủ thỉ nói cho chàng nghe hết về cuộc đời mình, kể cả những chuyện mà tôi chưa từng nói với ai. Chàng không tỏ vẻ gì khó chịu hay kinh ngạc, mà chỉ để dạ xót thương cho đoạn đời thơ ấu đầy cay đắng của tôi. Chàng chăm chú nghe chuyện về viện mồ côi, những chiếc đầu trọc lóc, thời kỳ đi làm đứa ở cho người ta, lúc đứng bán bàn chải tại thương xá Gamage, những giấc mộng lấy được chồng giàu sang khi ngồi trên thượng tầng xe buýt. Tôi kể thật rành mạch về mối tình đầu với Johnny, thuở làm đám cưới với chàng rồi hai đứa kẹt tiền lung tung, tôi phải đi hát để kiếm thêm, vợ chồng biến thành chú cháu, cuộc chạy đua giữa bổn phận làm vợ và vai trò trên sân khấu, cách đối phó với ông bầu hảo ngọt Cochran và nhà quý tộc *thích con gái nuôi* Sir Richard, và những lúc tôi cảm thấy bơ vơ không định hướng, muốn chạy theo một cái gì có thể là tình yêu, tiền tài, danh vọng...

Scott luôn miệng suýt soa :

— Trời ơi, phải như dạo đó anh biết em, chắc anh đã lo cho em, đâu đến nỗi để em phải long đong như vậy.

Giọng chàng thiết tha quá làm tôi bật khóc :

— Phải rồi, hồi đó sao anh không ở bên em ? Em không người dẫn dắt, chẳng ai chỉ cho em lẽ phải điều ngay...

Hai đứa ngồi nỉ non không biết đã bao lâu. Nỗi ấm ức ẩn chứa trong lòng vợi dần rồi tan biến đâu hết. Chưa bao giờ tôi được hưởng cảm giác thanh thản dễ chịu đến thế. Tôi nhìn Scott bằng cặp mắt biết ơn, thầm nhủ lòng sẽ chẳng bao giờ dấu diếm chàng điều gì nữa.

Scott đổi chỗ ra cầm lái. Chàng cho xe chạy chầm chậm trong khi tôi rúc đầu vào người chàng để tìm một mùi quen thuộc...

Ngồi trên sân thượng, mắt lơ đãng nhìn xuống chân đồi phía xa mờ tỏa ánh sáng đèn thành phố, thả hồn theo mộng. Tôi vừa nhận được thư trả lời của đài phát thanh bằng lòng trả hai trăm Mỹ kim một tuần theo một hợp đồng sáu tháng, bắt đầu từ thứ hai đầu tiên trong tháng mười. Nhưng đây không phải là đầu đề để tôi mơ mộng. Lòng tôi còn bận dạt dào bao ý niềm thương nhớ từ lúc đọc bài thơ mà Scott viết cho tôi, về tôi. Bài thơ còn đây, lời lẽ tuyệt vời. Tôi đã đọc đi đọc lại không biết bao nhiêu lần, lúc ngâm vang, lúc đọc thầm trong miệng, những chữ những câu như quyện vào nhau phảng phất bên tôi không phút nào rời. Chàng

đã viết sai tên tôi — cũng như viết sai nhiều chữ khác, luôn luôn và mãi mãi — nhưng không sao, vì có lẽ đó là một trong những điểm đáng yêu nhất nơi chàng :

VIẾT CHO SHIELAH

Kìa nét cười ánh khắp phòng rạng rỡ
Em học ai chắc chẳng nỡ dấu anh
Như đóa hoa tươi phơi sắc an lành
Ánh mắt đó chợt long lanh vương vấn
Ai đã dạy em cách yêu đương nâng giấc
Để lòng anh đây ngây ngất bồi hồi...
Xin cám ơn những kẻ đến trước tôi
Cặp mắt đó là do người đào tạo.

Chẳng ngọc nào là đồ chơi kém giá
Sau bao năm dài ròng rã trong cung
Có lẽ anh phải đứng dậy nghiêng mình
Tạ ơn kẻ biến em thành ngọc quý
Dù anh biết y làm em phật ý
Cũng không sao đem đồ lụy cho người
Đã thay anh đưa em nhẹ vào đời
Trái tim này do bàn tay kẻ khác.

Có những nụ hôn tự nhiên không có
Vì ông xanh chỉ biến hóa nửa vời
Xưa và nay trong tất cả loài người
Mọi việc ở đời phải học mới nên
Ma lực gì thường đọng ở môi em

Đó đâu phải sự dịu hiền trinh nữ
Trên môi em đượm men nồng say quá
Chắc rằng em đã học của người ta.

Em dối anh toàn những điều thần thánh
Chẳng kẻ phàm nào dám tính thử qua
Vừa cảm động lại thêm chút xót xa
Dù trời đất cũng phải nhỏa lệ ướt.
Hãy để tình yêu thủy chung như nhất
Thầm nói câu: «Hiện tại vẫn là hơn..»
Quá khứ làm gì nhắc lại thêm buồn
Dối gạt người ta, em thường kể lể...

Anh còn cảm thấy lòng mình phơi phới
Khi nghĩ rằng con người ấy và em
Vẫn thường hay ân ái, muốn đi tìm
Bao say đắm ngập chìm trong vũ trụ
Cả thế giới như xoay tròn một chỗ
Trong phút giây biến thành bộ sách yêu
Trong có ghi duyên phận sẽ may nhiều
Với số vốn của bao nhiêu kẻ khác.

Có một lúc em đứng bên khung cửa
Khẽ hé rèm để anh thẫn thờ trông
Bao nhiêu men say vị ngọt hương nồng...
Rồi lịm chết như hoa lòng héo úa.
Nhưng từ độ bàn tay em ban bố
Những phép lành, hoa cỏ lại xinh tươi
Anh và em cùng lạc tới một nơi
Một thế giới do bàn tay kẻ khác.

Nhưng khi anh theo chân bao kẻ khác
Hồn vất vơ bên đống lửa cô liêu
Chắc rằng anh sẽ cùng họ uống nhiều
Để chúc mừng cho người yêu sắp tới
Người sẽ cùng em vui say duyên mới
Để bọn anh hoài khắc khoải nhớ nhung
Hắn sẽ nghe lời chúc tận đáy lòng
Em sung sướng trong những vòng tay khác.

— S —

Đêm hôm đó tôi viết một bức thư cho Donegall ngỏ lời từ tạ. Có một lúc mắt tôi mờ lệ tiếc nuối cho giấc mơ trở thành Bà Hầu Tước, nhưng làm sao tôi lấy Don được khi lòng tôi hướng trọn về Scott.

18.

KHOẢNG GIỮA THÁNG CHÍN NĂM ĐÓ, Scott vù đi North Carolina để thăm Zelda tại một dưỡng trí viện ở Ashville. Mỗi lần thăm là một lần chàng đưa vợ ra ngoài dạo chơi ít ngày, vì theo lời bác sĩ nàng có thể nhờ đó mà lần lần tỉnh trí. Scott và tôi hầu như chẳng bao giờ nói chuyện về nàng. Có lần tôi đánh bạo bắt chàng kể về Zelda nhưng chàng chỉ gạt đi và tôi cũng không dám ép chàng nói. Lần này chàng nói với tôi:

— Anh sắp phải vắng mặt khoảng một tuần. Anh muốn đi thăm Zelda.

— Vâng anh cứ đi. Khi nào về anh nhớ cho em biết nghe.

Tôi biết Scott rất thương vợ, nhiều người cũng nói với tôi như vậy. Tôi chấp nhận sự hiện hữu của Zelda vì đối với tôi nàng chỉ là một chiếc bóng xa vời không có thật, chưa bao giờ tôi gặp

hoặc trông thấy nàng.

Scott trở về với vẻ trầm ngâm hơn trước, vùi đầu vào công việc sáng tác tại hãng phim. Tối hôm đó tôi đưa chàng coi bản tin điện ảnh dài năm phút mà tôi đã viết trong khi chàng vắng mặt và sẽ phải thu thanh vào ngày hôm sau. Chàng đọc thật cẩn thận từ đầu đến cuối rồi ngẩng lên bảo tôi :

— Có vài chỗ chưa được chỉnh, để anh sửa dùm em nhé ?

Tuy đã phờ người vì công việc ở hãng, chàng cũng chịu khó ngồi vào bàn với mẩu bút chì ngắn ngủn và bao thuốc lá, cặm cụi viết lại thành một bản tin hoàn toàn mới. Chàng làm việc với sự chăm chú khác thường, ngón tay luôn luôn xoắn lấy những lọn tóc lòa xòa trước trán, một hồi sau tóc chàng bù xù dựng đứng như chiếc sừng trâu, tôi trông thấy vừa buồn cười vừa thương hại.

— Anh đã bỏ hết những dấu chấm than của em đi. Viết văn mà dùng dấu chấm than không khác gì mình pha trò rồi mình lại cười.

Scott còn gạch dưới những chữ mà tôi cần phải nhấn mạnh, sửa những lỗi văn phạm và dặn :

— Khi kể lại một câu chuyện gì, em phải ráng làm sao để thính giả thực sự *trông thấy* những nhân vật trong chuyện.

Được chàng trao cho một bản tin văn từ hoa mỹ, lời lẽ lưu loát, tôi mở cờ trong bụng nhưng hơi lo, hỏi một cách rụt rè :

— Thế này có vượt quá trình độ thính giả

không hả anh ? Theo em biết, đám người theo dõi bản tin này không hẳn gồm toàn người trí thức.

Chàng cười :

— Kệ họ, cho họ sáng đầu ra càng tốt.

Theo sự xắp đặt chương trình, bản tin của tôi sẽ phát thanh vào lúc bảy giờ tối (giờ địa phương), tại đài trung ương Chicago tương ứng với năm giờ chiều tại Hollywood. Vì giờ này còn là giờ làm việc, Scott không thể bỏ hãng để đưa tôi tới phòng thu thanh CBS ; nhưng đến giờ phát thanh, chàng chạy vội sang một nhà sửa xe hơi ở trước cửa hãng phim để nghe nhờ radio.

Bước đầu trên radio coi bộ không khá. Sau khi người xướng ngôn viên đài Chicago dõng dạc giới thiệu : *Và bây giờ chúng tôi xin trân trọng mời quý vị nghe nữ phóng viên danh tiếng Sheilah Graham tường thuật về tình hình điện ảnh tại Hollywood*, hệ thống truyền thanh trên toàn quốc ngưng lại bốn mươi lăm giây để bảy mươi lăm chuyên viên âm thanh đổi mạch điện. Tôi đứng trước máy vi âm hồi hộp chờ đợi... Khi người điều khiển chương trình đài Hollywood phất tay ra hiệu, tim tôi như ngừng đập, giọng tôi chợt cất lên the thé pha tiếng thở phì phò, lâu lâu lại chêm thêm vài tiếng nấc ác hại : *Chào quý vị thính giả, hích, tôi là Sheilah, hích, Graham từ Hoa Lệ Ước, hích*, . . . Cổ khô ran, nuốt nước bọt mãi không vào, khó thở, nhưng tôi cũng phải ráng đọc hết bản tin.

Lập tức Scott gọi điện thoại cho tôi, khen :

— Em đọc hay lắm.

Tôi cự :

— Thôi đi, em đang xấu hổ muốn chết mà anh còn chọc nữa.

— Tầm bậy nào, giọng em tuy thiếu hơi một chút, nhưng em đọc lưu loát lắm đấy chứ.

Ngày hôm sau, giám đốc đài phát thanh Hollywood cũng gọi điện thoại cho tôi, nhưng không phải để khen mà hỏi tôi có bằng lòng để một nữ diễn viên chuyên nghiệp của đài thay tôi đọc những bản tin sắp tới không ? Cô ta sẽ được giới thiệu là Sheilah Graham nhưng, dĩ nhiên, chỉ phụ trách phần xướng ngôn, còn tôi chỉ việc gửi bản thảo đến đài là xong.

Nghe kể chuyện này, Scott giận dữ :

— Nhất định không chịu. Giọng em đâu có gì dở. Em đã ký hợp đồng, *họ phải dùng em.* Lần tới em sẽ bình tĩnh hơn, không như lần trước đâu.

Tôi tin lời chàng là đúng. Phải rồi, bốn mươi lăm giây chờ đợi căng thẳng kia, cánh tay người điều khiển chương trình dơ lên thật lâu rồi bất thình lình hạ xuống, tất cả đã làm tôi mất hẳn bình tĩnh.

Vừa lúc đó tôi lại nhận thêm một cú điện thoại nữa của ông James Wharton, trưởng phòng thư tín của đài Chicago, và cũng là người đã giao dịch thư từ với tôi mấy lần về vụ mướn tôi viết bài cho đài. Ông cho biết vị giám đốc đài trung ương buộc phải cử người xướng ngôn thay thế

tôi. Tôi tức giận, rồi phát khùng. Họ tính bỏ con này vào xó à ? Còn lâu.

— Tôi sẽ bỏ tiền túi vù thẳng tới Chicago để thu thanh trực tiếp tại đó. Tôi sẽ chứng tỏ để các ông thấy tôi thừa sức làm công việc của kẻ xướng ngôn nếu không bị khích động bởi bốn mươi lăm giây chờ đợi.

Ông Wharton không tin là sự có mặt của tôi có thể làm ông giám đốc thay đổi ý kiến, nhưng ông không có cách gì ngăn cản tôi đi Chicago.

Kể cho Scott nghe quyết định này, chàng vụt nói :

— Hay lắm, nhưng em cần có người hậu thuẫn. Anh sẽ đi với em.

Tôi nhảy cỡn vì sung sướng. Có chàng thì còn ngán gì mấy lão kia nữa. Vả lại đây là lần đầu tôi được đi *du lịch* với chàng, cứ nghĩ đến là đủ khoái rồi.

— Nhưng anh bỏ hãng được không ? Họ có nói gì không ? Nhanh nhất cũng phải mất hơn một ngày, nghĩa là chủ nhật đi phải thứ ba mới có thể về tới được...

Chàng ngắt lời :

— Anh biết rồi, em khỏi lo. Anh sẽ có cách thu xếp.

Chiều thứ bảy, Scott đi taxi đến đón tôi ra phi trường. Ngồi cạnh tôi trên xe, chàng có vẻ tư lự khác thường, đốt thuốc hết điếu này tới điếu khác. Theo tôi biết, chàng đã hoàn tất cuốn phim

Chàng Mễo Tại Oxford và đang viết cuốn *Ba Người Đồng Chí* phỏng theo một tác phẩm chiến tranh nổi tiếng của Eric Maria Remarque. Những ngày gần đây Scott có vẻ đăm chiêu, bực dọc. Có lẽ chàng đã chán cảnh sáng sáng phải chui đầu vào hãng, chán cảnh họp bàn liên miên về truyện phim, chán phải cãi vã sùi bọt mép để bênh vực cho một câu đối thoại hay một cảnh trong bản thảo của chàng. Sáu tháng hợp đồng cũng sắp chấm dứt và chàng không chắc hãng Metro có mời chàng tiếp tục hợp tác hay không.

Tới phi trường, hai đứa gặp nữ ký giả Mary Crowell. Cô này ngỏ ý mời tôi đi gặp một nữ diễn viên nào đó trong chốc lát. Cô nắm tay tôi và quay sang Scott:

— Ông Fitzgerald, ông làm ơn cho mượn cô Graham mấy phút nhé. Chút nữa chị em tôi sẽ tới quầy giải khát tìm ông.

Năm phút sau Mary và tôi trở lại thấy Scott đang ngồi ngất ngưởng bên một ly nước trong vắt (?). Mary hỏi tôi:

— Chị uống gì?

— Cô-nhác.

Tôi chọn thứ rượu mạnh này vì nó sẽ giúp tôi thêm can đảm về vụ Chicago. Scott cũng xen vào:

— Còn tôi, một ly *gin* đúp.

Tôi quay lại nhìn chàng ngờ vực. Bây giờ tôi mới để ý thấy mặt chàng hơi đỏ. À, thì ra tự nãy giờ chàng uống *gin* chứ không phải nước. Hôm nay anh chàng muốn giở quẻ gì ra vậy? Từ ngày quen nhau đến giờ, có khi nào anh chàng say sưa trước mặt mình như vậy đâu.

Anh bồi vừa mang các thức uống ra, Scott đã cạn ly ngay và níu anh ta lại:

— Một gin đúp nữa nghe.

Tôi chợt cảm thấy lo lắng, nhìn chàng ái ngại. Mắt chàng sáng rực vì hơi rượu, tay luôn luôn vuốt đầu hoặc lùa những ngón tay vào tóc; miệng bắt đầu lẩm nhẩm. Khi anh bồi trở lại với ly rượu, chàng lè nhè:

— Này, một cái nữa nghe.

Ly rượu vừa được đặt xuống bàn, tôi nửa đùa nửa thật gạt sang một bên, nhưng Scott vội chụp lấy tay tôi, hất ra xa, rồi vồ lấy ly rượu.

Tôi hơi cáu, thầm nghĩ: A, anh chàng tính giở trò thật rồi đây, máu trẻ thơ lại nổi lên rồi chăng? Đi Chicago lần này là để chơi nhau với mấy tay thứ dữ mà anh chàng lè nhè thế kia thì làm nên trò trống gì? Anh chàng *sứa* thật rồi (chữ này tôi học được của một sĩ quan thường dùng để gọi đám bạn bè quá chén đua nhau chơi trò *cóc nhảy* trên những bàn ăn tại câu lạc bộ). Nhưng thình lình Scott đưa mắt nháy tôi một cách quái gở. Tuy không hiểu anh chàng định giở thêm trò gì, nỗi bực tức trong lòng tôi cũng vợi đi quá nửa.

Khi máy phóng thanh kêu réo hành khách lên phi cơ, Scott đứng dậy quơ lấy chiếc áo mưa, lúng

túng mãi mới mặc được lên người nhưng không chịu cài khuy.

Chàng bước ra phi cơ, áo mưa bay phần phật, chiếc mũ đội hờ trên đầu hếch ngược về sau. Lúc chàng ngồi xuống ghế, tôi mới để ý thấy một chai rượu kè kè trong túi áo khoác.

Máy bay cất cánh, tôi đằng hắng lấy giọng để chỉnh chàng :

— Anh Scott,...

Chàng ngắt ngang, làm vẻ quan trọng :

— Suyt.

Rồi chàng thản nhiên rút chai rượu ra, mở nắp và tu một hơi dài. Tôi kêu lên :

— Anh Scott, đừng...

Chàng đưa tay ngắt lời tôi rồi nghiêng đầu nhìn vào mặt tôi :

— Này cô, cô có biết tôi là ai không ? Tôi là văn sĩ Scott Fitzgerald đây.

Chàng đưa tay vỗ vỗ đầu gối tôi. Tôi nắm lấy tay chàng, thầm nghĩ *lạy trời chàng đừng bêu xấu trước mặt mọi người.* Vừa lúc đó, cô chiêu đãi viên hàng không đi ngang, tay khệ nệ một chồng tạp chí. Scott nhìn lên toét miệng cười với cô và hỏi :

— Cô ơi, cô có biết tôi là ai không ?

Cô chiêu đãi có bộ tóc đen mượt, vẻ mặt ranh mãnh :

— Thưa ông, tôi không biết ạ. Tôi không mang danh sách hành khách theo.

Scott vênh mặt :

— Vậy hả ? Tôi là Scott Fitzgerald, văn sĩ trứ danh.

Tôi hơi ngượng vì thấy chàng bắt đầu lố bịch, nhưng cô chiêu đãi chỉ mỉm cười xã giao rồi tiếp tục bước qua. Thấy mất đối tượng, Scott quay sang một người đàn ông ở hàng ghế bên kia :

— Này ông, ông có biết tôi không ?

Ông kia ngẩn người :

— Tôi không biết. Ông là ai ?

— Trời ơi, vậy thì dở thật. Tôi là Scott Fitzgerald đây mà. Chắc ông từng nghe tiếng tôi, Ông đã đọc cuốn *Người Hùng Gatsby* chưa, thử nhớ lại coi ?

— Tôi có nghe tiếng ông.

Ông ta trả lời với nụ cười gằn nhưng ánh mắt vẫn không dấu được niềm kính trọng.

Scott quay lại nhìn tôi, tôi không biết nên cười hay nên khóc, và cũng không hiểu chàng hãnh diện thật hay chỉ là mỉa mai chua chát :

— Em thấy chưa ? Ông ta *nghe tiếng* anh.

Nói xong, chàng tiếp tục thò đầu sang nói chuyện với ông kia, hỏi toàn những câu không đầu không đuôi khiến ông ta chẳng biết đâu mà mò.

Tôi ngồi cạnh Scott, tâm tư trầm trọng. Chàng đã nốc hết chai rượu, lưỡi bắt đầu líu lại. Ông kia lẳng lặng ngồi nghe một cách thú vị nhưng đầy vẻ khinh miệt như thể đang xem một chú hề làm nhảm pha trò. Không hiểu con ma gì đã nhập vào chàng khiến một người hòa nhã, chững chạc như

chàng biến thành một người lố lăng tới mức đó. Không thể được, chàng không thể theo tôi tới Chicago trong tình trạng này được. Phải rồi, lát nữa máy bay sẽ ghé lại Alberquerque... tôi quay sang nói với chàng bằng giọng nghiêm nghị :

— Anh Scott, máy bay sắp ghé Alberquerque. Anh sẽ xuống ở đó và trở lại Hollywood. Thật là lầm lẫn để anh đi theo em. Anh chẳng giúp em được gì đâu mà chỉ làm cản trở thêm thôi. Anh thử nhìn lại anh xem.

Chàng cúi đầu, trịnh trọng :

— Xin tuân lệnh.

Giọng nói ồ ề, thần sắc ngưng trọng, chàng ngồi suy nghĩ một lát rồi thở dài :

— Phải rồi, em đi mà chiến đấu một mình. Suốt đời em sẽ cô độc, cũng như anh chẳng lúc nào có người chia sẻ nỗi niềm riêng tư. Hai đứa mình chỉ là những con sói hoang, lang thang một hình một bóng.

Lẩm bẩm xong, chàng ngồi thừ người bên cạnh tôi. Tôi bồn chồn nhớ lại những lúc niềm tin đặt cả nơi chàng, tự an ủi rằng mình đã tìm được người lo lắng, yêu thương, che chở. Chàng làm tôi cụt hứng, bao nhiêu hăng hái lúc mới ra đi giờ đây biến thành gáo nước lạnh dội vào đầu.

Khi máy bay hạ cánh và lăn bánh trên phi đạo tại Alberquerque, Scott nhếch mũ :

— Tạm biệt.

— Dạ, anh về trước. Khi nào em về em sẽ tới tìm anh.

Đèn bật sáng, tôi thu mình trong chiếc ghế nệm, bắt đầu thổn thức. Chàng nói đúng. Chàng là một con sói cô đơn vì tài năng xuất chúng ; còn tôi, vì trong lòng chứa chất bao niềm u ẩn khó nỗi bày tỏ cùng ai, cộng thêm những tham vọng luôn luôn canh cánh bên lòng. Suốt đời tôi, cứ mỗi lần bước thêm được một bước để tiến vào xã hội mới, là một lần lại cảm thấy bơ vơ. Mọi người đối với tôi xa cách quá, cả chàng cũng vậy. Giờ đây cuộc đời lại càng trống trải hơn bao giờ hết. Tôi vụt hốt hoảng, *anh Scott ơi, anh đâu rồi. Đáng lẽ lúc nãy em không nên đuổi anh. Anh uống một chút rượu thì đã sao, trời đất kia còn có lúc say sưa nữa là người. Anh ơi, em cô độc quá.*

Máy bay từ từ cất cánh. Tôi vừa định với tay tắt đèn thì một người vén màn thò đầu vào, vẻ mặt ngớ ngẩn :

— Em đấy à ?

— Trời ơi, anh Scott ! Vậy mà em tưởng anh xuống máy bay rồi.

Tôi kêu lên sung sướng, khối đá nặng trịch trong lòng như nhẹ hẳn đi. Tôi đưa tay kéo chàng vào lòng như chỉ sợ chàng lại bỏ đi mất :

— Từ nãy đến giờ anh trốn ở đâu mà em không thấy ? Thương anh ghê vậy đó !

Chàng làm bộ nghiêm nghị, vỗ vỗ vào túi áo :

— Anh có xuống máy bay thật, nhưng để kiếm

thêm một chai nữa.

Nói xong, chàng ngả mình trên ghế nệm và ngủ luôn.

Tới Chicago vào buổi sáng, hai đứa được xe đưa tới khách sạn « Con Vịt Đực ». Vẻ khật khưỡng và bộ mặt bệ rạc như vừa móc dưới cống lên của Scott làm tôi lộn ruột. Đã thế chàng lại còn câm như hến. Lên tới phòng, xếp đặt hành lý xong, mà chàng vẫn chưa có vẻ gì khá hơn trước. Chẳng lẽ chàng định mang điệu bộ lừ đừ kia để nhát thiên hạ hay sao? Tôi điện thoại cho ông Wharton và chỉ một lát sau ông ta tìm tới nơi. Gặp mặt mới biết ông là người mảnh khảnh, hoạt bát, khoảng ngoài ba mươi.

Phòng tôi và phòng Scott ăn thông với nhau. Sau hai mươi phút mất hút, Scott từ phòng bên bước qua, mặt mày đỏ lừ. Được chàng, ông Wharton có vẻ sung sướng lắm. Ông ta nói một cách trịnh trọng :

— Thật là một vinh dự bất ngờ cho tôi.

Scott chỉ gật gù đáp lễ rồi thu mình trong chiếc ghế bành lớn.

Tôi đi thẳng vào đề :

— Ông Wharton, tôi có mang bản thảo theo. Tôi tự tin rằng tôi có thể xướng ngôn trôi chảy nếu không phải trải qua bốn mươi giây chờ đợi hồi hộp. Thú thật với ông, sự hồi hộp làm tôi hoàn toàn mất bình tĩnh.

Thấy ông Wharton còn lưỡng lự, tôi mỉm cười

tấn công thêm :

— Sao, ông vui lòng để tôi thu thanh tối nay chứ? Tôi đã phải mất bao nhiêu đường đất tới đây là để quyết thành công phen này.

Trong khi chúng tôi bàn luận, Scott chỉ lẳng lặng ngồi nghe, không mảy may phát biểu ý kiến. Cuối cùng ông Wharton đứng dậy :

— Cô Graham, tôi không dám hứa trước điều gì với cô. Tôi sẽ về đài thảo luận lại và sẽ tin cho cô biết vào trưa nay. Bây giờ tôi xin kiếu.

Tiễn chân ông ra cửa, tôi lấy điệu bộ thật duyên dáng và đưa ra miếng đòn cuối cùng:

— Ông Wharton, tôi biết thế nào ông cũng bằng lòng. Ông chấp thuận là mấy người kia cũng chấp thuận, có phải thế không ông ?

Thình lình Scott đứng bật dậy và khệnh khạng bước tới trước mặt ông Wharton, hất hàm :

— Này tối nay cô ta có thu thanh hay không, trả lời ngay ?

Thấy điệu bộ lầm lì dễ sợ của Scott, ông Wharton đâm hoảng, bàn tay đang nắm quả đấm cửa vội buông ra, mặt tái, miệng lắp bắp :

— Thưa ông Fitzgerald, tôi cũng... không biết nữa. Tôi không có quyền quyết định... tôi còn phải về hỏi lại ý kiến của...

Scott sấn thêm một bước nữa, dí mũi vào sát mặt ông và gằn giọng theo kiểu các tay anh chị :

— Con gà chết ! Hãy thủ thế đi.

Nói xong, chàng đứng khuỳnh khuỳnh thủ

thế, hai tay nhắp nhắp, rồi bất thình lình xông vào đấm đá loạn xạ. Ông Wharton vội vã ngã người về phía sau để tránh những miếng đòn chí tử. Tôi cũng hoảng hốt không kém, vội nhào vào can và đẩy ông Wharton ra ngoài cửa:

— Anh ta điên mất rồi, xin lỗi ông. Tôi sẽ điện thoại cho ông sau.

Tôi đóng ập cửa lại và quay vào đối diện với Scott. Người tôi run lên, chân tôi cơ hồ đứng không vững:

— Tại sao anh lại hành động như vậy? Anh mất hết lý trí rồi phải không?

Scott quay sang lầm bầm như tự nói với chính mình:

— Với thằng cha cà chớn đó, anh phải cho nó một bài học như vậy mới xứng. Chắc chắn tối nay em sẽ thu thanh lấy, nó không dám đưa người thế em đâu, bằng ngược lại nó kể như tới số.

Quá phẫn chí, tôi gieo mình xuống giường khóc ngất:

— Trời ơi, chưa bao giờ tôi gặp một chuyện kỳ cục như thế này. Anh Scott, sao anh có thể xử sự một cách hồ đồ như vậy. Anh làm em mất mặt. Anh hãy đi đi! Đi ngay cho khuất mắt em. Em ghét anh.

Scott bứt rứt, đưa tay lùa mái tóc, lầm bầm một hồi rồi vụt bước về phòng chàng và đóng cửa thật mạnh.

Sau những phút giây thẫn thức, rồi ấm ức

trong lòng như vơi hẳn và tôi lấy lại được bình tĩnh. Tôi nhấc điện thoại gọi ông Wharton để xin lỗi, ông trả lời với giọng khôn khéo thường lệ:

— À, có gì đâu. Chúng ta hãy quên chuyện đó đi.

Rồi ông hân hoan báo cho tôi biết đài đã bằng lòng để tôi tự đọc lấy bản tin. Tôi sẽ phải tới đài lúc năm giờ chiều để dượt lại trước khi thu thanh.

Hai đứa đã thắng! Bao nỗi giận hờn thoáng bay đâu mất. Một văn sĩ như Scott mà dở thói côn đồ, tay đấm chân đá kể cũng hơi loạn, nhưng đã sao. Có khi chính nhờ vậy mà được việc cũng nên. Dù sao, chàng cũng đã cố gắng giúp tôi. Tôi chạy sang kiếm chàng nhưng phòng trống trơn. Chắc chàng đã ra ngoài đường đi đâu đó để tiêu sầu.

Trưa hôm đó tôi ăn cơm một mình và đúng năm giờ chiều tôi có mặt tại đài phát thanh Chicago. Đứng trước chiếc micro trên sân khấu nhỏ trong phòng vi âm, tôi từ từ dở bản thảo ra để sửa soạn tập dượt. Trước khi bắt đầu đọc, tôi đưa mắt nhìn xuống những hàng ghế trống phía dưới và bắt gặp Scott đang ngồi ở hàng đầu với nụ cười quái gở trên môi. Tôi đưa một ngón tay lên miệng ra hiệu bảo chàng yên lặng, chàng gật đầu rồi bằng một điệu bộ ranh mãnh chàng đưa bàn tay bụm miệng.

Nhưng đúng lúc tôi cất giọng đọc thử, Scott đứng bật dậy và nói oang oang:

— Này Sheilah, em đừng sợ ai hết, cứ tỉnh bơ đi, đọc thật chậm rãi và rõ ràng.

Rồi chàng bắt đầu vung tay đánh nhịp từng câu tôi đọc như một vị nhạc trưởng điều khiển ban nhạc với chiếc đũa vô hình.

Ngượng quá hóa giận, tôi khẽ gắt :

— Anh Scott, anh ngồi xuống và giữ yên lặng dùm em một chút coi.

Nhưng chàng vẫn tảng lờ như không nghe thấy, tiếp tục làm nhạc trưởng cho tới khi hai nhân viên sân khấu xuất hiện và điệu chàng ra ngoài.

Vì bị phân tâm bởi những chuyện không đâu, tôi phải đọc thử năm sáu lần liền ông giám đốc mới hài lòng và cho nghỉ. Đúng bảy giờ, tôi trở lại máy vi âm đọc trơn tru một mạch, thật đúng là dễ như lấy đồ trong túi. Đọc xong tôi thở phào nhẹ nhõm, mối lo duy nhất của tôi hiện giờ là Scott.

Hấp tấp trở về khách sạn, vừa bước chân vào phòng tôi đã nghe thấy tiếng người rầm rì ở phòng bên. Đẩy cửa bước sang, tôi đứng chết trân trước một cảnh tượng lỡ khóc lỡ cười. Một khay đồ ăn đặt trên chiếc bàn có bánh xe ; cạnh đó Scott đang ngồi nhai tóp tép, chiếc khăn ăn quấn quanh cổ như yếm rãi trẻ con ; đối diện chàng là một gã đàn ông trẻ tuổi đang chăm chỉ đút đồ ăn cho chàng. Mỗi lần Scott há miệng, gã lại dùng nĩa tọng vào miệng chàng một mớ thức ăn. Tôi lẳng lặng đứng nhìn xem hai anh chàng dở điên dở khùng này dở thêm trò gì nữa, thì bất thình lình

Scott nhe răng đớp bàn tay của gã kia. Gã vội rụt tay về và la lên :

— Ui cha ! Scott, đàng hoàng lại coi !

Giọng gã có vẻ bực bội hơn là tức giận.

Tôi để ý nhìn thì thấy chiếc yếm rãi của Scott và ngực áo gã đàn ông lạ mặt nhây nhớt cà phê.

— Cậu dở quẻ như vậy thì làm sao tớ nuốt cho nổi. Cậu mới cần phải xúc cho đàng hoàng, chứ tớ có làm gì đâu.

Đang lầm bầm với anh bạn trẻ tuổi, hình như Scott nhận ra sự có mặt của tôi, chàng quay lại :

— A ha, Sheilo.

Gã lạ mặt khoan thai đứng dậy, đưa tay phủi những mẩu bánh mì và đồ ăn còn vương vãi trên quần áo :

— Xin lỗi đã để cô phải nhìn thấy cảnh lố bịch này. Chắc cô nghĩ đây là một màn đùa dai theo kiểu hài kịch của Mack Sennet ?

Vẻ điềm tĩnh khác thường của gã làm tôi sửng sốt.

— Nếu tôi không lầm, chắc cô là nữ sĩ Graham ?

Gã tự giới thiệu là Arnold Gingrich, chủ bút tờ *Esquire*, một tạp chí có đăng nhiều bài của Scott.

Tôi ấp úng :

— Chao ôi, anh Scott bê bối đến thế là cùng. Ông đã thấy anh ấy như vậy bao giờ chưa ?

Scott chen vào :

— Arnold, cậu đưa cho nàng xem mấy bài của tớ đi.

Giọng chàng nhừa nhựa pha lẫn vẻ cay cú, chán đời. Arnold tìm lời vỗ về và dìu chàng tới giường, vừa đặt lưng xuống, chàng đã ngáy pho pho.

Lúc này Arnold mới quay sang trả lời câu hỏi của tôi. Gã cho biết hồi trước cảnh này thường xảy ra luôn, nhưng hình như chưa lần nào tệ hại như vậy.

Trong suốt ba giờ tiếp theo, Arnold và tôi loay hoay tìm cách làm Scott trở lại tỉnh táo để ra phi trường kịp giờ máy bay cất cánh. Chuyến xe đưa rước hành khách sẽ ghé lại khách sạn « Con Vịt Đực » ngay bây giờ. Tôi tin rằng một khi vực được chàng ra xe, không khí tươi mát sẽ làm chàng tỉnh táo lại phần nào và tôi có thể dìu chàng lên phi cơ một cách dễ dàng.

Trong khi Scott ú ớ mê ngủ, Arnold kể cho tôi nghe những gì đã xảy ra. Một giờ trước đây, Scott đã điện thoại cho gã, báo tin chàng hiện có mặt tại Chicago và bảo gã phải tới khách sạn « Con Vịt Đực » ngay lập tức, nếu không e quá muộn. Chẳng hiểu ất giáp ra sao, Arnold vội vã tới nơi và thấy Scott đang khật khừ giữa một đống ly cốc ngổn ngang, có cái đầy rượu *gin*, có cái đã trống trơn. Scott cố dương cặp mắt tinh quái lên nhìn Arnold như muốn nói :

— Ha ha, ai cũng tưởng tớ đang uống nước lã, thực ra đây toàn là rượu gin.

Bằng một giọng lè nhè, Scott kể cho gã nghe về tôi : Chàng đã theo tôi lới Chicago để giúp tôi choảng nhau với mấy tên mặt mẹt ở đài phát thanh, hiện chàng đang ngồi chờ tôi đi thu thanh về. Hai đứa sẽ đi chuyến máy bay nửa đêm để về Holly-wood.

Arnold ngắt lời chàng :

— Ủa, anh túy lúy thế kia mà đi đứng gì. Để tôi gọi một tách cà phê và một ít đồ ăn để anh dùng cho tỉnh rượu đã nhé. Nàng cũng sắp về tới rồi, anh không thể để nàng trông thấy anh bệ rạc như thế này. Hơn nữa họ sẽ không cho một người say như anh lên phi cơ đâu.

Scott bắt đầu dở thói trẻ thơ, bắt Arnold phải xúc đồ ăn cho chàng, nếu không chàng sẽ nằm lì ra đó. Vì tình bằng hữu, Arnold đành phải bóp bụng chiều lòng anh bạn già quá quắt. Khi bồi phòng mang đồ ăn lên, Arnold cắt miếng bít tết thành những mẩu nhỏ và đút cho Scott ăn. Thỉnh thoảng Scott lại đưa răng cắn tay gã. Khi gã đổ cà phê cho chàng, chàng phun cà phê phè phè như đứa trẻ vòi mẹ. Tôi bước vào phòng đúng lúc màn hài kịch đang hồi gay cấn.

Theo lời kể của Arnold thì những bài báo mà lúc nãy Scott bảo gã đưa tôi coi là các đoản thiên *Cơn Mê Loạn*, *Coi Chừng Sụp Đổ* và *Ghép Chung Một Mối* mà chàng đã viết cho tờ *Esquire* để mô tả lại cuộc khủng hoảng tinh thần mà chàng đã trải qua hai năm về trước. Scott muốn tôi đọc

những bài này ngay trong phòng khách sạn để hiểu rõ về chàng hơn. Arnold còn cho biết thêm chàng là cộng sự viên thường xuyên của tờ *Esquire* trong những năm 1934 và 1935 ; chàng thường vay tiền trước cho những bài chưa viết, và khoảng thời gian về sau chàng bỗng dưng cúp ngang, không chịu gửi bài tới tòa soạn như trước nữa. Arnold kể rằng cuối năm 1935, gã đi Baltimore viếng Scott để hỏi tại sao chàng không gửi bài đăng báo nữa. Khi đến nơi, gã rất kinh ngạc thấy Scott thay đổi rất nhiều. Chàng đã biến thành một tay bê tha nghiện ngập, điệu bộ thất thểu, luôn miệng lảm nhảm không đâu. Để trả lời câu hỏi của Arnold, chàng nói :

— Tớ không gửi bài vì tớ viết không nổi, có thế thôi. Thiên hạ muốn tớ viết về tình yêu và tuổi trẻ nhưng tớ già quá rồi, biết gì mà viết.

Cứ tình hình này mà nói thì nghiệp văn của chàng dường như đã chấm dứt. Chàng đã cố gắng một cách tuyệt vọng để cầm bút lại, để viết bài trả nợ cho tờ *Esquire* và *The Saturday Evening Post* và nhất là để có tiền bù đắp vào những khoản chi phí khổng lồ, nhưng hỡi ơi con sâu rượu đã làm đầu óc chàng cùn mất rồi. Chàng viết không nổi và có lẽ sẽ chẳng bao giờ viết nổi nữa. Chàng đã tự đưa mình tới chân tường không lối thoát.

Thấy tình trạng Scott lúc đó, Arnold quýnh quáng bảo chàng :

— Anh Scott, hiện thời chúng tôi rất cần có

bài của anh vì những vị trong ban kiểm soát đòi tôi phải giải thích những khoản tiền đã trả cho anh. Giờ đây, chỉ yêu cầu anh có bài cho tôi, viết nhăng viết cuội gì cũng được, hoặc nếu cần anh cứ viết dùm câu «*Tôi không viết được, tôi không viết được, tôi không viết được . . .*» chừng dăm bảy trăm lần cho đầy vài mươi trang giấy cũng được. Ít ra tôi phải có bằng chứng là vào ngày đó, ngày nọ tôi nhận được bài của anh và gửi cho anh tiền nhuận bút. Miễn là trong hồ sơ của tôi phải có bút tích của anh để chứng tỏ rằng anh còn làm việc với chúng tôi, bằng không tôi buộc lòng phải ngưng gửi tiền cho anh.

Scott hứa sẽ cố gắng, chàng nói :

— Được rồi, chú mày đừng lo. Tớ sẽ viết, viết để giải thích tại sao tớ không thể viết được.

Kết quả là những bài *Cơn Mê Loạn* và tiếp theo là loạt bài *Một Văn Sĩ Về Chiều* được Arnold cho đăng trên tờ *Esquire* dưới hình thức đoản thiên tiểu thuyết. Cũng may, những bài này giúp Scott thoát khỏi sự bế tắc của nghề cầm bút và chàng tiếp tục cộng sự đều đặn với tờ *Esquire*, kể cả khoảng thời gian sống ở Hollywood sau này.

Tôi lẳng lặng ngồi nghe Arnold kể chuyện cũ về Scott, cảm nghe tim mình hướng về chàng nhiều hơn, một nỗi đồng tình trào dâng để cảm thông những phút giây bi đát nhất của người tôi yêu mến. Tôi tự nhủ mình biết quá ít về chàng, trong khi

chàng hiểu rất rõ về mình, đã cùng mình chia sẻ mọi nỗi ưu tư.

Arnold nhìn tôi kết luận :

— Chắc cô đã hiểu con người của Scott lúc uống rượu khác hẳn lúc bình thường, cũng như ngày và đêm không thể lẫn lộn.

Tôi buồn buồn đáp :

— Phải, bây giờ tôi hiểu. Đây là lần đầu tôi thấy chàng uống nhiều rượu. Không hiểu tôi sẽ phải làm gì để chàng thôi uống.

Khi chuyến xe đưa hành khách ghé khách sạn, Arnold giúp tôi dìu Scott ra xe. Đặt Scott ngồi trên ghế xong xuôi, gã cho tôi số điện thoại và dặn :

— Bất cứ lúc nào cần, cô cứ việc gọi số này, đừng ngại gì cả.

Arnold bước xuống xe, Scott cố ngóc đầu dặn với theo :

— Ê, chú mày nhớ gửi mấy bài *Mê Loạn* đó tới Hollywood để nàng đọc, nghe chưa.

Cũng may lúc đó trên xe chỉ có một cặp trai gái khác ngồi ở hàng ghế trên nên không ai thấy bộ điệu bí tỉ của chàng. Nói xong chàng lại ngật ngưỡng như người thèm ngủ.

Gần tới phi trường, Scott bỗng mở bừng mắt, dáo dác nhìn quanh. Ánh mắt chàng ngừng trên mái tóc cô gái ngồi trước mặt. Ngắm nghía một lát, chàng quay sang tôi, nói nhỏ nhưng cũng đủ cho cặp trai gái nghe thấy :

— Cô bé có bộ tóc đẹp đấy chứ nhỉ.

Cô gái có vẻ sung sướng quay sang nhìn người yêu với nụ cười hãnh diện.

Nhác thấy nửa mặt cô gái, Scott gật gù :

— Khuôn mặt cũng xinh nữa. Tóc đó, mặt đó, chắc người cũng phải đẹp lắm. Thật là một thiếu nữ đáng yêu.

Cô gái có vẻ thích chí, liếc nhanh về phía sau không quên ném cho chàng một nụ cười cởi mở. Scott nhăn răng nói luôn :

— Con điếm !

Tôi không tin ở tai mình. Cô gái giật thót người quay lại dương mắt nhìn chàng với vẻ sợ hãi, còn gã thanh niên cũng ngoái cổ quắc mắt nhìn chàng, mặt gã tái đi vì tức giận. Vừa may lúc đó xe ngừng trước phi trường, tôi kéo vội chàng xuống xe, năn nỉ :

— Em xin anh. Coi chừng người ta không cho anh lên phi cơ nếu người ta biết anh quá chén.

Tôi không dám dùng chữ *say* vì chữ này nhắc tôi nhớ tới quãng đời thơ ấu kinh hoàng với hình ảnh gớm nhớm của những tên say rượu lê lết trên hè phố ngập đầy rác rưởi. Scott không say, chàng chỉ quá chén một chút thôi.

Thế nhưng họ vẫn không chịu cho chàng lên máy bay. Vừa bước xuống xe chàng đã ngã lên ngã xuống. Bác tài xế chạy lại đỡ chàng thì chàng đồ quạu, quay ra vật lộn với bác. Tôi phải vất vả lắm mới kéo được chàng tới phòng vé. Viên thư

kỹ nhìn chàng từ đầu đến chân rồi nói một cách lễ phép :

— Thưa ông, rất tiếc chúng tôi không thể để ông lên phi cơ ngay bây giờ.

Trái tim tôi như trầm hẳn xuống. Năm giờ sáng mới có chuyến bay khác. Phải chờ đợi năm tiếng đồng hồ, lại thêm hai tay mỏi nhừ vì phải đèo theo một anh chàng lử cò bợ, nghênh ngáo, gắt gỏng. Bất giác tôi thở dài quay sang nhìn Scott lúc này đang thò đầu vào phòng vé lè nhè hỏi mua một chiếc phi cơ.

Trong cơn tuyệt vọng, tôi gọi điện thoại cầu cứu Arnold. Gã cũng không biết làm sao hơn là khuyên tôi nên thuê một chiếc taxi chở Scott đi vòng vòng trong năm tiếng đồng liền may ra chàng tỉnh táo lại. Gã còn dặn tôi là đừng lảng vảng gần mấy quán rượu. Để chắc ăn hơn, gã sẽ điện thoại cho tất cả các tửu quán ở gần phi trường yêu cầu họ đừng bán rượu cho Scott, chỉ cho chàng uống bia là cùng.

Tôi theo đúng lời khuyên của Arnold. Ngồi trên xe, Scott ngủ gà ngủ vịt trên vai tôi. Thỉnh thoảng chàng choàng dậy bảo người tài xế :

— Này ông bạn, hãy ghé vào quán rượu nào gần đây nhất nghe.

Dĩ nhiên tôi đã dặn trước nên bác tài cứ lầm lũi lái xe hết phố này đến phố khác. Cuối cùng, hình như Scott nhận ra điều khác lạ, chàng văng tục :

— Mẹ kiếp, đã bảo ghé vào quán rượu, sao cứ chạy cà nhỏng mãi thế hả ?

Không hiểu nghĩ sao chàng chợt nhìn tôi, cười chữa thẹn :

— Hề hề, cưng đấy à...

Rồi tiếp tục quay ra cà khịa với bác tài. Mỗi lần như vậy, tôi chỉ còn biết dỗ dành để chàng ngủ quên đi lúc nào hay lúc ấy.

Loanh quanh một hồi rồi cũng sắp tới giờ máy bay cất cánh. Tôi bảo bác tài trở lại phi trường, và lần này nhân viên kiểm soát bằng lòng cho Scott lên máy bay mặc dù chàng còn ngái ngủ. Ngồi trên phi cơ, hai đứa cùng mệt, tựa vào vai nhau đánh một giấc cho đến khi đáp xuống phi trường Los Angeles.

Một tuần sau tôi lại vù đi Chicago để thu thanh. Đi một mình. Ngồi nghe tiếng động cơ ầm ì, tôi mơ màng nhớ tới chuyến đi hôm trước. Hôm đó trên đường về, có một lúc Scott chợt thức giấc và dường như tỉnh táo hẳn. Chàng đã xin lỗi tôi và nói một cách thành khẩn :

— Em đừng lo. Anh có thể chừa rượu bất cứ lúc nào anh muốn. Nhưng em phải để anh tự tìm lấy lối thoát. Anh sẽ cáo ốm xin nghỉ ở sở ít ngày, sau đó anh sẽ kiếm bác sĩ và y tá để họ lo cho anh. Như vậy chắc phải mất ít nhất ba hôm.

Tuy chàng không nói rõ nhưng tôi cũng hiểu rằng ba hôm đó sẽ là khoảng thời gian trần ai, một cuộc vật lộn gớm ghê giữa lý trí và quỷ lưu linh.

Sau một phút đắn đo, chàng rầu rầu nói tiếp :

— Trong suốt thời gian đó, anh sẽ không gọi em hoặc tới gặp em, và em cũng đừng gọi hay tìm cách thăm anh nhé. Khi nào khỏe hẳn, anh sẽ báo cho em biết.

Chàng chấm dứt câu nói với nụ cười tê tái.

Tôi nhạt nhẽo đáp :

— Anh muốn vậy cũng được.

Lần này đi Chicago một mình tuy hơi buồn nhưng đỡ phải mang theo nỗi lo phiền vô lối. Sau khi thu thanh xong, tôi cảm thấy hoàn toàn rỗi rảnh, muốn tiện đường bay thẳng tới Nữu Ước để thăm lại chốn cũ và tung tẩy ít bữa tại Broadway. Nghe nói ở đây đang trình diễn mấy vở tuồng mới rất đặc sắc.

Đang sửa soạn va li thì nhận được một cú điện thoại từ Hollywood. Từ đầu dây bên kia Scott cho biết chàng vừa nghe chương trình phát thanh của tôi trên radio, rất hay, sáng hôm sau chàng sẽ đón tôi ở phi trường. Tôi vội cản :

— Anh đừng ra đón. Em sẽ không về Hollywood đâu. Em tính đi Nữu Ước chơi mấy bữa, có lẽ cuối tuần mới về.

Giọng Scott bỗng trở nên lạnh lùng :

— Thì ra vậy. Chắc em định đi thăm chàng nào chứ gì ?

Tôi vội cải chính :

— Bậy nào. Em chỉ có mỗi một chàng thì chàng ta hiện ở Hollywood rồi còn gì. Em tính đi Nữu

Ước xem vài vở tuồng và tiện thể quan sát tình hình sinh hoạt ở đó vậy mà.

Một phút yên lặng trôi qua. Cuối cùng Scott nói một cách cương quyết :

— Sheilah, nếu em đi Nữu Ước, lúc về chắc chắn sẽ không gặp anh. Anh sẽ xin thôi việc và vĩnh viễn từ bỏ Hollywood. Đừng tìm anh vô ích.

Tôi choáng người :

— Anh Scott, anh không được làm như vậy.

— Anh sẽ làm.

Giọng chàng bình thản đến mức độ tôi biết chàng sẽ làm thật. Trong một giây khích động, tôi ấp úng :

— Thôi được rồi để em suy nghĩ lại... Em sẽ gọi điện thoại cho anh sau.

Tuy nói vậy, ngay lúc đó tôi đã tự biết lòng mình. Làm sao tôi có thể đi Nữu Ước cho được.

Kể ra tôi cũng hơi vô tình. Tôi đâu hiểu được rằng lần trước, khi theo tôi đi Chicago, chàng đã liều mạng bỏ ngang công việc ở hãng phim, chẳng báo cho ai biết nửa lời. Tôi đâu hiểu được rằng lúc chàng uống rượu ở phi trường là chàng muốn lấy thêm can đảm để dứt khoát tư tưởng vì biết rằng ra đi lần đó hãng phim sẽ khiển trách nặng nề và đương nhiên không ký hợp đồng mới với chàng nữa. Chàng đã chấp nhận gạt bỏ công trình chừa rượu bấy lâu, vì uống lại thì dễ, mà chừa thêm lần nữa quả là thiên nan vạn nan. Chàng đã hy sinh tất cả chỉ vì muốn giúp tôi.

Khi đối đáp với chàng trên điện thoại tôi đâu hiểu được những uẩn khúc đó. Tuy nhiên tôi vẫn mường tượng rằng chàng đã coi trọng tôi như thế thì tôi cũng phải để chàng lên trên hết. Tôi không cần biết chàng có uống rượu hay không — tuy trong bụng tôi vẫn cầu trời chàng đừng uống — và dù chàng có tật xấu gì đi nữa thì tôi vẫn không thể xa chàng. Sống bên nhau là đủ hạnh phúc rồi. Có lẽ đây là lần đầu chàng làm tôi đau đớn, nhưng chính sự đau đớn cũng là một phần của tình yêu chân thật. Bất cứ chàng là người thế nào, hành động ra sao, thì tôi cũng vẫn yêu chàng, tất cả mọi chuyện khác đều gạt bỏ sau lưng.

Ngay hôm đó tôi trở về Hollywood.

19.

SCOTT ÀO VÀO NHƯ MỘT CƠN LỐC, ánh mắt khích động thấy rõ. Chàng vừa đọc tờ *Los Angeles Times* thấy đăng quảng cáo hí viện Pasadena sẽ trình diễn một vở tuồng phỏng theo truyện ngắn *Hạt Kim Cương To Bằng Cái Nhà* do chính chàng sáng tác. Chàng tất tưởi đến báo tin cho tôi để kịp sửa soạn cho đêm khai diễn. Đây là một dịp vui, hai đứa dự tính sẽ tung trời một phen cho thỏa chí. Mặc áo dạ hội, ăn nhà hàng Trocadero rồi thẳng tới Pasadena xem tuồng. Kỳ này không thèm đi chiếc Ford lọc cọc của chàng, mà sẽ mướn một chiếc thật sang, có tài xế lái hẳn hòi. Thấy chàng hăng hái, tôi cũng nhảy cỡn lên vui sướng. Tôi sắp được cùng chàng đi xem một vở tuồng mà tác giả chính là chàng ! Vở tuồng nào đã được trình diễn tại hí viện Pasadena thì có nhiều triển vọng sẽ được mang lên

sân khấu Broadway một ngày gần đây!

Tại nhà hàng Trocadero, Scott vui vẻ khác thường, cười nói luôn miệng. Trông chàng sáng rực trong bộ lễ phục màu trắng. Để xứng với chàng, tôi thướt tha trong bộ dạ phục xám pha đỏ và chiếc áo sơ mi thật đẹp mà chàng vừa mua tặng tôi nhân dịp đặc biệt này, phía ngoài khoác thêm chiếc áo lông đắt tiền mà chàng đã trịnh trọng trao cho tôi vào ngày sinh nhật. Lần đầu tiên trong đời tôi có một chiếc áo lông quý giá như vậy. Scott đã ngoác mồm ra cười khi thấy tôi ngồi cóm róm không dám tựa lưng vào ghế sợ hư lớp lông chồn mượt hơn nhung.

Kể từ hôm hai đứa đi Chicago thu thanh tới nay đã mấy tuần tôi không nhớ rõ, chỉ biết là khá lâu rồi. Hãng Metro Goldwyn Mayer đã bất ngờ đề nghị mua trước các tác phẩm của chàng, hứa rằng sẽ mướn chàng thêm mười hai tháng nữa. Thế là Scott không gặp trở ngại nghề nghiệp như chàng tưởng. Chàng ung dung quay lại nếp sống bình thản, hàng ngày làm bạn với những chai Coca Cola hoặc những tách cà phê thay vì men rượu nồng cay. Chàng rất chăm đưa tôi đi ciné. Không hiểu từ bao giờ chàng trở nên mê chớp bóng, ngồi trong rạp chàng say sưa theo dõi cuốn phim như cậu học trò ngoan chăm chú nghe lời thầy giảng. Có lẽ chàng tìm thấy trên màn bạc những bài học quý giá giúp chàng trau giồi nghệ thuật viết truyện phim. Chàng muốn nắm vững kỹ thuật

phim ảnh. Trước kia, vào những năm 1927 và 1931 chàng có dịp làm quen với phim trường nhưng chỉ trong những khoảng thời gian ngắn.

Lần này chàng quyết ý để hết tâm trí vào nghệ thuật thứ bảy. Chàng đã đọc và nghiên cứu hàng trăm truyện ngắn cùng loại trong tờ *Saturday Evening Post* để rút tỉa những ưu khuyết điểm. Tại phim trường Metro, mỗi ngày chàng cho chạy thử một khúc phim để kiểm điểm công việc đã làm. Chính xã hội Hollywood với những tập quán đặc biệt của nó cũng làm chàng chú ý. Hãng phim đã đề nghị chàng viết cuốn phim sắp tới cho nữ minh tinh Joan Crawford. Chàng kể lại cho tôi nghe bằng một giọng thích thú:

— Em nghĩ xem, mới đầu họ đặt tên phim là *Phản Bội* nhưng cuối cùng lại đổi thành *Thủy Chung* thế có kỳ cục không.

Những mẩu đối thoại ngớ ngẩn nho nhỏ cũng làm chàng khoái chí. Trong lần gặp gỡ đầu tiên với nữ minh tinh Joan Crawford, chàng đã nói một cách hết sức nhũn nhặn:

— Thưa cô, tôi sắp được hân hạnh viết truyện phim cho cô.

Cô ta có vẻ hài lòng, khuyến khích chàng như vỗ về một đứa trẻ:

— Tốt lắm, tốt lắm. Ráng đi nghe!

Kể đến đây, Scott ngả đầu về phía sau, cười hắc hắc.

Trên đường từ nhà hàng Trocadero tới hí viện

Pasadena, Scott đề cập tới cuộc vật lộn giữa phe Irving Thalberg, một nhà sản xuất phim ảnh chân chính vừa mất năm ngoái giữa tuổi ba mươi bảy, và phe Louis B. Mayer. Chàng quan niệm đây là một cuộc vật lộn giữa nghệ thuật và tiền bạc, giữa một thiên tài bất vụ lợi và một trọc phú kỹ nghệ. Ý tưởng muốn vạch trần sự thật về Hollywood đã nhen nhúm trong óc chàng kể từ ngày chàng gặp Thalberg trong chuyến thăm viếng kinh đô điện ảnh năm trước. Theo chàng, cho đến nay chưa có người nào phản ảnh xác thực được bộ mặt của Hollywood. Phần lớn các văn sĩ chỉ mới nhìn thấy khía cạnh hài hước của thành phố này coi nó như một bức tranh hí họa lổn nhổn những nhân vật một chiều, bất di dịch : mỗi nhà sản xuất phim ảnh là một tên đần độn vô học, mỗi văn sĩ là một kẻ ba phải đáng yêu, mỗi tài tử là một đứa trẻ to xác không hơn không kém. Scott sẽ viết một truyện đứng đắn về Hollywood xoay quanh Thalberg và cuộc tranh giành ảnh hưởng. Sự đối nghịch giữa óc sáng tạo và óc thương mại sẽ là chủ đề của tác phẩm này.

Tuy sống ở Hollywood đã khá lâu, tôi vẫn chưa có nhận xét xác đáng khả dĩ giúp Scott tìm thêm ý tưởng. Vậy mà tình cờ tôi đã được chàng khen là có ý kiến hay. Thực ra cũng chẳng phải ý kiến gì, tôi chỉ vui câu chuyện kể cho chàng nghe một vụ ngộ nghĩnh đã xảy ra nhân dịp đám táng của Thalberg.

Sau khi Thalberg chết, một số giấy mời được gửi cho bạn bè của ông để nhờ họ khiêng quan tài vào ngày đưa đám. Trong số giấy mời, có một tấm gửi cho Carey Wilson, một nhà sản xuất trứ danh, nhưng người phát giấy lại lộn cho Harry Carey, một tài tử gạo cội chuyên đóng cao bồi Miền Tây từ thời phim câm, hiện đã lỗi thời và thất nghiệp dài dài. Khi toàn thể Hollywood kéo nhau đi dự đám táng, mọi người đều thấy Harry Carey trong đám những người khiêng đòn đưa linh cữu Thalberg tới nơi an nghỉ. Ngày hôm sau chuông điện thoại nhà Harry Carey tới tấp reo. Người ta thi nhau mời ông cộng tác vì cho rằng ông là người có lương tâm nghề nghiệp. Thế là từ đó ông bắt đầu một sự nghiệp mới, thành công hơn trước.

— Hay.

Scott khen câu chuyện của tôi không phải vì tính chất hài hước của nó, mà vì nó giúp chàng có thêm một tia sáng cho những khuôn mặt quan trọng. Chàng vốn ghét những chuyện tầm phào nhưng lại cần những chất liệu thiết thực cho đứa con tinh thần sắp tới. Cũng vì vậy mà chàng luôn tay rút cuốn sổ nhỏ trong túi để ghi chép những nhận xét tinh tế của người đối diện, hoặc những mẩu đối thoại mà chàng tình cờ nghe được. Những chữ, những câu liên quan đến tác phẩm mà chàng đang ấp ủ đều không thoát khỏi đôi tai và cây viết của chàng.

— Người văn sĩ không bỏ phí một cơ hội nào.

Chàng thường nói với tôi như vậy.

Khi bàn về chuyện ngắn *Hạt Kim Cương To Bằng Cái Nhà*, chàng cho biết trước kia đã có người soạn lại thành tuồng nhưng rồi chẳng ai đem diễn. Mãi tới hôm nay chàng mới tình cờ đọc báo và được biết vở tuồng sẽ được đem lên sân khấu Pasadena. Chàng lập tức gọi điện thoại tới hí viện tự giới thiệu là tác giả của vở tuồng, và dặn họ dành riêng hai ghế, chỗ nào cũng được miễn là ở cuối rạp.

Tới cửa rạp hát, xe ngừng lại và bác tài trịnh trọng mở cửa đỡ chúng tôi xuống. Lạ chưa, khu phố vắng tanh. Ngoài chiếc xe của chúng tôi chẳng còn chiếc nào khác, phòng vé cũng trống trơn.

— Hay anh coi lộn ngày ?

Scott hỏi tôi một cách ngớ ngẩn trong khi tôi nhìn chàng ngơ ngác.

Scott bảo tôi đứng chờ trước dãy hành lang không người để chàng đi tìm nhân viên nhà hát hỏi cho ra cớ sự. Một lát sau, chàng trở lại với những bước chân nặng nề :

— Họ diễn tuồng ở trên lầu, toàn các học viên tập sự.

Chàng cố nói một cách tự nhiên nhưng giọng nói vẫn không dấu được sự bẽ bàng. Tôi lẳng lặng theo chàng leo lên những bực thang và cuối cùng hai đứa nhận thấy mình đứng trong một căn phòng nhỏ với khoảng mười lăm hàng ghế, loại ghế gỗ dài nghèo nàn. Chưa có ma nào tới.

Hai đứa chọn một chiếc ghế ở cuối rạp. Trong khi ngồi đợi, tôi cố gợi chuyện nói líu lo bên tai chàng. Hết kể cho chàng nghe về những việc tôi đã làm trong ngày, tới hỏi chàng về công việc trong hãng phim. Cuốn phim *Ba Người Đồng Chí* quay tới đâu rồi ? Vụ bất đồng ý kiến giữa chàng và giám đốc sản xuất Joe Mankewicz hiện giờ ra sao ? Chàng đã phác họa kế hoạch cho cuốn phim *Phản Bội* và *Thủy Chung* gì đó chưa v.v...

Khoảng mười phút trước giờ khai diễn, khán giả bắt đầu lác đác vào rạp — tất cả khoảng mười mấy người gồm toàn học sinh và các bà các cô quần áo xuềnh xoàng. Họ đưa cặp mắt tò mò nhìn hai đứa ngồi chơ vơ ở cuối rạp, ăn mặc sang trọng như ông hoàng bà chúa.

Đèn tắt, màn được kéo lên và vở tuồng bắt đầu. Đúng là một cuộc trình diễn tài tử nhưng Scott luôn miệng phá ra cười trong khi các cậu học sinh chỉ khúc khích. Khi vở tuồng kết thúc, mọi người đều lớn tiếng hoan hô. Scott là người vỗ tay lớn nhất và lâu nhất. Đám khán giả lục tục ra về để trơ lại hai đứa. Scott quay ra bảo tôi :

— Em ngồi đây nhé, để anh chạy vào hậu trường một lát. Có lẽ họ sẽ cảm động khi biết rằng tác giả của vở tuồng đã theo dõi họ suốt buổi trình diễn.

Vài phút sau, chàng quay trở ra với vẻ mặt mất hẳn sự hăng say. Hai đứa lặng lẽ ra xe. Trên đường về hai đứa cũng ít nói. Chàng đã gượng vui

kể cho tôi nghe cuộc thăm viếng hậu trường:

— Tuy chỉ là những học viên, họ tỏ ra có căn bản nghề nghiệp khá vững. Anh khen họ diễn rất hay. Họ có vẻ ngỡ ngàng khi anh tự giới thiệu...

Nói tới đây chàng cố nén tiếng thở dài, cúi đầu trầm ngâm. Thế là quãng đường từ đó về nhà trở nên u ám. Tôi xoay đủ mọi cách cũng không sao làm chàng bớt rầu rĩ. Tuy chàng không nói rõ tôi cũng hiểu rằng đám diễn viên tài tử kia đã khơi động mối sầu cố hữu của chàng. Chắc hẳn họ đã nhìn chàng bằng cặp mắt quái lạ như thể chàng là một văn sĩ của thời xa xưa, tưởng đã chết từ lâu, không dè còn sống để mà mò tới quấy rầy.

Có lần Robert Benchley đã bảo tôi :

— Scott không thích chỗ đông người.

Điều đó đúng. Chàng chỉ dự những buổi tiệc trà do đám bạn bè văn nghệ sĩ tổ chức. Những lần đó chàng cũng chỉ có mặt chiếu lệ, nhất là khi có nhiều người lạ, chàng lại càng ra mặt hờ hững. Với cặp mắt xa vắng bất cần thiên hạ, chàng chẳng thèm nhìn ai, và cũng chẳng muốn ai nhìn thấy mình.

Một hôm Alan Campbell tổ chức một buổi tiệc trà với khách danh dự là văn hào Somerset Maugham. Khi ra về, Maugham hỏi Alan :

— Nghe nói F. Scott Fitzgerald hiện có mặt ở Hollywood phải không ? Tôi rất muốn có dịp được gặp ông ta.

Alan mỉm cười trả lời :

— Anh vừa gặp hắn rồi còn gì. Sao anh mau quên thế ?

Thực ra Alan đã giới thiệu Maugham với từng người. Tên của Scott cũng chỉ được lướt qua như những người khác nên Maugham không để ý. Nhất là sau đó Scott theo thói quen cố hữu lui vào một góc để thủ thỉ với tôi, coi đám đông ồn ào xung quanh như không có. Hai đứa đã lặng lẽ ngồi bên nhau một lát rồi âm thầm rút lui.

Ngồi trong góc đã trở thành một thông lệ của hai đứa trong những buổi họp mặt. Thông lệ này một phần do bản tính dè dặt của Scott, một phần do sự thiếu tự tin của tôi. Cũng như hồi còn ở Nữu Ước, tôi rất sợ phải đối đáp với những người *chữ nghĩa cùng mình*. Hình như lúc nào họ cũng muốn tỏ ra ta đây trí thức, thích nói văn hoa bóng gió, khoái *chơi chữ*, đối đáp nhau chan chát, moi móc đủ mọi chuyện văn chương sử ký ra lòe nhau. Mà những thứ đó thì tôi rất dở. Giữa đám tinh hoa của nước Mỹ về văn chương và nghệ thuật này, nụ cười của tôi dù tươi đẹp đến đâu cũng bị lu mờ, những chuyện tầm phào về cách ăn uống, phục sức, chẳng ai thèm nghe. Nghĩa là những bài học mà tôi thu lượm được trong xã hội Anh ngày trước đã trở nên vô dụng. Ngay cả Benchley ào ào cái miệng là thế mà tôi cũng cảm thấy tiềm tàng trong người hắn một kho kiến thức bao la. Những giờ rảnh ở hãng phim, hắn thường tìm chỗ vắng vẻ để ngốn ngấu vài đoạn sách. Có lần tôi

nổi hứng muốn góp chuyện với đám đông, dở giọng ỡm ờ chọc phá thiên hạ theo kiểu Benchley. Lúc đó một thiếu phụ đang thao thao bất tuyệt về Willa Cather, tôi chợt đế vào một câu :

— Nhưng Willa Cather là ai mới được chứ ?

Thực ra Willa Cather là một nữ tiểu thuyết gia Hoa Kỳ rất nổi tiếng.

Thiếu phụ quay lại nhìn tôi với vẻ chế riễu, hỏi ngược lại :

— Cả đến tên Willa Cather mà cô cũng không biết sao ?

Biết mình đã nói hớ, tôi vội đánh trống lấp :

— À cái đó tại vì hồi còn ở bên Anh tôi chưa nghe ai nhắc đến tên đó bao giờ.

Vài người đưa tay che miệng cười khúc khích khiến tôi sượng sùng tái tê mặt mày.

Từ lúc đó đến hết buổi tiệc trà, tôi phải cố vớt vát thể diện bằng cách xông xáo vào đám đông nói văng mạng; hết chuyện các phim trường tới những tin giật gân trong giới điện ảnh. Cuối cùng Scott mắng tôi :

— Em trở lại ghế ngồi xem nào. Phải để thiên hạ tìm đến mình, đừng xấn xổ như vậy làm mất giá trị của mình đi.

Tôi tức tưởi :

— Em phải nói, nói thật nhiều. Em đã chán cái cảnh phải giữ ý giữ tứ trong đám bạn bè *trí thức* của anh lắm rồi. Anh xem, mấy buổi họp mặt do các tài tử bạn em tổ chức thực là vui vẻ cởi

mở biết bao. Đâu có cái trò đấu trí nhau, vặn vẹo nhan từng li từng tí như ở đây. Anh biết không, có nhiều lần đi ăn tiệc với anh mà em lo sợ hết hồn, suốt buổi ngồi câm như hến, hai tay ướt đẫm mồ hôi.

Biết tôi đang lúc phẫn chí, Scott chỉ lắc đầu thở dài.

Một hôm khác, Scott lái xe đưa tôi đi dự tiệc tại tư thất của Albert và Frances Hackett, hai nhà soạn kịch tiếng tăm nhất Hollywood thời bấy giờ. Trước khi tới nơi, chàng ôn tồn dặn :

— Để anh chỉ cho em cách này nhé, em phải tưởng tượng rằng mọi người ở đó đều làm em bực mình, tự nhiên em sẽ cảm thấy góp chuyện vào đám đông là một điều không cần thiết và em sẽ không nôn nóng nữa. Vẻ lạnh lùng của em sẽ tạo ra một khoảng cách giữa em và họ, em không nói với họ và họ cũng không nói với em, chẳng ai chê trách được ai.

Nghe lời chàng, suốt buổi tối đó tôi ngồi yên một chỗ, lầm thầm tự nhủ : George F. Kaufman làm mình khó chịu, Oscar Levant làm mình khó chịu, Ogden Nash làm mình khó chịu... Đại khái thấy ai tôi cũng tưởng tượng ra một bộ mặt khó ưa, chẳng có gì đáng để mình nói chuyện. Dần dần tôi cảm thấy rất dễ chịu. Scott nói đúng. Tôi không còn cần phải xử dụng tới những nụ cười gượng gạo khiến người khác nhìn thấy phải chột dạ, nghi ngờ hay khó chịu. Bất cứ ai đi ngang

trước mặt, tôi cũng chỉ cần ngước nhìn một cách bình thản nhũn nhặn là đủ. Câu cuối cùng mà Scott căn dặn còn vang bên tai tôi : *Hay hơn hết là em đừng tỏ vẻ gì cả, đừng vồ vập cũng đừng lãnh đạm quá.* Tôi bắt đầu cảm thấy mình có thể sống giữa đám đông mà không cần phải đóng góp gì hết. Nói cách khác, không cần phải biểu diễn trước đám đông vẫn có thể được đám đông chấp nhận.

Thẳng thắn mà nói, trong các đám tiệc tùng họp mặt nọ kia tôi cũng không đến nỗi lạc lõng lắm vì Scott chỉ chào hỏi bạn bè qua loa rồi lui vào một góc với tôi ngay. Có chàng ở bên cạnh rồi thì tôi cũng chẳng cần chuyện trò với ai khác, mặc thiên hạ oang oang rỗng tuếch.

Có lần Alan Campbell thấy hai đứa tôi chụm đầu thân mật trong góc phòng, y mon men lại gần nói giọng nửa mỉa mai nửa ghen tức :

— Gớm, anh chị đi đâu cũng quấn lấy nhau, nhỏ to thầm thì như thể đang có điều gì bí mật lắm vậy.

Y nói đúng. Điều bí mật của chúng tôi là chính chúng tôi. Hai đứa vẫn thường tự hào chẳng ai hiểu được mình. Chúng tôi hiểu nhau là đủ. Hình như càng biết về nhau nhiều hơn, dù là những điều thầm kín xấu xa, chúng tôi càng thương yêu nhau hơn. Tôi còn nhớ sau khi kể cho Scott nghe hết sự thật về đời mình, tôi đã theo dõi nét mặt chàng để bắt gặp một thoáng phản bội hoặc một

tia mắt khinh nhờn ; nhưng không, chàng chỉ trầm tư một lát rồi lại vui vẻ như thường, có phần còn thương xót tôi hơn trước. Đêm hôm sau, chàng đến làm việc với tôi tại căn nhà trên đồi. Trong khi tôi lo viết bài báo cho ngày hôm sau, chàng cũng cặm cụi với tập thơ dày cộm của thi hào Anh Tennyson. Bỗng nhiên chàng hứng chí cất giọng ngâm vang, tôi vội ngừng bút lắng nghe :

Kìa những cánh hoa đỏ trắng đang say ngủ,
Cây trắc bá bên lối nhỏ đứng im lìm,
Chú cá vàng trong bồn ngọc cũng lặng tăm.
Loài đóm nhỏ thì thầm, anh và em chợt thức...

Đến đây chàng ngừng lại nhìn tôi một lát rồi tiếp tục ngâm bằng một giọng thiết tha trìu mến :

Thế rồi đóa linh lan khép cánh thơm nồng,
Chợt lướt nhẹ biến vào lòng hồ sâu thẳm.
Em yêu dấu, hãy như loài hoa thắm
Bước vào lòng anh và tan biến trong tim...

Nghe chàng đọc mà mắt tôi nhòa lệ, bất giác kêu lên :

— Anh . . .

Và chạy ùa lại nhào vào lòng chàng xiết bao cảm động. Nằm gọn trong tay chàng tôi nghe ấm áp lạ thường, không gian như trầm lắng... Ngước mắt nhìn, cố tìm ở khuôn mặt chàng những nét huyền bí, những phép mầu đã làm tôi ngây ngất bao phen. Nói thật nhỏ vừa đủ chàng nghe :

— Anh đừng lo, nếu có thể em xin chui vào lòng anh liền. À không, em sẽ chui vào mắt anh và khép chặt hai mi mắt anh lại để tự nhốt mình trong đó, từ bỏ hẳn thế giới bên ngoài.

Chàng càng ghì chặt hơn nữa và tôi cũng bám riết lấy chàng...

Bí mật của chúng tôi chính là chúng tôi. Những buổi tối không phải bước chân ra ngoài, hai đứa thường vặn máy hát ôm nhau nhảy, du dương y như hồi hai đứa nhót với nhau lần đầu tại hội quán Clover Club : cũng quay tròn, cũng tung người chới với. Có lúc chúng tôi buông nhau ra, nhảy theo điệu dậm chân lách cách, mỗi lần xáp lại gần là một lần hai đứa nghiêng mình chào nhau rất điệu. Thỉnh thoảng, không biết vô tình hay cố ý, Scott khẽ đụng vào người tôi và vội vàng cúi rạp đầu xin lỗi ra cái điều ta đây ga lăng lắm, rồi hai đứa nhìn nhau cười xoà. Có lúc tôi đứng một bên làm khán giả để xem chàng biểu diễn lối khiêu vũ *xác chết biết đi* do chính chàng sáng tác. Chàng vừa nhảy cà tưng với đôi chân cứng nhắc vừa ư ử ngâm bài « *Bầy Chó Săn Khi Mùa Xuân Tới* » của thi sĩ Anh Swinburne. Thấy điệu bộ xác chết của chàng lúc đó, tôi ôm bụng cười ngặt nghẽo.

Có lúc Scott nổi máu anh hùng, rủ tôi đánh *box* với chàng. Không cần biết tôi có đồng ý không, chàng nhảy choi choi xung quanh tôi, hai tay nhấp lên nhấp xuống, gầm gừ đe dọa, lâu lâu lại thét :

— Cô kia, hạ bớt cái cằm xuống không ta đánh

bể quai hàm bây giờ.

Tuy đang cười nôn ruột, tôi cũng giật mình tưởng như chàng sắp xông vào đến nơi.

Có lần tôi đang pha cà phê thì chàng lẻn xuống bếp lấy đủ các thứ như bột, đường, sữa, sô cô la, đậu phọng, bạc hà v.v... trộn lẫn với nhau biến chế thành một thứ bánh quái dị. Nhưng khi đem lên, hai đứa thi nhau ngốn quên cả nói chuyện.

Thật là hạnh phúc, thật là vô tư như cuộc sống thần tiên của hai đứa trẻ.

Đến đầu năm 1938, chúng tôi lại càng sống cho nhau nhiều hơn nữa. Hai đứa gần như hai ẩn sĩ giữa thế giới xô bồ Hollywood. Những việc cần làm về đêm tôi đã nhờ anh bạn ký giả Jonah Ruddy lo dùm, dĩ nhiên có thù lao đàng hoàng. Chúng tôi rất ít ra ngoài. Được quấn quít bên nhau tưởng đã là quá đủ. Ban ngày là lúc chúng tôi phải rời nhau nhưng không bao giờ Scott để tôi có ý tưởng xa cách. Cứ khoảng mỗi giờ chàng lại từ phim trường gọi điện thoại về một lần, nói những câu dựng đứng làm như thể chàng đang nhìn thấy tôi vậy :

— Chà, em mặc áo này coi đẹp quá nhỉ ?

— Em đang nghĩ gì vậy ?

— Trông em hôm nay hơi lạ đấy nhé !

Đúng lúc tôi cười thầm lối đoán mò có phương pháp của chàng thì hình như chàng đoán trước được ý nghĩ của tôi, hỏi luôn :

— Ủa, em cười gì vậy ?

Tôi giật mình, phục lăn. *Chiếc gương thần* hồi còn ở trong viện mồ côi chỉ mầu nhiệm đến thế là cùng.

Những câu chàng hỏi luôn luôn dịu dàng, đầy ý tứ, như muốn nhắc nhở tôi rằng chàng luôn luôn ở bên cạnh tôi, luôn luôn nghĩ đến tôi. Mỗi buổi tối khi chàng hiện ra ở khung cửa là tôi lại ném tất cả về phía sau, chạy ào ra bám cổ chàng. Tôi muốn chàng hiểu rằng tôi mong chàng còn hơn đứa bé mong mẹ đi chợ về. Khi chàng đặt chân vào nhà, cuộc sống của tôi mới thực sự bắt đầu.

Nếu chàng chậm gọi điện thoại thì tôi hiểu ngay rằng trước khi đi chàng đã để lại vài lời dặn dò thật ngọt ngào và dấu mảnh giấy ở một nơi nào đó mà tôi phải kiếm cho ra. Hoặc chỉ một lát sau tôi nhận được một bó hoa tím thật dễ thương, kèm theo là tấm thiếp với hàng chữ *tặng Sheilah — Người tặng: gã nô lệ Scott.* Hoặc một bức thư ngắn nếu chàng bất ngờ phải vắng mặt trong hai mươi bốn tiếng đồng hồ: *Thương nhớ khi xa nhau cũng quý giá như cảm thông lúc gần nhau, có phải vậy không em Sheilah yêu dấu?* Hoặc vài hàng xin lỗi sau những cuộc cãi vã không đâu: *Em yêu, anh xin lỗi vì lúc nãy đã tỏ ra khó chịu với em. Dù sao em vẫn là Sheilah yêu quí của anh, chẳng gì thay đổi được điều đó. Thôi đừng buồn nữa nghe em yêu dấu, em dịu ngọt, em yêu kiều, em cưng, em...* Tôi ngộp thở trong tình thương vũ bão của chàng.

Có những lúc tôi mơ màng nói với Scott:

— Anh Scott ơi, sao em muốn trở lại thăm Nữu Ước quá.

Chàng thường thong thả ngồi xuống và đưa tôi vào mê hồn trận:

— Tại sao em thích trở lại Nữu Ước?

— Em cũng không biết nữa... à phải rồi, để đi hội quán Chim Hạc, sòng bài «21», và những nơi tương tự.

— Tại sao em thích tới những nơi ồn ào như vậy?

Tôi đắn đo một chút rồi mới trả lời:

— Có lẽ vì em thích gặp người nọ người kia.

— Nhưng người nọ người kia là ai mới được chứ? Theo anh biết, bọn người lui tới những chốn đó đều không thực. Ngày trước anh cũng giống họ nhưng rồi anh dứt khoát được. Em sẽ tìm được gì nơi đám người đó? Nữu Ước sẽ cho em những gì?

Bị Scott dồn một hồi, tôi luống cuống:

— À không... Nữu Ước có vẻ hấp dẫn, nó làm em hứng khởi, thế thôi.

Chàng khe khẽ lắc đầu:

— Bây giờ anh hỏi em nhé, những thứ mà muốn tìm thì em đã tìm được rồi phải không? Em cần tình yêu, cần một người hiểu em, thì đã có anh đây. Tình yêu và sự săn sóc của anh còn chưa đủ hay sao mà em còn định đi Nữu Ước?

Dĩ nhiên chàng có lý. Suốt đời, tôi thèm khát

cảm giác nóng bỏng thì Scott đã cho tôi đầy đủ rồi còn gì. Kể ra mình cũng lẩn thẩn, đã có một người như chàng mà còn muốn gì hơn, còn muốn đi tìm gì nữa ?

Tuy biết tình chàng đối với tôi rất đậm nhưng tôi vẫn chưa hình dung được rõ quan niệm của chàng về mối ràng buộc giữa hai đứa. Cho đến một hôm tôi nhận được một bức thư của Margaret Brainard, chị bạn vong niên thân nhất của tôi hồi còn ở Nữu Ước. Chị báo tin sẽ tới Hollywood vào cuối tuần — nghĩa là còn sáu ngày nữa vì hôm nay mới thứ hai. Chị tới để nhận việc tại một cửa hàng ở đường Saks Fifth Avenue dưới chân rặng đồi Beverly. Tôi hớn hở kể cho Scott nghe về Margaret, về tình bạn thắm thiết giữa hai đứa khi tôi mới chân ướt chân ráo tới Hoa Kỳ.

— Margaret về đây chắc vui lắm anh nhỉ. Em đã viết thư mời chị ấy tới ở chơi với em ít tuần để em đưa chị đi đây đi đó và nhân tiện giới thiệu với bà con ở đây.

Một nét nhăn chợt thoáng qua khuôn mặt Scott :

— Khi nào cô ta tới ?

— Thứ bảy tuần này anh ạ.

Scott trầm ngâm một chút rồi nói lảng sang chuyện khác.

Hai hôm sau, chàng lựa một lúc thuận tiện nói với tôi :

— Này em, anh đã suy nghĩ về việc Margaret ở lại đây với em. Em có chắc rằng đó là một ý

kiến hay hay không ?

— Em cam đoan với anh là sẽ vui lắm.

Tuy trả lời như vậy, câu hỏi của chàng cũng làm tôi đâm ra nghi ngờ ý kiến của mình.

Tối thứ năm chàng lại nhắc đến vụ này :

— Em à, cuối tuần này mình tổ chức đi chơi xa nghe. Mình đi Santa Barbara tắm biển chơi.

Tôi trố mắt nhìn chàng :

— Ủa, anh quên rồi sao ? Thứ bảy này chị Margaret tới, em đã hứa ra đón chị ấy. Mình mà bỏ đi chị ấy chửi chết.

Scott vẫn khăng khăng :

— Biết rồi nhưng anh muốn đi đổi gió vài bữa. Anh cảm thấy mệt mỏi quá rồi, cần phải đi đây đi đó cho dãn gân dãn cốt. Vả lại thứ bảy này anh được nghỉ...

Tôi hơi bực, ngắt ngang :

— Còn chị Margaret ?

Chàng ung dung mỉm cười :

— Đâu có sao. Theo anh nghĩ, Margaret sẽ cảm thấy dễ chịu hơn nếu ở riêng. Mấy ngày vừa rồi anh đã tìm được cho cô ta một căn phòng rất đẹp.

Tôi sững sờ :

— Anh mướn rồi ?

Scott thản nhiên gật đầu :

— Anh cam đoan với em cô ta sẽ thích ở riêng hơn ở chung đằng này.

— Em lại nghĩ khác. Chắc chị ấy sẽ giận vì

mình hứa một đằng quẳng một nẻo.

— Không có chuyện đó đâu, em đừng lo. Không sớm thì muộn cô ta cũng sẽ phải thuê nhà riêng, có phải không nào? Vậy thì hay hơn hết để cô ta ở riêng ngay từ bây giờ. Mọi việc đã xắp đặt đâu vào đấy.

Scott đưa ra chiếc chìa khóa của căn phòng mà chàng đã đặt tiền cọc. Chàng bảo là rất tiện vì căn phòng chỉ cách chỗ làm việc của Margaret có một con đường:

— Chắc chắn cô ta sẽ hài lòng.

Chàng trao cho tôi chiếc chìa khóa và kết luận:

— Chắc em đã hiểu, nếu cô ta ở đây với em, chúng mình sẽ mất tự nhiên, anh sẽ không thể gặp em thường xuyên như bây giờ nữa. Vả lại, thực tình anh muốn đi chơi xa cuối tuần này. Đã lo xong chỗ ở cho cô ta, mình có thể yên trí ra đi. Em để lại chiếc chìa khóa này và viết thêm vài chữ là đủ.

Cuối tuần đó tôi đi Santa Barbara với Scott, để lại một mảnh giấy cho Margaret biết tôi sẽ trở về vào thứ hai tuần tới và đây là chiếc chìa khóa của một căn phòng rất đẹp mà tôi đã mướn dùm. Tôi cũng không quên xin lỗi chị vì đã không ra đón như đã hứa.

Khi Scott bắt tôi phải thất hứa với người bạn thân nhất, chắc hẳn chàng đã *ghen* với chị ta. Vẻ khổ sở của chàng khiến tôi không thể từ chối đi chơi với chàng. Hoặc chàng sợ Margaret sẽ lấy tư cách là một người lớn tuổi nói với tôi những điều bất lợi cho chàng, đại khái như: *Sheilah ơi, y không phải là người đàn ông thích hợp cho em đâu. Y đã có vợ và vợ y hiện nằm trong nhà thương điên. Chẳng bao giờ y có thể lấy em được. Riêng em, em có muốn như vậy không? Em nghĩ sao về giấc mộng mà em thường ấp ủ, một người chồng và bầy con ngoan, những thứ mà em chưa hề có?*

Nói tóm lại, chàng rất sợ có kẻ thứ ba chen vào giữa hai đứa. Cũng như lần tôi nhận được điện tín của ông John Wheeler báo tin ông sẽ đi thanh tra các chủ báo và sẽ ghé Los Angeles hai ngày. Lập tức Scott có vẻ bứt rứt, đứng ngồi không yên. Chàng dò ý tôi:

— Em sẽ không đi gặp ông ta chứ?

Tôi vô tình:

— Trời ơi, ông ta là chủ của em, lờ đi sao được.

Càng kề ngày ông Wheeler tới nơi, Scott càng bồn chồn, cau có, mất hẳn vẻ tự tin thường lệ. Thấy điệu bộ của chàng, tôi đâm ra ngần ngại, không muốn đi gặp ông Wheeler nữa. Nhưng phải thoái thác bằng cách nào đây? Cuối cùng tôi nghĩ ra một kế. Tối hôm trước khi ông Wheeler tới, tôi vào bệnh viện nhờ giải phẫu ngay một chiếc nhọt ngầm mặc dầu bác sĩ cho biết *lúc nào mổ cũng được, không gấp gáp gì*. Tôi muốn mượn cớ dưỡng bệnh để ông Wheeler không thể trách tôi vào đâu được. Khi chở tôi vào bệnh viện, Scott có vẻ hăng hái ra mặt.

Thuốc mê tan hết, tôi từ từ tỉnh lại và thấy bên giường một miếng giấy :

Rất mừng mọi việc tiến triển tốt đẹp. Sẽ trở lại khi em tỉnh dậy vào chiều nay.

Phía dưới là một lời ghi khác :

Trở lại thăm em 5 giờ rưỡi. Em vẫn chưa tỉnh hẳn nhưng chắc thuốc mê cũng sắp tan hết. Trong lúc mơ màng em hỏi anh nhiều câu và có ý trách người ta đã làm em đau trong khi em đang ngủ.

Thôi bây giờ em nằm nghỉ, sớm mai anh sẽ vào thăm em và ngồi chơi với em lâu hơn. Bọn anh vừa qua một ngày làm việc mệt mỏi. Đã đến giờ anh phải đi ăn cơm rồi về nhà ngủ một lát cho lại sức. Cám ơn trời phật, mọi nguy hiểm đã qua và em được mạnh khoẻ như thường.

Sáng sớm hôm sau, Scott tới ngồi bên giường tôi thật lâu trong khi tôi ngủ li bì. Khi thức giấc chàng đã đi khỏi chỉ để lại mảnh giấy : *Em ngủ ngon quá.*

Ba hôm sau tôi rời bệnh viện và ông Wheeler cũng không còn ở Los Angeles nữa.

Giữa lúc Scott và tôi càng ngày càng quyến luyến, không rời nhau nửa bước thì một buổi tối kia Scott ở hãng về bảo tôi :

— Zelda muốn gặp anh. Anh lại phải đi thăm nàng.

Ngừng một chút, chàng nhìn thẳng vào mặt tôi, tiếp :

— Anh đi thăm nàng, em không phiền chứ ?

Tôi rất cảm động vì chàng đã hỏi tôi nhưng lại rất buồn vì chàng sắp đi thăm vợ. Tuy biết mình không có quyền ngăn cản nhưng không hiểu sao tôi vẫn nói :

— Anh không đi không được sao ?

Giọng tôi có vẻ trách móc hơn là đòi hỏi. Chàng không tỏ vẻ gì tức giận :

— Anh phải đón nàng ra ngoài chơi ít lâu em ạ. Bỏ nàng mãi trong viện kể cũng tội nghiệp.

Có lẽ đây là lần đầu tiên chàng nói hơi nhiều về người bệnh hoạn. Chàng quay mình bước ra được vài bước, rồi không hiểu nghĩ sao, ngoái lại dặn với :

— Trong thời gian anh đi vắng, anh sẽ không viết thư về cho em được, vậy em đừng mong nhé.

Nghe chàng nói, tôi có cảm tưởng như bao công trình vun đắp bấy lâu bỗng dưng xụp đổ. Đầu óc tôi trống rỗng, không hiểu chàng sẽ đi bao lâu.

Thế rồi sáu ngày, tám ngày, rồi mười ngày ì ạch trôi qua. Mỗi buổi sáng thức dậy, trái tim tôi như đeo thêm một tảng đá. Sự có mặt của chị Margaret cũng chẳng mang lại cho tôi chút hứng thú nào. Mọi vật đều trở nên đáng ghét. Suốt mười ngày chẳng được ngồi cạnh chàng để chia nhau những đĩa đồ ặn hoặc nghe những lời *ninh đầm* sướng tỉnh người. Chiếc điện thoại cũng câm luôn, thằng cha phát thư đi đâu mất dạng, không

gian phủ kín lấy tôi, mọi liên lạc giữa tôi và chàng bỗng dưng đứt đoạn. Những điều phiền muộn chồng chất trong lòng không nơi phát tiết tưởng chừng muốn phát điên. Bây giờ tôi mới thấm thía ý nghĩa của sự cô đơn.

Sáng hôm thứ mười một, tôi uể oải thức giấc để chấp nhận thêm một ngày dài cồ chờ trông. Đúng lúc những tia hy vọng sắp bỏ tôi mà đi thì chuông điện thoại reo. Tim tôi đau nhói vừa giận vừa mừng, chộp lấy ống nghe. Scott từ phi trường gọi về, giọng mừng vui khích động :

— Sheilo đó hả ! Chúng mình sắp lấy nhau được rồi !

Tôi không kịp lấy hơi, lặp lại lời chàng như cái máy :

— Chúng mình sắp lấy nhau được rồi?

Tim đập loạn nhưng tôi vẫn chăm chú nuốt từng lời chàng nói :

— Anh đang xin ly dị. Để lát nữa anh sẽ kể hết cho em nghe. Chờ anh nhé, anh sẽ về ngay.

Tôi mơ màng máng ống nghe lên máy, tự hỏi chuyện gì đã xảy ra ? Theo lời kể lại của những người quen biết với Zelda thì nàng thường lang thang ngoài phố với chiếc áo không eo rộng thùng thình may từ mười lăm năm trước. Zelda, một người đàn bà gầy gò trầm lặng, tính khí bất thường, vừa cười đấy lại khóc đấy, có lúc ngơ ngác sợ sệt cũng có lúc hung dữ đến tuyệt vọng... Không hiểu chuyện gì đã xảy tới cho nàng ?

Tôi lơ đãng ngồi xuống ghế, đầu óc quay cuồng những dấu hỏi đậm nét, bất giác đưa tay nguệch ngoạc tên mình, không phải Sheilah Graham mà là *Bà F. Scott Fitzgerald.* Vừa lúc đó Scott hấp tấp bước vào, mặt đỏ ửng, tóc bờm xờm, chiếc áo sơ mi nhăn nhúm.

— Cục cưng !

Chàng la lớn vui mừng và bế bổng tôi lên hôn lấy hôn để. Một ý tưởng bàng hoàng chợt xoáy vào tim tôi : *chàng lại vừa uống rượu.* Nhưng bây giờ chưa phải lúc hỏi tội chàng vì còn bao nhiêu điều khác nóng biết hơn :

— Anh đang lo ly dị hả ? Anh đã bảo cho nàng biết chưa ?

Chàng đắc ý :

— Đúng... nhưng anh chưa cho nàng biết. Sẽ cho biết sau, lo gì.

Vẻ tức giận chợt hằn lên khuôn mặt Scott. Chàng thả tôi xuống đất rồi chắp tay sau lưng bước tới bước lui trong phòng như muốn đập phá cái gì, miệng lẩm bẩm :

— Như thế là hết. Ta đã cố gắng hết sức rồi còn gì. Chẳng lẽ ta cứ đưa lưng hứng mãi trách nhiệm sao ?

Đốt một điếu thuốc với đôi tay run rẩy đoạn rít một hơi dài, chàng bỗng quay sang tôi giọng phân bua :

— Em có biết lần này nàng hàng động thế nào không? Nàng đã nhờ người nhốt anh. Nàng gọi

bác sĩ tới và bảo rằng anh mắc chứng điên, cần phải kêu lính bắt.

Nghe chàng nói mà người tôi như nhũn ra, phải ngồi bệt xuống ghế cho khỏi ngã. Hoàn cảnh của Zelda tuy đáng thương nhưng sự chịu đựng của Scott cũng đã ra ngoài sức của con người. Chỉ một chuyện này cũng đủ thấy chàng đã khổ lụy vì vợ quá nhiều rồi.

Scott thở dài ngồi xuống bên tôi, giọng xúc động :

— Tình trạng này không thể kéo dài mãi. Đáng lẽ anh phải sớm dứt khoát từ lâu rồi, chỉ vì anh không nỡ...

Như chợt nhớ ra điều gì, chàng đứng bật dậy :

— Em ngồi đây nhé, anh trở lại liền.

Chàng chệnh choạng chạy ra xe rồi quay trở lại với bộ mặt đỏ dọi hơn trước. Không cần hỏi tôi cũng biết có chai rượu dấu ngoài xe.

Đang lúc rối trí, sự lo lắng làm tôi ngộp thở :

— Hãng phim mà biết anh uống rượu, họ sẽ mời anh ra !

Sott đưa một ngón tay lên suỵt, giọng giả ngây :

— Em đừng nói cho họ biết nghe.

Tối hôm đó tôi phải tốn rất nhiều nước bọt mới thuyết phục được Scott trở về *Khu Vườn Của Thượng Đế* để ngủ cho giã rượu và quên bớt ưu phiền. Chàng bước đi, nghiêng nghiêng ngả ngả.

Hai giờ đêm chuông cửa reo vang. Một hồi,

hai hồi, rồi liên hồi. Có kẻ nào gắn chặt ngón tay vào nút điện, không rời ra nữa. Tôi mắt nhắm mắt mở chạy ra xem ai. Scott đứng chắn giữa cửa, người lắc lư, một tay ôm chặt bả vai, phía sau chàng một chiếc taxi đang đợi, máy chưa tắt. Chàng nói giọng đặc sệt :

— Hình như vai anh vỡ nát rồi.

Tôi chẳng còn hồn còn vía nào để đứng hỏi xem tại sao, chạy biến vào nhà vơ đại chiếc áo rồi tất tả trở ra dìu chàng lên xe thẳng đến bệnh viện *Bà Chúa Tiên*. Scott cực lực phản đối việc đưa chàng đi bệnh viện :

— Anh không đi đâu hết, anh đâu còn là đứa con nít. Ngay đến ngày xưa anh ngã gần chết, trong người gẫy hết mấy chục cái xương mà chưa thèm đi bệnh viện nữa là.

Đến nước này mà chàng còn dở giọng ngang tàng, tôi bực mình nước mắt chạy quanh :

— Anh mà còn điên điên khùng khùng nữa thì từ rày đừng có nhìn mặt em, em nói thật đấy. Với lại anh không thương em sao? Anh phải để em đưa đi băng lại một chút cho chóng lành, em đỡ lo, nghe.

Tuy đang ngất ngư, anh chàng có vẻ sợ lối vừa đánh vừa vuốt của tôi, ngồi nín khe.

Sau vài phút chờ đợi nhân viên trực đêm tại bệnh viện, Scott vụt đứng dậy chạy trốn ra phía cửa. Tôi vội vàng đuổi theo níu chàng lại, gắt :

— Anh phải ở đây băng bó xong cái đã rồi

đi đâu thì đi. Tại sao anh cứ gàn bướng, tự đày đọa mình như vậy?

Bà quản lý bệnh viện, một dì phước cao lớn điềm đạm, với vẻ đẹp trầm lặng, bước ra. Tôi quay lại mếu máo :

— Dì ơi, dì giữ anh ấy lại dùm. Vai anh ấy thế kia mà cứ nhất định đòi đi. Thật khổ thân tôi quá...

Dì phước nhìn Scott nói như ra lệnh :

— Lại đây.

Không hiểu giọng nói của dì có ma lực gì mà Scott ríu ríu bước theo dì như một con cừu non.

Tôi ngồi chờ ngoài phòng khách, suy nghĩ vẩn vơ. Tại sao mình không có được vẻ điềm tĩnh tự tin như dì phước ? Tại sao mình dễ xúc động như vậy ? Dễ xúc động là một tính xấu, chẳng giúp gì được chàng nhất là khi chàng gặp rắc rối.

Cũng may bả vai Scott chỉ bị trặc sơ nên sau khi băng bó, chàng khoẻ lại nhiều. Lúc này tôi mới có dịp vặn vẹo chàng về chiếc vai. Thì ra hồi tối chàng lái xe trở về *Khu Vườn Của Thượng Đế* đúng như đã hứa với tôi, nhưng sau đó một người bạn rủ chàng đi uống vài ly, chàng nhận lời ngay. Thế là hai người đưa nhau ra tửu quán chén tạc chén thù mãi tới khuya mới lò mò ra xe. Chẳng biết loay xoay thế nào, chiếc xe tông vào tường làm chàng trặc bả vai và phải tìm đến tôi.

Lần này tôi phải đích thân đưa Scott về *Khu Vườn Của Thượng Đế* cho chắc ăn. Tôi hết lời

năn nỉ chàng hãy bỏ rượu như chàng đã từng làm. Chàng tỏ vẻ ăn năn :

— Được, anh sẽ nghe lời em. Anh sẽ tìm bác sĩ. Anh muốn chừa lúc nào là chừa cái rụp, em đừng lo. Cũng giống như lần trước, em thấy không?

Tôi gật đầu :

— Vâng, em thấy.

— Vậy thì hay lắm. Bây giờ em về đi và đừng tới thăm anh nghe. Anh không thích gặp ai trong khi đang chiến đấu. Sẽ điện thoại cho em sau.

Tôi đưa chàng lên tận phòng rồi mới bỏ ra về.

Suốt ba đêm liền mất ngủ. Tôi phải làm gì bây giờ? Chàng sẽ ra sao? Tôi sẽ ra sao? Lần này chàng không còn *sừa* nữa mà đã *say* thật rồi. Hôm đi Chicago chàng chỉ quá chén thôi, nhưng lần này chàng say, không thể chối cãi được nữa. Tôi rất sợ phải nhắc đến chữ này nhưng Scott đã không cho phép tôi quên đi. Trời ơi, khi nào thì chàng uống lại? Trước kia chàng đã say bao nhiêu lần rồi? Hình ảnh những gã say rượu bước thấp bước cao, ngã lên ngã xuống bê bết nước cống bên những vỉa hè ngập đầy rác rưởi làm tôi rùng mình. Trong một phút hốt hoảng, tôi có cảm tưởng như Scott cũng lẫn lộn trong đám người gớm ghiếc ấy. Quang cảnh tăm tối tại Khu Đông lại hiển hiện trước mắt tôi, mang theo mùi bã rượu lộn mửa, những tên đàn ông hùng hục như trâu, những tiếng chửi rủa, cãi vã, cắn xé nhau suốt ngày đêm... Chẳng lẽ mình phải sống lại cảnh

này? Không thể được. Làm sao mình có thể chịu đựng nổi cuộc sống phi lý bất ổn như vậy? Mình phải làm một cái gì để cứu vãn tình thế.

Nhưng tôi không thể bỏ được chàng, điều này thật rõ ràng. Vậy thì tôi phải tận lực giúp chàng. Bệnh của chàng chưa phải là hết thuốc chữa. Một ý tưởng chợt lóe lên trong đầu tôi. Tại sao mình không đem chàng ra khỏi *Khu Vườn Của Thượng Đế* xa rời đám bạn bè nghiện ngập trác táng và thoát ly sự quyến rũ của các trà đình tửu quán? Mình sẽ kiếm cho chàng một căn nhà gần biển để chàng thở hít không khí trong lành, tắm ánh nắng ấm áp, bơi cho dẫn gân, đi bộ nhiều cho dai sức. Nghỉ ngơi và ăn uống nhiều sẽ làm chàng tỉnh trí, bớt đam mê. Nghe nói khí hậu miền biển rất tốt cho bọn đàn ông con trai.

Tôi lái xe đi Malibu để tìm mướn một căn nhà trên bãi biển. Sau một hồi đi men men bờ biển, tôi gặp một căn nhà gỗ sơn trắng thật xinh xắn với những khuôn cửa màu xanh dịu và một lối đi nhỏ. Bên cạnh khu vườn tí hon ăn thông với nhà bằng một khung cửa tò vò có mắt cáo và một chiếc đèn bão treo lơ lửng dễ thương. Trong nhà có một phòng ăn, bốn phòng ngủ, một phòng kính để lùa ánh nắng, và khắp nơi là những chậu kiểng nên thơ. Thật tuyệt, sẽ có nơi cho tôi làm việc và ngủ bù vào cuối tuần.

Bước chân vào căn bếp sạch bóng, sực nức mùi thơm nhều nước miếng, tự nhiên tôi thấy

trong lòng ấm áp lạ thường. Phía bên ngoài tiếng sóng vỗ rì rào, ánh nắng chan hòa chạy dài trên bãi. Hít một hơi dài thoải mái, tôi nói với người đàn bà da đen đang đứng nướng bánh trong bếp. Chị ta tên là Flora, đầu bếp kiêm quản gia nhà này. Chị cho biết tôi có thể mướn căn nhà với giá hai trăm Mỹ kim một tháng, hợp đồng sáu tháng một. Riêng chị, chị sẽ ở lại giúp việc cho chúng tôi nếu chịu trả cho chị năm mươi Mỹ kim mỗi tháng. Tôi mừng rơn, đã có nhà riêng lại để dành được tiền, vì Scott hiện phải mướn căn phòng tại *Khu Vườn Của Thượng Đế* với giá cứa cổ ba trăm Mỹ kim. Tôi nói với người quản gia:

— Này chị Flora, nếu ông Fitzgerald mướn nơi này, chị phải hứa với tôi là chiếc lọ bánh kia luôn luôn đầy, chịu không?

Flora toét miệng cười:

— Thưa bà, vâng.

Khi gặp chủ nhân căn nhà tôi mới biết chính là Frank Case, giám đốc khách sạn *Mọi Da Đỏ* ở Nữu Ước và từng là bạn của Scott. Ông ta rất vui mừng khi biết người mướn là Scott. Tôi lái xe trở về Hollywood, lòng mừng khấp khởi.

Xế chiều hôm sau, Scott gửi hoa đến tặng tôi. Xẩm tối, chàng điện thoại:

—Sheilo, lúc nào anh có thể gặp lại em?

Giọng chàng yếu ớt, xa vắng.

— Hay là em đến đây với anh nhé? Ngay bây giờ. Anh muốn gặp em ngay, Sheilo ạ.

Bước vào phòng, tôi thấy Scott ngồi ngay ngắn nhưng khuôn mặt xanh xao đưỡn đừ. Chàng ăn mặc rất chải chuốt, chiếc cà vạt lốm đốm màu chói và chiếc sơ mi hồng. Tôi kêu lên:

— Chà, anh thắt chiếc cà vạt bạo phổi quá.

Chàng quan sát tôi một chút rồi chậm rãi:

— Anh mong rằng trong mấy ngày qua em đã không cô đơn quá.

Giọng chàng bình thản như chẳng có gì xảy ra làm tôi sốt ruột. Thực ra tôi vẫn chưa hiểu rượu là cái quái gì, nhưng hình như nó quyến rũ chàng và tôi ghen với nó:

— Scott, em van anh đừng uống rượu nữa. Mấy lúc anh uống rượu sao em ghét anh ghê đi, anh làm em sợ...

Chàng dịu dàng ngắt lời:

— Thôi, mình hãy bỏ qua chuyện đó đi.

Tôi gật đầu bằng lòng và bắt đầu đem chuyện mướn nhà ở Malibu ra kể. Chàng sẽ được yên tĩnh hơn để làm việc, tránh khỏi sự ồn ào suốt ngày đêm tại *Khu Vườn Của Thượng Đế*. Gió biển có lợi cho sức khỏe chàng. Chàng sẽ không phải chạy không ngoài đường kiếm chỗ ăn vì đã có đầu bếp riêng. Tôi sẽ tới với chàng vào những buổi chiều tối và trọn mấy ngày cuối tuần. Còn nếu chàng có việc gì cần lưu lại Hollywood thì chàng đến ở đằng tôi. Thực ra hai nơi chỉ cách nhau có bốn mươi phút lái xe.

Nghe tôi thuyết một hồi chàng có vẻ siêu siêu,

vả lại chẳng bao giờ chàng muốn phật ý tôi:

— Được, em tính vậy cũng hay.

Tôi giúp chàng dọn đồ tới nhà mới vào một buổi chiều xuân ấm áp năm 1938, đem chàng xa khuất *Khu Vườn Của Thượng Đế* với truyền thống văn nghệ sĩ mệt người. Chàng có ít đồ đạc nhưng lại rất nhiều sách vở, giấy tờ. Trên đường ra bãi biển, tôi bảo chàng ngừng xe trước một nhà bán hoa, và chỉ một lát sau thùng xe và băng sau đã đầy nhóc những cây hoa đủ màu. Tôi sẽ sửa sang cho căn nhà bãi biển thật tươi tắn nên thơ để nó thực sự biến thành thiên đàng cho chàng, cho hai đứa.

20.

SCOTT THƠ THẦN NGOÀI KHU VƯỜN nhỏ trong ngôi nhà ở bãi biển. Chàng khoác chiếc áo tắm dài thậm thượt thủng một lỗ ở khuỷu tay để lộ màu xám của chiếc áo thun chui cổ mặc phía bên trong. Mỗi bên tai gắn một mẩu bút chì, túi áo ngực lấp ló hàng tá bút chì khác lẫn lộn với những điếu xì gà. Hai túi dưới, một bên là hai bao thuốc lá, một bên là cuốn sổ tay muôn năm chẳng rời. Suốt mấy ngày cuối tuần chàng vật lộn với đống bản thảo truyện phim, tóc tai bù xù, bước chân nặng nề đi đi lại lại suốt buổi. Thỉnh thoảng chàng ngừng lại, đưa chân đá viên sỏi tưởng tượng trước mặt...

Những lúc cần viết, Scott rút lui vào căn phòng đầy những tờ giấy vàng chi chít chữ viết ngoáy to bằng quả trứng gà. Chàng khoái viết bằng những mẩu bút chì ngắn ngủn, thích gọt bút luôn tay

nhưng chẳng bao giờ ngọn chì nhọn được với chàng vì chàng đè lưỡi dao mạnh quá. Chàng viết như gió cuốn, hết một trang là chàng lại gạt tờ giấy xuống đất để qua trang mới. Thỉnh thoảng chàng dừng tay lại để suy nghĩ. Nhiều lúc tìm không ra chữ, chàng ngồi thộn mặt cả mấy chục phút, ngơ ngẩn xuất thần nghĩ cho bằng được mới thôi. Có lần tôi hỏi sao không dùng tự điển, chàng trả lời :

— Chữ nghĩa nằm sẵn trong óc, có điều trong lúc nhất thời quên khuấy đi mất mà thôi. Nhưng nghĩ mãi rồi cũng phải ra. Anh không dùng tự điển vì mỗi lần sờ đến nó là anh mê mẩn hàng giờ không dứt ra được.

Có lẽ vì làm việc quá độ mà ít lâu nay chàng ngủ kém. Ban đêm tôi nghe tiếng chân chàng vang lên trong phòng, tủ thuốc lúc nào cũng đầy ắp thuốc ngủ và thuốc an thần. Tôi tự đi chợ lấy và bảo chị Flora bày món nọ món kia để chàng lạ miệng ăn nhiều, nhưng kết quả đã làm tôi ái ngại. Nhiều món mang ra lại mang vào, chàng chẳng mảy may đụng đến khiến tôi và chị Flora nhìn nhau muốn phát khóc. Bao nhiêu công trình nấu nướng để rồi đổ đi. Đối với chàng chỉ lưng bát súp và ít bánh ngọt tráng miệng là đủ. Chàng có thể sống suốt ngày bằng nước Coca Cola và cà phê đen bỏ thật nhiều đường, có thêm chút mứt ngào càng tốt. Người chàng là cả một hồ nước lớn, bao nhiêu đường đổ vào cũng không thấm.

Scott nghiện đồ ngọt bao nhiêu thì cũng mê theo dõi tin tức thế giới bấy nhiêu. Tôi không thể hiểu được tại sao đối với chàng một việc xảy ra ngày hôm nay lại liên quan đến những việc xảy ra từ năm mươi năm hay một thế kỷ trước. Các diễn biến lịch sử là món ăn ngon cho chàng, nhưng dưới mắt tôi, chúng chỉ là những biến cố xa vời rỗng tuếch. Cuộc Cách Mạng Pháp là cái quái gì ? Julius Caesar là ai mà nhiều người nhắc đến thế ? Biết để làm gì, có ăn nhậu gì đến mình đâu ? Hồi này công việc của Scott tại hãng phim không được điều hòa cho lắm. Lúc nào chàng cũng rầu rầu, hết lo chuyện Zelda, chuyện cô con gái Scottie, tới chuyện bản thân chàng. Vậy mà chàng vẫn có thì giờ để ý đến sự biến chuyển khắp nơi trên thế giới. Tôi không được bằng chàng phải chăng vì tôi quá thiển cận, chỉ biết nghĩ về mình ? Hoặc trình độ văn hóa của tôi chưa đủ để chơi trò gán ghép hiện tại với quá khứ xa vời ?

Buổi sáng chủ nhật, Scott và tôi ngồi nghe Hitler diễn thuyết trên radio. Đến đoạn quá khích, Scott đứng vùng dậy giận dữ nện gót quanh phòng, miệng làu nhàu chửi rủa :

— Bọn khốn nạn đó lại sắp tái diễn trò cũ. Chúng lại sắp gây ra chiến tranh, lôi cuốn biết bao nhiêu người trong đó có chúng ta.

Bước mãi cũng mỏi chân, chàng cố dằn bực tức trở lại ghế ngồi. Đốt một điếu thuốc, tiếp tục nghe lời kêu gào dụ hoặc của trùm độc tài Đức

Quốc Xã và những tiếng hoan hô như sấm dậy của bọn cuồng tín mỗi lúc một vang dội, rung rinh cả căn nhà nhỏ bé. Scott bỗng quay sang tôi, cười mũi :

— Hừ, ước gì anh có thể bay ngay sang đó ám sát gã Hitler trước khi gã có thể gây thêm cảnh máu đồ thịt rơi. Làm được việc đó là đã thay mặt Thượng Đế cứu giúp nhân loại.

Nói đến đây vẻ mặt chàng thoáng dịu lại, giọng kể lể :

— Em biết không, kỳ đại chiến vừa qua anh tính theo chân quân đội đi chiến đấu, nhưng chưa kịp lên đường thì đình chiến, quân hai phe đều giải giới, thế là anh lỡ bộ.

Với tay tắt radio, Scott bắt qua chuyện ở hãng. Hiện thời chàng rất bực mình vì phải làm việc chung với một số cây viết khác.

— Anh và họ không thể viết chung được. Anh nghĩ một đằng, họ nghĩ một nẻo. Bằng giá nào anh cũng sẽ gạt hết ý tưởng của họ ra khỏi bản thảo sắp tới.

Scott rất thù những cuộc họp bàn liên miên vô vị, trống đánh suôi kèn thổi ngược, tức muốn sùi bọt mép. Chàng nói :

— Thật đúng là lắm thầy thối ma. Cả bọn kéo nhau vào vây kín một chiếc bàn lớn rồi nhao nhao phát biểu ý kiến láo khoét. Họ nói về đủ mọi vấn đề trừ vấn đề chính. Thực ra họ cũng chẳng biết mình muốn gì và sẽ đi tới đâu, mỗi hôm đưa ra

một ý kiến, nhiều khi ý kiến ngày hôm trước và ý kiến ngày hôm sau chửi nhau thấy rõ. Đúng là những con gà điên, chẳng có lập trường gì ráo.

Sau sáu tháng nát óc, Scott đã hoàn tất truyện phim *Ba Người Đồng Chí* để rồi bật ngửa khi thấy nhà sản xuất Mankiewicz đem ra viết lại. Quá tức giận, Scott thảo ngay một lá thư lời lẽ cay độc báng bổ, tính ném thẳng vào mặt ông ta. Tôi phải cố gắng lắm mới thuyết phục được Scott đừng làm to chuyện.

— Anh mà gây với hắn chỉ tổ làm hắn phản ứng mạnh hơn nữa. Đã chẳng ích gì mà bản thảo của anh càng không hy vọng vớt vát được chút nào.

Kết quả Scott nghe lời tôi viết lại bức thư, lời lẽ nhẹ nhàng hơn trước nhiều nhưng cũng phản ảnh được nỗi uất ức của kẻ cầm bút :

Nếu chỉ nói rằng sự thật làm tôi ngỡ ngàng thì còn là nhẹ... Ông đã nắm trong tay một công trình đáng kể nhưng không biết dùng nó, lại đem ra xé bỏ một cách khinh xuất, độc đoán... Tôi rất lấy làm buồn khi thấy một công trình bằng tim bằng óc, thai nghén hàng mấy tháng dài, bị đem ra thay thế bởi một việc làm bôi bác trong một tuần vội vã. Thưa ông, chẳng lẽ mấy nhà sản xuất các ông không bao giờ lầm lẫn hay sao? Tôi tự tin mình không đến nỗi tệ, việc làm của tôi chẳng phải chỉ đáng ba đồng...

Khi *Ba Người Đồng Chí* được quay thành phim

xong, Scott và tôi lái xe đi Hollywood xem.

— Ít ra họ cũng phải giữ lại đoạn mở đầu của anh.

Chàng đoán chắc như vậy trước khi tiến vào thành phố. Nhưng khi cuốn phim bắt đầu, chàng bỗng gần mạnh xuống ghế, ôm đầu khổ sở:

— Thì ra chúng đổi cả đoạn này.

Về đến nhà bao nhiêu bực tức chất chứa trong mấy tiếng đồng hồ mới có chỗ phát tiết. Chàng hét :

— Thằng chó đẻ!

Và nhào tới đấm mạnh vào tường như thể trước mặt chàng là bộ mặt ngu xuẩn của nhà sản xuất phim ảnh lý tài kia. Đau quá, chàng thở lên hồng hộc, mắt nhìn bức tường muốn tóe lửa nhưng vẫn hả hê:

— Cho mày đáng đời. Mày có biết mày đã làm gì không?

Thấy bức tường sợ hãi không dám trả lời chàng mới nguôi nguôi.

Thẳng thắn mà nói, Scott đã viết tất cả bốn cuốn phim, và cuốn mà chàng đắc ý nhất lại đưa đến kết quả méo mó nhất. Chàng phát khùng cũng phải, vì bao nhiêu tâm huyết chàng đã đem dốc cả vào nó với niềm tin mãnh liệt ở tương lai nghề nghiệp. Chàng còn có cơ hội tiếp tục làm việc ở Hollywood nữa hay không là do sự thành bại của cuốn phim này.

Sự buồn bực làm Scott mỗi ngày một tiều tụy thêm. Tuy chàng không mượn rượu tiêu sầu

như xưa nhưng lúc nào cũng thẫn thờ như người dở say. Hình như tiếng gọi của ma men đang kêu réo chàng nhưng chàng thu hết nghị lực để cưỡng lại. Tôi đoán như vậy vì cứ mỗi lần tôi buột miệng nhắc tới rượu là chàng đồ quạu nạt ngang. Từ miệng cô y tá đã săn sóc chàng trong thời kỳ chừa rượu tại *Khu Vườn Của Thượng Đế*, tôi được biết đại khái suốt ba hôm liền chàng phải chịu những cực hình ghê gớm. Không ăn uống được gì, chỉ nôn khan luôn miệng, phải chích thuốc bổ để cầm hơi, ngày cũng như đêm lăn lộn rên xiết, mắt mở trừng, mặt tái nhợt, mồ hôi như tắm, hơi thở đứt quãng, kiệt lực... Bây giờ tôi mới hiểu tại sao chàng cấm tôi đến thăm trong ba ngày địa ngục.

Một hôm, nhớ lại chuyện chừa rượu của chàng, tôi lên tiếng hỏi đùa :

— Anh à, chắc bây giờ anh phải đồng ý với em rằng uống được chút rượu mà phải trải qua ba tầng địa ngục thì quả là tối dạ anh nhỉ?

Thấy chàng quắc mắc tôi mới biết mình đã lỡ lời. Chàng tức giận thực sự, thứ tức giận của kẻ biết tự trọng khi bị người khác khám phá ra những nhược điểm mà mình định dấu kín. Chàng nhìn tôi chòng chọc, hai mắt như chụm lại với nhau, mặt tái, môi run, nét mặt chẩy dài nhưng đầu hất cao và chàng nghênh ngang gằn từng chữ vào mặt tôi :

— Chuyện đó không việc gì đến em. Miễn bàn.

Rồi chàng đổi giọng rất « hách » :

— Hôm nay bảo Flora trộn ít sà lách và nấu cho tôi nồi cháo nghêu, nghe chưa !

Tuy đang lộn ruột vì sự cáu gắt vô cớ của chàng, tôi cũng thấy mừng vì thấy chàng đòi ăn. Hồi gần đây việc ăn uống lều lớt của chàng làm tôi lo lắng. Những tưởng ra gần biển chàng sẽ khỏe mạnh yêu đời nhờ ánh nắng ấm và gió biển trong lành, nào ngờ chàng sợ nắng, ghét gió, và tránh xa nước biển. Hôm thứ bảy tuần rồi, hai đứa lững thững thả bộ tới quán Malibu, Scott nhất định đi bên lề đường có bóng mát. Ngày nào tôi cũng ra vùng vẫy ngoài biển một mình, vì hễ rủ chàng là chàng kiếm cớ từ chối :

— Anh bận lắm, để khi khác.

Nghe câu này riết tôi đâm bực mình, không thèm rủ nữa.

Một buổi sáng kia tôi vô tình cầm ly cà phê của chàng đưa lên môi định uống thì chàng bỗng đưa tay hất mạnh và khẽ la:

— Đừng...

Rồi bằng một giọng trầm buồn chàng căn dặn:

— Từ rày em phải nhớ đừng đụng ly, muỗng, khăn mặt, hay bất cứ vật gì khác của anh nhé.

Tôi chưa kịp ngạc nhiên thì chàng đã thở dài, nói tiếp :

— Anh mắc bệnh phổi em ạ.

Cảm giác kinh hoàng nhói buốt chạy khắp cơ thể tôi: cha tôi từng chết vì bệnh lao.

Sau khi định thần, tôi ngậm ngùi hỏi lại :

— Anh, chắc có không anh ? Làm sao anh biết được ?

Chàng nhìn tôi thật sâu, chậm rãi :

— Anh bị từ hồi còn học đại học. Từ đó tới nay cơn bệnh vẫn chợt tới chợt lui, không lúc nào dứt hẳn. Hiện giờ cũng chưa có gì đáng ngại nhưng anh sợ nếu đuối sức, bệnh sẽ bộc phát ngay.

Tôi chợt tỉnh ngộ. Hèn gì tháng bẩy trời lạnh chàng phải quấn khăn quanh cổ và đi đâu cũng xù xù chiếc áo mưa dầy cộm. Tôi đã hiểu tại sao chàng sợ nắng và chỉ dám nhìn sóng biển từ đằng xa. Nhưng cũng chưa có gì chắc. Có thể chàng mắc bệnh thật, có thể chỉ là bệnh tưởng, cũng có thể chàng tháu cáy tôi. Đúng hơn cả, có lẽ bệnh tưởng vì tôi từng thấy chàng tưởng tượng nhiều cái rất kỳ quặc. Có lần tôi lái xe khoảng hơn ba chục cây số một giờ, chẳng có gì gọi là phóng, vậy mà chàng bỗng co rúm người bên cạnh tôi rên lên :

— Trời đất ơi, em chạy chậm chậm một chút, chết anh bây giờ.

Vẻ mặt chàng hoảng hốt như trông thấy ma.

Một lần khác đi ciné chưa hết phim thời sự, hai đứa đã đổi chỗ mấy lần liền vì chàng cả quyết có người ngồi phía sau đá vào lưng ghế chàng. Mỗi lần đổi chỗ là một lần tôi thắc mắc : lạ thật, tại sao mình chẳng thấy gì ? Những người mắc bệnh ám ảnh như chàng không phải là ít, tôi tự an ủi như vậy.

Tuy Scott nhúng tay vào mọi công việc của tôi, kể cả việc kiểm soát các hợp đồng và các thư từ giao dịch, nhưng có một điều hơi lạ là chàng rất hờ hững với các bài báo của tôi. Hầu như chẳng bao giờ chàng đọc hay phê bình. Chàng đồng ý viết báo là một nghề để tôi kiếm sống nhưng chẳng đưa ra ý kiến gì về việc cải tiến nghề nghiệp. Vì vậy, được chàng giúp đỡ trong lãnh vực viết lách là một việc hy hữu và chẳng bao giờ tôi quên được...

Hôm đó tôi đảo một vòng qua các phim trường để săn tin. Khi tới nơi làm việc của cô đào Constance Bennett, tôi rất mừng thấy nàng không còn ở đó vì tôi vừa đưa nàng lên báo, chê nhiều hơn khen. Lượm xong vài tin hay, vừa định bước ra thì đụng đầu nhà sản xuất Milton Bren.

— A cô Sheilah, cô đã gặp Connie chưa?

Connie là tên tắt của Constance Bennett.

— Chưa anh ạ. Thôi xin kiếu nghe.

Milton đưa tay cản, thân mật:

— Không được, cô ở lại đây thêm chút nữa. Tôi muốn giới thiệu hai người. Connie đang ở ngoài sân khấu.

Nói đoạn y quay mình đi trước, và tôi đành miễn cưỡng bước theo. Ra tới sân khấu đúng lúc Connie đang ba hoa chuyện trò với đám bạn bè đông đảo. Milton bước tới, đưa tay giới thiệu:

— Connie đây là cô Sheilah Graham. Anh muốn hai người quen với nhau.

Connie, nhìn tôi từ đầu đến chân một cách

hỗn xược rồi bỗng cất giọng ông ổng khắp phòng đều nghe:

— Thật không thể tưởng tượng được một cô gái mặt mũi đẹp đẽ như thế kia mà lại là con chồn cái lớn nhất Hoa Lệ Ước.

Cả một thùng nước đá dội vào mặt tôi. Như thế không phải là công khai lăng mạ thì còn là gì?

Bản tính hiếu thắng lại có dịp bùng lên, tôi phản ứng thật mau, không cần suy nghĩ:

— Không phải lớn nhất đâu, Connie. Lớn nhì.

Connie thoáng giật mình, không ngờ bị trả miếng nặng như vậy nhưng vẫn cố nén, làm ra vẻ kẻ cả móc thuốc mời tôi hút. Tôi lạnh nhạt từ chối:

— Cám ơn, tôi không biết hút.

Rồi với vẻ ung dung khác thường, tôi nói với nàng như chị nói với em:

— Connie, hãy ngồi xuống đây và cho biết Connie đang bực mình chuyện gì?

— Không bực chuyện gì hết.

Nàng trả lời cộc lốc nhưng cũng gieo mình xuống chiếc ghế dài trước sân khấu. Tôi thong thả ngồi xuống bên nàng, chậm rãi:

— Rồi, bây giờ Connie hãy cho biết bài báo vừa rồi Connie không hài lòng ở điểm nào?

Connie bỗng lấy lại được bình tĩnh, nàng đứng dậy, nhạt nhẽo:

— Tôi không hề đọc bài báo đó.

Rồi nàng quay sang bá cổ Milton, ỏng ẹo:

— Anh Milton, sao anh lại để mấy con bò lạc

vào đây phá thối phim trường như vậy?

Lối xách mé cay độc này làm tôi đắng miệng. Chưa kịp đớp lại thì Connie đã kéo nhà sản xuất ngờ nghệch ra ngoài, bỏ tôi xớ rớ một mình. Người tôi dán chặt xuống ghế, nghẹn ngào, muốn chửi toáng lên cho hả, nhưng chửi cho ai nghe bây giờ. Cố lấy lại bình tĩnh, nhưng chỉ cảm thấy tê tái hơn. Cố đứng vùng dậy để bước khỏi nơi đáng ghét này nhưng cơ thể tôi mềm nhũn không tuân theo ý chí. Vừa lúc đó Milton trở lại với bộ mặt đưa đám. Thế là tôi có chỗ để trút bớt nỗi uất hận:

— Anh chỉ báo hại người ta là không ai bằng. Lúc nẫy sao anh không cho tôi đi, để bây giờ ê trệ như thế này có khác gì anh mượn tay cô ta ném tôi ra cửa không?

Milton gãi đầu gãi tai, giả lả:

— Thôi mà Sheilah, bỏ qua dùm tôi. Tôi đâu có dè... thật bậy quá.

Suốt quãng đường về Malibu, tôi vừa nhấn ga vừa lẩm bẩm mãi câu: *Không phải lớn nhất đâu, Connie. Lớn nhì. Không phải lớn nhất đâu, Connie. Lớn nhì...* Vừa trông thấy Scott, tôi vùng khóc lớn kể lể khúc nhôi. Nghe xong chàng gật gù như đe dọa:

— Được rồi, ả đó sẽ biết tay.

Thấy chàng đồng tình, lòng tôi nhẹ nhõm hẳn.

Suốt buổi tối hôm đó hai đứa ngồi bàn cách trả đũa Connie.

— Trong cuốn phim hiện giờ, ả đóng vai gì hả em?

Tôi cho chàng biết nàng thủ vai một hồn ma trong đoạn phim mới quay xong. Chàng cũng kể hồi chàng còn ở Princeton, Connie thường đi khiêu vũ với đám sinh viên đại học. Thế rồi hai đứa họp nhau viết một bài cho tờ báo ngày hôm sau, trong đó tôi kể:

... Cũng may hôm qua không có em bé nào lảng vảng gần chỗ làm việc của Constance Bennett. Nếu có, chắc các em đã phải khóc ré vì thứ ngôn ngữ dễ sợ của cô ta.

Tiếp theo Scott viết:

Thật tội cho Connie. Vẻ hơ hớ của năm 1919 nay còn đâu. Có chăng chỉ còn lại con ngoáo ộp cho những xuất phẩm ma lem.

Đó là sự đóng góp duy nhất của F. Scott Fitzgerald vào trang báo HOA LỆ ƯỚC NGÀY NAY do Sheilah Graham phụ trách.

Mãi tới những ngày sống bên bãi biển, tôi mới được Scott đưa tôi xem loạt bài *Cơn Mê Loạn* xé từ tờ *Esquire* kèm theo lời ghi chú: *Đáng lẽ anh không nên viết những bài này. Không hiểu có nên để em đọc chúng hay không, nhưng thôi cứ đọc đi.*

Cho biết ý kiến nhé. Trao xấp bài cho tôi xong, chàng rời phòng.

Đọc những trang báo, tôi không thể tưởng tượng được rằng nhân vật bi thảm trong truyện lại chính là Scott. Thì ra con người của chàng trước khi gặp tôi là như vậy. Lời văn cay đắng rã rời, nhưng cũng tuyệt vời hoa mỹ. Chàng tự ví mình với một chiếc đĩa cũ đã bị nứt, một chiếc đĩa *không bao giờ còn được hấp nóng trong lò hoặc chen chúc với những chiếc đĩa khác trong bồn rửa bát; chẳng bao giờ được đem ra dùng, chỉ quanh quẩn dưới bếp hết đựng bánh vụn qua đêm lại tới chứa thức ăn thừa lạnh lẽo trong ngăn nước đá.* Scott nhắc tới một *vũng đêm đen tối của tâm hồn trong đó chiếc kim đồng hồ đứng chết ở ba giờ khuya, luôn luôn và mãi mãi.* Chàng viết : *Tôi cố kêu gào những nguồn sức lực mà tôi không có, cũng như người ta khăng khăng muốn lãnh quá số tiền đã gửi ở nhà băng.*

Ba bài báo lần lượt được đăng trên tờ *Esquire* vào tháng hai, ba và tư năm 1936, nghĩa là một năm trước khi hai đứa gặp nhau. Cả ba đều toát ra tâm trạng rã rời của một kẻ tuyệt cùng thất vọng cố nhìn đời bằng đôi mắt mã thượng hão và đang lạc bước trong *thế giới đắng cay để đi tìm một mái ấm gia đình.* Để rồi cuộc đời đi đến một kết luận kiêu bạc ê chề: *Tôi sẽ cố gắng làm một con vật đàng hoàng, nhưng nếu bạn vứt cho tôi một khúc xương còn dính thịt đủ no một bữa, tôi sẵn*

sàng liếm tay bạn vui mừng.

Tôi bước vào phòng Scott với xấp bài trên tay :

— Em thấy chẳng có gì khiến anh phải ngại khi đưa em đọc những bài này. Có gì trục trặc đâu? Anh vẫn thường bảo em một văn sĩ phải viết sự thật. Anh là một văn sĩ, dĩ nhiên anh đâu thể chối bỏ sự thật. Trước kia anh bê bối, chứ bây giờ anh đã là một người khác rồi còn gì. Những bài này nhắc em nhớ tới lối hành văn đầy tính chất bi lụy của Edgar Allan Poe, nhưng em không coi đây là một sự nhận thua, mà chỉ là một giai đoạn bi đát anh đã vượt qua được để có ngày nay.

Scott trầm ngâm nghe tôi nói, một tay để trên má cạ đi cạ lại như muốn lau sạch một vết nhọ vô hình, Edmund Wilson, một nhà phê bình mà Scott rất khâm phục trước kia cùng ở Princeton với chàng, đã phàn nàn đáng lẽ chàng không nên viết những bài này. Cả Ernest Hemingway, một cây viết mới lên nhờ được chàng ân cần giới thiệu với nhóm chủ báo Scribners, cũng đã nổi giận với chàng. Hai người đều cho rằng chàng đã viết quá nhiều sự thật về đời mình, đến mức độ không cần thiết. Scott chợt nói với giọng u oán :

— Chắc chẳng bao giờ anh thèm nhìn lại mặt Ernest nữa, em ạ.

Trong truyện ngắn *Núi Tuyết Kilimanjaro* xuất hiện trên tờ *Esquire* sau loạt bài của Scott, Ernest Hemingway đã viết :

... Hắn chợt nhớ tới nhà văn đáng thương Scott Fitzgerald và nỗi sợ hãi vu vơ của ông đối với những kẻ giàu để rồi đưa đến câu truyện mở đầu bằng « Bọn giàu khác hẳn bạn và tôi ». Và sau đó có người đã nói với ông, « Ừ thì bọn giàu có nhiều tiền hơn », nhưng ông chẳng thấy câu nói khôi hài ở chỗ nào. Scott đinh ninh rằng bọn giàu thuộc về một giống người đặc biệt quyến rũ hơn đời, nhưng đến khi nhận thấy mình lầm lẫn mới ngã ngửa, sinh ra chán nản, thất vọng, rồi bệ rạc không sao ngóc đầu dậy nổi nữa.

Nhớ tới chuyện này, Scott nổi giận :

— Ernest tưởng rằng y có quyền viết về anh như vậy chỉ vì anh đã tự viết về mình trước, nhưng anh không thể tha thứ cho y được. Thật đúng là dậu đổ bìm leo, không tha người ngã ngựa.

Tôi cũng tức giận thay cho chàng. Tại sao Hemingway lại vô tình đến thế, hạ nhục chàng đến thế ! Scott là một người « không ngóc đầu dậy nổi » ? Thật là vô lý. Nói cho cùng, Scott có nhận xét đúng về bọn giàu, chính Hemingway mới là người lầm lẫn. Tự thấy mình hiểu bọn giàu hơn ai hết, tôi bảo Scott :

— Em cũng đồng ý với anh, bọn giàu *khác* chúng ta. Nhà triệu phú Monte Collins khác người vì y giàu. Nhà quý tộc Sir Richard cũng vậy. Qua những kinh nghiệm bản thân, em biết chắc trên đời này có những đặc quyền chỉ dành riêng cho bọn giàu như quyền xử sự một cách tàn nhẫn, lập

dị. Anh có nghĩ rằng chính Monte và Richard tự cho mình là hơn người, là vênh vang không ? Họ khác thiên hạ chỉ vì thiên hạ quan niệm như vậy, và họ mặc nhiên chấp nhận quan niệm này.

Scott đột nhiên bật cười tán thưởng. Chàng có vẻ an tâm thấy tôi không hùa theo người khác để chê trách chàng về những bài báo, và tôi cũng hài lòng vì thấy ý kiến của mình được chàng xem trọng.

Sau loạt bài *Cơn Mê Loạn*, tôi bắt đầu đọc những tác phẩm do chàng sáng tác. Trước hết là cuốn *Bên Này Thượng Giới*. Tôi hơi thất vọng. Những vai trò trong chuyện quá trẻ và non nớt. Tôi cố đọc đến hết chỉ vì biết rằng Scott đã tự lồng mình vào nhân vật chính. Khi chàng hỏi :

— Em nghĩ sao ?

Tôi cân nhắc rồi trả lời :

— Theo em thì chưa hay bằng truyện của Dickens.

Chàng hơi dỗi :

— Dĩ nhiên, sao mà hay bằng Dickens được.

Nhưng khi xem đến cuốn *Đêm Huyền Diệu*, tôi không biết phải dùng lời gì để khen hết cái hay cái đẹp của nó. Một kiệt tác, lời văn trôi chảy nhẹ nhàng khiến người đọc cảm thấy lâng lâng mãi. Chính Scott cũng bảo đây là tác phẩm mà chàng nâng niu nhất, nhưng đa số độc giả lại thích cuốn *Người Hùng Gatsby* hơn. Tôi đọc thử và quay ra đồng ý với họ :

— Thật là tròn trịa, từ đầu chí cuối.

Thấy tôi khen, chàng rất hài lòng :

— Em thích thật hả ? Em thích thật không, độc giả đã bàn tán về nó và tìm ra những tư tưởng mà chính anh cũng không biết.

Khi nhắc tới những máy chém văn học, Scott tuyên bố sẽ không tha thứ cho bọn đó vì thái độ hỗn xược cạn tàu ráo máng của họ đối với *Đêm Huyền Diệu*. Chàng khen tôi có những nhận xét khá khách quan về các tác phẩm của chàng, tôi đã biết gạt tình cảm ra ngoài khi chỉ trích cũng như ca ngợi chàng.

Mãi tới bây giờ, Scott mới dần dần đem chuyện Zelda ra kể cho tôi nghe. Mỗi lần kể là một lần buồn buồn, nuối tiếc. Thỉnh thoảng chàng đọc cho tôi nghe những bức thư của nàng, bức nào cũng có vẻ văn chương ghê gớm nhưng thực ra chỉ là một chuỗi từ ngữ hoa hòe vô nghĩa lý. Có lúc không phải thư của Zelda, mà là của một người khác trong gia đình nàng muốn báo tin để chàng biết bệnh trạng của vợ. Cũng có lúc chàng đọc cho tôi nghe thư chàng viết cho cô bé Scottie. Sau chuyến du lịch nước ngoài, con gái chàng sẽ phải vào cao đẳng Vassar giữa mùa thu. Đây là những bức thư cha gởi cho con với bao điều khuyên lơn, lo lắng. Scott muốn mượn những trang giấy để kiểm soát mọi hành động, mọi tư tưởng của con từ ngoài ba ngàn dặm. Chàng hỏi con về thứ hạng trong lớp — phải ở nhóm A chàng mới chịu ! —

về việc giao du với bạn bè và ngay cả việc ăn uống hàng ngày : *Hồi này con có ăn đủ trái cây tươi không ?* Tôi giúp chàng thêm thắt vài ý kiến sau khi tưởng tượng ra rằng nếu cha tôi còn sống thì tôi thích ông viết thư cho tôi như thế nào. Zelda và Scottie luôn luẩn quẩn trong óc chàng. Mỗi lần nhắc tới một người là chàng lại thao thao bất tuyệt về người kia...

Chàng gặp Zelda trong thời kỳ chiến tranh tại Montgomery tiểu bang Alabama. Lúc đó nàng mới mười bảy tuổi, một hoa khôi miền Nam với mái tóc trứ danh vàng ánh đỏ, bọn đàn ông chết mệt xắp lớp quỳ dưới chân nàng. Chàng là một Trung úy hai mươi hai tuổi đóng gần nơi nàng ở. Hai người gặp nhau rồi chàng mất ăn mất ngủ vì nàng, nhưng gia đình nàng chê chàng kiết xác. Mà chàng nghèo thật, tiền ít lại chẳng có tương lai. Sau ngày đình chiến vẫn chẳng khá hơn chút nào, chàng lang thang đi làm nghề viết quảng cáo cho một hãng quảng cáo tại Nữu Ước. Tâm niệm của chàng lúc đó là làm sao dành dụm được món tiền kha khá để quay lại gặp nàng... Nhưng khi chàng quay lại, chàng đụng đầu với một đối thủ nặng kí hơn chàng nhiều, một tay đánh gôn rất bảnh tên là Bobby Jones. Thế là một cuộc chạy đua diễn ra và chàng luôn luôn là kẻ đuối sức. Mãi đến khi nhóm Scribners và các tờ báo khác chịu mua tác phẩm *Bên Này Thượng Giới*, chàng mới có đủ tiền để về tới đích, chiếm được Zelda

và mang nàng tuốt lên Nữu Ước để hưởng tuần trăng mật.

Nghe giọng chàng nói tôi cũng đủ biết hồi đó hai người đằm thắm biết là dường nào. Thật là một đôi vợ chồng lý tưởng, nàng đẹp, chàng nổi tiếng, yêu nhau thật đậm, sống đời phóng túng đúng với xã hội thác loạn thời bấy giờ. Nàng không những đẹp còn nhiều tài, văn hay, vẽ giỏi, nuôi mộng làm vũ công trên sân khấu, chơi thể thao rất cừ, và bặt thiệp chẳng kém gì chồng. Có một thời gian hai người tung trời bán mạng, uống rượu thả đàn, tiệc tùng suốt tháng, đùa phá thâu đêm, hết đi Ba Lê lại vù đi Riviera rồi đảo về Nữu Ước. Tiếng tăm hai người gần xa đều biết. Mỗi câu nói, mỗi dòng chữ, mỗi việc làm của hai người đều được đem ra làm khuôn mẫu cho bọn trẻ thích a dua.

Nhưng rồi một đám mây u ám kéo đến thật mau. Chàng bắt đầu cảm thấy sờ đến cái gì cũng mất, những vật dụng hàng ngày như sơ mi, khăn tay, áo lót mình... không cánh mà lần lượt bay đâu sạch. Zelda cũng làm lơ, chẳng nói rõ lý do. Một hôm chàng tình cờ mở ngăn phòng nhỏ chứa đồ cũ và khám phá ra một đống quần áo cao như núi, mốc meo bụi bặm đóng tầng. A, thì ra đây là công trình của cô vợ trẻ. Nàng đã lười không đưa thợ giặt, bao nhiêu đồ dơ cứ tiện tay nhét đầy vào phòng rồi quên luôn.

Khi Scottie ra chào đời, một tay Scott phải lo

hết việc mướn vú, thuê quản gia và sắp đặt nếp sống trong nhà. Tuy cả hai người vẫn sống ào ào, *đua nhau làm, đua nhau uống, đua nhau viết*, nhưng nàng có vẻ đã đuối và những dấu hiệu bệnh hoạn bắt đầu xuất hiện. Một đêm kia nàng nói với chồng :

— Em muốn xem một người chết.

Scott vốn chiều vợ còn hơn chiều chính bản thân mình vội dẫn nàng tới nhà xác, và suốt đêm hôm đó chàng lẽo đẽo theo nàng xem hết thây ma nọ đến thây ma kia.

Một lần khác ở Baltimore, sau khi đi dự tiệc về, Zelda tuyên bố :

— Ta ghét loài người. Loài chó có vẻ khá hơn. Đêm nay ta thử xuống cũi chó ngủ một bữa xem sao.

Và nàng nói sao làm vậy.

Trong thời kỳ hai người sống ở Paris, nàng đã gần ba mươi. Không hiểu sao nàng bỗng say mê lối vũ cổ điển trên sân khấu và nhất định trở thành một vũ công trong đoàn vũ của Nga. Nàng đi học và tập dượt không phút nào ngừng. Nhiều lúc nàng đứng trước gương múa may hàng chín mười tiếng đồng hồ liền, không ăn không uống, cho đến khi ngã quay bất tỉnh. Mỗi lần như vậy là một lần Scott kêu trời :

— Trời ơi, chắc tôi phát điên quá.

Cứ thế miết rồi chàng cũng quen đi. Nhưng một hôm chàng về nhà thì thấy nàng đang ngồi lê

dưới đất, thơ thẩn chơi với một đống cát. Nghe chàng hỏi, nàng chỉ mỉm cười bí mật. Scott vội đưa vợ đi bác sĩ. Sau khi chẩn bệnh, viên bác sĩ Pháp quay ra nói với chàng :

— Votre femme est folle.

Mỗi chữ là một tiếng sét đập vào tai Scott : *Vợ ông bị điên!*

Scott đưa Zelda về Mỹ để sống những ngày tháng dài bên cạnh người vợ bệnh hoạn quanh năm thuốc men chạy chữa. Vì quá thương vợ, không muốn để nàng phải vào nhà thương điên, chàng đã vung tiền mướn thật nhiều y tá để canh chừng nàng suốt ngày đêm. Ít lâu sau, bệnh tình Zelda trở nên trầm trọng, vượt quá mức độ lẫng trí bình thường, nhưng Scott vẫn cố trì hoãn việc đưa nàng vào nhà thương. Chàng có biết đâu rằng làm như vậy là lầm lẫn, nguy hiểm cho chính bản thân nàng cũng như những người xung quanh. Có lần Zelda nghe tiếng xe hỏa từ đằng xa, vùng bỏ chạy về hướng đó và Scott cắm cổ đuổi theo vừa kịp cản nàng lao đầu vào bánh xe. Một lần khác, Scott dẫn một anh bạn văn sĩ trẻ tuổi về nhà chơi. Hai người đang đứng trong phòng làm việc của Scott bàn luận về vài bài bản thảo sắp đem in thì Zelda rón rén bước vào và bất thình lình nhảy xổ tới đưa những móng tay nhọn hoắt cào vào mặt gã văn sĩ trẻ tuổi. Gã hoảng hồn ré lên một tiếng, ôm mặt máu bỏ chạy ra xa rồi mới dám quay đầu nhìn lại với điệu bộ quái gở. Scott vội xin lỗi bạn

và dẫn vợ sang phòng khác. Zelda luôn luôn ghen với bạn bè của Scott, nhất là những văn sĩ.

Cuối cùng, Scott đành phải gửi Scottie vào trường nội trú và đưa Zelda vào một dưỡng trí viện ở Asheville. Riêng chàng, chàng cũng đi Hollywood để làm làm việc cho hãng MGM. Thỉnh chàng tới thăm Zelda và đem nàng ra ngoài chơi ít ngày. Có một lần, thấy tình trạng nàng khả quan Scott quyết định sống với vợ một buổi chiều trọn vẹn, đưa nàng đi dạo mát rồi về nhà một người bạn dùng cơm. Để tránh gây xúc động cho Zelda, Scott dặn đừng mời thêm ai khác, rồi chàng mướn một chiếc xe mui trần đi đón Selda. Hôm nay nàng mặc một chiếc áo đỏ tươi có đuôi dài lướt thướt kiểu 1920.

Nàng vẫn chuộng những chiếc áo như vậy vì hình như chúng gợi lại trong trí nàng những tháng ngày hạnh phúc xa xưa. Scott đặt vợ ngồi bên cạnh rồi chàng cầm lái cho xe chạy từ từ men theo triền núi dẫn tới nhà bạn ở hướng Tyron..

Lúc mới nhập tiệc, Zelda hoàn toàn tỉnh táo như người thường, duyên dáng, hoạt bát. Nhưng đến nửa chừng, vẻ mặt nàng bỗng biến đổi, cặp mắt dớn dác sợ hãi. Nàng ngồi co ro như muốn thu mình nhỏ lại để biến mất hẳn và càng lúc càng ít nói. Đến cuối bữa ăn thì nàng bước hẳn sang thế giới của riêng nàng, một thế giới trống vắng xa mờ, người thường không thể tới được. Trên đường đưa Zelda trở về dưỡng trí viện, Scott buồn

nẫu ruột nẫu gan. Mấy lần Zelda tính mở cửa xe để nhảy xuống đường.

Sau lần đó, Scott bỏ ý định đưa nàng đi chơi bên ngoài. Những lúc vào thăm nàng, chàng chỉ rủ nàng chơi quần vợt ngay tại sân của viện vì thể thao thường được coi là phương thuốc nhiệm mầu. Hoặc chàng đưa nàng ra sân rồi đứng xem nàng đấu với một vài vị bác sĩ của viện. Có lần nàng cặp với một vị bác sĩ để đánh đôi. Bị thua, nàng tặng vị bác sĩ nguyên một chiếc vợt vào đầu.

Trong lần đi thăm gần đây nhất, Scott đưa Zelda đi Nữu Ước nghỉ cuối tuần, và chính tại đây nàng đã gọi người bắt chàng. Buổi sáng hôm đó, Scott thức dậy chẳng thấy Zelda đâu, chiếc quần của chàng cũng biến mất. Biết có chuyện chẳng lành, chàng vội vã quay số hỏi người quản lý khách sạn, nhưng chẳng có ai trả lời. Hấp tấp chạy ra cửa, cửa cũng đã bị khóa trái. Chàng hoảng hồn đứng lặng người một lúc. Cuối cùng chàng phải leo qua cửa sổ đi tìm viên quản lý. Vừa trông thấy chàng, viên quản lý tái mặt lắp bắp :

— Ủa ông Fitzgerald, sao ông không nằm nghỉ trong phòng? Bác sĩ sắp tới lo cho ông rồi đó.

Thế này là nghĩa lý gì ? Scott vò đầu bứt tai. Mãi đến khi một vị bác sĩ đem theo hai tên cô hồn đến định bắt chàng, chàng mới vỡ lẽ rằng Zelda đã tuyên bố với mọi người chồng nàng mắc chứng điên, thỉnh thoảng nàng mới lãnh chàng khỏi

dưỡng trí viện chơi ít bữa, nhưng hôm nay bỗng dưng chàng giở chứng hung dữ bất tử cần phải bắt chàng trở lại nhà thương ngay. Scott phải nói khan cả tiếng, vị bác sĩ mới chịu tin người điên không phải là chàng mà chính là Zelda. Thế là hai gã cô hồn được cử đi để đuổi theo Zelda. Hai gã tìm thấy nàng ở Công Viên Trung Ương đang đào huyệt để chôn chiếc quần của Scott.

Những chuyện này Scott đem ra kể cho tôi nghe nay một ít mai một ít, bằng vẻ miễn cưỡng như thể chàng nói vì có sự bắt buộc, nói cho nhẹ bớt những tâm sự đang đè nặng trong lòng. Riêng tôi, tôi cố gắng an ủi chàng để chàng bớt khổ tâm nhưng đến một hôm chàng bỗng bảo tôi :

— Zelda không biết mềm dẻo, lúc nào cũng cương cường như đàn ông, chẳng chịu thua anh điều gì. Có lẽ vì cứng quá nên dễ gẫy. Nàng đâu có được như em.

Rồi chàng bỗng nhìn ra phía xa và nói tiếp bằng một giọng thật vô tình :

— Đáng lẽ hai đứa bọn anh đều sung sướng nếu lấy người khác. Anh và nàng không hợp nhau, nhưng biết làm sao.

Như vậy có nghĩa là chàng và Zelda dù thế nào cũng không bỏ được nhau.

Phản ứng của tôi thật kỳ quặc, ra ngoài ý định của tôi. Từ hôm đó tôi giữ vẻ mặt trầm ngâm. Nhiều lúc tôi ngồi bên cửa sổ đăm đăm nhìn những ngọn sóng biển nhấp nhô hàng mấy tiếng đồng hồ

liền không nhúc nhích, cũng không mở miệng nói một lời nào. Trong óc luôn luôn lởn vởn câu hỏi mình ở đây làm gì ? Mình đã ly dị với Johnny để được tự do lấy chồng khác. Mình đã từ chối không làm một bà hầu tước lên xe xuống ngựa. Đáng lẽ bây giờ mình đã có con bồng con bế. Nhưng không. Mình đã yêu một người đàn ông mà mình không thể lấy được vì người đó đã có vợ và không thể bỏ vợ. Phải, càng biết nhiều về Zelda, càng biết nhiều về lòng xót thương quyến luyến của chàng đối với nàng, mình càng nhận thấy chàng không thể và không bao giờ bỏ vợ. Scott và tôi đã đưa nhau vào ngõ cụt không lối thoát.

Scott làm việc ở trên lầu, còn tôi ở dưới nhà. Thỉnh thoảng chàng đảo xuống xem tôi làm gì. Những lúc thấy tôi xuất thần ngồi nhìn ra biển như một pho tượng đá, chàng có vẻ sợ hãi lắm. Đã thế tôi càng làm giả ngồi ngay đơ, các thớ thịt chẳng mảy may rung động, mắt trừng trừng nhìn về phía trước như đang gửi hồn về tận thế giới xa xăm nào đó. Chắc ngày xưa Zelda cũng từng có cử chỉ như vậy, Scott quýnh quáng thấy rõ. Chàng gọi giật giọng :

— Em,

Tôi ngồi yên.

— Em sao vậy ?

Tôi vẫn giả ngây, trả lời thật nhỏ, mơ hồ :

— Không . . .

Scott lo lắng :

— Nhưng trông em hôm nay...em có sao không ?

— Không sao cả.

Yên lặng.

Giọng chàng bỗng dịu dàng :

— Hay là em thử đi dạo một vòng trên bãi biển xem sao. Anh chắc em sẽ khoẻ khoắn hơn.

Tôi vẫn không quay đầu lại :

— Không.

Scott ngượng nghịu nói thật nhỏ như để xin lỗi :

— Vậy thì... anh lên lầu vậy nhé. Lát nữa anh lại xuống.

Tiếng bước chân chàng nhỏ dần nhưng tôi vẫn chẳng một lần nhìn theo. Tâm tư bỗng lên cơn sốt, chân tay ê ẩm, người tôi như tê liệt rã rời. Lòng thầm nức nở, trời ơi tôi đã trừng phạt chàng chỉ vì chàng không thể lấy được tôi. Nhưng bảo chàng phải làm gì bây giờ. Cả tôi nữa. Hay hơn hết là tôi phải bỏ chàng, nhưng sống mà thiếu chàng thì sống làm gì. Thật khó mà tưởng tượng cuộc đời mình sẽ đi về đâu. Đời này thật nhiều ngang trái bẽ bàng, nhưng biết kêu gào ai bây giờ, biết chọn lựa gì bây giờ, hỡi trời già lắm chuyện đa đoan ? Chung cuộc, chúng tôi cũng vẫn chỉ là hai kẻ bơ vơ, gặp nhau để đứng nhìn nhau lắc đầu.

Nghe tiếng chân Scott từ trên lầu vọng xuống đều đều, tôi biết tự nãy giờ chàng không làm việc, Chắc chàng cũng đang buồn lắm. Tôi bật khóc, khóc cho chàng, cho tôi, cho người vợ đáng thương bệnh hoạn kia.

21.

THẬT BẤT NGỜ, CÔ BÉ SCOTTIE VIẾT cho tôi một bức thư:

... Mãi đến giờ này lênh đênh trên sóng Đại Tây Dương cháu mới có dịp viết thư thăm cô và kể cho cô nghe sự âu yếm của cháu đối với chiếc áo len mà cô đã mua cho cháu. Chiếc áo thật tuyệt diệu, mềm như tơ, mượt như nhung. Cô biết không, trên đời này cháu thích nhất là áo len đẹp.

Đọc đến đây tôi bất giác mỉm cười. Thật đúng là cha nào con ấy, mới mười sáu tuổi đầu mà đã khéo một cây.

... Cháu phải cám ơn cô vì cô đã giúp cháu rất nhiều. Cô là người duy nhất mà ba cháu nghe lời, chắc chắn như vậy. Cháu hy vọng rằng từ rày ba cháu sẽ bớt cau có mỗi khi cháu làm điều gì khác ý... Cám ơn cô rất nhiều về sự tận tình của cô.

Thương cô rất nhiều
Scottie

Cách đây ít lâu, Scottie tới Hollywood thăm cha và ở lại đây vài ngày trước khi lên đường đi du lịch vòng quanh Âu Châu vào mùa hè 1938. Cuộc đi chơi này là ý kiến của Scott. Chàng đã bảo tôi:

— Lại sắp có chiến tranh, anh dám chắc như vậy. Anh muốn con bé được trông thấy Âu Châu khi Âu Châu hãy còn nguyên vẹn và khi hoàn cảnh còn cho phép.

Scottie dẫn theo một cô bạn học tên là Peaches. Cuộc viếng thăm của hai đứa trẻ đặt thành một vấn đề cho Scott. Chàng đã ngập ngừng báo cho tôi biết tin này hai ngày trước khi chúng tới.

— Sheilo, anh biết em có thể giận anh, nhưng... có lẽ chúng ta không nên để cho con bé thấy mình ở chung. Em có thể chiều lòng anh tạm dọn đồ đạc và quần áo của em về ngôi nhà trên đồi ít bữa được không? Khi nào con bé đi, chúng mình lại như thường.

Thật đúng là Scott đã đóng ập cửa vào mặt tôi, nhưng tôi bằng lòng, thầm nghĩ chàng lại nổi tính trẻ thơ. Trẻ con thường tin rằng khi chúng làm bộ không nhìn thấy vật gì thì mọi người khác cũng không nhìn thấy vật đó. Có điều khi chàng nói, tôi nhác thấy trên khuôn mặt chàng những nét nghiêm trang gần như khắc khổ, thật trái ngược với hình ảnh của một người phóng khoáng, bạo phổi, bất cần thiên hạ mà tôi thường tìm thấy ở chàng. Nhiều lúc tôi cũng không biết chắc Scott là người thế nào, chịu chơi hay cổ hủ? Riêng đối với

tôi, chàng có vẻ đằm thắm nhưng hơi khó tính. Chàng từng tỏ ra khích động đến giận dữ mỗi khi tôi vô tình hay cố ý nhắc đến những người đàn ông quen biết tôi thuở trước. Trong những buổi họp mặt tiệc tùng, chàng sẵn sàng xụ mặt hậm hực bỏ ra ngoài nếu có ai nham nhở đem loại chuyện tiếu lâm tục tĩu hay loại chuyện ỡm ờ hiểu đôi ba nghĩa ra kể để mua vui. Chàng nháy nhó tôi mỗi khi tôi hứng chí tuôn ra thứ văn chương ba hoa rỗng tuếch mà tôi đã học lóm được của đám bạn bè trong xã hội quý phái Anh hoặc tại hậu trường hí viện Pavilion. Thỉnh thoảng chàng còn lên giọng «cụ đồ» bắt bẻ tôi từng câu từng chữ. Thậm chí chàng còn muốn bắt bẻ cả tài tử trên màn bạc. Hôm đó hai đứa đi ciné. Đến giữa phim, một tài tử bỗng văng tục, «thối hoắc!» Scott cau mặt khó chịu. Khi nghe chữ này lần thứ hai chàng nhẩy nhổm thiếu điều đứng dậy bỏ về ngang. Chàng rất sợ phải nghe những chữ huỵch toẹt thô bỉ như vậy. Cũng như chữ «bựa» dùng để chỉ những người đê tiện là chữ mà chàng rất gớm. Chàng thường bảo:

— Chữ nghĩa gì nghe muốn thủng màng nhĩ...

Thế là Scottie tới thăm cha đúng ngày hẹn.

Tuy tôi đã dọn hết quần áo nghỉ mát cuối tuần, bàn phấn và các đồ linh tinh khác khỏi căn nhà bãi biển, nhưng con bé vẫn biết hết. Cứ nhìn cử chỉ của Scott và tôi, dù một người tối dạ cũng có thể nhận ra mối liên hệ thầm kín giữa hai đứa.

Nhiều lần tôi bắt gặp đôi mắt trong xanh của con bé nhìn tôi một cách khác thường, dường như nó đang suy nghĩ lung lắm để đi đến quyết định dứt khoát có nên tán thành sự gắn bó giữa cha nó và tôi hay không. Sau hai ba ngày liền như thế nó mới tỏ thái độ rõ rệt, bắt đầu đối xử với tôi bằng vẻ cởi mở tự nhiên, và tôi cũng bớt lo. Tôi thấy mến nó và muốn nó cũng mến tôi.

Như thường lệ, Scott tỏ ra khó khăn nóng nảy với con gái. Chàng đã rất bực mình khi thấy Scottie a dua bạn bè đi New Haven khiêu vũ cuối tuần, đáng lẽ phải dùng xe hỏa, bọn trẻ lại bầy đặt cưỡi ngựa chẳng giống ai. Chuyện này chàng cứ nhắc đi nhắc lại mãi khiến Scottie buồn so và tôi cũng hơi bực. Cuối cùng tôi quyết định can thiệp để bênh vực Scottie :

— Anh Scott, anh đừng kèo nhèo con nhỏ mãi như vậy. Những việc nó làm có gì tai hại đâu. Anh phải để nó thở một chút chứ.

Scott có vẻ ngạc nhiên, lầm bầm những gì không rõ, nhưng rồi cũng phải nghe lời. Scottie biết chuyện này, rất cảm ơn tôi.

Ngoài những lúc lèm bèm mắng con, Scott là một người cha lý tưởng. Một buổi chiều kia, Scottie chạy đi tìm Scott và kể rằng có hai gã choai choai lẵng nhẵng theo nó hoài, và chúng còn định tối hôm sau sẽ đến tận nhà thăm Peaches và nó. Nó vấn kế Scott xem bây giờ phải làm gì, biết nói chuyện gì với chúng đây ? Scott ha hả cười và

nắm ngay lấy cơ hội này để dạy khôn con gái :

— Con biết không, ở đời làm gì cũng phải có kế hoạch đàng hoàng. Ba sẽ chỉ cho con. Này nhé bây giờ con ra phố mua ngay mươi mười lăm chiếc đĩa hát thời trang nhất. Tối mai khi chúng tới, con và Peaches cứ việc vặn nhạc lên rồi áp vô nhảy tràn cung mây. Có việc làm tự nhiên có chuyện để nói, đừng lo. Khi nào nhảy chán, con lôi chúng vào bếp làm bánh. Con sẽ luôn tay làm việc, miệng kháo chuyện về việc đang làm là sẽ vui như tết. Đã có bánh ăn lại chẳng ai phải đứng ngồi thừa thãi. Còn nếu làm bánh xong mà vẫn còn thời giờ trống rỗng, chẳng biết khoả lấp bằng cách nào thì...

Nói đến đây Scott xoa hai tay vào nhau, cười hì hì cỏ vẻ tự đắc về tài biến hóa của mình, rồi kết luận :

— Thì con cứ việc dẫn chúng đến cho ba. Ba sẽ cho chúng xem cuốn lịch sử chiến tranh bằng hình của ba, chúng sẽ lác mắt.

Ánh mắt Scott loé lên thích thú và tôi biết chàng đang nghĩ gì. Cuốn sách của chàng chứa đựng rất nhiều hình ảnh rợn tóc gáy về chiến tranh, những xác chết ghê khủng, những bộ mặt bị đạn ăn mất một nửa... Máu hài hước của Scott có lẽ cũng cao độ, chàng khoái làm thiên hạ giật mình chơi.

Scottie há hốc miệng nghe cha thuyết một hồi, phục lắm. Nhưng nó chợt nghĩ ra có chỗ không ổn :

— Nhưng không được ba ạ. Nhỡ chúng quen

mui thấy mùi ăn mãi, vác mặt đến hoài thì sao. Ai mà tiếp chúng cho nổi.

Scott chỉ còn biết dơ hai tay lên trời.

Chiếc áo len mà tôi mua tặng Scottie nhân dịp nó sắp đi du lịch xa là món quà đầu tiên của tôi cho nó. Món quà chứa dựng tất cả lòng thành thật, sướng vui. Tôi thường thầm ao ước có một gia đình đông đủ để có nhiều dịp tặng quà kèm theo những tình thương thắm đậm. Riêng đối với Scott, tôi rất tha thiết muốn mua thứ nọ thứ kia cho chàng, nhưng chàng luôn luôn từ chối trừ những dịp thật đặc biệt như lễ Giáng sinh hoặc sinh nhật của chàng. Muốn mua tặng bé Scottie chiếc áo mà tôi cũng phải thuyết phục Scott hàng nửa ngày. Scott và Scottie — và Johnny của thuở ngơ ngác ban đầu tại miền đất Luân Đôn xa tít — là những hình bóng duy nhất mà tôi có thể coi là thuộc về cái *gia đình trong mơ ước*, kết quả khiêm nhượng của bao nhiêu năm chồn chân kiếm tìm...

Scottie vừa đi khỏi là các khách khứa từ xa tấp nập kéo tới ám quẻ khiến hai đứa bù đầu cung phụng. Suốt mùa hè năm đó, bạn bè Scott hầu như không lúc nào ngớt. Nào là Harold Ober, đại diện xuất bản tại Nữu Ước kiêm chủ nợ của Scott (mãi về sau tôi mới biết điều này), nào là văn sĩ kịch ảnh Cameron Rogers bạn nối khố của Scott trước kia và cô vợ Buff Cobb, con gái của vua hài hước Irvin S.Cobb; nào là nhà văn tuổi trẻ tài cao Charles Marquis Werren — thường gọi là Charlie

— từ Baltimore tới. Charlie mới hai mươi hai tuổi, chịu sự đỡ đầu của Scott và thường coi Scott như một bậc thần linh. Đã nhiều lần Scott bảo gã đừng gọi chàng là «tiên sinh» nữa, nhưng gã không nghe, vẫn cứ một điều tiên sinh hai điều tiên sinh khiến chàng phát ngượng. Gã rất năng lui tới căn nhà bãi biển của chúng tôi để đàm luận văn chương với Scott. Những lúc hai người say mê nói chuyện đường dài, tôi hoàn toàn thất nghiệp. Quanh quẩn mãi cũng chán, tôi thay quần áo tắm dông ra biển vùng vẫy một mình với cảnh trời nước bao la. Mỗi lần tôi đi ngang qua mặt Charlie, là một lần cặp mắt gã dán chặt vào người tôi. Và Scott không bao giờ chấp nhận lối «nhìn gỡ» một cách trắng trợn của gã, chàng cười gằn:

— Này Charlie, nếu còn muốn nói chuyện nữa thì chú mày không được nhìn đi nơi khác, nghe chưa. Mẹ kiếp!

Có lần không hiểu Charlie lên cơn ra sao, gã dám thở dài nói với Scott:

— Trời ơi, tiên sinh thấy không, nàng đẹp thế kia thì chịu làm sao nổi...

Scott giận tái người, mắt long lên xòng xọc:

— Im ngay! Phải luôn luôn nhớ rằng chú mày to xác hơn ta, nhưng ta vẫn có thể cho chú mày sặc máu mũi như thường.

Khi Charlie ra về, Scott mới hậm hực bảo tôi:

— Mặt anh thế này mà nó gọi là tiên sinh có láo không? Bộ nó tưởng anh già cú đế rồi sao.

Riêng sự có mặt của cặp vợ chồng Cameron Rogers làm tôi ngỡ ngàng không ít. Mỗi lần họp nhau lại nói chuyện là một lần tôi thộn mặt ngồi nghe. Họ rất hợp chuyện với Scott, đàm luận tương đắc dứt không ra. Có lần Scott nhắc tới Cuộc Chiến Ba Mươi Năm tại Âu Châu hồi thế kỷ 17. Buff chợt đưa ra một lô tên lạ hoắc:

— Chúng ta không thể hiểu được Wallenstein trừ phi chúng ta hiểu thấu đáo về con người của Richelieu, vì chính Richelieu đã đào tạo ra y.

Cameron gật đầu đồng ý với vợ, trong khi tôi yên lặng ngồi nghe, chẳng hiểu Wallenstein, Richelieu hay Cuộc Chiến Ba Mươi Năm là cái quái gì. Scott là người rất tế nhị, thỉnh thoảng chàng lại mỉm cười đưa mắt nhìn tôi để tôi khỏi bị lạc lõng.

Tuy nhiên, đến một lúc nào đó tự nhiên tôi cảm thấy tình trạng này không thể tái diễn được nữa. Tôi không thể ngồi nghe họ nói chuyện với thái độ của một thính giả hay một kẻ ngoài lề. Nếu còn muốn sống trong thế giới của Scott và không để chàng phải mất mặt thì phải làm một cái gì. Tôi đã có chủ ý. Trước đây Eddie Mayer từng bàn về cuốn *Tưởng Nhớ Những Việc Đã Qua* của nhà văn Pháp Marcel Proust. Theo lời y, đây là một trong những cuốn sách hấp dẫn nhất về mặt kiến thức tổng quát trong đó có ghi lại những hình ảnh sống động về cuộc chuyển mình của xã hội Âu Châu giữa buổi giao thời của thế kỷ vừa qua. Tò mò, tôi đã mua cuốn sách để rồi chỉ đọc được vài

trang vì khó quá. Giờ đây tôi mang kho kiến thức này tới ngôi nhà bãi biển để nhồi sọ dần dần. Thật là vất vả nhưng thà chậm còn hơn không. Thấy tôi bỗng dưng say mê Proust đến độ bỏ bê công việc hàng ngày, Scott ngạc nhiên thích thú :

— Ủa, em mê Proust từ hồi nào vậy ? Hay không em ?

Tôi thú thật:

— Khó nhớ quá, anh ạ. Em càng cố đọc, đầu óc em càng đặc lại mới khổ chứ.

Thẳng thắn mà nói, suốt từ năm mười bốn tuổi đến nay tôi chưa thực sự đi sâu vào một cuốn sách nào.

Scott giảng giải cho tôi nghe về nghệ thuật đọc sách, chàng nói :

— Em đừng đọc quá mười trang một ngày. Phải đọc thật thong thả để từng chữ từng câu có thì giờ ngấm vào đầu mình.

Tôi ngoan ngoãn nghe lời chàng, bỏ hẳn lối đọc sách tham lam vội vã thường ngày. Kết quả thật khả quan, mới đọc hết phân nửa cuốn thứ nhất chân trời đã đột nhiên ló dạng, tôi bắt đầu nhìn đời bằng đôi mắt khác, thấy được chiều sâu của sự vật. Khi đọc đến đoạn chỉ một tách nước trà đủ gợi lại cho Proust những quá khứ dập dồn nhức nhối, lòng tôi thoáng reo mừng vì gặp được người tri kỷ. Không gian quanh tôi trong một phút bỗng tràn đầy mùi canh khoai tây và mùi sà phòng giặt của tuổi thơ ấu xa mờ, trong căn nhà lụp

xụp, bên bà mẹ quanh năm lam lũ. Tôi lặng người vì bùi ngùi xúc động. Diễn biến trong truyện sao có nhiều điểm giống tôi thế. Các nhân vật cũng thật là sống động, nhất là Madame Verdurin mau nước mắt, gặp chuyện gì cũng úp hai tay vào mặt nức nở. Riết rồi tôi đâm ra mê người đàn bà này, bắt chước bà ta từng lời nói từng hành động. Mỗi lần chị bếp Flora làm hư món súp, mỗi lần tôi quên một cú điện thoại, mỗi lần chiều thứ bảy mưa rả rích chẳng đi đâu được, là một lần tôi ôm mặt như người đang sướt mướt, và Scott lại được dịp cười hích hích.

Suốt mùa hè tôi huyên thuyên về Proust. Scott có Cuộc Chiến Ba Mươi Năm thì tôi cũng có Proust.

Trong khi đó thì công việc viết lách của Scott tại hãng Metro gặp vài trục trặc. Sau ba tháng hì hụi với truyện phim *Thủy Chung* mà chưa xong, Scott mang bộ mặt hận đời về nói với tôi :

— Tụi nó bảo anh tạm gác cuốn phim này em ạ.

Chàng cho biết rằng hãng Metro không dám quay thành phim vì cốt truyện quá bạo, tuy đã đổi tên từ *Phản Bội* ra *Thủy Chung*. Họ giao cho chàng viết một truyện phim mới phỏng theo tác phẩm *Những Người Đàn Bà* của Clare Boothe. Chàng có vẻ chán nản vì vẫn chưa quên vụ *Ba Người Đồng Chí* bị đem ra viết lại — Scott Fitz-

gerald mà bị chê là một điều nhục nhã không thể chấp nhận được. Đã chê tài phóng tác của chàng thì giờ đây còn giao cho chàng công việc này nữa làm gì ? Để khỏa lấp nỗi chua chát trong lòng chàng, tôi đề nghị :

— Đã lâu lắm mình không họp mặt bạn bè anh nhỉ. Để bữa nào mình tổ chức một buổi tiệc trà, anh kéo hết đám bạn của anh về đây phá một trận cho vui anh nhé.

Xưa nay Scott không ưa ồn ào nhưng lần này chàng nhận lời ngay :

— Em có ý kiến hay. Mình phải phá một trận mới được.

Có lẽ chàng cảm thấy sự căng thẳng của đầu óc cũng có lúc cần phải cho xì bớt hơi, và một buổi tiệc trà được tổ chức.

Thật là một cuộc họp mặt lịch sử.

Như thường lệ, Scott phác họa *một chương trình đàng hoàng*, phần chính của buổi tiệc trà sẽ là một cuộc đấu bóng bàn tranh giải. Chàng lập danh sách đấu thủ một cách tỉ mỉ, từ những tay cừ cho tới những đấu thủ hạng nhì cầm vợt như cầm khúc cây.

Chiều chủ nhật...

Người khách đầu tiên của chúng tôi là Eddie Mayer dẫn theo đứa con trai bảy tuổi ngỗ ngáo tên là Paul. Khi hai cha con tới, Scott và tôi đang say mê dượt lại các đường banh để chờ giờ giao đấu. Nhóc con Paul đứng ngoài xem luôn miệng phê

bình, ra cái điều ông cụ non, Cuối cùng cu cậu ngứa nghề chịu không nổi, lên tiếng thách thức :

— Hai bác đấu thật đi. Người nào thắng sẽ đấu với tôi.

Scott thấy nhóc con mà gấu quá chừng thì có vẻ thích thú, nảy ra ý tưởng muốn giỡn chơi cho vui. Chàng bèn gò banh thật kỹ để hạ tôi sớm rồi bắt đầu đấu với cây vợt tí hon. Muốn chọc cậu bé, chàng biểu diễn hết mình : dùng ánh mắt đánh lừa hướng banh đi, quay lưng vào đối thủ rồi « tiu » ngược trở lại, hoặc luồn banh qua vai. Kết quả Scott... thua. Nhưng chàng không hề nao núng bày ra một trò chơi khác chắc ăn hơn : đấu quyền Anh. Chàng lôi ra hai đôi găng tổ bố, và hai người bắt đầu xáp chiến. Scott lợi dụng chiều cao và tay dài đưa ngón cái chọc lia lịa vào mũi cậu bé và thách cậu cho chàng « một quả vào giữa cằm » thử coi.

Khách khứa lục tục kéo tới. Trong đám người lố nhố tôi nhận thấy sự có mặt của nhà văn Nunnally Johnson và vợ là Marion ; cặp vợ chồng thích « Cuộc Chiến Ba Mươi Năm » Cameron và Buff ; cây bút trẻ tuổi Charlie và mầm non điện ảnh Alice Hyde rất xinh. Charlie có một vết thương ở lưng chưa khỏi hẳn và phải mặc quần đeo dây, nhưng gã nhất định lết tới khi nghe tin Scott đã mời được con chim non Alice để gã đỡ lẻ loi.

Tôi lăng xăng ở nhà dưới, luôn mồm giục chị bếp mang đỡ v i món khai vị ra trước rồi hãy

đưa săng uých và cà phê ra sau. Trong khi đó Scott cũng tíu tít rót rượu mời suốt lượt. Riêng chàng, chàng tình nguyện chỉ uống nước lạnh (?).

Đang lúc náo nhiệt, tiếng cười tiếng nói ngập phòng thì Scott chợt nhìn ra ngoài và bắt gặp hai khuôn mặt nhỏ xíu đang nhòm qua lỗ hàng rào nhà bên cạnh với vẻ thèm muốn. Nhận ra chúng là con trai ông bà hàng xóm — một đứa sáu tuổi, một đứa tám tuổi — Scott vui vẻ bước ra :

— Hai cháu qua bên này chơi cho vui.

Chàng nhắc bổng chúng qua hàng rào và dẫn vào nhà giới thiệu với đấu thủ bóng bàn tí hon Paul. Đoạn chàng để ba đứa chơi với nhau rồi quay ra tiếp tục điều khiển cuộc tranh giải ping-pong. Một lát sau chàng để ý thấy ba vị khách nhỏ có vẻ lạc lõng trong một góc phòng, đứng dương mắt nhìn bọn người lớn ăn uống, nhảy nhót, hoặc thao thao bất tuyệt về văn chương, phim ảnh đủ thứ. Thấy tội nghiệp, chàng gọi chúng lại và hỏi :

— Các cháu muốn xem bác biểu diễn bài tây không ?

Dĩ nhiên bọn trẻ hoan nghênh nhiệt liệt. Scott bèn chạy lên lầu và trở lại với một bộ bài :

— Các cháu phải nhớ rằng trò chơi mà bác sắp biểu diễn, trên thế giới chỉ có hai người biết. Người thứ nhất là một tội phạm chung thân khổ sai tại San Quentin, ông ta đã mất mười năm mới

nghĩ ra trò chơi này ; và người thứ hai chính là bác đây.

Sau một bài quảng cáo giật gân, Scott trịnh trọng vén tay áo và hô :

— Xem đây !

Chàng nhăn mày, lầm bầm một tràng thần chú :

— A-ba-ca-đa-ba...

Rồi chàng nhắm mắt đảo vài ba lần và theo lời yêu cầu của bọn trẻ, lần lượt rút ra lá xì, lá già, lá mười, lá bốn, v.v... trước những cặp mắt thán phục và những chiếc miệng há hốc.

Scott còn biểu diễn năm sáu trò ảo thuật khác, trong đó có trò thắt nút dây thành từng búi rối bời rồi trong nháy mắt chàng lại tháo ra hết khiến tôi cũng phục bò càng chứ đừng nói là tụi nhỏ. Cuối cùng Scotl xếp dọn đồ nghề rồi hỏi đám khán giả tí nhau :

— Chắc các cháu khát nước rồi phải không ? Để bác kiếm thứ gì cho các cháu uống nhé.

Cậu bé sáu tuổi con bà hàng xóm nói như người lớn :

— Bác cho cháu xin một ly sâm banh, cám ơn bác trước nhé.

Scott giật mình, tròn mắt nhìn cậu khách quý :

— Cháu nói gì ? Cháu muốn uống sâm banh hả ? Vậy thì theo bác lên đây.

Scott chạy vội lên lầu và quay điện thoại gọi bà hàng xóm có cậu con « hậu sinh khả úy » :

— Bà Swerl ng, cậu con sáu tuổi của bà biết

uống sâm banh từ hồi nào vậy ?

Phía bên kia có tiếng cười :

— Không phải vậy đâu. Tuần trước tụi tôi cho nó uống bia gừng và nói dối đó là sâm banh, nó tưởng thật ông Scott ạ.

Tìm ra chân lý, Scott tủm tỉm cười mang ra một khay bia gừng và tuyên bố vung vít rằng đó là thứ sâm banh thượng hảo hạng vừa được nhập cảng từ Pháp.

Càng về đêm, không khí càng vui như tết, mọi người cười đùa thỏa thích, trừ hai người : cây bút trẻ Charlie và mầm non Alice. Lúc mới tới hai người quấn quít bao nhiêu thì bây giờ hờ hững bấy nhiêu. Alice luôn luôn tìm cách lẩn tránh Charlie làm Scott phải chú ý. Chàng tiến lại gần Charlie, nháy mắt hỏi nhỏ :

— Thế nào, chú mày ? Sao cô bé lại lỉnh thế ? Bộ chú mày lại giở giọng tán gái theo kiểu đốt giai đoạn khiến cô ta giận hả ?

Charlie mặt dài như cái mền :

— Đâu có, tiên sinh ngờ oan cho tôi hoài.

Rồi gã gãi đầu gãi tai, tiếp :

— Thật tôi không thể hiểu nổi...

Trong khi đó mầm non Alice kéo tôi vào một góc, than thở đau đầu nhức óc đủ thứ, và xin phép về sớm. Biết giữ lại cũng không được, tôi đành để Alice ra về. Trước khi bước ra cửa, nàng còn ném về phía Charlie một câu chào nhạt nhẽo.

Scott nhìn nét mặt thiểu não của Charlie, thương hại :

— Chú mày có muốn anh dàn xếp dùm vụ này không ? Anh gặp nàng ở phim trường luôn, để anh nói với nàng nhé ?

Charlie lắc đầu chán ngán :

— Thôi kệ nàng, mất công làm gì.

Trời về khuya, tiệc dần tàn. Sau những cuộc đố vui, những pha chơi chữ và những ly rượu cuối cùng, Scott lần lượt tiễn mọi người ra xe. Chàng tỏ ra hoàn toàn vui vẻ, cười nói huyên thuyên. Thực ra chàng đã vui vẻ suốt buổi tối mặc dầu đang có chuyện bực mình tại hãng. Tại sao vậy ? Cử chỉ khác thường của chàng thật đáng nghi ngờ. Tôi chợt tỉnh ngộ, chàng lại qua mặt tôi một lần nữa, *nước lạnh của chàng chính là rượu gin*. Khi tiễn chân vợ chồng Nunnally dọc theo hành lang, ngang qua một gian phòng ngủ, Scott bất ngờ xô mạnh Nunnally vào phòng rồi chàng cũng lách vào theo và đóng ập cửa lại. Có tiếng khóa cửa lách cách rồi giọng Scott văng vẳng vọng ra. Mãi sau này, Nunnally mới kể cho tôi nghe đầu đuôi câu chuyện. Scott đã khóa cửa và cất chìa vào túi áo sơ mi rồi nghêng ngang quay ra dạy khôn Nunnally :

— Ê Nunnally, đừng thèm ở Hollywood nữa, đất này sẽ làm cuộc đời cậu suy tàn. Cậu có tài, đừng chôn cái cái tài đó ở đây.

Rồi chàng bắt đầu kể trên đầu ngón tay những bạn văn sĩ có thiên tài của chàng từng bị Holly-

wood đá lên đá xuống để rồi chết dấm chết dúi ở xó nào chẳng ai hay.

Nunnally vốn ưa Hollywood, phản đối ngay :

— Anh nói vậy không đúng. Xưa nay tôi không có tham vọng trở nên một nhà văn lớn. Tôi cũng chẳng thiết tha với danh vọng. Trèo cao mà làm gì ? Tôi tự mãn với địa vị văn sĩ quèn cầm bút để kiếm sống và cảm thấy Hollywood là nơi dễ thở hơn bất cứ nơi nào khác. Vậy thì tại sao tôi lại phải đi ?

Scott gầm lên :

— Cái gì hả thằng bạn gà chết ? Chẳng lẽ mày không biết thế nào là điều hay lẽ phải nữa hay sao ?

Chàng đưa mắt dớn dác nhìn quanh như muốn tìm vật gì để liệng vào đầu Nunnally cho bõ ghét.

— Tao báo động cho mày biết, mày phải đi khỏi đất này. Chỗ này chẳng tốt lành gì cho mày đâu. Nghe lời tao, về Nữu Ước ngay !

Nunnally quyết định phải dùng mưu để thoát khỏi căn phòng rồi tính sau :

— Ờ, kể ra anh nói cũng có lý. Anh nói đúng, tôi sẽ nghe anh. Để chờ viết xong bản thảo hiện giờ tôi sẽ đi ngay.

Scott trợn mắt :

— Mày dám gạt tao hả. Tao đâu phải con nít.

Chàng sấn tới và Nunnally vội vã thụt lui.

— Muốn sống mày phải nói thật cho tao biết mày đang nghĩ gì ?

— Thì tôi nói thật rồi còn gì nữa.

Vừa trả lời, Nunnally vừa lui đến sát tường, trong óc nghĩ thật nhanh cách hạ Scott mà không làm chàng bị thương.

Scott càng tỏ vẻ tức giận, gầm gừ tiến tới. Nunnally xua tay lia lịa, tìm kế hoãn binh :

— Thôi được rồi, tôi hứa với anh. Thề có trời là tôi sẽ đi...

Vừa lúc đó tôi đập cửa rầm rầm và la lớn :

— Anh Scott ! Anh ra đây ngay ! Mọi người muốn gặp anh để cáo từ nè.

Cuối cùng cánh cửa bật mở, Nunnally hấp tấp chuồn ra ngoài, Scott hung hăng đuổi theo bén gót. Rượu đã ngấm, chàng say thật rồi. Hai vợ chồng Cameron tiến ra cản đường tính chào Scott để rút lui, nhưng chưa kịp mở miệng thì Scott đã đùng đùng nổi giận thách thức Cameron nếu có ngon thì đập lộn với chàng. Tuy lớn con hơn Scott nhiều, Cameron vẫn lắc đầu quầy quậy. Scott quay sang Buff bĩu môi :

— Chồng chị chỉ là cái bị thịt, vậy mà cũng đòi mang danh xuất thân ở Harvard, không biết nhục. Nói thật cho chị biết, nếu hắn không nốc ao được tôi thì tôi sẽ giết hắn chết. Tôi đang muốn bị nốc ao thử một bận xem sao.

Scott chợt hét vào mặt Cameron :

— Cameron, hãy thủ thế đi ! Hãy tỏ ra mình

là một người đàn ông. Đánh tao ngã xem nào.

Cameron lúng túng thấy rõ. Ruột tôi như lửa đốt, chưa biết làm cách nào để can hai người thì Cameron bỗng thoi mạnh vào bụng Scott. Thân hình chàng từ từ đổ xuống và cả bọn xúm lại để khiêng chàng tới đặt trên trường kỷ. Trong lúc nửa mê nửa tỉnh, Scott máy môi thều thào những lời thống thiết :

— Trời ơi, một con bò mộng và một kẻ sắp quỵ vì bệnh lao, trời ơi...

Buff cảm thấy có bổn phận của một người chị, lên tiếng vỗ về pha lẫn giọng trách móc :

— Thôi nằm yên đi, đừng nói nhảm nữa. Ai bảo anh kỳ cục ? Nhà tôi mà không đánh anh thì chắc tôi cũng đã ra tay rồi.

Vài phút sau Scott vùng dậy, ra lệnh cho mọi người ai về nhà nấy. Hai người bước ra sau cùng là Nunnally và Marion. Cặp vợ chồng này gần bước lên xe còn nghe Scott nói với theo một câu sỗ sàng :

— Này, từ rày đừng có vác mặt đến đây nữa nghe. Đừng bao giờ !

Nunnally ngoái cổ lại :

— Sao lại không ? Sẽ còn tới nhiều để thăm anh và chị Sheilah nữa chứ.

Scott thét :

— Đừng ! Tao bảo đừng ! Mày thừa biết tao đang sống cuộc đời tội lỗi với một ả nhân tình, vậy thì mày còn tới đây nữa làm gì ?

Tôi không tin ở đôi tai mình. Muốn tặng chàng mấy bạt tai cho đỡ hận, nhưng không hiểu sao tôi vụt quay mình chạy bừa trên vùng bãi biển hun hút gió đêm như người mất trí. Không thể ngờ chàng dám nói câu đó ! Quay đầu nhìn lại ngôi nhà thân yêu dạt dào kỷ niệm, chợt nhận thấy một bóng người loạng choạng chạy ra, băng qua bãi cát và lao mình xuống biển vùng vẫy như điên. Tim tôi buốt nhói, vừa hận lại vừa thương. Trong cơn thảng thốt, giọng tôi lạc hẳn đi :

— Scott, anh sẽ bị lạnh ! Anh sưng phổi mất thôi ! Anh . . .

Không biết Scott có nghe thấy tiếng la thất thanh của tôi không, nhưng chàng bỗng đổi hướng bơi trở vào bờ. Ngụp lặn, ngoi ngóp một hồi rồi chàng đứng dậy được. Tóc tai, quần áo đẫm ướt nước biển, chàng lầm lũi lướt ngang mặt tôi tiến thẳng tới chiếc xe hơi, mở máy rú ga ầm ầm. Chiếc xe chồm lên như con ngựa bất kham rồi lao vụt về phía trước, mất hút.

Một tiếng đồng hồ sau Scott mới khật khưỡng trở về, kè kè một chai rượu mua ở quán Malibu. Chàng chẳng nói chẳng rằng, leo tuốt lên phòng, và tôi nghe rõ tiếng cây thịt gieo mạnh xuống giường.

Mấy ngày sau, văn sĩ trẻ Charlie gọi điện thoại cho tôi, hí hửng khoe rằng gã sắp có một cái hẹn với mầm non Alice. Vụ trục trặc trong buổi tiệc

trà bữa hôm trước kể như đã dàn xếp xong.

— Chị có biết tại sao hôm nọ nàng tránh tôi như tránh hủi không ?

Gã cười lớn và bắt đầu kể cho tôi nghe những ngoắt ngoéo bên trong.

Tối hôm đó, Scott đã lựa dịp kéo Alice ra một chỗ vắng và tuyên bố chàng cảm thấy có trách nhiệm cho nàng biết sự thật về Charlie vì chính chàng là người đã giới thiệu nàng với gã. Rồi chàng bắt đầu dựng đứng một câu chuyện nghe muốn lạnh xương sống : tuy Charlie bề ngoài trông bảnh bao như vậy nhưng thật ra bên trong đầy bệnh phong tình trăm khoanh tứ đốm, vi trùng giang mai đã ăn vào xương tủy, cơ thể đang bị đục khoét dần mòn, các ngón tay có thể rụng bất cứ lúc nào. Thật tội nghiệp. Cho đến bây giờ, mỗi khi đi đâu Charlie cũng phải mặc quần đeo dây thật chặt để các bộ phận trong cơ thể khỏi « rụng » mất ở dọc đường. Không tin Alice cứ thử nhảy với gã một bản, sờ trên lưng gã xem có dây thòng xuống giữ quần hay không ? Scott kể chuyện động trời này bằng một vẻ rất nghiêm trang khiến Alice chẳng nghi ngờ gì hết.

Charlie ở đầu dây bên kia kết luận :

— Thế rồi nàng nhảy với tôi một bản và kết quả ra sao chị đã biết rồi.

— Nhưng làm sao cậu rõ mọi chuyện như vậy ?

Có tiếng cười và tiếng Charlie trả lời :

— Cuối cùng không biết Scott thương hại tôi

sao đó, anh ấy đem hết sự thật kể cho tôi nghe. Mới nghe xong tôi giận điên người vì lối đùa dai ác hại này, nhưng rồi mọi chuyện đâu vào đấy, nghĩ lại thấy cũng vui vui.

— Đùa kiểu đó tôi chẳng thấy vui chút nào.

Charlie lại cười:

— Cũng có thể là không vui nhưng chị cũng đừng bận tâm làm gì. Con người của Scott là như vậy.

22.

ẢNH NHÂN TÌNH. TIẾNG GỌI MÀ CHÀNG gán cho tôi nghe khinh bạc tàn nhẫn làm sao. Nó cứ lởn vởn trong đầu tôi, kêu réo tôi, cười cợt tôi. Lắm lúc tôi muốn phát điên nhưng lại trấn tĩnh được, chua chát tự nhủ lòng: phải, con người của Scott là như vậy. Scott, con người khắc kỷ tự hành hạ mình và hành hạ cả người yêu. Con người mượn rượu để trút hết những bất mãn trong công việc lên đầu đồng nghiệp Nunnally và năn nỉ bạn nối khố Cameron đánh mình ngã gục. Con người đùa giỡn cay độc với những kẻ mà mình quý mến nhất đời.

Giả thử hồi đó tôi biết nhiều về Scott, có lẽ tôi đã hiểu rõ cuộc vật lộn của chàng tại Hollywood, về vũng tối dày đặc trong tâm hồn chàng. Sau khoảng một năm sống bên nhau, chàng vẫn

chẳng cho tôi biết về chàng được mấy tí. Chàng không phải loại người thích được người khác thương hại, còn tôi vì kính trọng chàng quá không dám hỏi han lôi thôi. Vả lại đời nào tôi dám nghĩ là chàng đáng thương hại, chàng làm tôi khâm phục thì có. Tôi luôn luôn ngụp lặn trong tình thương của chàng, mừng vui với những mầm hứng khởi mà chàng gieo rắc quanh tôi, sung sướng với những khung trời mới mà chàng mở rộng trước mắt tôi, và mãn nguyện với những cử chỉ đậm đà mà chàng dành hết cho tôi.

Để đáp lại, tôi chẳng dấu chàng điều gì. Nghĩ gì cũng nói cho chàng nghe, làm gì cũng hỏi ý kiến chàng, từ việc giao tế đến cách làm việc nhất nhất đều theo lời chàng. Nhiều lúc tôi có cảm tưởng chàng là ông thầy còn tôi chỉ là đứa học trò ngu dốt cần được dẫn dắt vào khu rừng trí tuệ mênh mông mà dấu chân chàng còn in khắp lối. Tôi muốn rằng chàng biết và ưa thích thứ gì thì tôi cũng phải biết và ưa thích thứ đó.

Thế rồi không biết tự bao giờ, tôi khám phá ra mình độc quyền theo học tại *Trường Đại Học Một-Thầy-Một-Trò F. Scott Fitzgerald*.

Câu chuyện bắt đầu bằng một bài thơ.

Hôm đó trên đường trở về căn nhà bãi biển sau khi xem chiếu thử một cuốn phim vừa quay xong, Scott vừa lái xe vừa khe khẽ ngâm vừa đủ tôi nghe:

Chàng trai trẻ,
Dưới bóng cây chẳng nỡ bước đi
Để lại khúc tình ca
Những cành cây muôn đời không trụi lá.
Người tình si,
Những nụ hôn không bao giờ có
Tuy cuộc tình nhiều lúc đã gần kề
Đừng thất vọng,
Chưa được nàng, nhưng nàng chẳng biến đi
Cứ yêu mãi,
Sẽ có ngày nàng đoái tưởng...

Bất giác tôi đưa tay nắm lấy tay chàng:

— Em thích bài thơ đó. Câu cuối là gì nhỉ, anh đọc lại cho em nghe đi.

Scott đọc lại câu cuối xong, tôi hỏi tiếp:

— Tác giả là ai thế hả anh?

— Keats. Đoạn này trích trong bài Tình Ca Trên Nắm Xương Người Tình Hy Lạp.

Tôi mơ màng:

— Cứ yêu đi sẽ có ngày nàng đoái tưởng. Hay quá anh ạ. Chưa bao giờ em được nghe một câu thơ đẹp như vậy.

Scott có vẻ hứng chí:

— Em muốn nghe hết bài không? Ở nhà có nguyên một cuốn sách về thơ của Keats. Để lát nữa anh tìm cho em nhé.

Về đến căn nhà bãi biển, việc đầu tiên là tìm cuốn sách. Hai đứa lục lọi một hồi lâu mới lôi được

nó ra từ đống sách ngút ngàn. Scott vội lật ngay trang có bài thơ diễm tuyệt kia và đọc lớn từ đầu chí cuối. Đọc xong chàng ngẩng mặt nhìn điệu bộ tán thưởng của tôi và đề nghị :

— Để anh đọc cho em nghe một bài thơ nữa nhe.

Scott lật một cuốn sách khác và hắng giọng :

— Em nghe nhé, bài này nhan đề là « Gửi Cô Nhân Tình Bẽn Lẽn ».

Thế rồi chàng bắt đầu đọc, giọng ngâm sang sảng vang lên hòa lẫn với tiếng sóng biển rì rào vẳng đưa theo gió. Nét mặt chàng sống với từng câu từng chữ như người diễn viên muốn lột tả hết vai trò :

Nếu không gian và thời gian cho phép,
Và cô gái rụt rè kia chẳng vướng chút bụi trần,
Thì hai ta sẽ ngồi xuống chọn một con đường
Để cùng biết và say men hạnh phúc.

. . . .

Nhưng em có nghe phía sau còn vang vọng
Tiếng xe thời gian tháp cánh đuổi miệt mài
Và trước mặt, ôi bát ngát trời mây
Sa mạc chạy dài đến tận cùng thế giới...

Ngừng lại một chút để lấy lại điệu bộ, đoạn chàng đọc tiếp :

Hãy sống phút này, lúc tuổi mày còn đó
Đọng trên làn da như những đóa sương mai
Lúc hồn em còn rung động bồi hồi,
Từng thớ thịt từng đường gân bốc lửa.

Ta hãy cùng vui khi tuổi đời rộng mở
Như đôi mãnh cầm khi chợt vớ được mồi
Ta hãy ngốn những giờ phút dần trôi
Đừng để lỡ những tháng ngày tung cánh.

Ta hãy vùng lên, con tim và sức mạnh,
Kết tụ lại thành một khối sục sôi
Ta hãy vồ hãy xé những thú vui
Và thoát khỏi cánh cửa đời sắt thép.

Vậy mặt trời kia, ta không cho mi đứng chết
Phải chạy theo ta cho đến hết cuộc đời.

Chàng dứt tiếng và hai đứa cùng yên lặng như để chờ dư âm của bài thơ lắng xuống trong tận cùng tiềm thức. Vài giây trôi qua và Scott quay sang tôi :

— Andrew Marvell đã viết bài thơ này hai trăm năm về trước.

Trong một phút lòng tôi tràn đầy những ý niềm bỡ ngỡ, thì ra người xưa cũng rung động, cũng đắm đuối trong tình yêu như tôi hiện giờ.

Scott nói với tôi như ông thầy đang giảng giải :

— Đây là một trong những nét đẹp của văn chương thế giới. Em thấy không, những điều mà em tha thiết cũng là những điều mà con người của mọi thời mọi chốn ước mơ. Em không lạc lõng, không cô độc, vì tâm hồn em gặp gỡ biết bao người. Đừng bao giờ em có mặc cảm bị bỏ rơi.

Chàng có lý nhưng tôi vẫn chưa yên tâm chút nào :

— Anh chỉ biết em chưa học hết lớp tám, em chắc anh chưa biết rõ kiến thức của em đầy những kẽ hở to tướng. Em đã xấu hổ biết là nhường nào khi nghe anh và vợ chồng Cameron tranh nhau bàn luận về cuộc chiến Ba Mươi Năm. Thật là mỉa mai, em là người Anh mà chẳng biết gì về lịch sử nước Anh, để đến nỗi phải ngồi nghe chuyện về nước mình như vịt nghe sấm. Chắc anh đã hiểu tại sao em ghiền sách của Proust. Em muốn tự chứng tỏ rằng việc học không bao giờ là muộn.

Ngẫm nghĩ một chút, tôi hỏi Scott :

— Nếu có thể anh cho em biết bây giờ em cần đọc những sách gì ? Và anh dạy em về thơ nữa, được không ?

Mắt Scott sáng lên, hình như đây là điều mà chàng dự định từ lâu nhưng chưa tiện nói :

— Được lắm chứ sao lại không.

Vẻ hăng say của Scott khiến tôi được an ủi rất nhiều. Cả hai đứa đều không thể ngờ được rằng sau bao năm dài kể từ ngày tôi rời viện mồ côi, giờ đây tôi lại có dịp tiếp tục việc học.

Từ hôm đó Scott dạy tôi học. Chàng coi công việc này cũng hào hứng như việc viết chuyện phim, và lâu dần biến thành một phần quan trọng trong đời sống ngoài sự tiên liệu của hai đứa. Scott liệt kê thật tỉ mỉ những cuốn sách hay và ấn định thời khóa biểu hàng ngày để tôi cứ theo đó

mà đọc. Thỉnh thoảng chàng lại giao cho tôi cả chục cuốn sách với những lời ghi chú đoạn nào cần đọc, đoạn nào bỏ, và đối chiếu với nhau như thế nào. Trên một trang sách, Scott ghi *Bỏ đoạn này, lăng nhách.* Ở một trang khác, chàng nhấn mạnh *Đọc đoạn này cẩn thận rồi đọc những trang có đánh dấu trong cuốn Những Cuộc Đời của Plutarch. Matthew Arnold và Plutarch sẽ cho em thấy một bức tranh toàn vẹn của thời đại tác giả.* Trên một tập thơ của thi hào Anh John Keats, có những giòng ghi chú *Khi nào đọc tới truyện thứ năm trong số một trăm truyện cổ tích trong tuyển tập Decameron của Boccaccio, em sẽ thấy xuất xứ của bài thơ Đêm Áp Lễ Thánh Agnes.*

Ít lâu nay những tên sách, những tên tác giả nọ kia đối với tôi đã bắt đầu có ý nghĩa. Mỗi nhân vật được nhắc tới đều biến thành một người sống động trước mắt tôi với đầy đủ tim óc. Tôi đã hiểu chân giá trị của những người đi trước từng đổ mồ hôi trên những bản thảo hoặc nát óc khi đi tìm một vài chữ trừu tượng gợi hình.

Nếp sống hàng ngày của chúng tôi được thay đổi. Mỗi ngày tôi để ra ba tiếng đồng hồ để đọc những trang sách do Scott chỉ định. Mỗi tối Scott kiểm soát việc học của tôi. Chàng hỏi, tôi trả lời. Chàng thực sự biến thành một ông thầy. Những chỗ tôi không hiểu, chàng giảng giải bằng vẻ say mê. Mỗi thắc mắc của tôi là một liều thuốc bổ khiến chàng hăng hái yêu đời thêm. Trong khi đó

tôi đóng vai một cô nữ sinh chăm học, thích tìm hiểu và vặn vẹo ông thầy.

Đã có lần Scott nói với tôi :

— Chúng ta sẽ bắt đầu bằng những bước ngắn. Trước hết chúng ta phác họa một cái khung cho việc học tập của em. Em sẽ làm quen với những vấn đề tổng quát trước rồi dần dần đi vào chi tiết sau.

Chính bản thân chàng là một người xưa nay vốn ham học hỏi. Chàng bảo phần lớn các sinh viên sau khi tốt nghiệp xong đều dẹp việc học vào một xó, sách vở gì cũng vứt hết đi. Có lẽ đây là hậu quả của một nền giáo dục không được chu đáo lắm. Mục tiêu của việc dạy dỗ ở trường chỉ là cung cấp cho ta một cái chìa khóa để đi vào kho tàng kiến thức. Nhưng phần lớn chúng ta khi vào đại học là liệng chiếc chìa khóa đó đi ngay, tưởng rằng kiến thức của mình đã quá đủ. Chính ra chỉ những người biết quí chiếc khóa mới đáng được giao chìa khóa, mới đáng học đại học. Các trường học thường lơ là với nhiệm vụ chính yếu là làm sao cho việc học trở nên hứng thú khiến chúng ta ham học và muốn đem những điều học hỏi được áp dụng vào thực tế.

Cuối cùng Scott kết luận :

— Một ngày kia anh sẽ viết một cuốn sách về đề tài này.

Theo sự xắp đặt của Scott, việc đọc sách của tôi luôn luôn có mục tiêu rõ ràng. Chàng dành rất nhiều

thời giờ để tìm tài liệu và chỉ dẫn cách học cho tôi. Khi đọc những bài thơ của Shelley, tôi phải có ở trên bàn một cuốn *Ariel* nói về tiểu sử của ông dưới ngòi bút của nhà văn Pháp André Maurois. Đó là theo lời ghi chú của Scott : *Em sẽ thấy chúng ta có thể tìm hiểu về một người Anh tha hương qua ngòi bút của một người Pháp*... Nhờ đọc tiểu sử tác giả, tôi dễ dàng lãnh hội được từng bài thơ với đầy đủ xuất xứ, bối cảnh...

Khi đọc về Byron, Scott bắt tôi phải đọc nguyên tác trong cuốn *The Oxford Book of English Verse*. Khi đọc về Keats, chàng bắt tôi phải đọc *Thi Tập của John Keats* do Oxford xuất bản từ năm 1910, trong đó chàng ghi rõ bài nào hay bài nào dở. Ví dụ như bên lề bài thơ Người Đẹp Tàn Nhẫn, chàng viết : *Bài này do Leigh Hunt hiệu đính không đúng với nguyên bản, dở lắm. Xem phía dưới*. Và ở cuối trang chàng viết lại bài thơ theo ý của chàng.

Một hôm tôi bảo Scott :

— Em là sinh viên xuất sắc nhất trong trường đại học của anh. Anh biết tên trường là gì không? Trường Đại Học Một-Thầy-Một-Trò F. Scott Fitzgerald !

Scott bật cười vì cái tên trường ngộ nghĩnh và lập tức chàng lên mặt thầy :

— Cô sinh viên hay ngủ nhè kia, cô học khá lắm, thầy sẽ cấp cho cô một văn bằng tốt nghiệp.

Chàng nói đúng, trong đời tôi rồi cũng phải có lúc tôi học thành tài.

Trong chương trình học của tôi có phần thi ca dưới thời Elizabeth. Không những phải đọc về Marvell, tác giả của bài thơ Gửi Cô Nhân Tình Bẽn Lẽn, mà còn phải ghiền một lô các tác giả khác như Herrick, Donne, Jonson, những thi sĩ từng ca ngợi tình yêu nóng bỏng mấy trăm năm về trước. Sự say mê giúp tôi học thuộc được nhiều thơ và Scott đã phải giật mình trước tài học thuộc lòng của tôi. Ngày xưa khi còn ở trong viện mồ côi tôi từng đoạt giải thưởng cũng nhờ tài mọn này.

Đến giờ khảo bài, Scott vừa bước vào chưa kịp nói gì tôi đã đon đả :

— Anh ngồi xuống đây...

Và tôi lập tức liến thoắng đọc hết một bài thơ dài lòng thòng không cần nhìn sách trước cặp mắt khâm phục của chàng. Chàng gật gù khen tôi học giỏi. Bao nhiêu phiền muộn tại phim trường, lo lắng về cô bé Scottie, hoặc những bức thư cổ quái của Zelda chàng quên hết sạch vì thấy tôi chăm học. Tôi bảo chàng :

— Em thích chân lý trong thi ca. Em tin rằng thi ca là tiếng nói trung thực nhất của con người.

Scott lấy làm hứng thú vì thấy đầu óc tôi đã bắt đầu làm việc. Bỗng dưng tôi trở nên một thứ « cuồng chữ » muốn biến mọi vật xung quanh thành văn chương chữ nghĩa. Một buổi chiều kia hai đứa thả bước dọc bãi biển để ngắm cảnh mặt trời từ từ chìm sâu bên kia đáy nước đại dương. Biển lặng gió êm, khung cảnh thật nên thơ. Tâm linh

bỗng xúc động, tôi bèn « xuất khẩu » :

— Anh hãy nhìn xem, ôi cảnh chiều tà sao mà đẹp thế ! Những đợt sóng kia và những tia nắng vàng rơi rớt...

Scott nhăn mặt ngắt ngang :

— Gớm, em đừng nói giọng đó nữa, nghe cải lương quá.

Tôi vừa ngượng vừa giận uất người, muốn gây một trận cho hả. Chàng dám làm cụt « văn hứng » của tôi như vậy thì thật là... Nhận xét của tôi không đúng chăng, tầm thường quá chăng ? Vậy thì phải thế nào mới là văn chương ? Câu nói đó đâu phải do tôi sáng chế ra, tôi phỏng lại của người khác mà. Cố lấy giọng điềm tĩnh tôi bảo chàng :

— Nhờ đọc sách đầu em chứa đầy những văn từ hoa mỹ, nhưng có lẽ em chưa biết cách xử dụng chúng. Anh cũng đừng tức giận làm gì. Em cần đến chúng vì chúng là những nấc thang để em tập bước. Phải có chúng em mới yên tâm.

Ngừng lại một chút để nuốt hẳn những tức bực vào bụng, tôi buồn buồn tiếp :

— Em tìm tới anh, nói cho anh biết hết sự ngu dốt của em để nhờ anh chỉ bảo. Đáng lẽ anh không nên cứng rắn với em quá như vậy.

Scott rất ăn năn, dịu giọng :

— Anh xin lỗi em. Đó là tại vì anh nóng lòng muốn em chóng khá. Anh đã bất công với em và trách em vô lý. Thôi em đừng buồn, anh hứa sẽ không vô lý như vậy nữa.

Và Scott đã giữ lời. Từ đấy về sau, không khi nào chàng để tôi phải bẽ bàng vì sự non nớt của mình. Trái lại chàng còn khéo léo khuyến khích tôi nói lên tất cả những gì tôi nghĩ. Trước kia, mỗi khi gặp chữ hoặc câu nào khó hiểu, tôi lẳng lặng bỏ qua vì cho rằng đem hỏi chàng những chuyện quá nhỏ nhặt như vậy là kỳ cục. Nhưng hiện giờ chàng đã chứng tỏ cho tôi thấy thắc mắc mà không hỏi còn kỳ cục hơn.

Scott dạy tôi biết quý trọng sách vở. Khi thấy tôi gấp một trang sách để đánh dấu, chàng cự ngay:

— Em gấp như vậy làm hư cuốn sách đi. Anh sẽ làm cho em đồ để đánh dấu, từ rày đừng gấp nữa.

Chàng nói là làm. Từ đó về sau mỗi cuốn sách chàng trao cho tôi đều có gắn một sợi dây để đánh dấu trang.

Một lần khác, thấy tôi lật trang cuối một cuốn sách để xem kết cục, chàng nhắn :

— Sao em lại trẻ con thế. Em phải nhớ rằng tác giả đã tốn bao công trình để xắp đặt cốt truyện có thứ tự trước sau, dĩ nhiên ông ta muốn độc giả phải theo đúng thứ tự đó để sống với diễn biến của câu chuyện. Vậy mỗi khi đọc sách, em phải luôn luôn tôn trọng sự sắp đặt của tác giả.

Sau những bài học có tính cách văn chương thuần túy, một hôm Scott đưa cho tôi hai cuốn *Mein Kampf* của Hitler và *Das Kapital* của Marx, rồi mỗi ngày chàng cùng đọc với tôi thật cẩn thận từng chương một, giảng giải thật rõ ràng từng chi

tiết. Thấy chàng quá tận tâm vì mình, tôi cảm động :

— Anh Scott, em có cảm tưởng rằng anh đang lột xác cho em. Tuy đau đớn nhưng nếu không có anh chắc chẳng bao giờ em có cơ hội này.

Theo chương trình mà Scott đề ra, tôi sẽ phải học hết các môn như Văn Chương Qua Các Thời Đại, Chính Trị, Lịch Sử Cổ Kim, Triết Học, Tôn Giáo, Nghệ Thuật và Âm Nhạc. Môn nào cũng đòi hỏi một thời gian khá lâu và số sách đọc kinh khủng, nhưng có chàng ở bên cạnh tôi không hề sờn lòng.

Không hiểu từ lúc nào tôi biết nói chuyện trí thức, ý tưởng thật dồi dào. Tôi không còn nghe cái lời giảng của Scott một cách thụ động nữa mà vặn lại chàng, đưa ra ý kiến mới, nhiều khi chàng phải công nhận tôi có nhiều tư tưởng mới lạ. Chàng bảo :

— Học hỏi phải như thế mới được. Đừng bao giờ nói điều gì ngược với ý nghĩ của mình chỉ vì muốn làm hài lòng người khác.

Tôi đã có thể cùng chàng đàm luận, và lần đầu tiên đứng trước một người đàn ông có trình độ văn hóa như chàng, tôi dám mạnh miệng khen chê đủ mọi vấn đề. Tự do tư tưởng là một thứ tự do mới mẻ đối với tôi, và tôi tận dụng nó. Nhiều lúc tôi tự hỏi mấy năm vừa rồi mình lạc nẻo đi đâu ? Tại sao mình không theo con đường này ? Kiến thức cũng là một món ăn hấp dẫn cần thiết

như khiêu vũ, như làm tình, hoặc như được người khác ngưỡng mộ nể vì. Phải chăng đây là một lẽ sống mới, một thứ mà mình hằng tha thiết, mỏi mắt kiếm tìm ?

Trước kia tôi vẫn thường quan niệm rằng mình phải đẹp, ngoài sắc đẹp ra thiên hạ chẳng ưa mình vào cái khổ nào được. Ý nghĩ một ngày kia khi tôi già xấu thiên hạ sẽ đá tôi vào lề đường cứ lảng vảng mãi quanh tôi như một chiếc bóng hãi hùng. Nhưng Soctt đã giúp tôi xua đuổi chiếc bóng đó đi và mang lại cho tôi nguồn hy vọng mới. Chàng làm tôi không thù hận thời gian nữa và dọn cho tôi một con đường để trở thành một người đàn bà thực sự khả ái, hiểu biết, mà mọi người đều thích được ở gần. Có lần chàng ôn tồn nói với tôi :

— Sheilo, em phải luôn luôn nhớ rằng một khi em nắm vững những tấm gương lịch sử trong tay, em sẽ không còn mặc cảm sợ hãi nữa. Em sẽ tìm thấy một gạch nối giữa em và thế giới xung quanh. Em sẽ cảm thấy yên ổn vì đã tìm được một chỗ đứng trong cuộc sống.

Càng suy nghĩ tôi càng cảm thấy chàng có lý.

23.

TRONG VÙNG ENCINO THUỘC THUNG lũng San Fernando có một sở đất tên là « Trại Bụng Phệ » do tài tử Edward Everett Horton cai quản. Tôi đã điều đình với ông ta để mướn một căn nhà thật tiện nghi cho hai đứa, vì căn nhà bãi biển đã mãn giao kèo và khí hậu tại Malibu về mùa đông quá lạnh và ẩm đối với Scott. Scott cực lực phản đối về việc mướn nhà mới, chàng bảo :

— Chẳng lẽ anh đi nói với thiên hạ rằng anh đang sống trong chiếc Bụng Phệ hay sao ?

Nhưng phản đối là việc của chàng, còn mướn nhà là việc của tôi. Tôi đã quyết định dọn về thung lũng ấm áp này trong một căn nhà thơ mộng. Xa xa là cảnh núi rừng ngút mắt, những rặng phi lao bốn mùa thì thào kể lể, những khóm phong lá rủ cành mềm. Xung quanh nhà là những thảm cỏ xanh mướt, một khu vườn xinh xắn trồ

đầy hoa hồng, vàng đỏ, khoe tươi bên hàng giậu thưa sơn trắng. Dưới bóng mát của những cây mộc lan cành lá xum xuê là vài chiếc ghế vải đong đưa mời mọc. Mé bên kia là chiếc hồ tắm tí hon và một sân quần vợt. Ngôi nhà có ban công thật lớn chĩa ra ngoài ăn thông với phòng Scott, chàng tha hồ mà *đi tới đi lui*; chán thì thôi.

Lúc đầu Scott có vẻ hững hờ với ngôi nhà và khung cảnh bao quanh. Nhưng một hôm Buff Cobb tới chơi, Scott dẫn nàng đi thăm thú một vòng và nói:

— Chị thấy không, nơi này chẳng có gì là gợi cảm ?

Buff nhìn quanh, ngần ngừ:

— Nhưng... khu vườn đẹp đấy chứ.

Scott đồng ý một cách miễn cưỡng :

— Ừ thì cũng tạm coi được.

Buff nhận xét thêm :

— Trông mấy chiếc trụ hàng rào màu trắng kia tôi lại liên tưởng tới những chiếc mộ bia ở nghĩa địa Liên Bang...

Mắt Scott chợt sáng lên như vừa khám phá ra một kho tàng vô giá. Chàng la lớn:

— Sheilo!

Và chàng ùa vào trong nhà tìm tôi :

— Em ơi, Buff nói đúng, nơi này nên thơ thật. Em chọn ngôi nhà này khéo lắm.

Hiện giờ thì Scott bắt đầu mê ngôi nhà. Chàng đề nghị tôi thôi mướn căn nhà tại Hollywood để dọn về ở hẳn với chàng tại đây. Và để có chỗ

tạm nghỉ những lúc kẹt lại Hollywood, hai đứa mướn một căn phòng hai buồng tại đại lộ Hoàng Hôn ngay trung tâm thành phố.

Scott giúp tôi chọn đồ đạc cho ngôi nhà mới. Hai đứa dắt tay nhau như đôi vợ chồng mới cưới đi suốt một buổi sáng quanh các tiệm đồ gỗ ở Los Angeles để mua thảm lót nhà, bàn giấy, đèn làm việc v.v... Những thứ mà hai đứa đắc ý nhất là một chiếc trường kỷ bọc vải xanh và một chiếc ghế bành rộng mênh mông, nệm thật êm. Scott ngồi nhún thử thấy bềnh bồng như ngồi trên mây.

Tháng giêng năm 1939, Scott được giao nhiệm vụ thay thế một số đồng nghiệp khác để tiếp tục soạn phần đối thoại cho siêu phẩm *Cuốn Theo Chiều Gió*. Suốt một tuần lễ, chàng bù đầu với một cảnh nổi tiếng trong phim, đó là lúc Scarlett O'Hara bước xuống cầu thang để gặp Rhett Butler. Chàng luôn mồm tự hỏi: *Nàng sẽ nói gì với chàng và chàng sẽ nói gì với nàng?* Về nhà, Scott bắt tôi thủ vai O'Hara và chàng giả làm Butler để diễn thử. Tôi đứng trên đầu chiếc cầu thang uốn, lấy bộ điệu thật kiểu cách, một tay nâng chiếc vạt áo tưởng tượng. Scott đứng dưới chân cầu thang ra lệnh :

— Rồi, bây giờ bắt đầu bước xuống, thật khoan thai, mắt liếc nhìn anh...

Cố lấy vẻ yểu điệu thướt tha, đầu ngẩng cao, tay vén áo để khỏi quét xuống những bậc thang, tôi bước xuống. Phía dưới, Scott đứng nhìn lên

với nụ cười tự tin pha thêm chút lẳng lơ ngạo mạn thường thấy ở những người từng lăn lộn nhiều trên tình trường.

— Cô O'Hara đấy à...

Giọng chàng dịu ngọt.

Tôi tiếp tục thả nhẹ từng bước, một tay phe phẩy chiếc quạt tưởng tượng, miện ỏn ẻn :

— A ! Đại Úy Butler, vậy mà tôi tưởng...

Thấy tôi có vẻ « kịch » quá, Scott che miệng khúc khích khiến tôi vừa ngượng vừa buồn cười. Tôi chạy ùa xuống bá cổ chàng và hai đứa được một bữa cười no. Một lúc lâu sau tôi mới lấy lại được hơi, lên giọng trách :

— Bộ em đóng như vậy không phải hay sao ? Anh bảo sao em làm vậy anh còn cười gì ? Thôi anh đóng một mình đi.

Scott vội cười khỏa lấp, nói lảng :

— Hay là bây giờ anh soạn sẵn ra giấy đã nhé. Như vậy sẽ dễ hơn.

Tuy đã cố gắng hết sức để vượt qua những đoạn hắc búa mà các đồng nghiệp khác đã thất bại, Scott cũng chỉ kéo dài được hai tuần lễ là bị loại khỏi vòng chiến. Chủ hãng thay chàng và thay luôn cả vị đạo diễn, và kết quả là hãng Metro không ký hợp đồng mới với chàng nữa. *Cuốn Theo Chiều Gió* là cuốn phim cuối cùng mà chàng hợp tác với hãng này sau mười tám tháng tròn.

Lần đầu tiên kể từ ngày tới Hollywood, Scott kẹt tiền vì không lương. Nhưng chàng vẫn hy vọng :

— Không sao, anh sẽ hợp tác với các hãng từng phim một. Nếu không thì anh lại viết tiểu thuyết vậy, và nếu cần viết thêm một ít truyện ngắn nữa.

Đúng lúc đang lúng túng thì một anh bạn cũ lù lù hiện ra. Walter Wanger, hiện là một nhà sản xuất phim ảnh, nghe tin chàng « rảnh rỗi » bèn tìm tới mướn chàng làm việc chung với một văn sĩ trẻ tên là Budd Schulberg để thực hiện một cuốn phim về Ngày Hội Trượt Tuyết do trường đại học Dartmouth tổ chức hàng năm tại Hanover, New Hampshire. Wanger là cựu sinh viên Dartmouth và Budd cũng vừa xuất thân ở trường này. Không hiểu thâm tâm Scott nghĩ sao về việc hợp tác với một cây bút mới tập tễnh vào nghề như Budd nhất là gã này tuy rất ngưỡng mộ chàng nhưng lại phạm vào điều cấm kỵ của chàng : gã dám tuyên bố tưởng Scott đã chết từ lâu. Cũng có thể chàng hơi bực mình nhưng chẳng để lộ ra ngoài. Hơn nữa chàng vốn mến những cây bút trẻ, sự hợp tác giữa hai người hoàn toàn cởi mở, thân thiện.

Suốt mấy ngày liền, Scott và Budd cặm cụi với bản thảo. Scott luôn luôn mê say những công việc mới. Chàng để hết tâm trí vào cuốn phim, cố đưa sức sống và những nét thơ mộng vào kỳ nghỉ cuối tuần của đám sinh viên trong truyện. Có lẽ đây là một trong những đề tài « tủ » của chàng vì trước kia còn ai không biết tiếng chàng là tay chơi số một trong làng sinh viên. Chàng chỉ việc

nhớ lại cuộc đời chàng hồi còn ở đại học rồi ghi lại trên giấy đã là quá đủ. Nhưng vẫn có nhiều lúc tôi phân vân lo lắng. Liệu chàng có thành công dễ dàng như mình tưởng không? Nếu thành công chàng sẽ tiếp tục đến khi nào? Còn nếu thất bại, số phận chàng sẽ đi về đâu? Dịp may liệu có tới nữa không? Có lẽ đây cũng chính là những mối suy tư của Scott. Những lúc đêm khuya canh vắng, vạn vật đều chìm trong giấc ngủ nhưng tiếng chân Scott vẫn vang lên đều đều tưởng không bao giờ dứt. Đã nhiều đêm chàng thức trắng để đếm bước trên ban công. Gần sáng chàng mới chợp mắt được một tí để rồi uể oải thức dậy với bộ mặt màu đất sét...

Một buổi sáng kia Scott nói với tôi một cách bình thản, thứ bình thản của người chấp nhận mọi sự :

— Bệnh anh tái phát em ạ.

Chàng hâm hấp sốt và đổ mồ hôi về đêm, có đêm chàng phải thay vải trải giường hai ba bận.

Tuy đây không phải là một tin bất ngờ nhưng cũng đủ cho tôi điếng người hoảng hốt. Tôi cuống cuồng tìm ống cặp thủy để bắt chàng đo nhiệt độ. Chàng cằn nhằn phản đối nhưng rồi cũng phải nghe lời. Ba mươi tám độ rưỡi. Không còn nghi ngờ gì nữa. Thấy mặt tôi méo xệch, chàng gắt :

— Em làm gì mà rối lên vậy. Anh đâu phải đứa trẻ lên ba, anh tự lo lấy được. Hãy quên chuyện này đi.

Giữa lúc ruột tôi như tơ vò thì Scott nhận được một cú điện tín của Wanger bảo chàng và Budd phải đi Nữu Ước gặp hắn ngay để bắt tay vào việc quay phim. Tôi nhất định ngăn cản Scott. Đang bệnh như vậy đi thế nào được. Mất việc thì thôi, sức khoẻ mới quan trọng.

Scott buồn buồn :

— Anh phải đi em ạ. Anh không thể bỏ công việc nửa chừng.

Biết chàng đã quyết ý, tôi đành phó mặc cho trời :

— Thôi được rồi, em sẽ để anh đi nhưng với điều kiện anh phải cho em theo. Em muốn nhân dịp này ghé chơi Nữu Ước, lâu lắm rồi em không về đó. Trong khi em vắng mặt ở đây, Jonah Ruddy sẽ viết bài dùm em.

Thế rồi ba đứa đáp phi cơ đi Nữu Ước.

Ngồi trên máy bay thật là cô độc, nỗi buồn kéo đến gậm nhấm tâm hồn tôi. Scott còn mải thảo luận với Budd về bản thảo của hai người, thì giờ đâu mà ngó đến tôi. Màn đêm đã dần buông, tôi cảm thấy mệt mỏi lạ thường, uể oải đứng dậy bước về ngăn của mình ngả dài trên ghế và chợp đi lúc nào không biết. Bừng mắt dậy đã thấy sáng. Nhìn sang phía Scott tôi bắt gặp bộ mặt xám ngoét của tử thần. Đã bảo mà, bệnh mà cứ đòi đi, lại không thèm ngủ nữa mới khổ chứ. Thực ra đó mới chỉ là một phần. Lý do chính là chàng đã uống rượu. Trước khi lên phi cơ, ông cụ thân sinh

ra Budd đã dúi cho cậu con một chai sâm banh cỡ lớn để nhấm nháp dọc đường, và trong khi tôi ngủ quên hai người đã thay phiên nhau nốc hết. Khám phá ra điều này tôi giận Scott bầm gan tím ruột nhưng trước mặt Budd tôi chỉ biết nuốt nước bọt làm ngơ.

Khi tới Nữu Ước hai người thả tôi xuống khách sạn Weylin để đi gặp Wanger tại hội quán Waldorf, rồi bộ ba thẳng đường đáp xe hỏa đi Hanover, địa điểm quay phim. Họ sẽ lưu lại đây khoảng một tuần. Trước khi chia tay, Scott dặn tôi :

— Tốt hơn em đừng gọi điện thoại cho anh vì anh sẽ rất bận. Những lúc rỗi rảnh anh sẽ gọi em.

Chàng vừa đi khỏi là tôi bắt đầu đếm từng giờ từng phút. Mấy ngày chờ đợi tưởng như mấy thế kỷ. Thế rồi chuông điện thoại reo. Vớ lấy ống nghe, chưa kịp mừng đã vội buồn lo. Giọng Scott rất vui vẻ nhưng không phải thứ vui vẻ bình thường, hơn nữa trong máy lại có tiếng lao xao cười đùa của rất nhiều người khác. Vặn hỏi hồi lâu, chàng mới chịu thú thật là đang ở quán Hanover và đang cùng Budd *uống chút xíu đỡ buồn*. Nghe chàng nói mà tôi muốn gào lên, chàng vô tình quá, chàng đâu có thương tôi. Tôi lo sợ là thế mà chàng vẫn nhởn nhơ. Bệnh phổi mà cứ nốc rượu vào mãi thì chết còn gì. Câu cuối cùng chàng nói với tôi :

— Thứ sáu này anh về. Sẽ gọi lại cho em.

Chờ đợi, nhớ mong, bực tức. Hứa gọi lại rồi im luôn. Bảo thứ sáu về cũng chẳng thấy tăm hơi đâu. Nỗi bực tức biến thành hoảng sợ, bao nhiêu hình ảnh hãi hùng cứ lởn vởn trong óc tôi, trí tưởng tượng của tôi tha hồ làm việc đến nỗi nhiều lúc muốn hét lên chạy đi tìm chàng để xem chàng đã bị làm sao chưa.

Hết ngày thứ sáu, lo sợ thứ bảy, kinh khủng chủ nhật. Hết kiên nhẫn nổi, tôi điện thoại cho quán Hanover hỏi thăm tin tức Scott. Viên quản lý cho biết Scott và Budd không còn trọ tại đây nữa, hai người đã đi từ mấy hôm trước. Scott đã đi đâu? Ruột rối như mớ bòng bong, tôi lật điện thoại niên giám và gọi tất cả các quán trọ trong vùng nhưng câu trả lời luôn luôn là ông ta không có ở đây.

Cả ngày thứ hai tôi ngồi chờ trong nỗi tuyệt vọng, ruột gan héo hắt. Cơm tối chỉ ăn qua loa mấy miếng rồi lại trở về căn phòng trống vắng ngồi lặng yên nghe tiếng lòng nức nở. Bỗng có tiếng chuông reo, tôi xô ghế chộp lấy điện thoại, hấp tấp hỏi ngay :

— Anh Scott đó hả?

— Không phải, Budd đây...

— Chuyện gì đã xảy ra? Anh Scott đâu rồi?

Giọng Budd hơi run :

— Tôi rất tiếc phải báo chị biết một tin buồn. Anh ấy...

Mắt tôi hoa lên, khắp người lạnh buốt. Tôi la hoảng:

— Sao? Anh ấy chết rồi phải không?

Tôi chấm dứt câu nói bằng tiếng nấc nghẹn ngào, nước mắt chực tuôn ra. Budd vội cải chính:

— Không phải đâu, chị hiểu lầm rồi. Tôi muốn nói anh ấy bị bệnh và hiện đang được tôi săn sóc. Anh ấy uống nhiều quá...

Rồi Budd quay ra tự trách:

— Cũng tại tôi làm đầu têu nên mới sinh chuyện. Đáng lẽ hôm đó tôi không nên cho Scott uống sâm banh trên máy bay. Tôi đâu có dè anh ấy đã lỡ uống vào là phải uống mãi. Suốt mấy ngày ở đây anh đã nốc không biết bao nhiêu rượu và gây ra lắm cảnh trớ trêu tại Dartmouth. Tệ hại nhất là anh ấy rượu vào lời ra với Wanger khiến ông ta nổi giận đuổi cả hai đứa tôi khỏi Hanover. Thật là họa vô đơn chí...

Tôi nóng nảy ngắt lời:

— Nhưng Scott hiện giờ ở đâu.

Đầu dây bên kia Budd ngập ngừng:

— Rất tiếc tôi không thể cho chị biết. Scott đã bắt tôi hứa phải dấu chị, nhưng tôi có thể bảo đảm với chị rằng chị sẽ được gặp anh ấy một ngày rất gần đây. Ngoài ra tôi không thể cho chị biết thêm điều gì khác. Thôi, chào chị.

Có tiếng gác máy. Tôi thẫn thờ ngồi xuống bên chiếc điện thoại. Anh Scott, thật tội nghiệp cho anh! Tôi oán Budd về vụ chuốc rượu Scott

trên máy bay, nhưng tôi cũng tự trách mình vì đã không cương quyết bắt chàng ở lại Hollywood. Không hiểu rồi hậu quả sẽ đi tới đâu.

Đang ngồi buồn nhìn ra cửa sổ thì tiếng chuông điện thoại reo.

— Sheilo, em đó hả.

Giọng nói của Scott. Chàng vừa về tới cách đây vài phút và đã mướn một căn phòng ở tầng dưới, cùng một khách sạn với tôi. Tôi hấp tấp chạy xuống phòng chàng. Vừa bước vào gặp ngay một thân hình khô héo thu gọn trong lòng chiếc ghế nệm, đầu tóc bờm xờm, râu ria không cạo. Scott đưa bộ mặt hốc hác ra cười với tôi khiến tôi đau xót. Trông chàng tiều tụy quá, nước da xám như tro tàn. Chàng đã trải qua một cơn ác mộng ghê gớm nhất đời tại vùng tuyết phủ Hanover. Chàng kể:

— Chưa bao giờ anh cảm thấy lạnh như vậy. Giữa lúc lên cơn sốt, anh phải theo Wanger và Budd leo lên một ngọn đồi tuyết để quay cảnh các tay đua phi thân từ đỉnh đồi xuống. Thật là một cực hình. Anh phải cắn răng lê từng bước trên mặt tuyết, mỗi cái nhấc chân là một lần đau nhói, trời đất quay cuồng, tưởng như quãng đường trước mặt càng ngày càng dài mãi ra. Nhiều lúc anh tin chắc phen này phải chết, nhưng rồi cũng lết được tới đỉnh.

Ngừng lại một chút để nhìn tôi, Scott nói như xin lỗi :

— Đáng lẽ anh phải nghe lời em ở lại Hollywood, nhưng chỉ vì... chỉ vì anh cần tiền, em ạ.

Vẻ ngập ngừng của Scott làm tôi chua xót, cảm thấy thương chàng hơn bao giờ hết. Lần đầu tiên chàng phải lo lắng về tiền bạc. Tôi dịu dàng bảo chàng :

— Thôi, anh vào giường nghỉ đi cho đỡ mệt. Để em gọi bác sĩ và y tá đến lo cho anh.

Scott chống tay vào thành ghế gượng đứng dậy, thở một hơi dài :

— Phải đi kiếm cái gì uống mới được. Cả chai mới đã khát.

Thấy chàng sắp giở thói ngang tàng, tôi dụ :

— Được rồi, anh cứ vào giường nằm đi đã. Muốn chai gì thì để em chạy đi lấy cho.

Nhưng tôi vừa đứng dậy tiến lại giường Scott để coi lại chăn nệm ra sao thì có tiếng chân bước ra cửa. Scott đã chuồn ra ngoài và đang rảo cẳng chạy xuống cầu thang. Tôi gọi giật lại :

— Anh ! Anh Scott !

Nhưng chàng đã mất hút.

Tôi hoảng hốt chạy vội về phòng mình, buồn lo lẫn lộn. Phải làm thế nào để cứu vẫn tình thế, đưa chàng trở lại Hollywood ? Nhấc điện thoại kêu một vị bác sĩ từng chữa cho tôi trước kia, khi tôi còn ở Nữu Ước. Ông ta trả lời :

— Trong trường hợp này bà nên mời một nhà

phân tâm học. Bác sĩ Richard Hoffman rất rành về khoa này.

Theo lời đề nghị, tôi điện thoại mời Bác sĩ Hoffman. Chỉ một lát sau Hoffman tới nhưng Scott vẫn biệt tăm. Ông là một người nói năng nhỏ nhẹ, cặp mắt sắc bén, quyết rũ. Nhân lúc Scott chưa về, tôi kể cho ông nghe sơ qua về Scott. Cuối cùng ông mỉm cười :

— Tưởng ai chứ ông Fitzgerald thì tôi biết và rất ngưỡng mộ. Năm 1925, tôi có gặp hai vợ chồng ông ta ở Ba Lê nhiều lần, nhất là trong các buổi tiệc trà do bạn bè tổ chức.

— Bác sĩ biết anh ấy uống rượu ?

Hoffman gật đầu :

— Hồi đó tôi rất chú ý tới ông ta và không bỏ qua một tác phẩm nào của ông.

— Nếu vậy xin Bác sĩ làm ơn chữa dùm anh ấy...

— Được rồi bà khỏi lo, tôi xin hứa sẽ cố gắng hết sức. Dù sao cũng là chỗ quen biết từ lâu...

Tiếng động ở ngoài cửa ngắt ngang câu nói. Scott khệnh khạng bước vào, tay thủ chai rượu lớn. Tôi đứng dậy giới thiệu hai người :

— Đây là Bác sĩ Hoffman, một chuyên gia về phân tâm học. Anh đã gặp Bác sĩ nhiều lần hồi còn ở Ba Lê mười mấy năm về trước, anh nhớ chứ...

Scott bắt tay Hoffman với vẻ lễ phép quá lố, liến thoắng :

— Dĩ nhiên, dĩ nhiên anh nhớ.

Tuy miệng nói nhớ nhưng nét mặt bảo cho mọi người biết chàng chẳng nhớ gì hết, đôi mắt đờ đẫn dương lên nhìn Hoffman như trông thấy ma. Chàng chỉ một chiếc ghế :

— Mời Bác sĩ ngồi chơi.

Chưa ai kịp ngồi chàng đã gieo mình xuống nệm, đưa tay vặn nút chai, ngửa cổ dốc một hơi dài. Đoạn đậy nút lại như cũ, cất chai rượu vào túi áo rồi mới từ từ quay sang Hoffman :

— Hì hì, Bác sĩ phân tâm học hả ? Bây giờ Bác sĩ muốn phân tâm gì tôi thì nói đi.

Tôi đứng dậy xin lỗi và rời phòng để Hoffman dễ làm việc.

Đêm hôm đó Bác sĩ Hoffman chở Scott vào nhà thương và bắt chàng vào khuôn khổ thật cứng rắn. Mỗi ngày Bác sĩ tới thăm chàng một lần, tận tình chạy chữa. Đến cuối tuần, Scott đã có vẻ khá hơn trước nhiều. Bác sĩ cho phép chàng về khách sạn để tự tay tôi săn sóc. Hàng ngày Bác sĩ vẫn tới thăm bệnh đều đều.

Hai tuần sau chúng tôi trở về Hollywood.

Kể từ hôm gặp Bác sĩ Hoffman lần đầu, tôi chưa có dịp nào nói chuyện riêng với ông, nhưng Scott không tin. Chàng luôn bị ám ảnh bởi ý nghĩ sau lưng Bác sĩ đã với tôi rất nhiều mà tôi dấu.

— Anh muốn biết tất cả những điều mà Bác sĩ Hoffman nói riêng với em về anh. Anh không thích kiểu bưng bít dấu diếm.

Rồi Scott bắt tôi thề danh dự. Dường như chàng

rất sợ Bác sĩ Hoffman đã tiết lộ cho tôi biết bệnh tình nguy ngập của chàng để tôi phải nhỏ lệ xót thương. Chàng không bao giờ chấp nhận việc người khác xót thương chàng.

Mãi nhiều năm sau, tôi mới có dịp gặp lại Bác sĩ Hoffman và yêu cầu ông cho biết bệnh trạng của Scott hồi trước. Lúc này ông mới kể hết cho tôi nghe về những điều mà ông biết về Scott. Scott mắc bệnh « thiếu đường » vì số lượng đường trong cơ thể chàng bị đốt mau quá. Chứng bệnh này có tính chất trái ngược với bệnh « đái đường » mà ta thường thấy. Bệnh có thể do rượu gây ra, nhưng khi đã mắc rồi thì chỉ có rượu mới giúp cơ thể cầm cự được. Cơ thể chàng rất cần chất ngọt và rượu là thứ giúp chất ngọt tan vào máu nhanh nhất. Bây giờ tôi đã hiểu tại sao Scott uống Coca Cola suốt ngày, cà phê cũng bỏ thật nhiều đường và kẹo bánh chàng ăn luôn miệng.

Bác sĩ Hoffman đã trị bệnh cho Scott bằng phương pháp tâm lý. Mỗi ngày ông dành một giờ để nói chuyện với Scott, giúp chàng tự phân tích thái độ của mình đối với bản thân và tương lai. Bác sĩ bảo lúc đó Scott đang tuyệt vọng. Chàng tin chắc rằng nghiệp văn của chàng đến đây là hết. Chàng nói :

— Thế là hết. Hết tất cả.

Bác sĩ Hoffman an ủi :

— Như vậy chưa có nghĩa là ông phải chết, mới chỉ là sự ra đi của tuổi trẻ mà thôi. Lúc này

là lúc giao biến giữa hai thời kỳ chứ không phải là một sự chấm dứt. Ông sẽ phải tĩnh dưỡng một thời gian rồi lại khỏe mạnh như thường.

Bác sĩ mượn một câu nói của Emerson để khuyên Scott :

— « Chỉ có lúc đứng trên sự đổ vỡ, người ta mới có dịp rèn được ý chí », cũng như người đứng bên bờ vực thẳm mà không sa chân mới đáng phục. Giờ đây chúng ta cần đạp đổ bức tường thất vọng để trên đống gạch vụn ta sẽ xây dựng lại từ đầu.

Ít lâu sau, khi Scott viết thư hỏi Bác sĩ Hoffman về những phí tổn mà chàng phải chịu trong thời gian chữa trị, Bác sĩ cương quyết không nhận. Trong thư trả lời, ông viết :

— Chúng ta hãy dành tiền đó để mua một vòng hoa đặt trên nơi an nghỉ của tuổi thanh niên, để rồi từ đó ta lại tiếp tục dấn bước cho đến hết cuộc đời.

24.

TRỞ VỀ CĂN NHÀ THUNG LŨNG, SCOTT cố khép mình vào cuộc sống thanh tĩnh. Đúng là một cực hình đối với chàng. Chẳng hãng nào ký hợp đồng với chàng, chẳng ai mướn chàng viết truyện, lợi tức của chàng là con số không to tướng. Những tháng ngày chật vật bắt đầu. Suốt năm đó hai đứa đã trải qua những giây phút đen tối nhất.

Không lúc nào tôi dám cả quyết chàng có uống rượu hay không. Thời gian gần đây, chàng mỗi lúc một thêm ưu tư phiền muộn. Cũng có lúc chàng chợt hăng hái khác thường, bàn chuyện làm ăn tương lai với vẻ hứng khởi. Chàng bảo chàng sẽ viết tiểu thuyết lại, hoặc phóng bút để ra những truyện ngắn mỗi truyện bán được ba ngàn Mỹ kim như ngày trước... nhưng chỉ một lát sau bao hăng hái lại xẹp xuống và chàng trở về với nét mặt trầm buồn thường lệ. Biến cố tại vùng tuyết phủ

Hanover đã làm chàng mất tự tin. Chàng không ngớt viết thư cho Scottie ở Vassar, hoặc liên lạc với các chủ bút và đại lý xuất bản cũ của chàng tại Nữu Ước, hỏi họ tại sao không tái bản sách của chàng. Những cử chỉ nôn nóng này khiến tôi nghi ngờ có sự tiếp tay của con ma rượu, và tôi rất tức giận khi nghĩ rằng chàng đã dấu diếm tôi. Xưa nay *gin* là thứ rượu ít bay mùi nhất, có thể chàng vẫn uống lén mà tôi không biết. Từ đó tôi tìm cách lảng vảng thật gần chàng để dò xét, và một hôm tôi ngửi thấy mùi rượu thoang thoảng trong hơi thở của chàng. Tôi bắt nọn ngay :

— Anh lại uống rượu phải không ? Em chắc chắn anh vừa uống.

Mặt Scott đanh lại :

— Không việc gì đến em.

Tôi bật khóc :

— Không việc gì à. Em ghét anh khi anh uống rượu. Tại sao anh cứ thích uống thứ nước đắng cay đó mãi ? Hồi em mới gặp anh, anh đâu có uống. Tại sao bây giờ anh đổ đốn như vậy ?

Scott hơi cáu, vặn lại :

— Em thấy anh uống hồi nào ?

Và chàng vùng vằng bỏ đi.

Một buổi chiều kia, đợi Scott xuống phố hớt tóc, tôi lẻn vào phòng làm việc của chàng và lục lọi khắp nơi. Khi mở đến ngăn kéo bàn giấy tôi bắt gặp mười một chiếc chai không, thứ chai nhỏ

đựng *gin*. Tôi hầm hầm nổi giận, mong chàng về sớm để gây.

Scott vừa đặt chân vào nhà, tôi vặn ngay :

— Anh bảo anh không uống rượu, vậy những chai này là chai gì.

Mãi sau này tôi mới nhận thấy mình đã xử sự nông nổi, không khác gì con bò rừng hơi tí nổi điên húc bừa. Tôi đã không tế nhị tìm cách khuyên lơn chàng, hay ít ra cũng đừng để chàng vì chạm tự ái mà đâm ra bất cần luôn. Phản ứng của tôi luôn luôn là sự giận dữ.

Scott cau mặt, các nếp nhăn như đọng hẳn lại, chàng sẵng giọng :

— Rồi sao ?

Chàng ngang nhiên đi lại mở tủ, thò tay vào trong góc lấy ra chai *gin*, rồi mở nút ngửa cổ nốc ừng ực y như lần chàng uống trước mặt Bác sĩ Hoffman.

Thấy điệu bộ lì lợm này, tôi hoàn toàn mất bình tĩnh, gào lên :

— Thôi ngay ? Một thằng điên cũng có quyền cười vào mặt anh. Anh tưởng làm như vậy là hay lắm sao, anh hùng lắm sao ? Ngu dại thì có ! Anh là một văn sĩ có tài, tại sao lại tự bóp chết cái tài đó đi ? Anh sẽ chết, sẽ gục xuống, sẽ vất vưởng như một con ma. Sự nghiệp của anh sẽ tiêu tan ở đất này, đời anh sẽ mạt, không bao giờ ngóc đầu dậy được nữa, anh biết chưa ?

Chưa bao giờ tôi dám nặng lời với Scott như

vậy. Chàng ném về phía tôi ánh mắt oán hận của kẻ bị xúc phạm nặng nề rồi quay người bỏ về phòng riêng.

Tôi đã suy nghĩ nhiều rồi, nhất định phải có cách làm chàng cai rượu. Hồi ở Chicago, anh bạn trẻ Arnold Gingrich của Scott kể cho tôi nghe về một thứ thuốc mà y đã dùng để ngăn chặn một văn sĩ khác của tờ *Esquire* khỏi đêm ngày túy lúy. Chỉ cần bỏ một chút thuốc vào rượu là người uống sẽ đứ đừ và từ đó cứ nghĩ đến rượu là phát mửa. Nhưng thuốc này có một khuyết điểm là lúc mới bỏ vào thì rượu không đổi màu nhưng chỉ một lát sau sẽ biến thành màu xanh. Như vậy tôi cần hành động thật khéo và mau lẹ.

Một kế hoạch hành động được điều nghiên cẩn thận...

Hồi này đang có trận nội chiến tại Tây Ban Nha, mỗi đêm radio đều loan những tin sốt dẻo và Scott say mê theo dõi. Cứ khoảng ngoài mười một giờ một chút, sau khi bản tin chấm dứt, Scott thường mò xuống bếp mở tủ bát đĩa lấy ra một chai gin và tu vài hơi rồi mới yên trí đi ngủ. Cuối tuần đó tôi xuống phố mua sáu chai gin về dấu dưới bếp. Đến tối, tôi nấp dưới bếp chờ đúng lúc bản tin sắp chấm dứt mới lẹ làng đổ vơi bớt một chai gin để mực rượu ngang với chai chàng uống dở, rồi bỏ thuốc vào và đánh tráo với chai trong tủ. Sau đó tôi nấp trong phòng ăn, hồi hộp chờ đợi. Nhưng một lúc lâu sau vẫn chẳng thấy Scott

đâu, tôi vội vã chạy tới tủ kiểm soát lại chai rượu, chất rượu đã biến thành màu xanh lơ. Tôi lập tức theo cách cũ thay một chai khác vào tủ rồi lại chờ đợi. Và cứ thế sáu lần thay rượu, sáu lần hoài công, Scott vẫn biền biệt trên nhà. Không hiểu anh chàng đang làm gì mà lâu thế? Mỗi lần thay rượu là một lần tim đập muốn bể ngực, chỉ sợ anh chàng vào bắt quả tang thì thật là ê. Giờ đây chỉ còn lại một chai gin duy nhất, chính là chai của Scott để trong tủ từ đầu, đành phải đánh ván bài chót vậy. Lần này tôi cho thuốc vào chai, đặt lại chỗ cũ, rồi trở về phòng mình. Nằm trên giường, tôi lẩm nhẩm suy tính. Có thể chàng xuống bếp uống rượu trước khi rượu đổi màu; cũng có thể chàng không bật đèn bếp, đứng uống rượu trong bóng tối và không nhận ra điều gì khác lạ.

Nửa khuya đêm đó, Scott mò sang phòng tôi, tay cầm ly rượu đầy, vẻ mặt ngơ ngơ ngẩn ngẩn:

— Kỳ ghê em ơi, rượu gin này màu xanh!

Tôi chợt rùng mình hoảng hốt về việc làm rồ dại của mình:

— Anh, đừng uống! Lỡ ra có chất độc...

Scott đưa mắt nhìn tôi rồi chẳng nói chẳng rằng đưa ly lên miệng nốc một hơi cạn sạch và trở gót về phòng.

Suốt đêm đó tôi như người ngồi trên đống than hồng, cứ vài phút lại rón rén qua phòng Scott nghe ngóng xem chàng có còn thở không. Lạ thay

những viên thuốc chẳng có công hiệu gì, Scott không chết và cũng chẳng bỏ rượu.

Thế rồi ngày tháng dần trôi...

Một ngày đẹp trời tháng tư, Scott tâm sự với tôi :

— Anh đã bắt đầu viết cuốn tiểu thuyết mà anh ấp ủ từ lâu.

Chàng đã mướn một cô thư ký riêng tên là Frances Kroll, một nữ sinh viên vừa tốt nghiệp đại học có cặp mắt đen và dáng người mảnh khảnh. Khi Frances tới xin tuyển dụng, nàng gặp Scott trong chiếc áo choàng tắm bạc màu và mẩu bút chì muôn thuở giắt trên vành tai. Scott đã « quay » nàng tơi bời, hỏi những câu thật hóc búa có tính cách móc họng. Cũng may chàng luôn luôn giữ được giọng nói ôn tồn và nụ cười thật tươi nên Frances không đến nỗi nổi đóa bỏ ra về.

Sau khi Frances trả lời thỏa đáng các câu hỏi, Scott nói :

— Liệu tôi có thể tin tưởng được cô không ?

Chàng giải thích rằng chàng đang viết một cuốn sách về bộ mặt thật của Hollywood, vụ này không thể tiết lộ cho ai biết được. Chàng bảo :

— Tôi không thể tin tưởng được những người lắm mồm như mấy cô thư ký tại các phim trường. Các nàng đó tối ngày kháo chuyện với bạn bè về tất cả những việc mình đang làm. Vụ viết sách của tôi cần phải giữ tuyệt đối bí mật. Nếu cô làm việc với tôi, yêu cầu cô luôn luôn kín miệng, nhất

là đối với mấy nàng thư ký của các văn sĩ khác.

Frances nghiêm trang hứa, Scott có vẻ hài lòng. Chàng nhìn cô gái một lát rồi quyết định thử thách nàng một lần chót :

— Tôi muốn viết tên cô trên giấy để dễ nhớ. Cô làm ơn lấy cho tôi tập giấy ở chiếc ngăn kéo trên cùng kia.

Frances nghe lời, ra mở ngăn kéo và bắt gặp năm sáu chai gin đầy ắp. Trong khi đó Scott chăm chú theo dõi nét mặt nàng, thấy không có gì biến đổi, chàng gật gù đắc ý. Như vậy là nàng không thuộc đám đàn bà con gái căm thù ghê tởm bọn đàn ông uống rượu. Nàng có thể xài được. Thực ra Frances cũng chẳng ưa gì mấy tay be bét, nhưng khi thấy mấy chai rượu nàng chỉ tưởng ở đây sắp có tổ chức tiệc trà nên chẳng tỏ vẻ gì. Kết quả nàng được Scott vui vẻ thâu nhận.

Từ đó mỗi ngày Scott đọc một đoạn để Frances đánh máy. Chàng thích đọc các lời đối thoại rồi tự tay viết thêm các đoạn kể lể. Tuy vẫn còn uống rượu, chàng đã tỏ ra tự kiểm soát được bản thân. Chàng bảo chàng đang cố gắng để mỗi ngày chỉ uống một chai bia thôi, nhưng chưa biết đến bao giờ mới thực hiện được. Riêng phần tôi, tôi cũng đã tự nguyện sẽ làm ngơ trước những cơn say của chàng, coi như không trông thấy, nhưng thực tế điều này không dễ dàng như tôi tưởng. Tôi bắt chàng phải thỏa thuận rằng những lúc chàng say tôi có quyền dấu chìa khóa xe hơi của chàng

đi. Tôi không muốn chàng lái xe khi chân tay quờ quạng, cũng không muốn chàng khật khừ móc ví rút hàng xấp năm chục đô la ra thưởng cho đám bồi bàn như chàng từng làm. Ngoài cách đó ra tôi chẳng biết làm gì hơn. Tôi thương chàng, muốn chàng bỏ hẳn tật xấu, nhưng phải bó tay. Hình như ở trên đời chẳng có gì toàn vẹn, thôi thì đành vui với thực tại, cố hài lòng trong nỗi ngậm ngùi. Hy vọng rằng nhờ cầm bút lại chàng sẽ lần lần bỏ được rượu.

Nhưng trời chẳng chiều lòng người. Thời gian nặng nề trôi để lại dấu vết tàn phá trên cơ thể Scott. Bệnh phổi của chàng tái phát, dắt díu theo những cơn sốt dai dẳng, mồ hôi đêm và những trận ho khan. Chàng nhờ Bác sĩ Lawrence Wilson điều trị và mướn y tá về ngày đêm săn sóc. Nhưng thay vì tĩnh dưỡng, kiêng khem, chàng lại nốc rượu khỏe hơn bao giờ hết, mỗi ngày ít ra cũng nửa lít. Cô thư ký Frances có thêm công tác mới : mỗi tuần một lần nàng gom góp những chai không bỏ vào thùng xe và lợi dụng đêm tối đem liệng chúng xuống dòng nước sâu thẳm dưới đáy vực Coldwater. Scott không muốn ai trông thấy những chai lọ này nằm ngổn ngang trong đống rác của Trại Bụng Phệ.

Buổi sáng hôm đó, sau một cơn sốt nhẹ và một đêm trằn trọc, Scott thức dậy với nỗi hoảng hốt : hai cánh tay không sao cử động được. Thực ra hai tay chàng không phải bị tê liệt mà chỉ bị vướng bởi chiếc áo ngủ thùng thình. Vì ảnh hưởng

của thuốc và tình trạng mệt mỏi nửa mê nửa tỉnh, chàng đã lờ mờ cảm thấy đôi tay không tuân lịnh mình. Chàng la hoảng :

— Hai tay tôi sao thế này ?

Cô y tá vội vã bước vào :

— Ông Fitzgerald, ngày đó đã tới rồi sao ?

Scott toát mồ hôi, trợn mắt :

— Cô... Cô nói sao ? Ngày gì đã tới ?

Cô y tá dọa :

— Thì cái ngày ông bị tê liệt chứ còn ngày gì nữa. Uống rượu lắm là chắc chắn bị liệt.

Scott điếng người, năn nỉ cô y tá mời bác sĩ tới ngay trước khi quá muộn. Cô y tá gật đầu mỉm cười bí mật và đi gọi điện thoại.

Đầu dây bên kia có tiếng Bác sĩ Wilson :

— Sao, cô đã làm đúng theo lời tôi dặn hả ? Ông ta có vẻ hoảng lắm hả ? Tốt lắm. Bảo với ông ta tôi sẽ tới ngay nhé.

Trong khi chờ đợi, cô y tá khéo léo gỡ đôi tay áo bị vướng của Scott, và chàng thở phào khi bỗng cảm thấy hai tay vẫn còn sử dụng được, chẳng nghi ngờ gì hết.

Bác sĩ Wilson tới và thăm bệnh cho Scott rất kỹ. Sau đó, ông làm bộ nghiêm trang đánh đòn tâm lý :

— Này Scott, anh thấy không, rượu rất nguy hiểm. May mà lần này anh chỉ bị tê cóng trong chốc lát, nhưng nếu anh còn tiếp tục uống, tôi dám

chắc hai tay và cả hai chân anh sẽ liệt luôn suốt cuộc đời.

Scott bĩu môi, giở giọng lì:

— Tôi cóc cần. Lúc đó chỉ việc cho một viên đạn vào đầu là xong.

Bác sĩ Wilson cười:

— Không dễ như anh tưởng đâu. Lúc đó tay đâu để anh cầm súng? Đáng lẽ anh phải cám ơn trời phật đã cảnh cáo anh lần này để biết đường mà tránh.

Từ hôm đó, Scott không dám sờ đến rượu nữa. Hình như chàng khiếp vía thật rồi. Mấy tháng sau, chàng viết thư cho Scottie, trong đó có câu: « Ba đã trải qua một cơn khủng hoảng thần kinh ghê quá con ạ. Hai cánh tay ba suýt bị liệt... »

Tuy nhiên lời hăm dọa của bác sĩ cũng chỉ làm Scott sợ hãi ít lâu rồi chứng nào vẫn tật ấy. Hàng tuần cô thư ký lại có dịp chở vỏ chai đi liệng xuống khe nước vực sâu và tôi lại có dịp mất ăn mất ngủ vì lo lắng. Tình trạng này kéo dài mãi khiến tôi hết chịu đựng nổi, tính tình trở nên thất thường, hết kêu gào nóng giận lại đến khóc lóc tỉ tê. Nhiều khi cả mấy ngày liền tôi không thèm nhìn mặt Scott.

Có lần vì quá giận Scott, tôi bỏ về sống tại căn phòng mà hai đứa mướn dưới phố. Được đúng một tuần thì Scott gọi điện thoại cho tôi. Lúc đó là bốn giờ đêm, chàng bảo chàng cô độc quá. Suốt tuần rồi cô thư ký không tới vì chàng đã dặn chỉ

khi nào chàng gọi mới được tới. Buồn quá chàng đã tì tì hết chai nọ đến chai kia và bây giờ chàng đang uống thuốc giã rượu. Chàng nói:

— Anh sắp hoàn toàn tỉnh táo lại rồi, Sheilo ạ. Anh nói thật đó, không tin em thử đến mà xem. Anh cũng đã gọi cô y tá nhưng đến sáng cô ta mới tới được. Anh uống nhiều thuốc quá, buồn ngủ kinh khủng, chỉ sợ lát nữa cô y tá đến sẽ chẳng có ai mở cửa. Vậy em tới đây với anh nhé, canh chừng dùm anh.

Tuy chưa hết giận, tôi cũng vội vàng khoác thêm chiếc áo lạnh và lái xe vun vút trong bóng tối chập chờn và những ngọn gió cắt da của lúc nửa đêm về sáng. Hết đoạn đường hơn ba mươi cây số, chân tay tê cóng, tôi gượng mở khoá bước vào nhà và thấy Scott thiêm thiếp trên giường. Tôi ngồi ghé xuống bên giường, chàng mở bừng mắt và mỉm cười thật nhẹ. Khuôn mặt chàng ánh lên vẻ hối hận. Suốt mấy tuần qua chàng đã làm bao người xung quanh âu lo điêu đứng. Giọng chàng buồn buồn:

— Em tha lỗi cho anh. Sao em lại không đến với anh? Nửa đêm bị anh đánh thức dậy, mất giấc ngủ, em có buồn anh không?

Tôi nắm lấy tay Scott, muốn nói với chàng rằng chẳng bao giờ tôi buồn chàng điều gì, chỉ mong sao chàng biết nghe lời tôi, hãy bỏ hẳn uống rượu để cơn bệnh chóng lành:

— Em sẽ rất mừng nếu anh bỏ được rượu. Anh còn uống rượu ngày nào là sức khoẻ của anh

còn bị đe dọa ngày đó. Chắc anh cũng nhận thấy chỉ vì rượu mà sinh ra bao điều rắc rối ?

Scott gật đầu !

— Phải, anh biết.

Chàng rất cảm động khi tôi hứa sẽ ngồi bên chàng đến lúc cô y tá tới. Chàng sợ cô độc. Hai đứa nhỏ to trò chuyện cho đến khi ánh bình minh bắt đầu leo lên cửa sổ, những chú chim thức giấc líu lo ca trên cây, trên mái nhà, trước cửa.

— Để em xuống nhà kiếm cái gì cho anh điểm tâm nhé. Chắc cô y tá cũng gần tới rồi.

Nói xong tôi đứng dậy bỏ xuống bếp. Khi đi ngang chiếc tủ đựng chén bát, tôi dừng lại một chút để nhìn lại bức hình quen thuộc của tôi do chính tay Scott lồng khung và đặt ngay ngắn trên mặt tủ. Mắt tôi chợt liếc vào một ngăn tủ mở hé và tôi giật mình trông thấy một khẩu súng lục phủ hờ bằng chiếc khăn tay. Đã có lần Scott kể cho tôi nghe về khẩu súng của chàng. Chàng đã mua nó ở Baltimore vì hồi đó chàng sống tại nơi hẻo lánh, trộm cướp luôn luôn rình rập. Tôi rùng mình thầm nghĩ, *chàng say sưa tối ngày, không thể để chàng giữ súng được*. Theo phản xạ tự nhiên tôi đưa tay chộp lấy khẩu súng, nhưng Scott bỗng lù lù xuất hiện :

— Để nó đó cho anh.

Và chàng nhẩy tới đoạt lại súng. Hai đứa giằng co một hồi và cùng ngã xuống đất.

— Trả lại cho anh !

Scott la lớn làm tôi hoảng nhưng tay tôi vẫn bấu chặt lấy bá súng.

— Không, em không trả. Anh không được giữ súng. Anh uống nhiều rượu quá, có thể anh sẽ...

Scott quắc mắt, vùng vẫy như người điên. Chàng vừa làu nhàu chửi thề vừa cố sức cậy những ngón tay tôi ra, nhưng càng đau đớn tôi càng quyết không buông. Cuối cùng, chàng gầm lên và giật mạnh. Sắt che cò súng làm ngón tay tôi rách toạc một miếng và cơn giận kéo tới làm tôi choáng váng. Bao nhiêu sức lực dồn ra đôi tay, tôi hất mạnh khẩu súng văng vào tường và hét :

— Đó, anh muốn thì lấy đi ! Thích tự tử thì cứ việc, đồ vũ phu ! Anh tưởng tôi cần lắm hả !

Rồi tôi rụt cánh tay phải về, dùng hết sức bình sinh xáng vào mặt chàng một bạt tai nẩy lửa. Scott thụt lui đứng nhìn tôi bằng vẻ mặt cực kỳ cổ quái. Lúc đó tôi hoàn toàn không có ý niệm gì về hành động mình đã làm. Cơn giận vẫn còn chưa hả, tôi mắng chàng như tát nước :

— Anh muốn làm gì thì mặc xác anh. Anh không đáng để tôi lo, không đáng gì hết. Không hiểu sao tôi lại ngu dại như thế này. Tôi đã bỏ qua cơ hội rút chân khỏi vũng nước ao tù, từ chối mọi tương lai tươi đẹp để về với anh, phí phạm đời mình trong tay một tên say rượu như anh !

Bật khóc nức nở, tôi chạy ào ra xe, rồ ga phóng như người mất trí. Những luồng gió mát rượi của buổi ban mai cũng không làm tôi tỉnh táo

chút nào. Vòng qua sườn núi chênh vênh, một bên là vực thẳm, tôi vẫn không giảm tốc độ. Tiếng máy xe hòa lẫn tiếng lòng thổn thức :

— Mình sẽ không bao giờ thèm nhìn mặt *hắn* nữa. Không bao giờ. Cần quái gì, tội gì mình phải chịu đựng mãi...

Nhưng chỉ qua một ngày một đêm ngắn ngủi, những nỗi tức giận trong lòng như quả bóng xì hơi. Tự trách mình sao quá nông nổi. Scott là một người say, chàng đâu còn sáng suốt để kiểm soát hành động của chàng. Mình tới đó để an ủi chàng chứ đâu phải để gây với chàng. Tại sao mình lại có thể nói với chàng những câu cạn tàu ráo máng như vậy ? Trưa hôm đó, lòng tự ái gác qua một bên, tôi điện thoại cho Scott. Câu trả lời của cô y tá là cả một tiếng sét :

— Ông Fitzgerald đi Nữu Ước sáng nay rồi.

Cơn giận dữ ở đâu lại ùn ùn kéo tới. À ra thế, *hắn dám bỏ rơi tôi để về với Zelda.* Được lắm, hãy chống mắt chờ xem ai cần ai cho biết ! Cách đây mấy hôm đạo diễn lừng danh Cecil B. De Mille ngỏ lời mời tôi đi Omaha xem chiếu thử phim *Hiệp Hội Thái Bình Dương*, tôi đã từ chối vì tuy đang giận chàng tôi vẫn không nỡ bỏ đi xa vui thú một mình. Nhưng giờ đây chẳng còn gì quyến luyến ở Hollywood nữa, tôi nhắc điện thoại báo cho Cecil biết tôi sẽ đi với ông.

Cuộc đi chơi là một liều thuốc an thần giúp tôi lấy lại được sự quân bình của trí óc. Những

cuộc hội-hè phá phách tại Omaha làm tôi không có thì giờ để nghĩ đến chuyện buồn. Đi đến đâu thiên hạ cũng tiếp đãi tôi như một nhân vật quan trọng khiến nhiều lúc tôi tự hào rằng mình đã làm nghề viết báo. Ít ra tôi cũng có một nghề, vậy mà bấy lâu nay vì ai tôi đã coi thường nó, bỏ bê nó. Anh Scott ơi, anh muốn đi đâu thì đi, em không cần anh nữa.

Thực ra tôi đã tự dối lòng. Trong khi mọi người còn lưu lại Omaha để xả láng thêm mấy ngày thì tôi lẳng lặng bỏ về trước. Về tới Hollywood, việc đầu tiên là hỏi xem Scott về chưa. Câu trả lời làm tôi thất vọng, và mãi hai tuần lễ sau Scott mới có mặt tại Trại Bụng Phệ. Tôi điện thoại hỏi chàng, chị giúp việc mới của Scott tìm cách chối quanh : ông chủ bận lắm ; ông chủ đang viết sách ; ông chủ không thể trả lời điện thoại được...

— Nghĩa là anh ấy không muốn nói chuyện với tôi ?

Đầu dây bên kia có tiếng ngập ngừng :

— Vâng... đúng thế.

Câu đáp trối tai nhưng không làm tôi giận. Tôi quyết định sẽ gọi chàng cho bằng được. Hai ngày tiếp theo tôi lại hoài công, nhưng đến ngày thứ ba thì Scott đầu hàng. Giọng chàng lạnh nhạt miễn cưỡng :

— Anh gọi lại cho em vì anh chợt nhớ rằng em rất khổ sở mỗi khi gọi điện thoại cho ai mà người đó lại im luôn. Anh không muốn người

khác phải khó chịu vì anh...

Tôi ngắt lời:

— Anh Scott, em muốn gặp mặt anh. Em tới đó gặp anh ngay bây giờ có được không?

Scott bằng lòng, và chỉ một lát sau hai đứa đã đối diện trên chiếc ban công rộng thênh thang trông xuống khu vườn đầy hoa hồng và những cọc rào trắng toát. Tôi mở lời xin lỗi:

— Em xin lỗi anh về cái tát bữa hôm đó. Thực ra em không cố ý, cả những lời nói độc địa kia, em cũng không cố ý. Chắc anh cũng hiểu rõ điều đó, phải vậy không anh?

Scott hoàn toàn điềm tĩnh:

— Chúng ta hãy quên chuyện đó đi.

Một giây yên lặng.

Scott chợt lên tiếng:

— Anh đã nạp đạn khẩu súng đó rồi.

Vừa nói chàng vừa chăm chú theo dõi nét biến đổi trên khuôn mặt tôi, rồi đột nhiên chàng phá ra cười và bức tường ngăn cách hai đứa vụt biến đâu mất...

Thế rồi Scott kể cho tôi nghe thật tỉ mỉ về những việc chàng đã làm trong khoảng thời gian xa cách. Trong khi chàng nói, đôi mắt chàng luôn luôn ánh lên vẻ ranh mãnh khiến tôi nửa tin nửa ngờ.

Hôm đó Scott giận tôi không biết để đâu cho hết. Chàng lập tức tom góp quần áo và bay đi Asheville thăm vợ. Sau đó chàng đưa vợ đi Cuba

với ý định cắt đứt hẳn mọi dây dưa với miền đất phía sau lưng. Chàng kể:

— Lúc đó anh chỉ là một người say, lo thân mình còn chưa nổi chứ đừng nói là phải săn sóc thêm một người khác. Vậy mà không hiểu sao anh vẫn đem Zelda theo.

Tại Havana, Zelda bỗng dưng đổi tính, trở nên một người mê đạo, lúc nào cũng lâm râm khấn khứa hay lầm bầm đọc kinh. Nàng ở lì trong phòng không phút nào bước chân ra ngoài. Quanh quẩn bên nàng mãi cũng chán, một hôm Scott rời khách sạn lang thang ngoài phố. Đến lúc trời tối mịt, chàng lạc vào một đám đông đang tổ chức đá gà. Chẳng có chủ ý gì, chàng ở lại xem thiên hạ tranh nhau đánh cá. Sau một hồi cãi vã đặt cuộc om sòm trận đấu bắt đầu. Hai chú gà vừa được thả ra đã xông vào chém giết nhau tưng bừng.

— Thật là dã man, một con thắng thế, cắn xé con kia tơi tả, máu me lênh láng, vậy mà đám người xung quanh vẫn reo hò cổ võ...

Cuối cùng Scott hết chịu đựng nổi, chàng xông vào đưa tay gạt hai chú gà sang hai bên giữa những tiếng la ó của đám người phẫn nộ. Vài kẻ nóng máu nhào tới hành hung, và Scott co giò bỏ chạy vừa đúng lúc một quả thôi sơn phóng theo khiến chàng xính vính.

Khi Scott tất tưởi chạy về đến khách sạn, Zelda đang ngồi trong bóng tối lâm râm khấn nguyện.

Bị vố này, Scott hết ham xứ lạ. Chàng đưa

Zelda lò mò trở về Nữu Ước. Hai người trọ tại khách sạn Algonquin của Frank Case (cũng là chủ nhân căn nhà bãi biển tại Malibu). Kể đến đây, giọng điệu khôi hài chua chát lại trở về với Scott:

— Em biết không, tại đây bọn anh đại náo một trận vui gần chết.

Scott đã đập lộn với một anh bồi, gây gổ với vô số khách khứa bạn bè, và một buổi sáng kia chàng thức dậy thấy mình đang nằm trong bệnh viện, khu dành riêng cho những người say rượu. Chàng đã tìm cách thay đổi y phục và trốn khỏi bệnh viện. Về đến khách sạn, không gặp Zelda vì nàng đã trở lại dưỡng trí viện. Cuối cùng Scott quyết định vào nằm nhà thương ít lâu để chữa bệnh ghiền rượu. Khi bình phục, chàng vù về Hollywood.

Mùa hạ năm 1939...

Hồi này Scott đã làm chủ được chính mình, rất ít khi mềm môi vì rượu. Hai đứa tôi tìm lại được những ngày đầm ấm bên nhau. Ngoài những lúc cặm cụi sáng tác, Scott tiếp tục việc dạy tôi học. Chàng sai cô thư ký Frances Kroll xuống phố tìm mua cho tôi những sách cũ có giá trị của Chaucer, Cervantes, Melville, Balzac... Hoặc để giúp tôi vừa học vừa giải trí, chàng mua làm quà cho tôi những truyện dễ đọc của Dickens, Sinclair Lewis, Thackeray, James Joyce...

Mùa hè cứ thế êm đềm trôi để rồi mùa thu lại tới. Đã đến lúc Scott có đầy đủ chất liệu cho cuốn tiểu thuyết mà chàng hằng ấp ủ, chỉ còn phải đúc kết những chất liệu đó lại thành truyện là xong. Cuốn truyện sẽ mang tên *Ông Tướng Cuối Cùng*. Tờ *Collier's* bằng lòng đăng truyện này trước khi xuất bản thành sách với điều kiện Scott cho xem trước ít nhất 15.000 chữ của đoạn mở đầu. Nếu hai bên thỏa thuận, cuốn truyện sẽ được đăng làm tám, mười, hay mười hai kỳ tùy dài ngắn, mỗi kỳ hai ngàn năm trăm Mỹ kim. Như vậy tác phẩm của Scott sẽ có thể mang lại cho chàng 30.000 Mỹ kim, số tiền mà chàng rất cần để trang trải nợ nần, vì kể từ khi ngã bệnh và bỏ dở cuốn phim tại Hanover, Scott chẳng kiếm được gì ngoài mấy trăm Mỹ kim do tờ *Esquire* trả cho những truyện ngắn của chàng.

Vừa làm việc vừa dưỡng bệnh, phần lớn công việc sáng tác của Scott được làm trong phòng ngủ. Cô thư ký mua cho chàng một chiếc bàn viết nhỏ và kê sát bên giường ngủ của chàng. Những lúc muốn viết, chàng chỉ việc ngồi dậy cầm bút. Chàng viết rất hăng say, những tờ giấy vàng thi nhau rớt xuống sàn nhà chồng chất thành từng đống. Mỗi khi cầm bút là chàng lại xuất thần sống với câu chuyện, quên hẳn mọi việc xung quanh. Có lần Bác sĩ Wilson muốn thử xem sức tập trung tư tưởng của chàng đến đâu, ông lẳng lặng bước vào phòng và ngồi xuống bên cạnh chàng. Cứ thế một người chờ đợi còn một người mải mê suy nghĩ và ghi

những ý tưởng của mình lên giấy. Một lúc lâu sau Scott mới vươn vai và chợt nhận ra có người ngồi bênh cạnh.

— A ha, chào Bác sĩ. Bác sĩ tới lâu chưa ?

Bác sĩ Wilson mỉm cười :

— Cũng mới đây thôi.

Lúc này Scott mới để hẳn bút chì xuống và quay ra tán gẫu với Bác sĩ, từ chuyện Hitler đột kích Ba Lan tới chuyện về vai trò của thuốc men trong tiểu thuyết mới.

Cuốn truyện đã bắt đầu thành hình. Mỗi buổi tối, Scott đọc cho tôi nghe những gì chàng viết được trong ngày. Chàng đọc dứt, tôi thường suýt soa :

— Hấp dẫn quá, thế rồi về sau ra sao anh ?

Scott ra vẻ bí mật :

— Truyện còn dài. Muốn biết hồi sau ra sao xin đón nghe vào tối mai.

Tôi tức muốn chết nhưng năn nỉ thế nào chàng cũng không chịu kể.

Giữa những ngày vui đó tôi bất ngờ nhận được thư của ông John Wheeler báo tin rằng ông đã tổ chức một cuộc du thuyết dài hai tuần lễ mà thuyết trình viên chính là tôi. Tôi sẽ đại diện cho Hiệp Hội Báo Chí Mỹ, ra mắt độc giả tại một số thành phố lớn để kể hết sự thật về kinh đô điện ảnh Hollywood. Scott tán thành cuộc du thuyết này. Tôi cũng hài lòng vì ngoài khoản tiền hai trăm Mỹ kim cho mỗi buổi nói chuyện, đây là dịp tôi

theo kịp Louella Parsons cây phóng sự gạo cội nhất Hollywood hiện cũng đang đi diễn thuyết các nơi. Tôi sửa soạn bài nói chuyện thật kỹ càng rồi đưa Scott phê bình. Đọc xong, chàng nhăn mặt :

— Hình như em không viết đúng những điều em nghĩ, phải vậy không ?

Dưới nhan đề « Giờ Đây Là Lúc Phải Nói, » bài nói chuyện gồm những mẩu phóng sự bi hài, những gì đang xảy ra ở hậu trường, nhưng đại khái vẫn chưa thoát khỏi khung cảnh cố hữu của Hollywood. Tôi đưa ra một bức họa của thành phố đầy dụ hoặc này, kể lại sự tích Cô Bé Lọ Lem qua hình ảnh của các tài tử màn bạc và những vụ lem nhem ngàn năm bia miệng, Scott đã nhận ra sự hời hợt của bài nói chuyện, tôi thú nhận :

— Phải, anh nói đúng. Nhưng theo em đây chính là những điều mà thiên hạ muốn nghe.

Scott lắc đầu :

— Em nghĩ vậy là sai. Như đã có lần anh nói với em, đừng bao giờ nói điều gì trái với ý mình chỉ vì muốn chiều lòng người khác. Trong lúc nhất thời có thể người ta thích nghe em nói những điều đó, nhưng rồi họ sẽ nhìn ra sự nông cạn của bài nói chuyện, chẳng tìm thấy ở nó một giá trị nào.

Scott chuyển sang giọng thày giáo :

— Bây giờ em hãy cho anh biết ai là người quan trọng nhất tại Hollywood ?

Tôi đáp bừa :

— Các nhà soạn phim.

— Không phải. Nhà soạn phim có thể bị tài tử bóp chết, và tài tử có thể bị đạo diễn cho xuống bùn. Vậy thì đạo diễn là người quan trọng nhất. Em hãy kể cho thính giả nghe về các đạo diễn, tất cả sự thật về họ.

Nói đoạn, Scott ngồi vào bàn và bắt đầu sửa chữa bài nói chuyện của tôi. Đúng ra Scott không « sửa chữa » mà viết lại một bài hoàn toàn mới. Sau đó đưa hai tay chụm đầu đọc lại từ đầu đến cuối.

— Em thấy sao, bài này khá hơn chứ?

Tôi gật đầu đồng ý và Scott trao xấp giấy cho Frances để cô ta đánh máy. Chàng dặn tôi thêm:

— Em không cần học thuộc lòng nhưng phải ghi vào óc những điểm chính. Để thông suốt vấn đề hơn, em nên tìm đọc thêm tài liệu về phim ảnh.

Nghe lời chàng, tôi ôm về một lô sách nói về các kỹ thuật điện ảnh tân tiến nhất, học thuộc lòng tên những người được giải Oscar trong suốt mười năm qua, còn dư thì giờ tôi học thuộc cả những bộ phận trong một chiếc máy thu hình để phòng khi cần tới. Một buổi chiều kia, tôi đi công chuyện về thì thấy giữa phòng khách có kê một bục gỗ và hai chiếc giá nhạc. Trong khi tôi đi vắng, Scott đã lấy gỗ trong hầm rượu và hì hục đóng chiếc bục rồi sai cô thư ký đi mượn giá nhạc về làm « diễn đàn » để tôi tập diễn thuyết. Chàng bảo:

— Em đứng trên bục kia, để bài diễn văn trên

giá nhạc rồi đọc thử cho bọn anh nghe. Anh không muốn khi em đi diễn thuyết, những người ngồi đằng xa sẽ la lên rằng họ không nghe thấy em.

Rồi chàng kê ba chiếc ghế tại hiên sau để cô thư ký, chị giúp việc và chàng ngồi làm thính giả. Từ chỗ tôi đứng đến hiên sau cách nhau một khoảng bếp và một phòng ăn, ít ra cũng trên hai mươi thước. Sau khi đám thính giả an tọa, Scott la lớn:

— Xong rồi, bây giờ em đọc đi. Ráng đọc thật lớn để bọn anh trong này nghe thấy nhé.

Tôi bước lên bục và bắt đầu gân cổ đọc. Hết dòng đầu tôi ráng nhe răng cười để lấy lòng thính giả và che dấu sự ngượng nghịu của mình. Scott gắt:

— Đừng làm thế! Em là người có đủ thẩm quyền để nói về Hollywood, em là Sheilah Graham, phải tự tin, không việc gì phải đóng kịch như vậy. Thính giả đến để được nghe em nói chứ không phải để phán xét em. Không cần phải lấy lòng họ một cách giả tạo. Bây giờ làm lại từ đầu.

Vâng lời chàng, tôi bắt đầu đọc lại, hai mắt dán vào trang giấy, không một lần ngước lên. Giọng Scott lại từ sau nhà vọng lên:

— Ngẩng mặt lên, Sheilah. Phải nhớ rằng trước mặt em còn có nhiều người. Em có khuôn mặt đẹp càng cần phải ngẩng lên luôn luôn để thiên hạ chiêm ngưỡng.

Tôi làm theo lời chàng và bài nói chuyện trở

nên « có hồn » hơn trước. Đến những đoạn hài hước tôi kể bằng giọng thật tự nhiên, và đám thính giả ba người bật cười thích thú. Khi bài nói chuyện chấm dứt, tiếng vỗ tay bốp bốp nổi lên. Scott giơ tay xin phát biểu ý kiến, tôi gật đầu mời. Chàng đứng lên hỏi :

— Thưa cô, nghe nói Shirley Temple thuộc về giống người *chim chích bé hạt tiêu*, có đúng như vậy không?

Scott từng khuyên tôi không bao giờ được cười dù câu hỏi của người đối diện có ngớ ngẩn đến đâu.

— Thưa ông, có nhiều người đồn như vậy nhưng theo chỗ tôi biết thì điều đó sai. Thực ra Shirley là một cô gái nhỏ nhắn dễ thương, chỉ phải cái hơi khôn trước tuổi.

Scott có vẻ hài lòng :

— Cám ơn cô Graham.

Và chàng ngồi xuống.

Hôm tôi lên đường, Scott tặng tôi chiếc cặp đựng giấy tờ của chàng « để lấy hên », và chàng hôn tôi tạm biệt. Chắc chàng không hề biết rằng tôi đã lẳng lặng viết một chúc thư để lại cho chàng tất cả những vật sở hữu của tôi vì ra đi lần này tôi sẽ phải vượt qua mấy mươi ngàn dặm bằng đường hàng không, chuyện rủi ro làm sao biết trước.

25.

NGÀN TRÙNG XA CÁCH MÀ LÚC NÀO tôi cũng tưởng như gang tấc có nhau. Mỗi nơi tôi tới đều có sẵn một bức điện tín đợi chờ. Scott ở nhà nhưng tâm trí chàng luôn theo sát tôi, nương theo bước chân tôi để gửi tới những lời khích lệ an ủi. Cuộc du thuyết kéo dài hai tuần lễ, qua bảy thành phố lớn, bắt đầu ở Nữu Ước và chấm dứt ở Kansas City.

Mặc dù đã được Scott dượt trước, suốt buổi nói chuyện đầu tiên, mắt tôi không lúc nào rời những trang giấy. Diễn văn chấm dứt, cử tọa chẳng nêu lên ý kiến nào. Về tới phòng, tôi nhận được một bức điện của Scott :

Hôm nay Kenny Washington chạy rất hăng,
Đi xem một mình nhớ em ghê.

Scott

Kenny Washington là cầu thủ da đen khét tiếng của đoàn cầu UCLA. Những buổi chiều thứ sáu Scott thường đưa tôi đi xem đá bóng để có dịp hoan hô cầu thủ da đen này và tìm hiểu những chiến thuật mới mẻ trên sân cỏ.

Tại Cleveland, buổi nói chuyện của tôi tương đối thành công hơn. Thỉnh thoảng tôi có thể rời bản thảo để ngước mắt nhìn thính giả và mỉm cười một cách tự nhiên. Lâu lâu tôi còn « cương » thêm vài câu hài hước ý nhị. Một lần nữa tôi nhận được điện tín của Scott nhắc nhở về cách ăn nói trước đám đông. Tại Louisville, bức điện gồm những lời ân cần khích lệ :

Cả nước đang theo dõi em. Ráng lên nghe. Nghỉ ngơi giải trí nhiều. Bọn anh đều hết mình ủng hộ, ký tên : Constance, Louella, Hedda. Nhớ em kinh khủng.

Scott

Tại St. Louis, bài diễn văn của tôi sống động hẳn lên nhờ dòng chữ của Scott :

Đếm từng phút chờ lúc em về. Mong em rất nhiều, rất nhiều, rất nhiều.

Scott

Trạm trót Kansas City đánh dấu sự thành công rực rỡ của tôi. Tờ *Kansas City Star* cử người đến phỏng vấn và in hình tôi trên trang nhất kèm theo những lời khen nức nở. Tôi tự biết mình đã nắm

vững được kỹ thuật diễn thuyết : ngừng lại khi cần, pha thêm những câu hài hước đúng lúc, đưa thính giả từ ngạc nhiên này đến ngạc nhiên khác. Khi buổi nói chuyện chấm dứt, cử tọa vỗ tay một cách chân thành. Rồi một người đàn bà đứng lên đặt câu hỏi :

— Có phải Shirley Temple tóc vàng không ?

Tôi trả lời tóc cô ta hơi nâu nhưng phải nhuộm thành vàng cho hợp với các cuốn phim. Sở dĩ tôi biết điều này vì tôi thường gặp hai mẹ con Shirley tại mỹ viện.

Một người khác hỏi :

— Còn Loretta Young người ngợm ra sao ?

Tôi vẫn nhớ lời Scott dặn phải trả lời thật đàng hoàng dù câu hỏi ngớ ngẩn đến đâu.

— Loretta là người rất quyến rũ. Cô ta có một bề ngoài luôn luôn hòa nhã vui tươi Tôi chưa từng thấy cô ta nổi giận bao giờ. Đúng là một nữ minh tinh toàn vẹn.

Nhân lúc hứng chí tôi tiếp luôn :

— Nhưng dĩ nhiên tôi không thể hiểu rõ về Loretta vì tôi cũng là đàn bà như cô ta. Vậy nếu quý vị thực sự muốn biết bề trong cô ta như thế nào thì nên hỏi một người đàn ông.

Tôi ngừng nói vì chợt nhận ra sự yên lặng khác thường trong hội trường. Bỗng có tiếng cười ré và cử tọa hòa theo rầm rầm. Thì ra họ đã cố ý hiểu chữ *bề trong* một cách méo mó. Tôi ngượng chín người, buột miệng :

— Trời đất ơi...

Cử tọa càng cười to hơn nữa. Đến lúc mọi người đứng dậy ra về, trên mặt họ vẫn còn phảng phất nụ cười chưa dứt.

Trước khi lên phi cơ tối hôm đó, tôi điện thoại cho Scott, hớn hở khoe với chàng về sự thành công bất ngờ trong buổi nói chuyện vừa rồi. Đúng ra, càng đi xa về phía tây, tôi càng gặt hái được kết quả tốt đẹp hơn. Scott khen :

— Hay lắm ! Anh đã bảo mà, thế nào em cũng sẽ thành công.

Nghe giọng chàng có chiều khác lạ, tôi tự hỏi phải chăng chàng uống rượu ?

Scott ra phi trường đón tôi, mừng mừng tủi tủi, tha hồ kể cho nhau nghe những nỗi nhớ nhung. Chàng có những cử chỉ hơi khác lạ nhưng tôi không để ý vì chính tôi lúc đó đang say men chiến thắng. Sau khi điểm tâm, chàng đưa tôi về căn phòng dưới phố để ngủ bù cho chuyến bay đêm.

Về Hollywood đã được mấy ngày. Một buổi sáng tôi tình cờ giở tờ *The Hollywood Reporter* ra xem và bắt gặp trên trang nhất một bài xã thuyết ký tên W. R. Wilkerson. Y chính là chủ báo và cũng là chủ nhân ông của nhà hàng danh tiếng Trocadero mà tôi đã đem lên mạt sát trên mặt báo từ hồi tôi mới tới Hollywood được mấy tuần. Có lẽ y nhớ tới thù xưa, mượn dịp này để trả đũa.

Đọc tới đâu lòng tôi sôi sục tới đó :

Hai cuộc du thuyết vừa được thực hiện bởi hai nữ ký giả điện ảnh lỗi lạc — Louella Parsons và Sheilah Graham — qua các địa điểm quan trọng trên khắp nước Mỹ đã gây ảnh hưởng rất tốt cũng như rất xấu cho nền điện ảnh Hollywood.

Dĩ nhiên cô Parsons là người hậu thuẫn cho những người làm phim... Cô rất xứng đáng sự khen ngợi, cảm ơn và giúp đỡ... Nhưng trường hợp của Sheilah Graham thì hoàn toàn trái ngược.

Wilkerson trích một đoạn trong bài tường thuật của Jack Moffitt từ Kansas City gửi về (phóng viên này không hề dự buổi nói chuyện của tôi, chỉ viết theo lời kể lại của người khác) :

Sheilah Graham lãnh hai trăm Mỹ kim để đứng một buổi tối tại Hội Quán Phụ Nữ Kansas City. Nếu biết trước cô ta sẽ nói gì, chắc các phim trường đã trả hai ngàn Mỹ kim để cô ta ở lại Hollywood, thà chịu tốn tiền còn hơn bị đâm sau lưng. Bài nói chuyện gồm toàn những lời xỏ xiên, trẻ không tha già không thương. Ngay cả mẹ con Shirley Temple cũng bị bới móc là nhuộm tóc đều đều...

Wilkerson viết tiếp :

Cuộc du thuyết của cô Graham do nghiệp đoàn ký giả Hiệp Hội Báo Chí Bắc Mỹ tổ chức. Thật là

khôi hài khi Hiệp Hội này vừa nhận đăng quảng cáo phim ảnh vừa cho người chửi bới phim ảnh... Toàn thể Hollywood, tất cả những người soạn phim, sản xuất, tài tử và đạo diễn hãy nói cho cô Graham biết lối «xỏ xiên» của cô ta không thể chấp nhận được, và giới lãnh đạo điện ảnh cũng nên cảnh cáo các tờ báo liên hệ đừng tiếp tục chơi trò KHÔNG ĐẸP này nữa...

Bằng giọng nghẹn ngào tôi điện thoại ngay cho Scott, đọc hết bài báo cho chàng nghe. Chàng la lớn:

— Tụi nó có thể hỗn như vậy sao? Sheilah, em đừng hành động gì cả, để mặc anh. Anh sẽ bắt chúng phải xin lỗi và rút lại những lời hỗn xược đó.

Tôi chỉ còn biết nức nở:

— Mấy cái lão trời đánh đó...

— Em đừng lo, hãy chờ xem anh hành động.

Nói dứt, Scott lấy xe phóng một mạch xuống phố mua một tờ *The Hollywood Reporter* để đọc lại bài báo. Vài phút sau chàng điện thoại cho John O'Hara:

— Cậu đã đọc những lời hạ nhục Sheilah trên tờ *Reporter* chưa? Thật là vô ý thức. Sheilah đã làm một việc hợp lý, vậy mà thằng cha Wilkerson dám mạt sát nàng. Này John, tớ sẽ thách đấu với lão ta, cậu chịu theo làm hậu thuẫn cho tớ không?

O'Hara tìm đủ mọi cách khuyên nhủ Scott không nên nóng nảy như vậy, vả lại thời này người ta không còn chơi trò «thách đấu» như hồi xưa nữa. Nhưng Scott vẫn khăng khăng:

— Không, tớ nhất định rồi. Lão muốn chọn thứ vũ khí gì cũng được. Cậu bằng lòng đi cùng với tớ không?

O'Hara trả lời không. Scott làu nhàu:

— Được rồi, khỏi cần chú mày. Tao sẽ gọi Eddie Mayer, hắn là tay chịu chơi chắc sẽ không bỏ rơi tao.

O'Hara vội vàng gọi trước cho Eddie, báo cho hắn biết Scott sắp rủ đi làm chuyện điên. Nhưng thay vì rủ Eddie, Scott một mình lái xe thẳng tới tòa soạn báo *The Hollywood Reporter* ở đại lộ Hoàng Hôn, xông vào phòng khách và oang oang gọi tên Wilkerson ra nói chuyện. Viên thư ký cho biết Wilkerson đã đi khỏi nhưng Scott vẫn không chịu bỏ về ngay. Chàng đi đi lại lại trong phòng với dáng điệu nghênh ngang cả tiếng đồng hồ sau mới đành lòng ra xe.

Sau khi nhận được cú điện thoại của Eddie cho biết Scott đang «hung hăng con bọ xít» nhất định đòi giết lão Wilkerson, tôi vội vã đi kiếm chàng. Tới tòa soạn không gặp, tôi phóng xe đuổi theo chàng và khi tới Trại Bụng Phệ thì chàng cũng vừa về đến. Sợ chàng nóng quá hóa liều, tôi lựa lời khuyên nhủ, báo cho chàng biết tin tôi đã nhờ chủ bút tờ *Kansas City Star* can thiệp. Ông ta hứa sẽ điện ngay cho Wilkerson để phản đối lời vu khống của lão ta.

Mãi tới bây giờ tôi mới để ý thấy cử chỉ của Scott có vẻ bất thường. Thực ra chàng đang có

chuyện buồn, những lời than phiền của tôi càng làm cho chàng thêm phẫn chí. Chàng đã uống rất nhiều rượu để nung nấu nỗi buồn không nơi phát tiết. Cách đây ít ngày chàng đã hoàn tất chương đầu của cuốn *Ông Tướng Cuối Cùng* và gửi cho tờ *Collier's*. Chàng đã nôn nóng đến độ bắt cô thư ký phải lái xe đem bản thảo ra tận phi trường để gửi đi cho lẹ. Nhưng chương đầu này chỉ gồm sáu ngàn chữ, chưa đủ số mười lăm ngàn chữ mà tờ báo đòi hỏi. Kết quả ông chủ bút tin cho chàng biết chưa thể có quyết định dứt khoát, sẽ chờ đến khi chàng gửi thêm. Tức giận lẫn thất vọng, Scott gửi bản thảo thứ nhì cho tờ *The Saturday Evening Post*, nhưng họ cũng chỉ từ chối khéo.

Thạt là ê chề. Hai tờ báo mà trước kia từng lấy làm vinh hạnh mỗi khi được đăng bài của chàng giờ đây đều từ chối. Nỗi tuyệt vọng khiến chàng chua chát :

— Họ đã cho F. Scott Fitzgerald ra rìa. Anh đã hết thời thật rồi. Dù anh viết gì họ cũng coi là đồ bỏ.

Một lần nữa Scott tìm quên trong men rượu, không gì ngăn cản nổi chàng. Frances và tôi đều khẩn trương, tìm cách gói kỹ khẩu súng của chàng và dấu trong kẹt tủ bát đĩa ở góc bếp.

Tối hôm đó tôi về đến Trại Bụng Phệ thì thấy Scott đang bù khú với hai gã lạ hoắc. Đúng là hai tên vừa móc dưới cống lên : người ngợm dơ dáy, râu tóc bờm xờm, say khướt. Scott cũng đang lè

nhè ép một gã phải nhận mớ quần áo gồm sơ mi, cà vạt và khăn tay của chàng. Còn gã kia đã ôm sẵn hai bộ vét đắt tiền mà chàng đã may tại tiệm Brook Brothers.

Thấy tôi bước vào, Scott khoe đã gặp hai « ông bạn » tại đại lộ Ventura. Họ ngỏ ý muốn đi nhờ xe chàng và chàng đã mời họ về nhà nhậu chơi. Tội nghiệp, hai người đói lả và chẳng có được một tấm áo lành...

Không cần nghe tiếp, tôi cũng hiểu hai gã kia thuộc hạng người nào. Tôi quắc mắt :

— Hai ông bạn có nghĩ rằng nên đi khỏi chỗ này ngay không ? Và đừng quên để lại các quần áo của ông Fitzgerald.

Scott tròn mắt :

— Ủa, sao vậy ? Anh đã bảo họ là bạn của anh mà.

Hai gã lưu manh nhìn tôi cười cầu tài, nhưng tôi vẫn tảng lờ :

— Tôi bảo hai người để mớ quần áo đó lại rồi đi ngay... Có đi không thì bảo.

Scott lên mặt :

— Đừng nói giọng đó với bạn anh. Chính em phải đi thì có. Họ là bạn anh, bạn cố tri, họ có quyền ở lại.

Chưa bao giờ Scott dám nói một câu sặc mùi hăm dọa với tôi như vậy. Như lửa đổ thêm dầu, tôi quát :

— Mấy người không đi phải không ? Được,

để tôi gọi cảnh sát tới nói chuyện với mấy người.

Thấy vẻ cương quyết của tôi, hai gã lưu manh riu ríu để mớ quần áo xuống ghế và nói với nhau :

— Bà chủ bảo đi thì mình đi vậy.

Quay sang Scott, một gã vẫy tay :

— Tạm biệt nhé, ông bạn cố tri.

Rồi hai gã dắt nhau đi thẳng, bỏ mặc Scott nhìn theo với bộ mặt ngờ nghệch.

Tôi nhìn Scott ái ngại :

— Để em kiếm thứ gì cho anh ăn nhé.

Và tôi xuống bếp nấu ít súp cà tô mát, xẻ làm hai bát và bưng ra đặt trên bàn.

— Anh Scott, ăn chút súp nóng cho tỉnh người.

Scott lắc đầu, thu mình trong lòng chiếc ghế bành lẩm bẩm :

— Xử tệ với bạn tôi. Chưa bao giờ nhục nhã thế này.

Biết chàng sắp dở điên dở khùng, tôi lẳng lặng ngồi nhấm nháp bát súp, nghĩ bụng chàng muốn ăn thì vào mà ăn, không thôi.

Bất thình lình, Scott đứng vùng dậy nhào tới chụp lấy bát súp của chàng và ném mạnh vào tường. Nước súp bắn tung tóe khắp phòng, khắp đồ đạc. Tôi rên lên :

— Anh Ssott.

Rồi nuốt giận lấy khăn ướt lau chùi các vết bẩn và quét dọn mảnh vỡ. Khi tôi ôm mớ đồ dơ xuống bếp thì gặp bộ mặt hầm hầm của Scott chắn ngang cửa.

Tôi hơi gắt :

— Anh Scott, đừng điên nữa...

Bỗng mắt tôi tối xầm hẳn lại, đom đóm bay tứ tung. Scott đã dùng hết sức táng tôi một bạt tai. Nửa mặt đau buốt, tai ù hẳn đi, nước mắt trào ra như suối, tôi đứng chết trân nhìn chàng, những mảnh bát vỡ vẫn còn nắm chặt trong tay. Trời ơi, có thể như vậy được sao ? Trước mặt mình là ai ? Người yêu dịu ngọt, người bạn tri kỷ, ông thầy hiểu biết của mình đây sao ?

Tuy đang mờ lệ, tôi cũng nhận ra Scott vung tay tính đánh thêm. Tôi vội vã thụt lui. Ngoài cửa bỗng có tiếng la hoảng :

— Ông Fitzgerald, đừng làm thế.

Cô y tá ở đâu tất tưởi chạy vào can. Scott gạt cô ta sang một bên :

— Cô hãy tránh ra. Cô tưởng ả này cần được che chở à ? Cô biết ả là gì không ? Một đứa giả dối được móc ra từ đống rác Luân Đôn, một con bé xuất thân từ viện mồ côi. Tên ả không phải là Sheilah Graham gì hết, mà là Lily Sheil. LILY SHEIL !

Thế rồi bộ mặt đưỡn đừ của Scott lóe lên những tia đắc ý, miệng lẩm nhẩm *Lily Sheil, Lily Sheil, Lily Sheil...*

Thấy điệu bộ của Scott, cô y tá la hoảng :

— Ông Fitzgerald, ông làm sao vậy ?

Thình lình Scott dơ chân đá cô y tá một cái thật mạnh khiến cô ré lên bỏ chạy.

Sau một hồi đứng lặng người nhìn Scott hành động như người mất trí, tôi giật mình. Scott điên thật rồi chăng? Chàng đã thực sự trở nên nguy hiểm? Nhưng rồi tôi xua đuổi những ý tưởng này ngay. Chàng vẫn còn là chàng, chỉ phải cái hay hóa mù làm mưa, mượn rượu để trút bớt những nỗi bực dọc «bất đắc chí». Hay hơn hết là tôi phải đi. Qua một đêm chàng sẽ tỉnh lại và ăn năn...

Tôi quay mình tính bỏ ra cửa thì Scott sấn tới chặn đường:

— Không được đi đâu hết. Cô phải ở lại đây.

Tôi nhạt nhẽo:

— Tại sao không? Tôi muốn đi.

Scott gằn giọng:

— Cô phải ở lại đây, nghe rõ chưa Lily Sheil? Khi nào tôi cho cô đi cô mới được đi.

Tôi nhìn Scott trân trối. Tại sao chàng lại cố tình hạ nhục mình thế nhỉ? Tôi gào lên:

— Tôi ghét anh! Tôi hết yêu anh rồi? Tôi không còn kính trọng anh nữa!

Scott rút một điếu thuốc gắn lên môi và lóng ngóng bật quẹt, miệng lúng búng:

— Cô phải ở lại đây để xem tôi giết cô.

Tôi cố dằn kinh hoảng. Kinh hoảng lúc này sẽ thực sự đưa tới kết quả thảm thương.

— Được rồi, anh Scott.

Tôi đấu dịu, ngồi ghé lên mặt tủ bát đĩa, hai chân đong đưa như cô học trò ngoan:

— Nếu anh không muốn em đi thì mình nói

chuyện vậy. Bây giờ anh muốn nói gì nào?

Scott đáp cộc lốc:

— Tôi muốn giết cô.

Chàng đưa tay mở ngăn kéo:

— Ủa, khẩu súng của tôi đâu rồi?

Chàng nhìn tôi nghi ngờ:

— Khẩu súng đâu?

Scott bắt đầu mở tung các ngăn kéo tủ, lục lọi khắp nơi. Đây là cơ hội để tôi chạy ra cửa, nhưng chắc chắn chàng sẽ đuổi kịp trước khi tôi ra tới xe. Đành nuốt nước bọt ngồi yên. Cuối cùng Scott làu nhàu như tự nói với chính mình:

— Phải rồi, chắc Frances biết.

Chàng với tay nhấc điện thoại trên tường gần chỗ tôi ngồi và gọi cô thư ký, giọng nhỏ nhẹ:

— Frances đó hả. Tôi nghe thấy hình như có tiếng động lạ ngoài vườn, cô có biết khẩu súng của tôi đâu không.

Tôi nín thở chờ đợi, người lạnh toát. Từ ống nghe trên tường có tiếng léo nhéo vọng ra:

— Thưa ông, tôi không biết.

Tôi thở phào, tưởng thoát nạn ai dè Scott đổi giọng, tiếp tục đưa Frances vào tròng:

— Cô có trông thấy tôi để nó đâu không? Có lẽ tôi lơ đãng để nó vào chỗ nào đó rồi quên khuấy đi mất.

Một lần nữa Frances vô tình cứu tôi thoát chết:

— Thưa ông, rất tiếc tôi không để ý.

Thấy dụ không ăn thua gì, Scott đành gác máy

rồi tiếp tục lục lọi khắp nơi, cả những nồi niêu xoong chảo cũng bị lật tung.

Ruột nóng như lửa đốt, tôi đánh bạo :

— Anh Scott, bây giờ em đi được chưa ?

Scott sửng cồ :

— Không đi đâu hết, ngồi đó. Đừng hòng còn sống mà ra khỏi nơi này.

Tôi mạo hiểm đánh đòn tâm lý :

— Nếu anh không để em đi, em sẽ gọi cảnh sát, chuyện này sẽ đồn đãi khắp nơi, sẽ đến tai con gái anh. Chắc anh không muốn Scottie biết chuyện này chứ ?

Scott rên lên, nóng nảy :

— Trời ơi, khẩu súng khốn nạn đâu rồi.

Chàng bắt đầu mở đến những ngăn tủ ở góc bếp. Sự hồi hộp làm tim tôi đau nhói từng hồi. Không chần chờ được nữa, tôi chộp lấy điện thoại, cuống quít gọi tổng đài :

— Làm ơn gọi dùm tôi cảnh sát. Nếu điện thoại bị cúp thì nhớ dùm số này...

Tôi nói thật nhanh số điện thoại của Scott xong mới hơi yên tâm. Scott lầm lì quay lại nhưng không tỏ cử chỉ gì muốn ngăn cản tôi. Bỗng dưng tôi trở nên bình tĩnh ghê gớm, nói với viên trung sĩ cảnh sát ở đầu dây bên kia rõ ràng từng chữ một :

— Tôi hiện bị nhốt tại một căn nhà trong thung lũng Encino. Đây là địa chỉ của tôi...

Tôi vừa nói số nhà vừa liếc mắt nhìn Scott. Chàng cũng đang nhìn tôi trừng trừng, khuôn mặt

nhếch nhác vẻ thất vọng, nhưng vẫn đứng yên như pho tượng. Tiếng viên trung sĩ vang lên trong ống nghe :

— Chúng tôi sẽ tới ngay.

Tôi gác máy, giọng nhỏ nhẹ :

— Anh Scott, chắc anh đã nghe thấy họ nói gì. Nếu em còn có mặt ở đây chắc chắn chuyện này sẽ tùm lum, vậy anh nên để em đi.

Tôi tuột khỏi mặt tủ và chậm rãi bước ra cửa nhưng mắt vẫn nhìn ngang theo dõi thái độ của Scott. Chàng bất động, tôi thoát khỏi cửa và hấp tấp bước lên xe. Loay hoay một hồi tôi mới tra được chìa khóa vào ổ và mở máy xe. Suốt dọc đường tôi khóc ngất, bước vào phòng nước mắt còn ràn rụa. Có tiếng chuông điện thoại, tôi nhấc máy lên nghe, hóa ra là Scott. Tôi nói qua tiếng nấc :

— Anh còn muốn gì nữa đây ?

— À không, anh chỉ muốn hỏi xem em đã về đến nhà an toàn chưa vậy thôi.

Tôi cười chua chát :

— Cám ơn lối khôi hài của anh.

Và tôi đặt máy lên giá, khóc to hơn trước.

Suốt đêm hôm đó tôi không phút nào chợp mắt được. Chuông điện thoại reo liền liền. Có một lần tôi nhấc máy lên, nghe giọng Scott tôi cúp ngay và ngồi thi gan với tiếng chuông reo. *Mặc kệ chàng, mình với chàng đến đây là hết, sẽ chẳng bao giờ gặp lại nữa. Còn gì mà mong ?*

Bảy giờ sáng, đang chập chờn với giấc ngủ

mệt đầy mộng mị thì có người đem thư đến. Bức thư đề : *Gửi Lily Sheil Graham.* Phía dưới là những hàng chữ nguệch ngoạc : *Lily Sheil phải ra khỏi thành phố ngay, nếu không sẽ chết trong vòng 24 tiếng đồng hồ.* Suốt ngày hôm đó những lá thư lời lẽ tương tự bay đến tới tấp : *Rời thành phố ngay nếu không sẽ chết mất xác dưới vực thẳm Coldwater... Hoặc rời Hollywood hoặc nhận lãnh số phận đau thương...*

Trong khi đó điện thoại réo liên hồi. Cô thư ký của tôi luôn tay nhấc máy, mỗi lần nghe giọng Scott là một lần cúp lẹ. Có một lúc cô thư ký mắc bận chạy ra ngoài, tôi buộc lòng phải trả lời điện thoại. Đầu dây bên kia giọng Scott sặc sùi dao búa :

— Cô đã không tuân lệnh rời thành phố, trong vòng hai mươi bốn giờ sẽ được đi mò tôm !

Có tiếng gác máy thật mạnh.

Vài giờ đồng hồ sau ông Wheeler từ Nữu Ước điện thoại cho tôi. Ông cho biết vừa nhận được một bức điện tín của F.Scott Fitzgerald nguyên văn như sau :

Hiện thời Sheilah Graham bị cấm cửa tại khắp các phim trường. Cô ta đang đưa Hiệp Hội Báo Chí Bắc Mỹ xuống vực thẳm tại Hollywood. Đề nghị ông nên tống cổ cô ta về nước Anh cho đáng kiếp. Ông có biết tên thật của cô ta là Lily Sheil không ?

Tôi phải nói khan cả cổ ông Wheler mới chịu tin rằng đây chỉ là một trong những trò « đùa dai » của Scott.

Mấy ngày tiếp theo, Scott tấn công tôi bằng những trận mưa thư từ và chuông điện thoại. Trong cơn tuyệt vọng, tôi tham khảo ý kiến một vị luật sư.

— Thưa ông, tôi không thể làm việc, không thể ngủ yên. Hắn sẽ làm tôi phát điên. Tôi phải làm gì bây giờ, hả ông ?

Theo lời vị luật sư, tôi có thể đưa vụ này ra tòa, hoặc nếu muốn giữ bí mật thì chỉ cần bỏ ra năm trăm mỹ kim là lập tức có hai cảnh sát viên tới buộc Scott phải chấm dứt trò chơi tai hại kia nếu không sẽ bị bắt. Thấy biện pháp thứ hai có vẻ ổn thỏa hơn, tôi bằng lòng :

— Xin luật sư cho biết rõ những nhân viên cảnh sát đó sẽ hành động như thế nào ?

— Họ sẽ đập cửa nhà ông ta lúc năm giờ sáng. Chúng tôi đã nghiên cứu và nhận thấy rằng cảnh sát đến viếng nhà trước lúc rạng đông là một biện pháp hữu hiệu nhờ yếu tố tâm lý...

Tôi buột miệng :

— Không được đâu ! Đừng đánh thức anh ấy vào giờ đó. Anh ấy rất khó ngủ, đêm nào cũng trằn trọc đến gần sáng, có lẽ giờ đó là giờ anh ấy vừa chợp mắt.

Tuy đã tự mâu thuẫn với chính mình nhưng hình như đây là câu nói phát xuất tận đáy lòng

tôi. Vị luật sư chỉ còn biết nhìn tôi lắc đầu.

Về đến nhà tôi nhận được một bức thư của Scott :

Em Sheilah yêu dấu,

Anh đã hành động điên rồ trước mặt em và đã làm em cũng như cô y tá phải đau đớn. Chuyện đó kể như đã qua.

Có điều anh đã nói những lời tàn tệ, những lời mà đáng lẽ không bao giờ nên nói. Anh xin em hiểu cho rằng đó chỉ là những mảnh vụn xa vời nhất của tiềm thức, không hề có trong lúc tỉnh cũng như lúc nửa tỉnh nửa mê. Có lẽ chúng cũng mang ý nghĩa và tầm quan trọng tương tự như những trận cãi vã vô ý thức giữa em và anh mỗi khi mình bàn về nước Anh hay nước Mỹ.

Anh không nghĩ rằng chúng mình sẽ còn dây dưa với nhau nữa. Anh rất mừng thấy em không còn dành cho anh những ý niệm quý trọng hay thương mến như xưa, như vậy càng tiện cho chúng mình, em nhỉ. Người ta có thể tốt hoặc không tốt đối với nhau, nhưng riêng anh hiện giờ chắc chắn anh là một sự kinh khủng đối với em. Anh đã yêu em với tất cả sự chân thành nhưng vẫn có một cái gì trục trặc khiến chúng mình không thể hòa hợp nhau. Em không phải tìm nguyên do đâu xa, vì chính con người anh là cái nguyên do đó. Một con người bất cận nhân tình, chẳng thể hòa đồng với bất cứ ai. Anh chỉ biết yêu em vì em đã mang đến cho anh mọi thứ. Tình yêu tự nó thật là tươi đẹp, không chút suy tính thiệt hơn — cũng như chính em.

Anh muốn chết, Sheilah ạ, và chết theo cách anh chọn. Trước kia anh chỉ biết sống cho đứa con gái nhỏ và người vợ đáng thương, nhưng suốt khoảng thời gian hơn hai năm vừa qua hình bóng em đã tràn ngập lòng anh. Anh muốn dừng lại ở đây để suy nghĩ về em, từ những ngày đầu gặp gỡ cho đến lúc chẳng còn gì để nói với nhau. Em đẹp quá, cao thượng quá, không thể lẫn lộn với đám người tầm thường, chẳng xứng chút nào với một kẻ ghen tuông, nhỏ nhặt, ngang bướng, loạn trí và sắp chết vì bệnh lao như anh. Anh sẽ sống với em lần cuối cùng tuy biết rằng em sẽ chẳng có mặt bên anh. Sắp rồi em ạ. Anh mong rằng có một chút gì để lại cho em. Nếu muốn, em có thể hỏi Leland Hayward để lấy chương đầu và những tài liệu của cuốn truyện mà anh đang viết. Tuy không phải là tiền nhưng nó cũng có đôi chút giá trị. Anh yêu em đến phát điên lên được. Đáng lẽ anh gửi thư viết tay cho em nhưng sợ em không đọc được, anh nhờ cô thư ký đánh máy dùm vậy...

Scott

Đọc thư chàng mà lòng tôi xúc động bồi hồi. Tôi mường tượng thấy chàng ngồi viết bức thư với vẻ tỉnh táo đáng sợ để nói những lời thống thiết của kẻ sắp vĩnh viễn ra đi. Tim tôi như nức

nở nhưng óc tôi không cho phép tìm gọi chàng, lý trí đã biến tôi thành đá. Tôi lầm bầm tự dối lòng, chàng sẽ không chết đâu, chẳng bao giờ chàng chết. Rồi không dám nghĩ gì thêm nữa, sự đau đớn sẽ làm tôi chết mất.

Cố lảng tránh những nỗi buồn dằng dặc, lần đầu tiên tôi hò hẹn với đàn ông. Đi ăn với Louis Meltzer, một nhà soạn phim mà tôi quen từ hồi chưa gặp Scott. Đi xem hát với Garson Kanin, một đạo diễn tên tuổi. Đi dự tiệc với Victor Mature, John McClain, John O'Hara. «Tôi đã trở lại vòng luân lưu của xã hội», đó là lời tôi thường nói với họ. Khi họ bắt giải thích, tôi chỉ nói một cách mơ hồ rằng ông Fitzgerald đã chấm dứt một chương trong cuốn truyện về đời tôi.

Một hôm tôi về tới nhà thì cô thư ký cho biết Scott đã xuất hiện và nhất định đòi gặp tôi. Chàng đã thơ thẩn một hồi từ phòng nọ qua phòng kia rồi biến mất. Vài ngày sau, Marc Connolly mời tôi đi ăn cơm tối. Đã lâu lắm tôi không đi chơi với Marc. Kể từ ngày y đưa tôi đi dự buổi khiêu vũ do Hội Văn Bút tổ chức và gặp Scott lần đầu tới nay đã hơn hai năm. Marc là một người khôn ngoan hoạt bát và cực kỳ quyến rũ. Khi y đến đón, tôi thong thả bước vào phòng trong để lấy chiếc áo lông chồn, vừa đưa tay mở tủ vừa thầm nghĩ *đời này thiếu gì đàn ông*. Nhưng lạ chưa, chiếc áo đâu rồi kìa ? Lục lọi trong tủ rồi đưa mắt nhìn quanh. Tim tôi chợt đau nhói, không *hắn* thì

còn ai vào đây ! Chạy ùa ra phòng khách, miệng lắp bắp trước vẻ mặt ngơ ngác của Marc :

— Chính hắn ta... hắn đã lấy trộm chiếc áo lông của tôi rồi !

Trong lúc bàng hoàng, cả cái tên của Scott tôi cũng không thốt lên được.

Ngày hôm sau nhân viên bảo hiểm của tôi đi gặp Scott. Chiếc áo lông đắt tiền kia là một trong những thứ mà tôi bảo hiểm. Scott nhìn nhận có lấy chiếc áo, viện cớ rằng chính chàng đã mua nó và chỉ cho tôi mượn mà thôi. Nhân viên bảo hiểm vẫn lạnh lùng :

— Ông có năm ngày để trả lại chiếc áo. Quá thời hạn đó thì không phải cô Graham mà chính chúng tôi sẽ đưa ông ra tòa.

Scott giật mình, xuống nước điều đình. Có lẽ năm ngày không kịp vì chàng đã lỡ gửi chiếc áo đi Vassar cho con gái để làm quà giáng sinh. Chàng sẽ viết ngay một bức thư bảo con gái gửi trả lại chiếc áo rồi sẽ nhận được một chiếc khác tương tự.

Chẳng có gì làm tôi ân hận về sự bẽ bàng của Scott và nỗi thất vọng của cô bé Scottie. *Cho chàng đáng đời !* Càng nghĩ lại càng giận. Chàng đã muối mặt với tôi thì tôi cũng cho chàng khốn khổ. Nỗi ấm ức đã có chỗ phát tiết. Tôi đem những tác phẩm đã in thành sách của chàng ra vò xé tơi bời. Riêng những trang có in tên Scott hoặc những lời đề tặng của chàng, tôi càng cố ý xé vụn thành mảnh

nhỏ rồi liệng tất cả vào sọt rác. *Tôi không muốn nhìn thấy tên chàng nữa, không muốn nghe ai nhắc đến tên chàng, không muốn nhớ tới chàng.* Tôi ghét chàng vì chàng đã phản bội tôi, đã tiết lộ những điều bí ẩn nhất về thân thế tôi. Chàng đã đánh và hăm dọa giết tôi, lại còn tìm cách làm tôi mất việc. Và đau đớn nhất là chàng đã đánh cắp chiếc áo bằng lông chồn thật đầu tiên trong đời tôi. Tôi quý nó như sinh mạng mình, đến nỗi không dám tựa lưng vào ghế sợ hư.

Muốn cắt đứt hẳn với Scott, tôi dặn cô thư ký nếu có điện thoại của chàng thì cứ trả lời là tôi đã rời thành phố. Nhất định không cho chàng một cơ hội gặp mặt.

Một tuần sau, tôi nhận được một bức thư của Frances Kroll, cô thư ký riêng của Scott:

Cô Graham thân mến,

Sau sáu ngày vật vã trên giường, ông Fitzgerald đã tỉnh táo lại và có vẻ ân hận về những việc khả ố mà ông đã làm. Hiện ông muốn biết có cách nào đền bù bằng vật chất cho những thiệt hại mà ông đã gây ra không? Ngoài ra ông muốn biết nếu ông vĩnh viễn rời bỏ Hollywood thì có giúp cô giải quyết được tình trạng xáo trộn hiện thời hay không?

Ông Fitzgerald không có ý niệm gì về việc cô hiện ở đâu, và cũng không có ý định muốn tìm gặp cô. Điều mong muốn duy nhất của ông là làm cách nào để chuộc lại càng nhiều càng tốt những lỗi lầm đối với cô.

Với tất cả sự chân thành,
Frances Kroll

Để trả lời, tôi cho Frances biết tôi không đòi hỏi gì ở Scott hết, chỉ muốn chàng để tôi yên.

Mấy hôm sau, lại một bức thư nữa tìm đến tôi. Tờ thư mầu vàng, đúng là thứ giấy mà Scott vẫn dùng để viết bản thảo. Gói bên trong là cuốn sổ tay ghi địa chỉ và số điện thoại mà tôi để quên tại nhà chàng. Nét bút chì quen thuộc:

Khi anh tỉnh lại vào thứ ba tuần trước, anh tìm thấy cuốn sổ tay này, hình như của em. Nó có vẻ lạc lõng cô đơn quá em ạ. Buổi chiều anh sang phòng em, nằm trên giường một lúc lâu đưa mắt nhìn quanh xem em còn để quên vật gì khác nữa không. Chỉ có vài mẩu bút chì, chiếc máy xấy đã hư, và một mùa thu biền biệt trôi ngoài song cửa. Thế rồi anh nhớ tới em, lấy giấy bút ghi lại những nét tuyệt vời mà anh thường thấy trên khuôn mặt em. Có một đoạn anh viết xong rồi không dám đọc lại. Đoạn đó nói về một nàng con gái nhỏ đặt hết niềm tin nơi anh, và anh cũng yêu nàng hơn tất cả mọi thứ trên đời. Thật là lạ, anh đã làm nàng đau đớn trong khi bản tâm anh muốn nàng sướng vui. Anh muốn em hiểu rằng những lời anh nói với em hôm đó hoàn toàn do

sự mê sảng... phát xuất từ men rượu, từ cơn bệnh trầm kha và từ những liều thuốc liên miên bất tuyệt ; những lời nói mà các cô y tá thường được nghe ở cửa miệng những gã say không biết trời trăng là gì. Anh hài lòng thấy em đã đoạn tuyệt được với anh. Hy vọng rằng em sẽ sung sướng và tấn thảm kịch vừa qua sẽ mờ dần trong trí em để đến một ngày nào đó em chợt nói : « Anh ấy đâu đến nỗi tệ như mình tưởng ». Thôi chào em, anh sẽ chẳng làm phiền em nữa đâu.

Scott

26.

MỘT BÓ HOA HỒNG VĨ ĐẠI VÀ TẤM thiếp đề vỏn vẹn một chữ «Scott» được gửi đến tôi. Hoa thật đẹp, những cánh hoa mầu tía mượt như nhung, vứt đi uổng quá. Thôi thì cắm vào bình vậy.

Ngày hôm sau, cô thư ký của Scott tới viếng tôi, mang theo chiếc va li nhỏ đựng những thứ lẩm cẩm mà tôi còn để lại đằng trại Bụng Phệ. Cô kể lể dạo này Scott làm việc rất dữ, đã hoàn tất chương thứ nhì của cuốn truyện, và bỏ hẳn rượu rồi. Khi tôi ngước lên nhìn, vẻ mặt cô có vẻ thành khẩn như muốn van lơn :

— Tôi nói thật mà, hồi này ông ấy khá hơn trước nhiều...

Tôi lạnh lùng ngắt lời :

— Như vậy thì tốt cho ông ta.

Vị « sứ giả hòa bình » bùi ngùi giây lát rồi đứng lên kiếu từ.

Trong khi đó tại trại Bụng Phệ, Scott đang nhấp nhổm chờ đợi. Vừa thấy cô thư ký về tới, chàng hỏi ngay :

— Thế nào, cô Frances ?

Frances mỉm cười ranh mãnh :

— Không bị vứt đi đâu mà ông lo. Lại còn được cắm trong một chiếc bình tuyệt đẹp và để ngay trên bàn giấy nữa là khác.

Các nếp nhăn trên mặt Scott như dãn ra :

— Có thế chứ !

Giọng chàng đầy vẻ đắc thắng. Hình như chàng thắng tôi thật. Đã năm tuần nay hai đứa không gặp nhau hay nói với nhau lời nào...

Mấy hôm trước, Scott đã đánh thêm một bức điện cho ông Wheeler để xin lỗi về bức điện thứ nhất. Ông Wheeler trao lại cho tôi bức điện này để tôi có thể yên tâm làm việc :

Tôi gửi cho ông bức điện trước giữa lúc đang lên cơn sốt và trong bụng óc ách một hồ rượu. Thực ra không có điều gì trở ngại trong việc Sheilah liên lạc với các phim trường. Nàng và tôi xích mích nên tôi nổi nóng làm bậy, có vậy thôi. Xin ông hãy coi bức điện tín đó như lời của một người điên.

Scott Fitzgerald

Tôi đọc tờ điện tín với vẻ lãnh đạm của người đau khổ quá lâu thành chai đá. Mọi chuyện như xa vời, như mờ ảo, chẳng còn chút dư âm nào đối

với cuộc sống ồn ào bay nhảy của tôi hiện nay. Những ngày đầu năm 1940, sinh thú bắt đầu trở lại với tôi. Đây là dịp tốt thụ để hưởng nốt những thứ mà Hollywood sẵn sàng dâng hiến, tha hồ cặp kè với bọn đàn ông, trở lại những cuộc vui mê say nghiêng ngả. Việc viết lách của tôi cũng dồi dào phong độ hơn xưa nhiều. Bài của tôi xuất hiện trên sáu mươi lăm tờ báo khác nhau tại Hoa Kỳ và Gia Nã Đại, đôi khi còn xuất hiện cả trên tờ *Evening Standard* tại Luân Đôn. Tất cả những bài ký tên Sheilah Graham đăng trên tờ báo này đều được Johnny — Người chồng cũ trung thành muôn thuở của tôi — gửi cho tôi kèm theo lời khen ngợi. Tờ *Look* muốn viết một bài phóng sự bằng hình về tôi dưới nhan đề « Nữ Phóng Viên Khả Ái Nhất Hollywood ». Nhưng đến khi họ đòi chụp hình tôi mặc áo tắm, tôi thẳng thắn từ chối. Hở hang trên mặt báo không phải là nghề của tôi. Tóm lại, tôi đã tiến một bước dài kể từ ngày múa hát trên sân khấu Luân Đôn.

Mấy lúc gần đây tôi đã có thể sống giữa đám đông một cách hiên ngang, không còn e dè giữ mồm giữ miệng như hồi trước nữa. Nhờ được Scott rèn cặp một dạo, đầu óc tôi như sáng hẳn ra. Đôi khi những người đàn ông đi cùng tôi còn giật mình trước sự hiểu biết sâu rộng về văn chương của tôi. Họ đã phục sát đất khi tôi tuôn ra dăm bẩy bài thơ dài của Andrew Marvell hay Robert Herrick, hoặc giải nghĩa rành rẽ Keats đã mượn ý của Boccaccio

như thế nào, hoặc lý luận về ảnh hưởng của Matthew Arnold đối với tiểu thuyết Anh ra sao. Còn gì sung sướng bằng được nghe thiên tài văn học Irwin Shaw khen :

— Chị đúng là một tủ sách biết đi.

Chưa hết. Bọn đàn ông tranh nhau mời tôi đi chơi, mỗi tối ăn ở một nhà hàng khác, mỗi đêm khiêu vũ ở một hội quán mới, đi đâu cũng được thiên hạ trọng vọng, trầm trồ...

Một buổi tối thứ bảy, sau khi theo đám bạn bè đi phá phách một trận tưng bừng, tôi trở về nhà gieo mình trên chiếc trường kỷ, thở dốc. Vừa lúc đó chuông điện thoại reo, giọng Scott trầm trầm :

— Sheilo, anh rất muốn được gặp em. Sáng mai anh tới em được không ?

Tôi không trả lời. Trong một phút bao nhiêu ý tưởng dồn dập kéo tới, những kỷ niệm êm đềm gợn lên trong trí. Trời ơi, tôi phải làm thế nào bây giờ ? Ăn chơi, nhảy nhót, kẻ đưa người đón mà làm gì ? Nhạt phèo, trống rỗng. Chỉ có chàng mới là thực, tôi cần chàng. Những người đàn ông khác dù dịu dàng, quyến rũ và danh vọng đến đâu cũng vẫn không phải là chàng. Tôi gạt bỏ hết, kể cả tự ái, để tìm lại những gì đã mất mát... Giọng Scott lại vang lên, thật dịu dàng như chỉ sợ tôi giận :

— Sheilo, em còn ở đó không ?

Tôi không kềm hãm được nữa :

— Có, em vẫn nghe anh đây. Anh muốn gặp em thì sáng mai anh cứ đến.

— Cám ơn em. Sáng mai anh sẽ tới em sớm, khoảng chín giờ. Chúng mình sẽ lái xe kiếm một nơi nào đó để nói chuyện, em nhé.

Scott đúng hẹn làm tôi hơi cảm động. Đối với chàng chín giờ sáng là quá sớm vì chàng luôn luôn mất ngủ về đêm. Bình thường giờ này chàng còn đang ngủ say.

Scott lái xe, tôi ngồi bên cạnh. Hai đứa đều giữ kẽ đến độ khách sáo. Chiếc xe ì ạch leo ngược dốc, men theo sườn núi uốn khúc để lên đến đỉnh cao chót vót. Không khí buổi sáng tươi mát lâng lâng, cảnh núi đồi lặng yên như còn đang ngái ngủ, phía dưới thành phố xa xa, nhà cửa nhỏ li ti, trên đầu, cả một khoảng trời xanh bát ngát.

Hai đứa bỏ xe xuống đi bộ, thả bước tới một mỏm đất sát bên bờ vực. Ngồi trên thảm cỏ mát rượi tâm hồn chợt thanh thản lạ thường. Phóng tầm mắt ra xa, một giải nước mênh mông trắng xóa, bờ biển Thái Bình Dương mờ ảo lẫn trong làn sương khói ban mai. Gần hơn là những đồi núi chập chồng, mây trời lơ lửng, lác đác những khoảng sườn đồi đầy hoa đỏ thay cho những nét chấm phá của bức tranh xanh ngát mù khơi...

Scott lên tiếng trước. Chàng nói thật chậm rãi như đợi từng chữ thấm vào đầu tôi. Chàng kể về chàng, về Zelda, và về thái độ dứt khoát của chàng đối với ma men. Chàng biết uống rượu là tai hại, là tự chặt đứt mọi liên lạc với thế giới xung quanh.

Khi còn trẻ chàng uống rượu vì hồi đó mọi người đều uống.

— Lúc đầu Zelda và anh đua đòi với bọn họ. Rồi dần dần anh cảm thấy men rượu thật thích hợp với anh. Như em biết, anh sống bằng nghề cầm bút. Men rượu giúp anh thêm nhiều ý tưởng và viết một cách dễ dàng, vậy thử hỏi anh không mê nó sao được ? Thế rồi đến một ngày kia, anh bỗng khám phá ra mình uống rượu không phải để viết văn mà để tìm quên. Anh muốn quên đi sự phung phí của tuổi trẻ và nhất là sự tiếc hận về tình trạng của Zelda. Anh cảm thấy có một phần trách nhiệm trong căn bệnh của nàng. Anh chịu không nổi ý tưởng mình là kẻ gây nên bao tội lỗi, làm hại vợ cũng như làm hại chính mình. Nhưng anh đã lầm, em ạ. Rượu không giúp anh quên, sự trốn lánh sự thật còn đáng sợ hơn chính sự thật. Giờ đây anh nhất định từ bỏ lối tìm quên giả tạo này. Tuy bệnh phổi chưa khỏi và chứng mất ngủ vẫn còn đeo đuổi, anh cảm thấy khỏe khoắn yêu đời hơn trước nhiều, hy vọng tương lai sẽ sáng sủa hơn. Anh đã mướn một chuyên viên có thể tìm cho anh việc làm mới tại phim trường. Việc viết lách hồi này cũng tiến triển tốt đẹp. Anh tin rằng cuốn truyện mà anh đang viết sẽ đạt được kết quả khả quan. Sheilo, anh sắp bỏ hẳn rượu. Anh đã tự hứa với mình như vậy. Em có quay lại với anh hay không thì anh cũng không uống rượu nữa, nhưng thẳng thắn mà nói, anh tha thiết mong em trở lại, rất tha

thiết em ạ.

Scott ngừng nói, hai đứa cùng trầm ngâm thả hồn vào khoảng không gian vắng lặng xung quanh. Chàng đã nói câu cuối cùng bằng vẻ thành khẩn khiến người nghe phải xúc động. Chưa bao giờ chàng yếu mềm thố lộ tâm can như vậy, chưa bao giờ chàng hứa sẽ bỏ rượu như vậy. Tôi có cảm tưởng như hai đứa đang lênh đênh trong một ngôi giáo đường rộng mênh mông, lời thú tội của Scott còn văng vẳng đâu đây... Trong một giây lòng tôi chợt rung động mãnh liệt. Tôi cũng cần chàng nhưng vẫn muốn làm khó dễ chơi :

— Anh Scott, liệu em có thể tin được anh không ? Liệu anh có thể bỏ rượu thật không ? Anh chắc chắn rồi chứ ?

Scott gật đầu :

— Anh nói thật, anh nhất định rồi.

Hai đứa yên lặng nhìn nhau một hồi. Scott thoáng mỉm cười hóm hỉnh :

— Nếu không tin thì em có quyền thử.

Thế rồi tôi trở lại với Scott và cuộc sống lại đầm ấm như xưa. Mọi việc xảy ra chỉ thoảng qua như một giấc ngủ mệt.

Như đã hứa, Scott bỏ rượu và hăng say cầm bút. Nhà sản xuất Lester Cowan bằng lòng mua truyện ngắn *Babylon Revisited* của chàng với giá một ngàn Mỹ Kim và thuê chàng soạn lại thành chuyện phim với số lương khoán năm ngàn. Đối với một cây bút gạo cội cỡ chàng, đây là một giá

rẻ mạt đến độ khôi hài, nhưng Scott tỏ ra hài lòng với cơ hội tiến thân mới. Chàng phấn khởi làm việc để đưa đứa con tinh thần của mình lên màn bạc.

Khung cảnh xung quanh ngôi nhà thung lũng cũng êm đềm như cuộc sống hai đứa. Mỗi buổi trưa, sau khi viết xong bài báo hàng ngày, tôi thường rủ Scott xuống bể bơi bắt chàng dạy bơi. Có điều lạ là « ông thầy bơi lội » rất sợ nước, lúc nào cũng đánh chiếc áo thung, sùm sụp chiếc mũ phớt, tìm chỗ mát trên bờ ngồi xuống rồi bắt đầu chỉ trỏ ra lệnh. Sau bữa cơm trưa, ai về phòng nấy, Scott viết còn tôi đọc những cuốn sách do chàng chỉ định. Đến chiều cơm nước xong xuôi hai đứa sánh vai thả bộ theo những đường mòn im vắng, bàn cãi về những đoạn sách mà tôi đọc trong ngày. Cũng có hôm hai đứa ở nhà, bắc ghế ra ban công ngồi đối ẩm như một đôi vợ chồng già vui cảnh điền viên. Nhiều khi hàng giờ hai đứa chẳng nói lời nào, ngồi bất động lắng nghe đêm về, tiếng côn trùng rả rích, xa xa vọng lại tiếng vó ngựa và những loạt súng của mấy chàng «cao bồi miền Tây» trong một pha rượt bắt sôi nổi sắp được chiếu trên màn bạc.

Thỉnh thoảng hai đứa cũng đi chơi xa. Tôi còn nhớ mãi hôm Scott đưa tôi đi Tijuana ở biên giới Mễ Tây Cơ. Nhân lúc hứng chí, chàng gọi một bác phó nhòm tới chụp một bức hình làm kỷ niệm. Tôi toe toét cười ngồi trên lưng một chú lừa ngái

ngủ ; còn Scott đứng bên cạnh, đầu đội nón rộng vành, vai quấn khăn loè loẹt, giống hệt một tay anh chị Mễ Tây Cơ. Đó là bức hình duy nhất mà hai đứa chụp chung kể từ ngày biết nhau.

Khí hậu tại thung lũng Encino rất ấm áp về mùa đông nhưng lại nóng như thiêu đốt về mùa hè làm Scott chịu không nổi. Tháng tư năm đó Scott quyết định rời nhà. Tôi tìm cho chàng một căn lầu rất gần chỗ tôi ở. Để tiết kiệm, hai đứa mướn chung một chị bồi rồi luân phiên ăn cơm nhà nhau. Tối hôm trước chị bồi nấu ăn nhà Scott thì tôi làm khách, tối hôm sau chị nấu ăn ở nhà tôi thì Scott làm khách. Hai đứa như cặp vợ chồng mới, tối tối cùng nhau đi siêu thị mua đồ ăn, ghé thương xá lựa vài tờ báo, rồi mỗi đứa làm một ly sữa sô cô la trước khi ra về. Trên đường về, hai đứa nắm tay nhau « giung giăng » trên những hè phố vắng, ánh đèn đường không đủ soi sáng khoảng trời đêm. Scott cất giọng nghêu ngao vài câu thơ của Keats :

Bóng dáng kia phảng phất vẻ liêu trai
Là người thật, thiên thần, hay cả hai
Trong thung lũng tuyệt vời, hay giữa nơi đất chết ?

Tôi vội vàng lên tiếng phụ họa :

Đây là người, hay những vị thần vừa sa chân mê đắm ?
Theo đuổi mãi hoài, hay trốn lánh yên thân ?
Sao đàn ca hoan lạc vẫn tưng bừng ?

Thỉnh thoảng một bộ hành lướt qua nhìn hai đứa như hai con quái vật. Tôi bật cười khúc khích nhưng Scott vẫn tỉnh bơ, mặt lạnh như tiền.

Cuộc sống thật là yên ổn khiến tôi chẳng bao giờ nghĩ đến ngày mà hai đứa phải vĩnh viễn xa nhau. Tuy bệnh Scott chưa khỏi và tuổi chàng cũng chẳng trẻ trung gì, tôi vẫn không nhận thấy ở chàng một dấu hiệu nào của sự kiệt lực. Khoảng thời gian sau này chàng là một con người mới, vui tươi quá, yêu đời quá, không uống rượu, và cũng chẳng yếu đuối như xưa. Chàng làm việc một cách mê say. Soạn phim, viết tiểu thuyết, sáng tác truyện ngắn cho tờ *Esquire*, và tới tấp viết thư cho con gái, cho các chủ bút và cho đám bạn bè đông đảo của chàng. Tuy nhiên chàng vẫn dành một khoản thì giờ cho việc theo dõi tin tức mặt trận tại Âu Châu trên một tấm bản đồ trong phòng làm việc, ghi lại những ý kiến riêng về chiến lược cần phải áp dụng, cũng như chàng thường phác họa chiến thuật đấu banh trên sân cỏ mỗi khi đưa tôi đi xem đoàn cầu UCLA biểu diễn. Ngày 31-5-1940, đúng chín tháng sau khi Thế Chiến Thứ Nhì bùng nổ, Scott và tôi đáp xe lửa đi Cựu Kim Sơn xem hội chợ thế giới. Đang ngồi trong toa giải khát thì máy phóng thanh loan tin quân đội Anh triệt thoái khỏi Dunkirk. Scott thiếu điều nhảy cỡn khi nghe giọng nói của Anthony Eden cho biết ba phần tư quân đội Anh đã thoát hiểm. Trước đây đã nhiều lần Scott và tôi tranh

luận sôi nổi, chàng nhất định cho rằng quân Anh sẽ bại trong khi tôi bảo chàng là người chưa hiểu gì về dân tộc Anh. Giờ đây chàng mới chịu phục thiện :

— Em có lý, dân tộc nước em sẽ thắng. Quân đội nước em được bảo toàn ngày hôm nay là để dùng cho một dịp khác.

Lúc đi vui vẻ bao nhiêu thì lúc về rầu rĩ bấy nhiêu, Scott thở dài sườn sượt khi nghe tin quân Pháp thất trận. Nhưng chỉ qua một đêm chàng lại tìm thấy sự hăng hái hàng ngày. Những biến cố thời sự ở bên kia đại dương có thể làm chàng suy tư nhưng không thể làm chàng quên đi cuộc sống tràn trề hạnh phúc mà hai đứa dành cho nhau kể từ sau vụ gương vỡ lại lành. Đống sách học của tôi chồng cao mãi lên cho đến một hôm chàng lấy thước dây đo tường để thuê đóng kệ sách. Khi những chiếc kệ được chở tới, hai đứa loay hoay mất mấy ngày mới xếp xong sách vở đâu vào đấy. Trong bản mục lục có cả những cuốn do chính chàng sáng tác (chàng đã thay thế lô sách mà tôi xé hôm trước bằng một lô khác, có đề tặng đàng hoàng). Scott ngồi xếp chân vòng tròn dưới sàn nhà, kiểm soát cẩn thận từ ngăn : ngăn tiểu thuyết, ngăn khảo cứu, ngăn dành cho tác giả Mỹ, ngăn dành cho tác giả ngoại quốc... Đôi lúc chàng có thể mệt mỏi về tay chân, nhưng đầu óc chàng lúc nào cũng làm việc như vũ bão. Đến nỗi nhà sản xuất Cowan cho biết ông sẽ không dùng chuyện phim

Babylon Revisited của chàng mà chàng vẫn không ngã lòng chút nào. Chàng chỉ thản nhiên phái «chuyên viên tìm việc» của chàng đi tìm mối khác. Trong khi chờ đợi, chàng dành hết thì giờ vào việc viết tiểu thuyết, chàng còn dự tính thêm việc làm cho tôi, bảo tôi phải viết một cuốn truyện về đời mình :

— Chuyện về em rất hấp dẫn. Một ngày nào đó em phải kể lại cuộc đời em, phải viết thành sách đàng hoàng.

Tôi phản đối :

— Thôi, em không viết đâu, anh phải viết mới đúng. Em vẫn hằng mong anh viết truyện về em cơ mà.

— Không được, đó là việc của em, em phải làm cho quen. Anh chỉ giúp em mà thôi, anh sẽ chỉ cho em cách viết.

Rồi chàng xuống phố mua cho tôi một cuốn sổ bìa da trị giá không dưới hai mươi Mỹ kim và căn dặn :

— Trước khi viết truyện, em phải ghi chép những điều mình nghĩ. Công việc ghi chép có thể sẽ mất nhiều năm, nhưng không sao.

Chàng phác họa một cái khung cho cuốn truyện, chia cuộc đời tôi thành bẩy giai đoạn chính : trong viện mồ côi, lang thang ban đêm trên đường Piccadilly, phân vân khi phải chọn lựa giữa Johnny và nhà triệu phú Monte, ca múa trên sân khấu, giao du với đám người thượng lưu Anh, ký giả tại Nữu

Ước, và phóng viên tại Hollywood. Chàng nói :

— Khi em nhớ ra việc gì hoặc có ý tưởng gì mới lạ thì mở sổ ghi vào đoạn thích hợp. Nhớ là phải ghi ngay nếu để lâu những chi tiết sống động sẽ bị rơi đi mất.

Thực ra tôi đã đóng một tấm cửa sắt phía sau lưng để ngăn cách hiện tại với quá khứ. Tấm cửa đó chỉ mới được mở ra một lần, đó là lần tôi nói hết sự thật về đời mình cho Scott nghe. Giờ đây, với sự khuyến khích của Scott, tôi bắt đầu phá bỏ cánh cửa đã han rỉ để tự mình trở lại tuổi thơ đầy nước mắt. Bắt đầu nhớ lại những hình ảnh xa xưa, mùi hôi hám trong căn lầu chật hẹp của mẹ, mùi dầu chải đầu của chàng Tóc Đỏ, mùi phấn bột phát ra từ người nhà triệu phú Monte Collins. Bắt đầu nhớ lại cảm giác thích thú khi ngồi trước mặt Johnny, giúp chàng giải quyết những chồng thư cao ngất, rồi đến những ngày tưng bừng trên sân khấu...

— Hay lắm, ghi lại ngay đi.

Scott khen và bắt tôi xử dụng ngay cuốn sổ mới mang về. Chàng còn dặn thêm :

— Nhớ nhé, phải ghi chép, luôn luôn ghi chép.

Điều làm tôi hãnh diện không ít là có những lúc các nhận xét của tôi được chính chàng ghi lại. Có lần hai đứa ngồi trên ban công ngắm đêm, tôi chợt nói :

— Những quả bóng ping pong trên mặt cỏ trông giống hệt các vì sao trên trời.

Scott vội vàng lấy bút nghi ngay nhận xét này lên giấy. Một lần khác, hai đứa nằm nghe mưa rơi trên mái nhà, tôi buột miệng :

— Tiếng mưa rơi sao giống tiếng vó câu từ xa vọng lại quá, anh nhỉ.

Cuốn sổ tay của Scott lại thêm một ý tưởng ngộ nghĩnh.

Tuy chăm chỉ làm bạn với cuốn sổ bìa da, tôi vẫn không sao lãng việc học hỏi. Hồi này tôi bắt đầu học nhạc. Scott mua làm quà cho tôi một máy quay đĩa rồi mời ông anh nhạc sĩ của Frances Kroll tới soạn chương trình dùm (Scott cũng khá về nhạc nhưng dĩ nhiên không thể bằng một nhạc sĩ chuyên nghiệp). Sau đó Scott theo lời đề nghị của ông ta, ôm từng chồng đĩa hát có giá trị về và hai đứa vừa nghe nhạc vừa đọc tiểu sử của các nhà soạn nhạc kèm theo những đoạn phê bình xác đáng về từng nhạc khúc.

Hết học nhạc tới học mỹ thuật. Mỗi chiều thứ bảy Scott đều dẫn tôi đi viện bảo tàng hoặc các phòng triển lãm. Dưới sự chỉ dẫn của Scott, tôi học cách xem tranh, tìm hiểu nghệ thuật của các họa sĩ cổ như Goya người Tây Ban Nha, Brueghel người Bỉ, và Paul Klee người Thụy Sĩ. Thư viện Huntington tại Pasadena cũng có một số tranh sơn dầu của các họa sĩ Anh như Gainsborough, Reynolds và Romney ; hoặc những bức vẽ phong cảnh thập phần ngoạn mục của Constable và Turner. Hai đứa thường dừng lại thật lâu trước mỗi bức

tranh, tự hỏi người vẽ muốn ngụ ý gì, rồi về nhà kiểm chứng lại xem câu trả lời của mình có đúng không bằng cách so sánh với những lời phê bình hội họa trong các cuốn sách đáng tin cậy.

Một buổi chiều tháng tám, xe đang lăn bánh trên đường tới thư viện Huntington, tôi quay sang hỏi đùa :

— Anh Scott ơi, cô sinh viên trong Trường Đại Học Fitzgerald của anh hồi này học hành ra sao.

Scott ậm ừ :

— Khá lắm. Anh rất hài lòng về cô ta, chăm một cây.

— Vậy thì đến bao giờ anh mới phát bằng tốt nghiệp cho cô ta đây ?

Scott nghiêm trang :

— Để xem nào... ở Vassar, Scottie phải học bốn năm, nhưng chương trình của anh là chương trình cấp tốc. Em đã học được khoảng một năm rưỡi, vậy thì tháng sáu sang năm em sẽ ra trường.

— Anh nhớ phát bằng đàng hoàng à nghe.

— Dĩ nhiên. Lúc đó em sẽ áo mão chỉnh tề, rồi anh trao bằng tốt nghiệp cho em. Anh hứa như vậy.

Theo chàng, tôi sẽ phải qua một kỳ thi viết như ở tất cả các trường đại học, nhưng gồm nhiều môn hơn. Chàng sẽ soạn bài thi và làm giám khảo. Nếu tôi đậu, chàng sẽ trao cho tôi một *bằng tốt nghiệp viết tay*, thứ văn bằng độc nhất vô nhị trên đời này.

27.

SCOTT ĐÃ THÔI HẲN RƯỢU. BÁC SĨ Wilson thường ghé thăm bất ngờ và nói với tôi như vậy. Điều này làm tôi tràn trề vui sướng trong suốt hai mùa hạ thu ngà ngọc của năm 1940. Sự vui sướng càng tăng thêm gấp bội khi tôi khám phá ra mình có mặt trong cuốn truyện mà chàng đang viết.

Chưa bao giờ Scott cho tôi biết chàng đang viết về tôi. Chàng không hề kể rằng nhân vật Stahr trong truyện sẽ yêu một cô gái Anh giống như tôi. Tên nàng là Kathleen. Cách ăn nói của nàng tương tự như tôi. Khi kể cho Scott nghe chuyện tôi đứng bán bàn chải tại thương xá Gamage, tôi nói « em có bộ răng đẹp so với các cô gái Anh khác ». Trong truyện *Ông Tướng Cuối Cùng* Kathleen lặp lại câu nói đó với Stahr. Mỗi tối khi Scott đọc cho tôi nghe đoạn truyện chàng viết trong ngày, tôi dần dần nhận ra cuộc tình giữa

Kathleen và Stahr chính là cuộc tình của chàng và tôi.

Scott gieo vào lòng tôi một cảm giác như thực như hư khi chàng đọc cho tôi nghe. Rõ ràng đây là cuộc tao ngộ giữa chàng và tôi trong buổi khiêu vũ của Hội Văn Bút hôm nào, được kể lại dưới ngòi bút thần kỳ của chàng :

... chàng chợt thấy Kathleen ngồi lẻ loi giữa chiếc bàn dài màu trắng.

Lập tức không gian biến đổi. Chàng tiến về phía nàng, mọi người xung quanh như thu nhỏ lại nép sát vào tường cho đến khi chỉ còn là những bức tranh bất động. Chiếc bàn trắng bỗng dài hẳn ra và biến thành chiếc bàn thờ thiêng liêng dành cho vị nữ tu mặt ngọc cô đơn. Nhờ một sức mạnh vô hình, chàng có thể đứng đó mãi, cách nàng một chiếc bàn, để mỉm cười chiêm ngưỡng. Nhưng không, khoảng cách từ từ biến mất và hai người bắt đầu khiêu vũ.

Thật là lạ, nàng càng lại gần hình bóng nàng càng nhạt nhòa để rồi trong một phút biến thành hư ảo. Bình thường bộ óc thông minh của một cô gái giúp cô ta luôn luôn hiện hữu, nhưng lần này thì không... Thế rồi mỗi lúc Stahr một ngơ ngẩn hơn trong khi hai người dìu nhau dọc theo sàn nhảy. Có một lúc hai người bước qua một tấm gương và lạc vào một đám khiêu vũ khác gồm những bộ mặt quen thuộc nhưng vẫn chẳng có gì

đáng chú ý. Hai người bắt đầu nói chuyện. Chàng hỏi thật nhanh, nôn nóng :

— Cô tên gì ?

— Kathleen Moore.

Chàng ngơ ngẩn lập lại :

— Kathleen Moore...

— Có phải anh đang nghĩ rằng tôi không có điện thoại phải không ?

— Hôm nào cô tới thăm tôi đằng phim trường nhé ?

— Không được đâu... Thật mà.

— Tại sao không ? Cô có chồng rồi à ?

— Không.

— Cô không có chồng ?

— Không có và chưa bao giờ có. Nhưng biết đâu mai mốt sẽ có.

— Một trong những người ngồi cùng bàn với cô chứ gì ?

Nàng cười lớn :

— Không phải. Anh này tò mò ghê.

Nói vậy nhưng lòng nàng cảm thấy dễ chịu và gần chàng hơn lên. Ánh mắt nàng mời chàng hãy tiến xa hơn nữa, đến mực độ nào thì chưa thể biết được. Dường như nàng chợt nhận thấy mình bạo quá, vội nói lảng :

— Tôi phải về bàn. Bản tới tôi đã hứa nhảy với người khác.

— Tôi không muốn mất cô. Lúc nào rảnh mời cô đi dùng cơm với tôi được không ?

— Không được đâu,

Miệng nói không nhưng cử chỉ của nàng vô tình biến lời từ chối thành một câu ưng thuận, đại khái như : « Được lắm chứ. Cánh cửa vẫn còn chưa khép hẳn, nếu anh lách mình vào được thì kể như xong. Nhưng nhớ nhé, phải thật nhanh, nếu không sẽ quá muộn.»

— Tôi phải trở về bàn của tôi.

Nàng lớn tiếng nhắc lại và buông tay khỏi người chàng, chân cũng dừng bước, mắt nhìn chàng miệng nở một nụ cười lẳng lơ khiến chàng bấn loạn.

— Lúc đứng gần anh, hơi thở của tôi hình như mất trật tự thế nào ấy.

Nói xong, nàng nâng vạt áo quét đất và quay mình bước đi để chàng lẽo đẽo theo sau. Về gần tới bàn, nàng bỗng dừng lại :

— Cám ơn về bản khiêu vũ vừa rồi. Thôi, chào anh.

Chân nàng bước mau gần như chạy.

Scott còn kể lại cả những lần hai đứa gặp mặt tại Quán Cây Dừa, buổi khiêu vũ tại Hội quán Clover và những bộ mặt dài ngoẳng của Eddie và Jonah khi phải ngồi chờ hai đứa nhảy hết bản này đến bản khác.

Nghe chàng đọc truyện, tôi cảm động ngất người, tự hỏi phải chăng chàng nghĩ về mình như thế thật ? Trong lòng hãnh diện nhưng tôi vẫn phải tỏ ra khiêm nhượng mỗi khi chàng đem tôi so sánh với một cô gái sắc nước hương trời, có sức quyến rũ phi thường và có mãnh lực làm chàng hăng hái yêu đời hẳn lên. Và tôi cũng hơi ngượng ngùng như thể chàng đã vạch trần một phần bí ẩn về đời chàng mà đáng lẽ tôi chẳng nên biết tới.

Diễn biến của cuốn truyện còn cho tôi biết thêm nhiều điều khác. Stahr là một gã đàn ông cô độc. Nàng Minna vợ gã đã chết nhưng tình yêu của gã dành cho nàng vẫn sống. Khi gã gặp Kathleen lần đầu, chưa kịp nói nàng đã biến đâu mất. Gã bỏ đi tìm nàng nhưng chỉ gặp một cô gái khác. Phải chăng đây chính là chuyện về Scott và tôi khi hai đứa gặp nhau lần đầu trong buổi tiệc trà tại nhà Benchley ? Thế rồi khi Stahr tìm ra Kathleen, nàng đang đứng tại ngưỡng cửa ra vào :

Nàng đứng kia, thân hình, khuôn mặt và nụ cười in rõ trên khung cửa nhờ ánh đèn từ trong nhà hắt ra. Đúng là khuôn mặt của Minna — cũng nước da sáng rỡ như có chất lân tinh, cũng làn môi cong ấm áp chẳng bao giờ suy tính thiệt hơn...

Phải chăng Scott đã nhìn tôi như thế ? Nếu Kathleen là tôi thì Minna hiển nhiên là Zelda. Thì ra tôi đã gợi trong trí chàng một hình ảnh đậm nét về Zelda. Tôi chợt nhớ lại buổi tối hôm đó chàng đưa tôi về, cũng đứng trước cửa nói lời từ biệt, nhưng tôi đã bảo chàng đừng đi, và chàng ở lại với tôi...

Phải chăng hôm đó và hôm nay chàng đang cùng tôi diễn lại cảnh chàng sống với Zelda thuở trước, nhưng bằng một tình yêu mới? Đã có lần chàng bảo sao tôi giống Zelda quá, tôi chỉ cười cho là chàng nói đùa. Giờ đây nghe chàng đọc, tâm tư tôi như bừng tỉnh, cố tìm hiểu những ngõ ngách bí ẩn của tình yêu, sự nhiệm mầu có thể biến hai người thành một.

Scott ngừng đọc, hồn tôi lâng lâng, dư âm như còn văng vẳng đâu đây.

— Mối tình đẹp quá anh nhỉ.

Chàng đặt bản thảo xuống bàn và nhìn tôi thật lâu. Khuôn mặt chàng thoáng nét cười, đôi tay mở rộng. Bất giác tôi sà vào lòng chàng, bá cổ chàng, sung sướng. Không còn nghi ngờ gì nữa, những gì quý báu nhất trên đời chàng đã dành cho tôi, và tôi cũng thương chàng không biết để đâu cho hết.

Tháng mười năm đó, Scott lại bắt đầu đem truyện ra đọc cho tôi nghe. Vẫn còn một sự song song giữa người trong truyện và người ngoài thực tế. Tôi đã đính hôn với một Hầu Tước, còn Kathleen đính hôn với một vị vua. Tôi được Scott dạy học, còn Kathleen được vị vua kia dạy học.

Tôi có thêm một trò chơi mới, mỗi tối hồi hộp chờ nghe đoạn tiếp của câu chuyện để biết rõ hơn về tác phẩm hư hư thực thực mà Scott thường kỳ vọng là sẽ giúp chàng tìm lại được chỗ đứng hợp lý trên văn đàn thời đó.

Chờ mãi mà không nghe tiếng chân Scott trở về. Hai mươi phút trước đây, chàng bước ra đến cửa còn quay vào dặn:

— Anh ra phố mua mấy bao thuốc nghe.

Rồi chàng đi biệt.

Trời chiều tháng mười một u ám lạ thường. Tôi nằm gọn trong lòng chiếc tràng kỷ, thả hồn theo bản *Singet dem Herrn* của Bach. Chợt giật mình nhìn lên, Scott đứng đó từ lúc nào, mặt nhợt nhạt người run rẩy. Chàng từ từ buông mình xuống chiếc ghế nệm như người mất hồn. Tôi hốt hoảng đưa tay tắt máy hát:

— Anh làm sao vậy?

Scott châm mãi mới được điếu thuốc:

— Suýt nữa anh xỉu ngoài tiệm tạp hóa. Mọi vật bỗng mờ đi... Chưa bao giờ anh có cảm giác như vậy, có lẽ sáng mai anh phải đến Bác sĩ Wilson xem sao.

Tôi bớt lo:

— Phải rồi, anh nên đi bác sĩ, em van anh.

Tôi biết chàng mắc chứng ưu uất từ lâu nhưng không dám nói vì bản tính chàng rất ghét những ai thương hại săn sóc chàng.

Sáng sớm, Scott lái xe tới phòng mạch của Bác sĩ Wilson. Một tiếng đồng hồ sau chàng trở về, vẻ mặt trầm trọng:

— Anh bị chứng xung động cơ tim.

Người tôi lạnh toát:

— Nghĩa là đau tim chứ gì?

Scott trả lời một cách mơ hồ :

— Không...

— Bác sĩ có bắt anh nằm tĩnh dưỡng không?

— Không. Nhưng phải gượng nhẹ và không được lên xuống cầu thang nhiều.

Chàng nói dối nhưng tôi chẳng mảy may nghi ngờ, cảm thấy yên trí phần nào. Chàng không phải nằm bẹp trên giường nghĩa là bệnh chưa nặng. Tôi đã đọc trong một cuốn sách nói người mắc bệnh đau tim mỗi khi lên cơn phải nằm ngửa trên giường, không được cử động mạnh... Lần này bác sĩ nói, chàng phải nghe lời. Căn lầu của chàng ở tầng ba, còn tôi ở tầng nhất, vậy chàng phải về ở với tôi. Tôi nói :

— Trong khi chờ đợi Frances và em tìm cho anh một căn phòng dưới đất, anh tạm dọn qua ở đây với em.

Scott là một bệnh nhân khó tính. Cũng như lần nằm dưỡng bệnh tại Nữu Ước, chàng bắt tôi hứa sẽ không nói chuyện riêng với bác sĩ :

— Anh không muốn bác sĩ nói với em những điều mà ông ta không dám nói với anh.

Kết quả, những thắc mắc của tôi về bệnh trạng của Scott vẫn mãi mãi còn là những thắc mắc.

Cuối tháng mười một, tôi rủ Scott đi xem chiếu thử một cuốn phim tại hãng MGM. Tới nơi, Scott loay hoay tìm chỗ đậu xe trong khi tôi đưa mắt nhìn tòa nhà cao ngất. Tim tôi chợt đau nhói khi nhớ ra phòng chiếu phim ở tầng trên cùng, làm

sao Scott leo nổi. Xưa nay chàng là người cương cường, không bao giờ muốn tỏ ra mình yếu đuối hay đáng thương hại. Vậy tôi phải làm sao bây giờ? Sau một thoáng suy nghĩ, tôi nảy ra một mẹo. Mở cửa xe bước xuống, tôi làm bộ trợt chân suýt té, rồi ngồi ôm mắt cá xuýt xoa ra vẻ đau đớn lắm. Scott vội chạy lại đỡ và dìu tôi đi khập khiễng từng bước một. Khi bước lên thang, cứ vài bậc tôi lại dừng lại nghỉ, tay luôn luôn vịn vào người Scott. Khoảng năm phút sau hai đứa mới đi hết cầu thang, tôi không đau đớn và Scott cũng chẳng mệt mỏi chút nào. Nếu chàng biết tôi đã giả vờ chỉ vì chàng, không hiểu chàng sẽ nghĩ sao ?

Hồi này Scott tĩnh dưỡng nhiều, thường nằm trên giường để viết cho đỡ mệt. Chàng mải mê sáng tác khiến Frances cũng bù đầu đánh máy suốt ngày. Những trang đánh máy được chuyển lại Scott để chàng sửa chữa gọt giũa lần cuối. Chàng làm việc với sự thích thú tự tin. Nhiều đêm tôi nằm suy nghĩ về chàng, ước gì cuốn truyện kéo dài mãi để chàng cứ vui vẻ như thế này. Rồi tôi lại lo lắng tự hỏi nếu cuốn truyện thành công chàng có uống rượu để ăn mừng không ? Còn nếu thất bại, chàng có uống rượu để quên đời không ?

Có điều tính khí Scott hơi thất thường. Vui đấy rồi lại quạu ngay đấy, cáu kỉnh vô lý. Mỗi tuần tôi ôm một mớ hoa tươi về thay một lượt các bình bông trong nhà. Thói quen này bắt nguồn từ hồi

hai đứa còn ở Malibu. Một hôm tôi về nhà, hớn hở với bó hoa trong tay. Vừa bước vào, bị ngay một gáo nước lạnh :

— Đem ba cái hoa đó đi chỗ khác !

Tôi sững sờ nhìn Scott, chàng càu nhàu tiếp :

— Hoa mà đem ngắt khỏi cây thì còn ra cái gì, thấy mà phát ớn.

Tôi cãi :

— Thế sao hồi còn ở ngoài bãi biển...

— Hồi đó anh cũng không ưa.

Tôi tức lắm nhưng không nói gì. Tại sao hồi đó chàng không nói, bây giờ mới giở chứng.

Hai tuần trước hôm Noel, tôi hí hửng đem khoe với Scott ba chiếc áo dài đẹp tuyệt vừa mang ở tiệm về :

— Anh xem, đẹp không ! Tuy hơi cắt cổ nhưng cũng đáng đồng tiền bát gạo, mới nhìn đã thấy mê...

Chàng nhăn mặt ngắt lời :

— Thôi, thôi, dẹp dùm mấy cái áo đó đi. Anh không thích nghe về chuyện quần áo hay giá cả của em.

Tôi cụt hứng, ngượng ngùng. Lát sau chàng xin lỗi, nhưng tôi bắt đầu suy nghĩ. Tại sao chàng lại khó chịu như thế ? Giọng chàng có vẻ hằn học, đau đớn là khác. Hình như lúc chàng nói, chàng bất cần cả chính mình. Phải chăng vì tiền ? Vì chàng đang kẹt lung tung ? Nhưng mình may quần áo với tiền của mình mà. Kể từ dạo chàng ngã bệnh, chàng chỉ viết lai rai, chẳng có món tiền nào kha khá.

Liệu chàng có thể cầm cự cho đến khi hoàn tất cuốn truyện hiện giờ không ? Tôi tìm Frances để hỏi cho ra cớ sự. Cô ngập ngừng cho biết Scott đã xài tiền của cô và có lẽ chỉ dấn thêm được ba tháng nữa là cùng.

Tối hôm đó tôi thảo một bức thư với dự tính khi cần sẽ gửi cho Maxwell Perkins, người lo về bài vở của Scott thuộc nhóm xuất bản Scribner's. Bấy lâu nay, tôi để dành được gần ba ngàn Mỹ kim. Giờ đây tôi quyết định sẽ tặng Scott hai ngàn, nhưng dĩ nhiên không thể để Scott biết chuyện này. Trong thư tôi đề nghị nhà xuất bản ứng trước ba ngàn, cộng với hai ngàn của tôi là năm, để giúp Scott hoàn tất một tác phẩm có giá trị. Sơ lược bức thư như sau :

Phải dấu Scott chuyện này, dù trong tương lai cuốn sách của chàng có thu về bạc triệu. Nếu biết, chàng sẽ chẳng bao giờ tha thứ cho tôi. Trong trường hợp tác phẩm của chàng thành công, dĩ nhiên tôi rất hoan hỉ nhận lại số tiền ngày hôm nay ; nhưng nếu thất bại thì cũng không sao. Điều quan trọng là giúp chàng hoàn tất cuốn truyện mà chàng đang viết. Yêu cầu ông đừng bao giờ nhắc đến bức thư này, chàng sẽ đau đớn lắm, và rất có thể sẽ uống rượu lại để tỏ ra bất cần. Đã mười hai tháng nay chàng không uống rượu. Năm tháng vừa qua, chàng miệt mài với cuốn truyện, tiếp tục công việc bỏ dở từ năm ngoái. Nếu túng quẫn quá,

chàng có thể phải trở lại viết truyện rẻ tiền cho các phim trường, tài của chàng sẽ mai một đi và cuốn truyện sẽ dở dang mãi mãi. Nhờ ông giúp đỡ chàng. Vấn đề là nên đợi chàng hỏi vay trước, hay cứ tự động gửi cho chàng ? Có lẽ nên gửi cho chàng mỗi tháng một ngàn trong năm tháng liền, hơn là gửi một lúc năm ngàn. Xin ông gửi hai ngàn của tôi trước để nếu có gì trục trặc, tôi sẽ báo cho ông biết và khỏi phải gửi thêm. Nếu xui, tôi mất hai ngàn còn ông mất ba, nhưng trường hợp này chắc không xảy ra đâu. Nếu hên, cuốn truyện thành công, Scott nổi tiếng trở lại, ông và tôi cũng lấy lại được tiền. Tôi có thể dám chắc cuốn truyện mà Scott đang viết sẽ hay hơn tất cả các tác phẩm khác của chàng.

Scott đánh vật với *Ông Tướng Cuối Cùng*. Chàng đang bị kẹt ở một chương khó, không sao tìm được lối thoát cho câu chuyện. Suốt buổi sáng chàng trăn trở trong giường, suy nghĩ nát óc. Đến trưa chàng muốn đọc để Frances đánh máy thì cô ta đã biến đâu mất. Chàng hầm lắm, gắt inh củ tỏi.

Tôi ngồi bên giường Scott, vuốt trán chàng, vén những sợi tóc cho khỏi vương vào mắt :

— Bây giờ anh ngủ một giấc cho khoẻ. Chắc chắn khi anh thức dậy, Frances sẽ có ở đây và mọi việc sẽ tốt đẹp hơn trước nhiều.

Tôi kiên nhẫn ngồi thủ thỉ nói chuyện để giúp chàng dỗ giấc ngủ. Một lát sau, thấy chàng ngáy

đều đều, tôi rón rén bước ra, khép cửa lại. Quay điện thoại cho Frances :

— Làm ơn tới ngay, Scott đang cần cô.

Vài giờ sau, tôi đang hí hoáy viết thì giọng Scott từ trong phòng vọng ra :

— Sheilo...

Chạy vội vào xem chàng cần gì thì thấy một khuôn mặt ngái ngủ nhưng tươi rói. Chàng vươn vai, ngáp :

— Ngủ ngon quá, Frances tới chưa ?

— Cô ấy tới lâu rồi, đang chờ ngoài kia.

Thế rồi suốt nửa tiếng đồng hồ tiếp theo, một người đọc thao thao, một người đánh máy lia lịa. Frances ra về, Scott vẫn tiếp tục viết hăng say. Còn một giờ nữa Bác sĩ Wilson sẽ tới để lấy nhịp tim. Scott bảo tôi điện thoại hẹn bác sĩ dời lại hôm sau, vì lúc này hứng văn của chàng đang tuôn ra lai láng, chàng không muốn bị ai đến ngắt quãng giữa chừng.

Mãi tới bảy giờ tối Scott mới quăng bút đứng vùng dậy theo tôi đi ăn cơm. Chàng đọc cho tôi nghe đoạn văn vừa viết và lấy làm đắc ý :

— Anh đã tìm cho nó một lối thoát rồi.

Tôi cũng lây cái vui của chàng, trách yêu :

— Thấy chưa, anh bớt cáu giận một chút, nghỉ ngợi thêm một chút là sẽ ngon lành ngay.

Chàng hôn tôi, vui vẻ đề nghị :

— Tối nay mình đi chơi để ăn mừng, em nhé.

Gì chứ đi chơi là tôi chịu ngay. Tôi có sẵn

thiếp mời để xem chiếu thử phim *Thứ Mà Họ Gọi Tình Yêu*, một phim vui do Rosalind Russell và Melvyn Douglas thủ vai chính. Lúc này là lúc thích hợp nhất để xem phim vui.

Scott ăn mặc thật chải chuốt. Thắt xong chiếc nơ chàng đưa mắt nháy tôi:

— Ngày xưa anh ăn mặc bảnh một cây à nghe.

Hai đứa dắt tay nhau ra xe, thẳng tới rạp Pantages Theatre để thưởng thức *Thứ Mà Họ Gọi Tình Yêu*. Tôi còn nhớ rõ đêm hôm đó là đêm thứ sáu, 20 - 12 - 1940.

Cuốn phim chấm dứt, đèn bật sáng, Scott đứng dậy để nhường tôi ra trước. Ra đến lối đi phía ngoài, tôi quay đầu nhìn lại thì thấy Scott vẫn chưa rời chỗ, thân hình lảo đảo, phải cúi khom người vịn vào thành ghế mới gượng đứng vững. Tôi hốt hoảng, tưởng chàng vừa té, vội vã lách mình trở lại đỡ chàng. Chàng thở hổn hển:

— Khó chịu quá... y như lần ở tiệm tạp hóa hôm nọ.

Tôi ghì chặt lấy tay chàng, giọng chàng chua chát:

— Chắc thiên hạ tưởng anh say rượu, em nhỉ.

Tôi an ủi:

— Không đâu, chẳng ai trông thấy đâu.

Rồi tôi dìu chàng chầm chậm bước ra ngoài. Một tia giá buốt xuyên qua tim tôi khi tôi chợt nhận thấy chàng không hất tay tôi ra như những lần trước. Miệng tôi cố gợi chuyện để chàng vui,

nhưng lòng tôi nao nao thương chàng. Thật là khôi hài cho số kiếp chàng, hơn một năm không uống rượu vậy mà thiên hạ nhìn vào đều tưởng một người say.

Ra đến xe, Scott tỉnh lại phần nào nhờ không khí đêm mát rượi. Chàng hít một hơi dài:

— Trông anh bây giờ ra sao hả em?

— Mặt anh xanh quá... hay là để em gọi bác sĩ anh nhé.

Scott không chịu vì đằng nào sáng hôm sau bác sĩ Wilson cũng tới, không nên cuống lên như vậy.

Scott đã đỡ nhiều, chàng tự cầm lái cho xe chạy chậm chậm. Về tới nhà, chàng uống thuốc ngủ rồi đi nằm ngay. Một lát sau, tôi vào phòng chàng thì thấy chàng đang ngủ ngon như đứa trẻ, đâu ngờ rằng chàng sắp vĩnh viễn bỏ tôi...

28.

ÁNH NẮNG CHÓI CHANG BUỔI TRƯA hắt qua khung cửa sổ, chan hòa khắp phòng. Tôi ngồi trước bàn máy chữ, chăm chỉ đánh máy những lời Scott đọc. Scott vừa đọc vừa đi đi lại lại. Trông chàng gọn gàng thoải mái với đôi giày nhẹ, chiếc quần lính thủy và chiếc sơ mi lẫn trong áo ấm. Đây là bức thư mà tôi sẽ gửi cho Scottie, báo tin tôi sẽ tặng cô bé chiếc áo lông và một áo dạ hội để làm quà Giáng Sinh. Tôi biết ở tuổi mới lớn của Scottie, quần áo đẹp có chỗ dùng hơn tôi. Phải cho đi chiếc áo lông tôi tiếc đứt ruột, nhưng muốn Scott hài lòng biết làm sao hơn. Tôi đã nói với Scott :

— Chỉ sợ con bé tưởng em coi thường nó, gửi cho nó toàn quần áo cũ. Vậy thì anh phải giúp em viết thư, anh đọc để em đánh máy nhé ?

Scott bắt đầu đọc :

21-12-1940

Cháu Scottie thân mến,

Cô đã mua chiếc áo dạ hội này hồm đi Dallas xem chiếu thử phim Người Miền Tây. Mùa đông đang qua mau và cô chẳng có dịp nào để mặc nó nữa. Thấy nó nằm im lìm trong tủ mãi, mỗi ngày một lỗi thời thêm, cô thấy tội nghiệp làm sao. Kể cho ba cháu nghe, ba cháu bảo trung bình mỗi tháng cháu đốt một chiếc áo, vậy thì nên gửi nó cho cháu để nhờ cháu đốt dùm. Cả chiếc áo lông hình như cũng đang nóng lòng mong đợi ngày ca khúc khải hoàn của dân tộc cô, nhưng có lẽ nước Anh chưa thể chiến thắng quân thù trước năm 1943, và chờ đến lúc đó thì chiếc áo đã lỗi thời.

Sao cháu không gửi cho ba má cháu một bức hình để xem mặt mũi cháu hồi này ra sao ? Coi chừng mai mốt gặp lại, ba cháu không nhận ra cháu thì nguy đấy nhé. Cô hy vọng cháu sẽ hưởng một mùa Giáng Sinh vui vẻ và một Năm Mới muốn gì được nấy.

Thân mến,
Sheilah

Tái bút : Ít lâu nay ba cháu không được khỏe nhưng hiện thời đã khá hơn nhiều. Hơn một năm nay ông không uống giọt rượu nào cháu ạ.

Trước đây một lát, Scott tỉnh dậy sau một giấc ngủ đẫy mắt. Tôi đem cà phê vào đúng lúc chàng nhỏm dậy ngồi trên giường viết thêm một đoạn truyện. Viết chán, chàng đứng lên đi thay quần áo và giúp tôi thảo bức thư cho Scottie.

Đánh máy xong bức thư, tôi vừa định vào bếp bọn cơm cho Scott ăn thì Frances tới, ôm theo một mớ thư từ, báo chí gồm vài hóa đơn, dăm tờ nhật báo và một tờ *Tuần San Cựu Sinh Viên Princeton*. Tôi bèn đưa Frances hai chiếc áo nhờ cô ra bưu điện gởi cho Scottie dùm.

Đã hơn hai giờ trưa, chắc Bác sĩ Wilson cũng sắp tới...

Tôi hí hoáy pha cà phê và dọn ăn trưa cho Scott trong khi chàng lướt nhanh qua các tờ báo.

Bỗng có tiếng kêu sửng sốt, chàng bắt đầu đọc lớn : *Đức, Ý và Nhật vừa ký một thỏa ước liên minh quân sự...* Chàng vừa đọc vừa lắc đầu lo ngại. Chàng coi Moussolini rất thường nhưng Nhật quả là một lực lượng đáng ngại. Cứ tình hình này thì Hoa Kỳ sẽ phải tham chiến. Chàng bảo nếu cuốn truyện thành công, chàng sẽ đi Âu Châu để viết về chiến sự tại đây. Một nụ cười chua chát nở trên môi :

— Đâu thể để Ernest độc quyền về đề tài chiến tranh mãi được.

Trước đây Ernest Hemingway đã thành công trong những truyện nói về cuộc nội chiến Tây Ban Nha và hiện thời ông ta đang từ Âu Châu gửi

những phóng sự đặc biệt về đều đều.

Scott thường dự tính, nếu *Ông Tướng Cuối Cùng* đạt được kết quả mỹ mãn, chàng sẽ bắt tôi thôi việc, đưa tôi đi du lịch các nơi, và sẽ chăm sóc tôi nhiều hơn... Chàng bảo :

— Ngày nào anh thoát ly được cảnh túng quẫn này thì ngày đó anh sẽ đền bù cho em những tháng ngày bó chân bó cẳng...

Sau bữa cơm trưa, Scott có vẻ ngứa ngáy chân tay. Chàng xuống bếp lục lọi lung tung, mở tủ mở trạn rầm rầm, rồi thẳng ra cửa :

— Anh ra phố mua ít kem về ăn nghe.

— Coi chừng bác sĩ sắp tới đó. Hay là để em lấy mấy thỏi sô cô la cho anh ăn thay kem được không ?

— Ờ... cũng được. Đâu ?

Tôi đem cho Scott hai thỏi sô cô la. Vừa mút chất kẹo ngọt lừ chàng vừa ngả lưng trên chiếc ghế bành chăm chú đọc tờ *Tuần San Cựu Sinh Viên Princeton*. Tôi cũng vớ lấy một cuốn sách về âm nhạc say mê đọc tiểu sử Beethoven. Thỉnh thoảng hai đứa ngừng đọc, trao đổi cho nhau ánh mắt, nụ cười. Tôi để ý thấy chàng dùng mẩu bút chì hí hoáy ghi chú bên cạnh một bài báo nói về đoàn cầu Princeton. Ghi xong chàng ngước mắt nhìn tôi, vừa cười vừa mút những mẩu sô cô la còn dính lại trên đầu ngón tay. Tôi cười trả rồi lại khom đầu đọc tiếp.

Không quay về phía Scott, nhưng bằng đuôi

mắt tôi vẫn nhìn thấy chàng đột nhiên đứng bật dậy, tay bấu vào bệ lò sưởi, rồi thân hình từ từ đổ xuống không một tiếng động. Chàng nằm dài trên mặt đất, mắt nhắm nghiền, hơi thở khò khè trì trệ...

Khi Scott đứng dậy tôi tưởng chàng sắp vươn vai. Khi chàng té xuống tôi mới la thầm : *ủa, chàng té.* Và cuối cùng : *trời ơi, chàng xỉu.*

Trong một thoáng bàng hoàng, cổ tôi tắc nghẹn, các thớ thịt tê cóng bất động, tôi muốn vùng dậy nhưng không nổi. Tiếng ọc ọc trong họng Scott càng làm tôi bấn loạn. Lặng đi một lúc tôi mới đứng dậy được và quỳ xuống bên chàng, lay gọi :

— Anh... anh...

Chân tay quýnh quíu, bao nhiêu ý tưởng quay cuồng trong óc. Chàng bất tỉnh thật rồi, làm sao bây giờ ? À phải rồi, đổ rượu vào miệng... nhưng không được, nhỡ chàng bén mùi rượu, lịch sử lại tái diễn thì bao công trình nước lã đổ ra sông. Trên màn ảnh, khi có người ngất xỉu người ta thường nới rộng cổ áo nạn nhân... phải rồi, làm như vậy chẳng hại gì. Và tôi cởi khuy cổ của Scott ra để chàng dễ thở.

Một lát sau vẫn chẳng thấy Scott tỉnh lại, ngực chàng chỉ khẽ phập phồng, hơi thở nhẹ như tơ, tôi càng hoảng, đầu óc rối mù. Phải gọi Bác sĩ Wilson ngay... không cần, chắc ông ta đang trên đường tới đây... không được, phải gọi ngay, chờ đợi thế này chịu sao nổi. Nhưng biết gọi bác sĩ

nào bây giờ? Rượu, phải rồi chỉ có rượu mới làm chàng tỉnh lại ngay...

Tôi chạy biến xuống bếp, quơ lẹ chai rượu mạnh và trở lên nhà. Cậy miệng Scott ra, đổ rượu vào. Răng chàng nghiến chặt, rượu tràn khắp mặt, chảy xuống cổ, xuống sàn. Tôi chợt cảm thấy áy náy, vì vội vã tôi đã xúc phạm đến chàng. Chàng mà biết tôi đổ đầy rượu vào mặt chàng thế này, chắc chàng giận lắm. Tội nghiệp, chàng không tự lau mặt được thì tôi lau cho chàng vậy...

Như kẻ mất hồn, tôi nhắc điện thoại gọi Bác sĩ Wilson. Không ai trả lời. Ngón tay tôi lướt trên danh sách các bác sĩ và gọi đại một vị ở gần đó:

— Có người bị xỉu, nhờ bác sĩ tới ngay dùm!

Chưa yên trí hẳn, tôi vù đi kiếm ông Harry Culver, quản lý tòa nhà mà tôi đang ở:

— Mời ông tới mau. Ông Fitzgerald ngất xỉu đã lâu mà chưa thấy tỉnh. Tôi lo quá...

Ông Culver bén gót theo tôi về phòng. Ông quỳ xuống đất, đưa tay bắt mạch Scott một hồi rồi ngẩng lên, ngập ngừng:

— Hình như ông ta đã... ngừng thở.

Nhát búa làm tôi choáng váng, nhưng một ý tưởng lóe lên trong óc tôi: phải có dưỡng khí ngay. Như cái máy, tôi quay số gọi sở cứu hỏa, rồi gọi sở cảnh sát. Cửa bật mở, cô thư ký của tôi chạy vào, rồi khung cảnh trở nên hỗn độn... hình như khi phòng khách đã chật ních người mà tôi vẫn còn cuống cuồng gọi hết cơ quan nọ đến cơ

quan kia. Tiếng người rì rầm, mấy bác lính cứu hỏa loay hoay tiếp dưỡng khí cho Scott với chiếc bình cứu cấp Pulmotor. Tôi luôn miệng lầm nhầm:

— Trời ơi, lẹ lên dùm, làm ơn cứu chàng dùm tôi...

Bất ngờ Buff Cobb ở đâu chạy tới kéo tay tôi, người trong phòng vợi dần, mấy bác lính cứu hỏa cũng lần lượt rút lui. Quay đầu nhìn lại thấy một tấm vải trắng phủ trên người Scott, tôi hốt hoảng gào lên:

— Bỏ tấm vải ra, coi chừng chàng ngộp thở, bỏ ra ngay...

Buff kéo tôi vào phòng trong, dỗ dành:

— Tối nay chị đến ở với vợ chồng tôi, mọi việc ở đây chúng tôi sẽ lo hết cho chị. Thôi, đừng buồn nữa.

Nghe Buff nói, tôi càng sợ hãi, vùng bỏ chạy ra phòng khách nhưng chẳng thấy Scott đâu. Chàng đi mất rồi, chàng bỏ tôi thật rồi. Tôi bật khóc không thành tiếng, nước mắt trào ra mãi lăn trên má, trên môi, dưới đất...

Buff Cobb đứng bên tôi tự lúc nào, lo lắng:

— Để tôi đưa chị đi bác sĩ nhé.

Rồi Buff đưa tôi đi đâu tôi cũng chẳng nhớ. Đến tối, tôi thấy mình lạc vào bàn ăn nhà nàng. Ông cụ thân sinh nàng ngồi ở đầu bàn luôn miệng khuyên lơn an ủi nhưng tôi chẳng nghe thấy ông nói gì, chỉ ậm ừ cho qua chuyện. Đầu óc tôi còn

để tận đâu đâu, người tôi run rẩy từng hồi, lòng sụt sùi thổn thức.

Ngày hôm sau, Scottie từ Connecticut — nơi cô bé đang nghỉ lễ Giáng Sinh — gọi về cho tôi. Scottie nghẹn ngào hỏi tôi những việc đã xảy ra và tôi kể cho nó nghe bằng một giọng bình tĩnh lạ thường. Nó nói như người lớn :

— Tội nghiệp cho cô, chắc cô đau khổ lắm. Nhưng cô cũng nên biết rằng những năm cuối cùng ba cháu được sung sướng là nhờ cô. Điều này chắc sẽ là một nguồn an ủi vô giá cho cô sau này.

Lời nó nói làm tôi xiết bao cảm động, thầm phục con bé thông minh. Nó còn bảo sẽ thôi học ngay, nhưng tôi vội can :

— Đừng cháu ạ, điều tâm nguyện tha thiết nhất của ba cháu là sau này cháu học thành tài....

— Nhưng cháu phải thôi học để đi làm chứ. Tiền ba cháu cho đã gần cạn rồi.

Tôi nhấn mạnh hơn :

— Không được. Cháu không được phụ lòng ba cháu. Cháu cứ ở lại Vassar đi học như thường. Sẽ có tiền, đừng lo.

— Thôi được rồi, để cháu suy nghĩ lại.

Rồi Scottie lại lấy giọng người lớn bảo tôi :

— À này cô Sheilah, mẹ con cháu tính an táng ba cháu ở Baltimore. Có lẽ cô chẳng nên tới đó làm gì...

Chưa bao giờ tôi nghĩ đến chuyện đi dự đám táng Scott. Phải, tôi không nên tới đó, nhưng sao

sự thật vẫn làm tôi nghèn nghẹn ở cổ :

— Dĩ nhiên cô không tới đâu mà cháu lo. Thôi, chào cháu.

Tôi gác máy, và lần đầu tiên tôi khóc thật to, nức nở như đứa trẻ, không kềm hãm được nữa. Lúc Scott còn sống, chàng là của tôi, hoàn toàn của tôi. Bây giờ chàng chết đi tôi chẳng còn gì. Người ta chiếm mất chàng, chiếm tất cả. Tôi thầm nhủ nếu chàng còn sống đời nào chàng để họ khinh nhờn tôi như thế. Nhưng dù chàng sống hay chết, chắc chàng cũng đồng quan điểm với họ mà bảo tôi rằng *Sheilo, em không thể đi dự đám táng của anh được đâu...*

Tôi vẫn lưu lại căn lầu của những ngày cuối cùng đầm ấm, lòng không nỡ bỏ nó mà đi. Bạn bè tới chơi thường hỏi :

— Sao chị còn ở lại đây làm gì ? Chỉ buồn thêm. Kiếm chỗ nào khác mà ở.

— Tại sao ? Scott vẫn quanh quẩn trong nhà này, làm sao tôi có thể bỏ anh ấy ở đây một mình cho được ?

Những người quen biết xung quanh đều tử tế với tôi. Trong vòng mấy ngày Giáng Sinh, họ kéo tôi đi khiêu vũ tất cả ba lần. Họ liên tiếp mời tôi nhảy để giúp tôi quên buồn. Vừa ngừng nhảy là họ tống một đùi gà tây vào miệng tôi ngay. Họ gợi chuyện bông đùa đủ thứ nhưng chỉ làm tôi buồn thêm, buồn vì không có chàng bên cạnh. Họ còn mời tôi đi ăn mấy lần nhưng tôi đều từ chối.

Vắng mặt chàng tiệc tùng còn ngon lành gì nữa.

Dorothy Parker mời tôi tới nhà khiêu vũ. Đang lái xe ngoài đường thì bỗng như bị ma ám. Tự nhiên chiếc xe nhất định không chịu chạy tới, mà chỉ lui. Tôi vừa loay hoay vừa bật khóc. Gài thắng cho xe ngừng giữa đường, tôi bước xuống kêu thất thanh:

— Có ai làm ơn giúp tôi.

Một người đàn ông chạy tới:

— Chuyện gì vậy?

Tôi nuốt nước mắt:

— Chiếc xe của tôi cứ chạy thụt lui hoài.

Ông ta bước lên xe thử cầm tay lái.

— Xe có sao đâu. Bây giờ cô muốn đi về hướng nào?

Tôi chỉ về hướng trước mặt:

— Đằng kia, số sáu trăm lẻ hai North Bedford.

— Cô lên đây, tôi đưa cô đi.

Tôi chui vào xe, nước mắt vẫn lăn tròn trên má, trong bụng thầm nghĩ chắc ông này tưởng mình là một ả khật khùng say rượu. Nhưng mặc kệ ông muốn tưởng gì thì tưởng, tôi cứ khóc vùi. Có một lúc tôi suýt buột miệng nói với người đàn ông lạ:

— Ông ơi, người yêu của tôi chết rồi ông ạ.

Nhưng tôi kịp dừng lại vì chợt nhận thấy mình kỳ cục.

Chiếc xe chạy quá địa chỉ nhà Dorothy ông ta nói:

— Đây là số sáu trăm mười, đến chưa?

— Ông cho tôi tới số sáu trăm lẻ hai.

Ông ta quay xe lại và ngừng bên kia đường. Tôi vội nói:

— Để tôi đi bộ qua cũng được...

Bước xuống xe, tôi bật khóc to hơn, lời cám ơn trở thành tiếng nấc. Ông ta đáp với vẻ ái ngại:

— Không có chi.

Và ông đưa mắt nhìn theo tôi. Người tôi lảo đảo, bước thấp bước cao, chắc chắn ông cho tôi là người say rượu. Một lần nữa tôi suýt quay lại nói cho ông nghe về Scott, nhưng làm như thế có vẻ khiếm nhã quá, hơn nữa chắc Scott cũng không bằng lòng để tôi đem chuyện chàng ra kể cho người ngoài. Có điều chàng sẽ thương tôi hơn, lòng chàng sẽ tan nát nếu thấy tôi đau khổ thế này. Trời ơi, đáng lẽ lúc này chàng phải có mặt ở đây để vỗ về an ủi tôi, rồi hai đứa lại nhích lại gần nhau hơn như những giờ phút dịu ngọt hôm nào...

Người đàn ông chạy theo nắm cánh tay tôi và dìu tôi qua đường. Tôi vấp lên vấp xuống mấy lần mới vào đến nhà Dorothy. Tiếng cười nói ồn ào làm tôi choáng váng. Chạy vào phòng ngủ của Dorothy, tôi nằm vật trên giường để mặc nước mắt tuôn ra như suối, nỗi lòng đòi đoạn từng cơn, miệng lẩm bẩm mãi câu *tôi đã mất tất cả, tôi đã mất tất cả*... Có một lúc tôi chua xót ngâm mấy câu thơ của Chirstina Rossetti :

Em ơi nếu một mai anh chết
Đừng hát lời buồn buổi tiễn đưa

. . . .

Rồi lại vùi đầu vào gối khóc ngất. Tôi đã mất tất cả, tất cả...

Dorothy ngồi bên giường cũng ngậm ngùi nhỏ lệ cho số kiếp con người.

Đoạn Kết.

Tôi ngồi đây trong căn phòng êm vắng của ngôi nhà trên rặng đồi Beverly. Lá bắt đầu rụng nhiều, trời đã vào thu, mùa thu mà Scott từng ca ngợi năm xưa. Mười tám năm, mười tám lần thu trôi đi biền biệt ngoài song cửa, nhưng hình bóng chàng vẫn quanh quẩn bên tôi. Trước mặt tôi là giá sách, những cuốn sách ngập đầy kỷ niệm, bìa sách đã bạc màu theo năm tháng khiến tình chàng càng dài dặc mãi thêm. Tôi lơ đãng đưa tay rút một cuốn sách, cuốn Tóm Lược về Lịch Sử Hy Lạp. Trên trang đầu có ghi hàng chữ :

Cho Sheilah Graham để biết rõ thêm về Triết học thời tiền Socrates, nhân chủng học Hy Lạp và khảo cổ học thành Troie.

Thầy cưng

Kẹp giữa cuốn sách là một bài thơ không biết Scott viết từ lúc nào :

Có một lần sao em xa anh quá
Xa hơn những gì xa ở trên đời
Em ở tận bên bờ không gian đó
Như ngôi sao ở tận cuối phương trời
Những lời đầu tiên ngọt ngào tư lự
Em dịu dàng tâm sự cùng anh
Như vọng về từ cuối nẻo mông mênh
Như gợn sóng thoảng nhanh theo chiều gió
Như cánh buồm bấp bênh trên biển cả
Kêu cứu liên hồi dục giã ngoài khơi
Ôi xa xôi, sao em quá xa xôi
Trong vòng tay mà tưởng ngoài muôn dặm.

●

Bây giờ đây bên anh em gần gụi
Dù chim trời soải cánh ngút ngàn bay
Có mang em xa tít tận chân mây
Anh vẫn nghe thấy những lời em nói
Anh vẫn thấy đôi tay em vẫy gọi
Ánh sét sáng ngời chói lọi mắt em
Văng vẳng xa đưa tiếng lệnh em truyền
Như dục giã gọi anh về Tiên giới
Rõ ràng tiếng em trong điện thoại
— Hãy tới ngay!
...Nhưng người trễ lại là em
Những phút đợi chờ, anh muốn phát điên
Nhưng em hẹn mà sao em chẳng tới?..

Nhiều lúc tôi tự hào mình hiểu rõ được bản chất của Scott với tất cả sự quyến rũ, dịu dàng, thông minh, hoạt bát, nhạy cảm, và nhất là sự thẳng thắn của một người đàn ông. Đôi khi tôi tự hỏi vì đâu hình bóng chàng luôn sống mãi trong tôi? Có lẽ vì chàng đã dạy tôi những điều mà không ai khác dạy được tôi. Chàng đã cho tôi cảm giác mình cũng có một giá trị riêng như bao người xung quanh. Chàng đã giúp tôi thêm kiến thức, cho tôi hiểu thế nào là hạnh phúc tuyệt vời và khổ đau cùng cực. Chàng chết đi để lại cho tôi niềm kiêu hãnh vô biên: Bốn năm được sống bên chàng là bốn năm châu ngọc có thể đem kết thành chiếc vương miện đội đầu.

Nếu giờ đây Scott có mặt bên tôi, không hiểu chàng sẽ nghĩ gì, cảm thấy gì, khi biết rằng ngôi sao sáng chói trên nền trời văn chương kia lại chính là chàng? Chàng hiện là đầu đề cho nhiều cuộc phê bình văn học, đó là chưa kể cuộc đời chàng đã được viết thành sách, phóng tác thành truyện, soạn thành tuồng và đem lên sân khấu cho hàng triệu người thưởng thức. Tại các trường đại học, sinh viên đua nhau đọc sách chàng không những vì chương trình đòi hỏi mà còn vì họ thực tâm yêu mến văn chàng. Biết được điều này chắc chàng sung sướng lắm vì họ chính là đám độc giả trẻ tuổi mà chàng tưởng đã bỏ rơi chàng. Chàng thường cho rằng họ chê sách chàng vì lỗi thời, chẳng ai đọc văn chàng vì già nua quá...

Chàng là một huyền thoại, tên tuổi chàng mãi mãi bay xa. Mấy hôm trước có người buôn sách cổ tới hỏi mua những cuốn sách cũ của tôi gồm một số ấn bản đầu tiên của Faulkner, Hemingway, Dreiser và Dos Passos, những cây bút cùng thời với chàng. Ông ta bảo tôi :

— Tôi thấy bà có một số ấn bản đầu tiên của Scott Fitzgerald. Nếu bà bằng lòng bán, tôi sẽ mua với giá tiền bằng tổng số các sách khác.

Chàng mà nghe thấy câu này chắc máu khôi hài của chàng sẽ có dịp trỗi dậy cười lớn. Chàng sẽ nói gì nếu giờ đây chàng và tôi thơ thẩn vào một tiệm sách như ngày nào. Cũng có thể sách của chàng không bày bán, nhưng không phải vì chẳng có ai đọc, mà vì họ đã mua hết từ lâu.

Tôi bỗng thấy chàng thực sự ở bên tôi. Kìa, chàng đang vươn vai đứng dậy như một đấu thủ quyền anh vừa lấy lại được sức lực sau cơn mệt nhoài người. Chàng bước tới bên song cửa đưa mắt nhìn ra phía xa với nụ cười mãn nguyện. Chàng đã tìm lại được vị trí của mình. Tôi thoáng nghe chàng nói : Rốt cuộc rồi cũng có ngày hôm nay...

Sa-Đéc, Jan 8, 2015

HÌNH ẢNH MỘT NGƯỜI ĐI
NGUYÊN BẢN TIẾNG ANH BELOVED INFIDEL
CỦA SHEILAH GRAHAM VÀ GEROLD FRANK
BẢN DỊCH CỦA VŨ HÙNG
BÌA DO VŨ DZŨNG TRÌNH BÀY
KHAI HÓA IN LẦN THỨ NHẤT
SAIGON 1973

NHÀ XUẤT BẢN KHAI HÓA
CHỦ TRƯƠNG : CÔ LÊ THỊ NGỌC SƯƠNG
HỘP THƯ 2498 SAIGON
ĐỊA CHỈ 702/22 PHAN THANH GIẢN